

Thư Quán

Bản Thảo

TẠP CHÍ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

● Chủ đề Nhà thơ Lê văn Trung

*đưa em qua khỏi Chùa Cầu
chưa nhìn thấy hết một màu
rêu phong
có người về tự ngàn năm
hỏi con đường nhỏ sợ nhầm
lối xưa....
(LVT)*



● Thơ văn Mùa Giáng Sinh và những sáng tác mới khác



Sống và Viết
Sưu Tập
Tưởng Niệm bạn bè
Tản mạn cổ thi
□Truyện dài Những Tháng
năm Cường Nộ (tiếp)

NĂM THỨ 8 TẬP 34 THÁNG 12 - 2008

...

Trong số này, với sự góp mặt:

- *An Phú Vang*
- *Đoàn Chính Nam*
- *Du Tử Lê*
- *Hải Phương*
- *Khuất Đầu*
- *Lê văn Trung*
- *Ng~*
- *Nguyễn Lệ Uyên*
- *Nguyễn Nam An*
- *Nguyễn Thanh Châu*
- *Nguyễn văn Ngọc*
- *Phạm Cao Hoàng*
- *Phạm Ngọc Lư*
- *Phạm văn Nhân*
- *Trần Mặc Hoa Huyền*
- *Trần Bá Lang*
- *Trần Bang Thạch*
- *Trần Hoài Thư*
- *Trần văn Nam*
- *Tường Phong*

Thư Ấn Quán
P.O Box 58
South Bound Brook, NJ 08880
Email: tranhoaithu@verizon.net



Thư Quán Bản Thảo
TẬP 34, THÁNG 12, NĂM 2008

Sống và viết: *Trần Bang Thạch /5 Trần Hoài Thư 8 Ng~ /11 An Phú Vang / 15/ Nguyễn Thanh Châu /18 Nguyễn văn Ngọc/20.*

Phần chủ đề: Viết về nhà thơ Lê văn Trung

TQBT: Tóm lược tiểu sử /22 • PHẠM NGỌC LƯU: /23 • MANG VIÊN LONG / 24 • TRẦN HOÀI THƯ : /27 • PHẠM VĂN NHÂN /29 • PHẠM CAO HOÀNG :/ 36• NGUYỄN LỆ UYÊN.. /38 • PHAN XUÂN SINH: /42 • MANG VIÊN LONG: / 49 • VIÊN LINH: / 53• TRẦN VĂN NAM: /54

- **Trích:** thơ văn Lê văn Trung/Lê Nam Phương /61

Phần thường xuyên

- Thơ văn Giáng sinh: *Lê văn Trung(thơ) / 102, Trần Bang Thạch / 104, Trần Hoài Thư /112*
- Tản mạn văn học: *Laiquangnam /116*
- Tưởng niệm Nguyễn Phương Loan / 125
- *Thơ văn sáng tác:truyện: Nguyễn Lệ Uyên/131 thơ: Du Tử Lê /145 Tường Phong /147 Hải Phương /150 Trần Bá Lang /151 Viêm Tịnh /153 Nguyễn Nam An /154 Trần Yên Hòa /156 Đoàn Chính Nam /157 Trầm Mặc Hoa Huyền /158*
- *Truyện Dài của Khuất Đẩu/160*
- Phần Suu Tập : thơ Tô Thùy Yên /188, nhận định văn học của Ngô Tấn Thiện /190***

Giới thiệu sách (209)

Giữa TQBT và bạn đọc/213

Tranh bìa: Hồ Thành Đức, Thân Trọng Minh

Tranh trang ruột: Thân Trọng Minh

Chủ trương biên tập: THT

E Mail: tranhoaitu@verizon.net

Thư Tòa Soạn

Như đã loan báo trong số báo trước, bắt đầu từ số này tạp chí TQBT sẽ "gồng mình" phát hành hai tháng một kỳ thay vì ba tháng như tám năm qua để xứng đáng với lòng thương mến và tin cậy của bạn đọc trong và ngoài nước.

Số 34 kỳ này có chủ đề về nhà thơ Lê Văn Trung. Một nhà thơ lớn lên trong cuộc chiến, đã có thơ đi trên nhiều tạp chí văn học lớn của Sài Gòn năm xưa. Sau 1975, anh và gia đình rời quê nhà miền Trung phiêu dạt về vùng đất trích kinh tế mới thuộc tỉnh Đồng Nai đến tận bây giờ.

Đối với TQBT, đây là một niềm hãnh diện như chúng tôi đã từng làm cho Vũ Hữu Định, Nguyễn Bắc Sơn, Trần Dzak Lữ, Từ Thế Mộng trước đây. Trong thời chiến, thể hệ chiến tranh là thể hệ bị thiệt thòi về mọi phương diện, kể cả văn chương. Trong thời bình thì càng bị đắt hơn. Sách vở bị đốt hủy. Kẽ lên rừng xanh, kẽ về biển cả... Kẽ tù tội, người lưu vong... Văn học bây giờ thì dành cho một phía. Vậy thì, không làm cho họ thì làm cho ai đây?

Chủ đề số đến, nếu điều kiện và hoàn cảnh cho phép, là Trường Xưa. Không phải là số dành cho những bài viết có tính cách hoài niệm của những cựu học sinh nhớ lại trường mình, mà trái lại là những trang viết THẬT của thời quần xanh áo trắng. Quý bạn sẽ được dịp thấy lại và đọc lại những đặc san, giai phẩm của một số trường tiêu biểu của miền Nam do chúng tôi sưu tầm được.

Cuối cùng, xin quý bạn nhận từ chúng tôi những lời chúc tốt đẹp nhất về một Mùa Giáng Sinh tươi vui và một Năm mới dương lịch tràn trề hạnh phúc.

Trân trọng.



sống và viết

Trần Bang Thạch

Trần Hoài Thư

NG~

An Phú Vang

Nguyễn Thanh Châu

Nguyễn văn Ngọc

Mùa Thu Đông Bắc và

Mùa Thu Tuổi vàng

Trần Bang Thạch

Tháng trước chúng tôi có dịp đi lên vùng Đông Bắc nước Mỹ. Những ngày này cây cối các nơi ấy đang đi vào Thu. Lá bắt đầu đổi từ xanh sang vàng nhạt, vàng đậm, tím tím hay hung đỏ. Những con đường dưới các gốc cây cũng đầy lá vàng. Trên đầu là tấm lụa vàng rung lung linh trong cơn gió mát rượi. Hình như tôi thấy cả ngọn gió cũng nhuộm sắc vàng. Lá phong như những bàn tay dát vàng vẫy vẫy trên cao. Dưới chân là tấm thảm màu hoàng yến, trộn lẫn với những đốm màu rượu chát. Một ngọn gió nhẹ thổi qua, lá như những cánh bướm vàng bay lượn quần dưới chân. Buổi trưa, nắng vừa đủ để làm sáng thêm màu vàng óng ả, lấp lánh của rừng phong. Buổi chiều, rừng phong nhuốm lạnh để màu vàng có thêm một chút tối và một chút u buồn. Không thể có lời nào để tả hết cái đẹp của nàng Thu Đông Bắc. Nàng cao sang như vương tôn mệnh phụ và trữ tình như người nữ yêu kiều, đắm đắm, hiền dịu của thể gian. Người nhan sắc này có mặt để làm chủ một

góc thiên nhiên và một góc trong trái tim người. Nàng có mặt để được ngắm nhìn và được chiêm ngưỡng. Đứng trong tấm áo lụa vàng, người ta thấy mình cũng là một thứ vương tôn công tử bên dáng ngọc lướt là. Hoàng hoa mỹ tửu chưa uống mà đã chệnh choáng say, hay ta say vì thiên nhiên ướp mặt? Để rồi lúc chiều sắp tắt, khi Người Nhan Sắc phất tay áo ra đi, để lại mùi trầm hương mộng mị, người thơ bỗng thấy từ một chốn nào thơ mình chấp chờn ẩn hiện trên xác lá khô. Thơ bay, hương bay hay lá bay, người thơ không biết. Cũng không biết là Nàng đã bay vút lên trăng hay trăng đang hóa ra Nàng, để đêm thu nhả xuống trần gian muôn ngàn sóng vàng, sóng bạc.

*Có áo lụa vàng rắc lá trên cây
Có mắt ướt theo mưa rót vội
Em có phải chiều qua ngõ tối
Để trăng non bỗng hóa trăng đầy*

*Tôi bỗng thành kẻ giữa cơn say
Nghe lướt thướt mây vờn trên tóc,
Xin hãy chậm chân, người len lối trúc
Để thiên thu còn một thu này.
(Thu, thơ TBT)*

Chỗ chúng tôi đến là Richmond, thủ phủ của tiểu bang Virginia. Người ta biết được Richmond như một nơi mà bốn trăm năm trước (1607) đã đón toán di dân thứ nhì từ Anh Quốc đặt chân đến vùng Đất Mới. Được đặt tên là Richmond vì con sông James nơi này giống như dòng Thames tại thành phố Richmond của quê hương Anh Cát Lợi. Richmond có nhiều cái “nhứt” của nước Mỹ. Sông James cũng là một thắng cảnh của Richmond, là hệ thống kinh đào thứ nhứt của Mỹ quốc. Cũng như bệnh viện của Richmond, hay đài truyền hình của Richmond, và người thống đốc da màu của Richmond là những cái đầu tiên của nước Mỹ. Nhưng đối với tôi thì có thêm một cái nhứt mà sử sách tại đây chưa ghi. Đó là vị giáo sư của phân khoa Xã Hội thuộc Đại Học Commonwealth của Virginia

(VCU). Đại học này có hơn 33 ngàn sinh viên, tọa lạc trên một khu đất mênh mông của Richmond. Tiến sĩ Ellen N. gần 20 năm nay là giáo sư của các Đại Học Xã Hội (School of Social Work), từ Arkansas đến Virginia, là giáo sư đỡ đầu cho hàng trăm luận án tiến sĩ xã hội từ trước đến nay. Bà cũng là giáo sư đỡ đầu (mentor) cho những giáo sư mới về trường giảng dạy. Chúng tôi biết bà qua thằng con trai, vừa về đây giảng dạy. Giáo Sư Ellen N. là tác giả của trên hai mươi bộ sách nghiên cứu, trong đó có nhiều quyển được dùng làm tài liệu giáo khoa và tham khảo tại các đại học toàn nước Mỹ và các quốc gia khác. Sách của Giáo Sư viết về những nghiên cứu tường tận những vấn đề xã hội, văn hóa...liên quan tới các lứa tuổi, đặc biệt là tuổi già, như việc chăm sóc sức khỏe cần bản cho người già, như chương trình cần có tại các địa phương nhằm giải quyết những khó khăn của người cao tuổi, v.v...

Tôi đã có dịp được gặp và đàm đạo với Tiến sĩ Ellen N. về các vấn đề của người cao tuổi. Hơn 2 tiếng đồng hồ bàn bạc về người cao tuổi Mỹ trắng, Mỹ da màu và Người Mỹ gốc Việt... đã cho tôi những bài học thật quý giá; cũng qua trao đổi, người giáo sư từng trải và có kiến thức chuyên môn sâu rộng này đã thêm một lần nữa bổ túc nhận định của mình về người già Á Đông, nhất là người Việt Nam mà Giáo Sư chỉ vừa mới đề tâm nghiên cứu từ vài năm nay. Tôi thấy mình vui khi những góp ý nhỏ nhoi, khiêm tốn của mình được giáo sư ghi nhận.

Tiếc là khuôn khổ của trang bài không cho phép tôi viết thêm về buổi mạn đàm kỳ thú và bổ ích này. Nhưng một cách ngắn gọn, tôi có thể nói rằng: Chúng tôi vô cùng ngạc nhiên và thích thú vì không thể ngờ rằng một giáo sư cư ngụ và giảng dạy tại một nơi khá khép kín như thành phố Richmond này mà đã đề tâm nghiên cứu về lịch sử,

văn hóa và con người Việt Nam từ vài năm nay

XXX

Vợ chồng chúng tôi tiễn Tiến Sĩ Ellen N. ra đến xe đậu ngoài đường. Lá vàng trên không, lá vàng dưới đất. Không hẹn mà chúng tôi cùng ngược lên cái vòng cung vàng như hoàng bào. Rồi chúng tôi cùng nhìn nhau, và mỉm cười. Tôi không biết Giáo Sư nghĩ gì, nhưng tôi nghĩ tới cái màu vàng trên cao, cái màu vàng êm ả, đầm thắm, nhẹ nhàng, không vương bận của Mùa Thu Tuổi Vàng mà chúng tôi đang bước vào.

Richmond, VA., Oct.22-2008

Giác mơ Giáng sinh Trần Hoài Thư

Vậy mà tôi đã xa nhà đến gần 30 năm. Một khoảng thời gian quá dài, để có thể làm chai sạn hồn người. Đã quá quen rồi những ngày trôi qua nhật nguyệt. Đã chai sạn rồi cái tình hoài hương, cho dù nghe bài Tình Hoài Hương của Phạm Duy. Nhìn những phóng sự trên video về quê nhà, sao lòng lại chẳng mấy may rung động. Hình như tôi không còn sống trong thế giới ấy nữa. Có phải nỗi chai sạn này là hậu quả của thời gian?

Nhưng mỗi lần mùa Giáng sinh về, dù ngoài trời thỉnh thoảng dập diu những bông hoa tuyết, dù cái lạnh giá của mùa đông bắt đầu, dù tôi đang ấm êm trong căn nhà có lò sưởi, vậy mà hồn tôi lại như lênh đênh. Có phải những con đường của thời tuổi trẻ trong đêm Giáng sinh hay tiếng chuông nhà thờ lạnh lạnh ngân nga, hay những

người con gái dập diu xuống phố ?. Không. Tôi không có những thứ đó. Thời tuổi trẻ của tôi là chiến tranh, là tiền đồn, là ở những nơi rất gần sao mà cũng rất gần huyết địa. Lạnh thì chỉ biết trùm poncho. Có khi buồn quá, trùm poncho, phủ thêm cái mền dạ ở ngoài, bật đèn pin quân đội và viết. Viết chẳng cần suy nghĩ, Viết để quên buồn. Viết bằng hơi thở của mình.

Thời tuổi trẻ, giáng sinh là cảm tạ. Người ta ngưng bắn. Và lính dĩ nhiên được thêm một ngày còn sống.

Sống để chờ đợi hòa bình. Sống để mơ một ngày ngưng tiếng súng, để dẫn em xuống phố, hòa nhập vào giòng người trảy hội, để được uống cốc rượu trong đêm Reveillion, để nghe thánh ca chúc tụng...

Nhưng tiếng súng thì ngưng, mà giấc mơ thì chẳng bao giờ có thật.

2.

Ngày giáng sinh tôi trở lại Núi Trầu

Bè tràn qua sông dưới đôi Núi Sọ

Con kênh Nhà chung dẫn từ Núi Trầu vào rừng tràn dài khoảng 10 cây số. Tháng 12, mưa lũ, và giòng kênh nước ngập bờ. Buổi sáng, nước chảy rừ rừ ra sông lớn. Buổi chiều nước chảy ngược. Cuồn cuộn.

Chính vì nước chảy ngược nên người tù càng cực khổ hơn bao giờ. Bởi vì, không thể vác cả 5 cây tràm như cột nhà mà lội bộ. Phải bè. Nước ngược làm bè tràn như con thú ngỗ nghịch, bất kham, khó điều khiển. Và nhất là trước khi đạt bờ, phải vượt qua giòng sông Hà Tiên. Sông rộng mênh mông, không dò không thuyền, lũ tù phải vừa đẩy bè gỗ vừa bơi. Hơi thở như hụt. Hai chân như quì, hay tay như rã.

Khi ấy nhìn về phía cuối trời, thấy chiếc thập tự nhỏ nhoi hiện giữa nền trời rắng đỏ hoàng hôn, tôi có ý nghĩ là Chúa ở rất xa, rất cao, một cõi nào đó. Không cúi xuống những phận đời đen tối. Những lời khấn cầu từ một trái tim hào hên chỉ có tôi nghe. Những lần ngã quỵ, chỉ có tôi vực tôi dậy, để tiếp tục kéo món nợ của lịch sử... Xin phép cho tôi được quyền nghi ngờ tôn giáo...

Đêm đó, trên nền nhà của ngôi trường đạo, anh em chúng tôi cũng quay quần bên nhau để vui mừng Giáng sinh. Chúng tôi cùng uống nước nhấm lỏng để thay trà, và chia nhau bình thuốc Lào hay miếng đường thẻ. Trong khi ngoài đêm, tiếng la hét của tay cai tù say rượu đi nhậu về, làm kinh động cả một khu xóm đạo gài then kín cửa.

Bỗng nhiên, có một bóng hình xuất hiện. Một nữ tu. Nàng mang theo một thau đồ ăn, rồi hỏi hỏi nói:

"Mẹ Bề Trên bảo tôi mang cho anh em ít đồ ăn, xin anh em nhận để Mẹ vui".

Sau đó nàng rút mau, biến mất trong bóng tối.

Có phải đó là phép lạ ? Bởi vì nếu không có con tim của Chúa, Phật trong con tim của người thì chắc gì chúng tôi nhận được tặng vật ? Trái lại là những căm thù cuồng tín mà những người thắng trận đã dành cho chúng tôi. Hả hê hê hê.

3.

Vậy mà tôi xa nhà gần ba mươi năm. Mỗi lần giáng sinh về, là lòng tôi lại bồi hồi nhớ lại cái bóng hình của người nữ tu năm cũ. Nó như giấc mơ, như một điều gì rất xa vời nhưng rất gần gũi. Tôi không thể chụp bắt nó, nhưng nó vẫn sống trong hồn mình.

Ba mươi năm đã làm thay đổi tất cả, từ ngoại cảnh đến lòng người. Như vậy tôi còn gì ở đó. Mắt tôi đã mờ rồi. Mọi thứ đều như một giấc chiêm bao. Thì hãy cho tôi mơ. Đôi mắt nào dù không thấy nhưng tôi biết là đẹp lắm. Gương mặt nào khuất chìm trong bóng tối, nhưng tôi biết là quá thánh khiết dịu dàng. Và con tim tôi không nghe nhịp, nhưng tôi hiểu là những âm vang vô lượng của Chúa, Phật đã ca hát trong em, trong mẹ trong chị... Tôi xin giữ như giữ những điều quý báu nhất của một đời người. Để mỗi mùa Giáng sinh trở về, còn chấp tay cảm tạ, ít ra tôi được điểm phúc là được sinh ra và lớn lên tại miền Nam.

Lang Thang... văn nghệ dài ngắn,
Ng~.

1* Cách đây non tháng, vợ sai ra chợ mua giùm toa thuốc trị đau lưng, chóng mặt. Thay vì làm cái công việc vợ sai bảo, tôi lại lang thang vào hiệu sách và vớ được tập “Trần Dần – Thơ” (*) mừng đến “té...” ba chân bốn cẳng chạy u về nhà, toòng teng trên võng giờ từng trang, trịnh trọng đọc với những tình cảm từ lâu tôi dành cho ông, xuất phát từ “Nhất định thắng”: Bài thơ hơn trăm câu, nhưng như một cái tát trời giáng vào mặt những kẻ vô liêm sỉ thời bấy giờ (và mãi sau này nếu cái xã hội toàn trị cứ tiếp tục nhấn răng sống éo ặt mà không biết hổ thẹn với lịch sử, dân tộc). Đọc non 200 trang (*), tôi mới tá hỏa, giật mình suýt té nhào xuống đất, mồ hôi rớt hột đầm dề. Thân tượng một thời của tôi (và nhiều người khác) chỉ trong thoáng chốc bỗng tan thành mây khói. Thất vọng và buồn. Buồn rồi uất. Uất rồi ném quyển sách ra sân không chút hổ thẹn với lương tâm. Không ngờ một Trần Dần đỉnh đạc, cao vọi vọi ngày nào giờ như loại giun đé, với những câu thơ gọi

là lai cảo, chưa xuất hiện trên báo chí. Những câu thơ dơ dáy, dĩ rạc:

*"Như đã nói,
tôi là một cột thịt lực đực.
Tư duy nhất
ở phía
đít*

...
*Thềm thềm một con thịt
Đổi kíp
Cởi xì líp
Thềm thềm
Quý đạo hờ.*

...
*Tôi luôn luôn hay nhìn thịt. Chẳng hạn rặng hàng sáng
nứt đồng ngâm son mặt trời liềm mở nở".
(Thằng thịt)*

Và một bài khác:
*"Trường lẹm
Em ghem tôi bằng ghẹm
Bằng thềm
Bằng cửa ngựa
Em ghem tôi bằng trắng ngựa
Bằng lông
Em hông tôi bằng móng
Bằng âm cụ nụ*

...
*Bằng nụ
Em u u tôi bằng nụ
Vú lút
Tút
Bằng sứt
Tôi ăn âm cụ sứt"
(Thơ)*

Trời ơi, một nhà thơ lớn, được nhiều thế hệ kính trọng bước sang tuổi thất tuần, bát tuần lại nhí nhố như đám tuổi đang dậy thì? Hay là tới tuổi đó, cái danh “lớn” kia khiến các vị trở thành kẻ điên loạn, kiểu Phạm Duy ngày trước viết *Tục ca*? những câu sống sượng trên là thơ? Hay là các cụ dùng tính năng nhục cảm để hăm hiếp thơ, hiếp dân thơ? Hết biết!

2* Từ mấy ông già nổi danh ngày xưa làm thế hệ đi sau thất vọng, bỗng nhớ đến thế hệ đi sau không còn trẻ, đã là **U60** nhưng lại là một hiện tượng; khác xa các ông, nhân cách hơn các ông, xứng đáng hơn các ông, đáng đặt nơi trang trọng hơn các ông: Đó là một Nguyễn Đăng Mừng, một Khuất Đầu. Các anh bắt đầu cầm bút ở tuổi trên dưới 60 và đều gây sửng sốt cho người đọc. Sửng sốt bởi phong cách, sự trong sáng, trách nhiệm với ngòi bút và chữ nghĩa trước người đọc và xã hội. Những vấn đề họ đặt ra trong tác phẩm khiến chúng ta không khỏi đau lòng cho cái gọi là “nhân tình thế thái”. *Những tháng năm cuồng nộ* (đang đăng từng kỳ trên TQBT), đọc từng trang có cảm giác như mình đang sống trong những ngày tháng ngột thở, kinh hoàng. Đó là những tháng năm đen tối, u ám nhất của thời kỳ đầu tổ, cách mạng vô sản bằng búa, bằng câu liêm cùn (Sắp tới anh lại cho ra mắt *Người giữ nhà thờ họ*, vẫn một đề tài: đầu tổ thời bàn cổ công lên nắm vận mệnh đất nước) hay thân phận con người trong *Những con đom đóm* mà Khuất Đầu kêu là *con đĩ rạc*. Con đĩ rạc ấy mưu sinh bằng thân xác vì không còn lối thoát nào khác. Vấn đề anh đặt ra là cho toàn xã hội chứ không riêng một cá nhân như cái cách động cốn của một ông già gần đất xa trời như Trần Dần: *thêm thêm một con thối/đổi kíp/ cời xi líp/thèn thèn/ quỳ đạo hở*. Mới hay, làm người mà sống và viết có nhân cách, nhân bản càng khó thay.

Rồi một Nguyễn Đăng Mừng với *Đôi Ma, Về Làng, Mãi*

hoài chi rứa...với một giọng văn đặc sệt mùi mắm ruốc (xin lỗi các bạn xứ Huế, tôi viết với một ý hướng tích cực, chứ không nhằm báng bổ mắm ruốc, bởi ngay chính tôi cũng yêu nhớ mùi mắm ruốc, hãnh diện vì cái mùi đặc trưng ấy), rất Huế. Nhưng những nhân vật của anh khiến chúng ta ngùi ngùi đến nao lòng.

Tôi tin rằng cả hai viết không phải để trở thành nhà văn, để là hội viên hội nhà văn mà, trước hết là bày tỏ thái độ, trách nhiệm với bản thân mình, với cộng đồng. Hoan hô.

3* Lang thang kỳ trước, tôi có nhắc đến vụ án cụ Phan Thanh Giản nhân chuyện rong chơi với bạn bè về Bến Tre. Nay thì các nhà sử học nhìn lại và đặt cụ ngay ngắn trên bệ thờ, cũng như cái nhà nước toàn trị này đang hội thảo về vai trò nhà Nguyễn trên hơn thế kỷ trị nước chấn dân, mà trước đó hàng ngàn tấn nguyên nhiên liệu, dưới sự điều khiển của *Mô nước* cứ sa sả lôi ra toàn những tội là tội chụp lên đầu các vị vua quan! Coi lại, trong thân thể con người, cái đáng sợ không phải là chân tay, mắt mũi mà là cái lưỡi. Bởi vì nó không xương, có thể lật lên trở xuống lẹ qua đây lại tùy hứng. Cai trị đất nước mà tùy hứng, viết sử mà tùy hứng khác nào mấy đứa con nít chơi trò u mọi rồi ăn gian khóc la, rồi huề rồi cười...Bên Tàu, xưa có ông sử quan viết mấy dòng khiến vua không hài lòng kêu sửa lại, quan không chịu, vua ra lệnh chém đầu, máu phun thành vòi cao ngất như rồng bay. Đến sử quan con lên, vua kêu viết theo ý, sử quan con kêu muốn vậy bệ hạ cứ viết cần gì tới hạ thân! Hồi đó chưa có xứ Cờ Huế, chưa có từ O.K nên phép tắc định rõ, vua cũng đành *bó tay.com*. Còn nay ở các xứ xô-viết-nít, nhuộm trần màu *dáo mác* nên chi chuyện xiếc bay lên, lộn xuống là điều không thể thiếu trong rạp xiếc! Nhưng đó là loại võ phu trị chính tà trị, chớ sao mấy ông trí thức thi sĩ lại bày trò lố lăng tự bôi bẩn mình? Gần kết thúc bài viết rồi mà vẫn còn ầm ứ vì những câu thơ tí tởn, động cựa gia súc, gia

cầm:

“Tôi thích những cái tòi tòi tí quần lót thịt nịt ngủ tí sẹo
đền hàn hạt tí câu - đổ - bé – tí chẳng hạn jì jíc phở sẹo
mưa mùn phùn tí nữ bộ hành joạc đui ươn ướt tí...”

(Tựa Jờ joạcx)

Trần Dần ơi là Trần Dần !!!

4* Ông bạn quý mến THT @ tới, nguyên văn: Hom qua,
ong ban doc gia goi dien thoai toi (...) bai viet NG~
qua xa. Ong noi rat vui khi thay bai viet cua ban tro
lai (cu nghi la ban bo but roi). Toi cung vui lay.

Kính thưa ông bạn độc giả TQBT kính mến, đầu là rất
cảm ơn những lời động viên của ông, đuôi là xin thưa
thêm: sở dĩ bỏ cả kê là do áp lực bà chị và vợ.. Khốn nỗi
“*dù ai cầm dao dọa giết*” cái miệng tôi không chịu yên,
bèn đánh lừa chị và vợ bỏ cái *cà kê*... thay vào đó là lang
thang. Lang thang dễ chịu hơn, là bản chất “thiên mã thiên
di” của tôi, dễ chấp nhận. Thấy tiêu đề *lang thang* mấy bà
cười tít mắt kêu: dễ dạy chó đâu có ngờ. Chuyện này tôi
học được từ các hạ quan đến thượng quan đến hoàng đế
xứ xô-viết đấy. Đừng tin những gì thằng Ng~. nói mà hãy
nhìn những gì thằng Ng~. làm, kính thưa ông bạn độc giả
kính mến.

(*) Trần Dần – Thơ, nxb Đà Nẵng 2008

Chị “Hai” An Phú Vang

Tôi gọi chị là chị “hai” vì tôi không có chị. Ngày đó chị
còn trẻ, rất trẻ; chắc đâu cũng mười tám, mười chín như
tôi, những đứa em chị tình cờ gặp trong những ngày tháng

tư bên này cầu Cỏ May.

Mới ngày trước tụi tôi còn đánh bên Phước Tuy; còn “đội” pháo, còn tập bi... Ngày sau bỏ phỏ lui về bên này cầu; giữ đường và chờ đơn vị bạn trở về. Bùn đất còn dính đầy trên bộ đồ nguy trang sau lần qua sông. Chuyển đi không man mác trầm hùng như: “Đò ghen đoàn quân xa cứu viện...” mà đầy bất trắc và uất hận! Thằng bạn thân, học cùng trường trung học, tay truyền tin của đại đội bị chìm gần chết. Qua đến bờ, hai thằng ướt nhẹp, tìm súng, tìm máy móc, ngồi với đơn vị, với thiết vận xa và chờ...Tôi nhìn lại Phước Tuy. Tuần trước, sau ngày về từ Xuân Lộc, Ngân Hàng Quốc Gia Việt Nam từ Sài Gòn ra mở tiệc khao quân. Trường trung học Châu Văn Tiếp, thành phố, cầu Long Hương và tháp nước đầy chim bồ câu đã nặng nề lo âu nhưng chưa đến nổi đồ nát, tàn tệt như hai ngày qua, sau những trận đại pháo của giặc.

Khói còn bốc cao trong kia. Bên ngoài dân chạy loạn; bằng xe, bằng chân, bằng xe gắn máy. Người con gái chạy chiếc Honda, chở phía sau người bị thương, cánh tay muốn đứt rời. Người chạy xe lo sợ thất thần, cố gắng vượt cầu Cỏ May để đưa người thân đến nơi an toàn, Vũng Tàu phía trước. Nơi đây, đường từ Phước Tuy ra, trong lòng cầu, người chết, bị thương với đồ đạc ngổn ngang. Thiết Vận Xa M113 phải lách, phải tránh chật vật mới khỏi đụng người bị thương, kẻ đã chết trong lúc đạn pháo kích tiếp tục rớt.

Mới ngày trước còn gặp bà cụ miền Nam và hai cô con gái mang bánh trái ra cho ngoài chợ Mới sau một đêm đơn vị trắng mắt lòng Bắc quân.

“Mấy con ăn chút trái cây...”

Giọng bà mẹ. Cả trung đội 2 hơn hai chục thằng bố trí dọc con đường gần hậu cứ một đơn vị Công Binh, nhìn người đàn bà với hai cô gái bung cái mâm đồng có thơm, có dưa hấu cắt sẵn. Tụi tôi cảm động không nói nên lời. Một hai thằng rồi cả đám dỡ nón sắt ra...

“Má không chạy sao?... Má cho con vài miếng...”

Tôi thẳng nói “giọng Trung trọng trọng” cũng xơ rở chạy đến xin chút trái cây; nói gì bà cụ không hiểu. Chẳng đứa nào biết được tên của người mẹ tốt bụng và hai cô con gái. Hôm sau phố còn giữ được nhưng lệnh lạc tùm lum. Đơn vị gom lại bên kia cầu Cỏ May. Gặp chị, chị “hai”, người đã nuôi lính những ngày ở đó.

Chị nấu nồi cơm thật to, ra đứng trước cửa ngoắc lính vào cho ăn. Trung đội, dừng lại. Đứa nào vào trước còn có chén. Chậm chân, nhà chị đâu còn đủ đồ đựng cơm, nên tôi bắt chước những thằng khác, kiếm lá chuối làm chén dã chiến. Cơm không mà ăn ngon lành. Vì đói. Chắc chắn vậy. Từ khuya qua có thằng nào được miếng cơm dầu là lương khô, gạo sấy. Nhưng nhìn chị sốt sắng tiếp tế cho lính và dân vừa mới qua khỏi cầu Cỏ May mà cảm động. Nên tụi nó nhớ như tôi nhớ đến giờ. Trung đội lại được lệnh nằm quanh khu vườn chuối khu vực nhà chị cùng với thiết giáp. Có đứa hỏi sao chị không đi. Đi đâu? Biết đâu mà đi. Xuống tới Vũng Tàu là hết đất! Tiểu đoàn còn nán lại đây để chờ đơn vị bạn về. Đại đội 91 còn kẹt bên kia sông.

Tối đó lại đụng nặng. Trên trời Hỏa Long yểm trợ, dưới hỏa lực thiết giáp. Mà đạn lại hướng về phía căn nhà chị ở, bên phải đường quốc lộ. Tụi nó qua sông tìm cách đánh đặc công từ hướng đó. Có mấy thằng trong trung đội la lên, đừng bắn về nhà chị khi cả bọn nhảy khỏi M113 xuống đường dàn tuyến phòng thủ. Qua thêm một đêm. Sáng mai, tụi tôi thấy chị quang gánh, một đầu đứa con còn nhỏ, đầu kia ít đồ lật đặt lên quốc lộ đi về hướng Vũng Tàu. Không thể không đi được trong hoàn cảnh chị vừa trải qua giữa tuyến hai bên đêm đụng trận. Cũng may chị và đứa con nhỏ không hề gì.

Từ đó không biết chị “hai” về đâu buổi sáng 30 tháng tư lúc chị gánh con đại vội vã băng qua tuyến đại đội để di tản. Chỉ hy vọng chị được bình yên đâu đó chị “hai”.

Người mẹ miền Nam bên kia chợ mới Phước Tuy biết có chạy được. Ở đâu cũng mong má còn sống cho qua khúc ngặt của đất nước.

Đơn vị về Vũng Tàu chiều ngày cuối của tháng tư năm 1975. Thất lạc hết chị ‘hai’. Kể cả chị./.

GIAO THỪA TRONG RỪNG TỪ UÔNG RƯỢU

Nguyễn Thanh Châu

Xúm xít ngồi quanh bếp lửa
Kể đau mấy nổi nắng mưa
Giao thừa đến không pháo nổ
Rừng buông tiếng thú sững sờ
Vương vất đầu nhanh lan đại
Đưa ngai ngái làn hương xưa...

Ta chắt chia nhau miếng rượu
Đổi từ sóc thượng sớm nay
Ấm người qua hồi cơ khổ
Ấm đời nhau bước đi dày
Năm năm trong cơn sốt đỏ
Lòng ta. Lòng ta ta hay.

Này ông bạn già lụ khụ
Hùng tâm tráng khí để đâu ?
Ơi bạn tóc xanh kia nữa
Bao nhiêu hận lớn vui sâu !
Cùng ta ngắm từng giọt khổ
May khi giải chút niềm sầu.

Bạn kể đời trong binh nghiệp

Tử sinh kẻ tóc đường tơ
Còn anh sợi tình oan nghiệt
Thương ai chín đợi mười chờ
Thương em hòn vọng phu kiếp
Đuối đeo mãi suốt thiên thu !

Riêng ta nhớ quê dằng dặc
Lũ lụt rồi hạn hán luôn
Năm năm sống mòn tù rạc
Đất trời dường cũng bất an
Ruộng hoang, từ đường nhang lạnh
Người đâu lê lét miếng ăn...

Người thân dập dềnh sóng biển
Cái chết trắng đến lạnh lùng
Đêm ngóng lên sao chiếu mệnh
Rụng về đâu những sinh linh
Âm âm lũ ngàn thác đổ
Chạnh lòng ta mỗi hư sinh.

Ngồi đây nửa mê nửa tỉnh
Rừng treo nỗi chết từng giờ
Bao lâu rồi không biết tết
Khuya nay uống rượu nào say
Hằng đợi điều chi sẽ đến
Lạ thường hơn những giấc mơ...

1979

Qua sông
Nguyễn Văn Ngọc

mùa mưa, nước cuộn giòng sông Bé
những sớm mai rừng đầy sương lam
tù từng nhóm co ro, lặng lẽ
dắt diu nhau tìm cách qua sông.

xưa vượt sông theo bài chiến thuật
có xuống, phao, dây cáp, ba-lô
có poncho gói làm trái nôi
nay vượt sông bằng khúc củi khô.

xưa vượt sông hành quân lòng địch
có lương khô, gạo sấy no lòng
nay vượt sông chặt tre, đốn gỗ
bụng trống trơ mấy lát khoai sùng.

xưa vượt sông quân ta, quân bạn
có máy bay yểm trợ trên đầu
nay vượt sông mưa mù, gió loạn
tù loi ngoi, ngụp lặn giòng sâu.

xưa vượt sông đi ngang làng, xóm
có nụ cười cô hàng cà-phê
nay vượt sông chỉ rừng vô tận
và bạn tù tôi tớ, thảm thê.

(7 Aug 2008)

Chủ đề: Thơ văn Lê văn Trung

• Phạm Ngọc Lư (VN) • Phạm Cao Hoàng (HK) •
Nguyễn Lệ Uyên (VN) • Phan Xuân Sinh (HK) • Trần
Hoài Thư (HK) • Phạm văn Nhân (HK) • Mang Viên
Long (VN) • Trần văn Nam (HK) • Viên Linh (HK)



Tiểu sử

- Lê Văn Trung là tên thật. Sinh năm 1947 tại Quảng Nam
- Năm 1969 tốt nghiệp Sư Phạm/ Qui Nhơn. Dạy học tại Quảng Ngãi.
- Sau tháng 4-1975, anh đã trải qua những năm tháng tù tội và sau đó, là những năm "cuộc đất dọn cỏ" trên vùng đất kinh tế mới ở Xuân Đông, Xuân Lộc, Đồng Nai mà anh gọi là "đất trích" cho đến ngày hôm nay.(25 năm),. Theo sự mô tả của một số bạn bè đến thăm, thì nó là vùng đất "hẻo lánh, thôn dã, thô lậu"..
- Về lãnh vực văn chương, trước 1975 có thơ thường xuyên đi trên Bách Khoa. Khởi Hành, Văn, Ý Thức, Thời Tập, Thời Nay
- Tập thơ đầu tay của anh : "Cát Bụi Phận Người" theo lời anh tâm sự, "sau nhiều gian nan và truân chuyên" mới được phép xuất bản vào năm 2006.
- Tác phẩm mới nhất của anh là trường thi Tĩnh Khúc, dưới dạng bản thảo được hoàn thành chỉ trong vòng hai tháng khi anh từ Đồng Nai về thăm quê nhà..

Ngoài thơ, anh còn viết truyện ngắn dưới bút hiệu Lê Nam Phương. (TQBT đã đăng một truyện ngắn nhan đề "Gọi tên người Yêu dấu" trong số 32 và "Bên ngoài khung cửa sổ" trong số này).

(Trần Hoài Thư & Phạm văn Nhân sưu tầm và đúc kết)

PHẠM NGỌC LƯU

Cuộc đất mà chơi

tặng Hạ Đình Thao & Lê Văn Trung

Giao vườn nộp ruộng lìa quê
Ra đi như thể trời thuê đi đây
Thân không dung nổi đất này
Lan man chỉ chuyện khói mây phương trời
Mấy năm đời đời - đời đời
Râu cùn mây cụt tả tơi chí tàn
Thú cầm biết giữ ổ hang
Cớ sao ta phải bỏ làng mất quê ?
Bao năm bầm bụng không về
Vườn xưa ruộng cũ cứ nghe mọc nhà...

Người xưa “*thiên hạ vi gia*”
Nay thiên hạ bỏ mặc ta lưu đây
Ngâm câu *vận khứ... thời lai*
Nghe đau lưỡi cuộc đang mài mòn hôi
Quê người cuộc đất mà chơi
Cơ hồ đang cuộc ruộng trời trồng mây !

7 - 2007

MANG VIÊN LONG

GẶP LẠI LÊ VĂN TRUNG



Nhà thơ Lê văn Trung (trái) và nhà văn Mang Viên Long (phải)

Năm 1968 –đang dạy học ở Tuy Hòa, về Quy Nhơn thăm nhà- tôi gặp Lê Văn Trung lần đầu. Năm ấy Lê Văn Trung đang học ở Trường SP Quy Nhơn, cùng khóa với Phạm Cao Hoàng. Ở Quy Nhơn bộ ba PCH, LVT và Phạm Văn Nhân thường gặp nhau – lang thang và cà phê...

Lê Văn Trung ra trường, về dạy ở Quảng Ngãi, vào niên khóa 1969 – 1970. Thời gian ở Quảng Ngãi, LVT có sinh hoạt với nhóm *Trước Mặt*, cùng với Phan Nhựt Thức, Hà Nguyên Thạch, Vương Thanh (...) Tôi nghe PCH báo tin, LVT cưới vợ ở Quảng Ngãi (là một đồng nghiệp – khóa 8 – chị Nguyễn Thị Hiệp, người Huế). Sau đó, hình như LVT xin chuyển đổi về Huế - quê vợ!

Từ dạo ấy trở đi, thỉnh thoảng tôi có đọc thơ LVT trên vài Tạp chí, tuần báo – nhưng không “*có duyên*” gặp lại. Tính từ 1968 đến lần gặp gần đây – tháng 10.2006 – gần 40 năm! Bốn mươi năm – thời gian đủ dài cho một đời người héo mòn vì nỗi gian truân...

Từ Quy Nhơn, LVT phone báo tin là sẽ ghé thăm tôi. Tôi có hướng dẫn rõ số nhà, đường, để T tìm đến. Nhưng đợi mãi, mới nghe T. phone cho biết đang đứng ở đường Q.T. Tôi lấy xe chạy vòng qua Q.T, rà xe chậm, nhìn ngó hai

bên đường, nhưng chẳng thấy có “*chàng trai xa lạ*” nào đứng lơ ngơ dọc đường cả !

Cuối cùng, tôi dừng xe, định hỏi “*ông già*” đứng bên cây hoa sữa – thì ra “*ông ấy*” là người tôi đang tìm ! LVT trong trí nhớ của tôi khác hẳn “*ông già*” gầy ốm, râu rườm rà, đầu tóc hơi hói, điện thoại đeo nơi thắt lưng!

Gặp nhau. Nhận ra nhau. Vừa mừng vừa tủi . Tôi chờ LVT về nhà chơi. Có lẽ nhìn thấy “*cửa hàng sửa khóa , làm chìa*” độ nhật của tôi nằm gọn một góc nhỏ trước hiên nhà, LVT có vẻ lo lắng: “*Ông làm vậy đủ sống không?*”. Tôi cười : “*Minh tự biết đủ, là đủ. Lỡ thời rồi, biết làm gì hơn?*”.

Tôi chế trà ra tách (đã pha sẵn chờ từ lúc nhận được phone lần đầu). LVT cho biết trước khi về Quy Nhơn, rồi lên đây thăm tôi – anh đã ghé Tuy Hòa thăm anh Trần Huệ Ân, Nguyễn Lệ Uyên hôm qua ! Từ Saigon về Trung, anh đã ghé lại vài nơi, để “*phát hành*” tập thơ mới in (Tập “*Cát Bụi Phận Người*” – Nhà XB Văn Nghệ - 2006).

LVT mở xách tay, lấy ra tập thơ – và viết tặng tôi một tập. Anh bảo, nhờ bạn bè động viên, giúp đỡ, sau bao năm im lặng nay mới in được!

Tôi hỏi ngay vài thông tin “*ban đầu*” về bạn :

-Cậu có mấy cháu rồi?

-Bốn. Đã làm sui hai, còn hai đứa...

-Hiện vẫn sống cạnh với vợ chồng cậu chứ?

-Chúng đã trưởng thành, đang sống và làm việc ở Saigon...

-Còn vợ chồng cậu ?

-Tụi mình, sau 75 di tản vào Saigon- rồi “*tự do đi cuộc đất trồng mĩ*” rất nhiều nơi – cuối cùng cư ngụ tại Đồng Nai, vùng kinh tế mới... (Láng Me / Xuân Đông / Cẩm Mỹ / Đồng Nai).

Tôi thu dọn “*đồ nghề*” vào tủ - khóa cửa, đưa LVT đi một vòng phố chợ thị trấn cho biết. Thị trấn nhỏ. Lặng lẽ. Nhưng tôi muốn T biết thêm về nơi tôi đã, đang sống. T.

cho biết, lúc học ở SP Quy Nhơn, có lên đây vài lần. Tôi đưa LVT đến thăm lại Nhà Thơ Đặng Tấn Tới...

Chúng tôi ghé vào quán Café Noir ở trong hẻm đường Trần Phú, để vừa nhâm nhi từng cụm café sum họp, vừa trò chuyện cho thỏa.

Tôi gọi thêm hai người bạn thơ trẻ của BD là PVP và LBD cùng đến – cho thêm ấm cúng. LVT lại mở xách tay, lấy tập thơ ra để tặng hai người bạn Thơ mới gặp. Tôi nghĩ, có lẽ - đây là phút giây an ủi nhất của người cầm bút. Được chia sẻ nỗi niềm, tâm sự với bạn bè...

Lê Văn Trung thổ lộ :

-Tôi còn hai tập bản thảo Thơ (là tập “*Quê Nhà Muôn Dặm*” và “*Nguyệt Khúc*”) và một tập truyện ngắn...

Uống một ngụm nhỏ café – rít một hơi thuốc dài – nhìn LVT, tôi hỏi :

-Nghe nói có thời gian cậu bị vào ngồi trong tù – đúng không?

LVT bày tỏ:

-Minh viết chẳng có gì đụng chạm ai, song cũng có đôi lần bị tù chơi – nhưng rồi cũng qua...

-Lúc này, cậu có mơ ước gì chẳng?. Tôi hỏi.

-LVT tâm sự:

-Suốt cuộc đời tôi chẳng có nguyện vọng gì to tát, chỉ mong được viết và được phổ biến tác phẩm của mình...

Buổi chiều, tôi đưa LVT ra bến xe buýt đầu phố để anh đón xe về lại Quy Nhơn thăm bạn – sáng mai lại tiếp tục đi Quảng Ngãi...

LVT cho biết: “Về lại Saigon, tôi sẽ tổ chức buổi ra mắt , phát hành tập thơ. Ông viết cho đôi điều về “*Cát Bụi Phận Người*” nhé !”

-OK !

Quê nhà, th.11.2008

Trần Hoài Thu

Tình không, không cửa....

Căn nhà Khu Sáu. Không phải là nhà, mà là cái chái – có lẽ chủ nhà cất thêm để cho thuê. Chăng giường. Chăng tủ. Chỉ là cái chiếu trải trên nền xi măng. Và những thùng mì gói, bao gạo trắng, bát chén nồi niêu vất bừa bãi, Nó cũng là nơi có Lê văn Ngăn, Thái Ngọc San, Mùng Mán, Lê văn Trung, Nguyễn văn Ngọc (em PVN), Phạm Cao Hoàng, Nguyễn Huy Hoàng ghé qua hay trụ trì. Nó cũng là nơi để hai thằng lính là tôi và Phạm văn Nhân (Thỉnh thoảng có Nguyễn Phương Loan) trở lại khi được dưỡng quân hay "dù" về phố. Những đêm trăng sáng, từ phòng nhìn về phía Ghềnh Ráng, thấy vàng trắng mà nhớ đến những vằn thơ tím máu và tím trắng của Hàn Mặc Tử. Có khi biển động, tiếng sóng ầm vang gào thét vọng về. Có lẫn cả tiếng phi cơ gào xé từ phi trường gần đây. Đó là một nơi mà cánh cửa mở ra suốt ngày, gạo nước mắm, xì dầu lúc nào cũng có sẵn. La cà suốt ngày, đói trở về ăn thân. Đêm đêm không chỗ ngủ, tìm về nằm giữa lũ bạn xếp lớp. Nó đã được thuê với giá rẻ mạt vì nghe đâu căn nhà chánh có kẻ thất cổ tự tử.

oOo

Không biết ai đã viết lên vách nhà hai câu thơ bằng than:

*Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều*

để mỗi lần buồn cứ đọc lên mà thấm thía hoàn cảnh của

một tên lính trở về từ vùng đất chết. Tuổi trẻ của chúng tôi buồn như thế đó. Ai mà biết. Chẳng có người yêu. Bởi ai cũng sợ trở thành góa phụ. Về phố, mang nỗi buồn cùng với chuyến xe lam qua trường Sư phạm Qui Nhơn hay tiêu đời vào mây ả giang hồ như câu thơ của Nguyễn Bắc Sơn: *Mai ta đừng trận may còn sống/Về ghé Sông Mao phá phách chơi/Tiêu nốt nỗi sầu cùng gái điểm...* Có khi, thấy bóng người nào mà ngóng theo, ngóng mãi như tháp cổ nghìn năm. Có những ngày bị thương nằm trong quân y viện Qui Nhơn, khung cửa kính mở ra có thể thấy biển, không thân nhân, không người tình, suốt ngày nghe sóng biển vọng về, và âm thanh tí tách của những giọt nước biển hồi sinh, lúc ấy ước ao đến điên cuồng một giọt lệ của ai thương tâm nhỏ xuống vàng trán sốt, nhưng cuối cùng chỉ thấy bên ngoài khung cửa quân y viện, những đám mây trắng trôi qua trên biển chiều...Lúc ấy mới thấm thía được ý nghĩa của hai câu thơ trên vách.

oOo

Sau này, nhờ việc sưu tập cho Bộ sách di sản văn chương miền Nam, tôi có dịp được đọc lại những bài thơ của bạn bè xưa. Và quả thật không ngờ, tôi tìm được xuất xứ hai câu thơ trên, với tên tác giả trên một số báo Bách Khoa. Thì ra tác giả là Lê văn Trung, người bạn của một thời Khu Sáu cũ.

Năm 2006, anh có nhờ người chuyển tập thơ đầu tay **Cát Bụi Phận Người** đến tôi. Mới biết là anh có đăng lại mấy câu thơ cũ, nhưng chỉ 4 câu đầu với một tựa đề khác. Có lẽ anh chỉ nhớ bấy nhiêu.

Mừng lắm, nhưng tập thơ đã được phát hành rồi. Bây giờ nghe nói là anh đang cố sưu tầm những bài thơ của một thời để in lại, chúng tôi xin chép lại để gởi về anh trọn bài như là tấm lòng của anh em ở căn nhà khu Sáu của một thời xưa cũ.

Ngày xa

Thơ Lê văn Trung

Em nào hiểu giữa cơn say
Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa
Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều
Sẽ tan vào cõi tịch liêu
Một đời cát bụi cuốn triều bão giông
Ta là bóng của hư không
Tình em là neo vô cùng khói sương
Em nào hiểu giữa tai ương
Ta như mây gió trên đường chim bay
Bù em một cốc sầu đầy
Uống cho ta thấy một ngày đã xa.
(tạp chí Bách Khoa, 1970)

Phạm văn Nhân

Hai câu thơ viết trên vách (viết về nhà thơ Lê Văn Trung)

*Tình không, không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều.*

Tuần lễ vừa rồi, hình như vào ngày 14 tháng 10 (không nhớ rõ) tôi gọi điện thoại thăm vợ chồng anh Trần Hoài

Thư khi tôi đang ở Houston 12 ngày. Anh bạn Trần Hoài Thư đề nghị với tôi số 34 kỳ này làm số chủ đề về nhà thơ Lê Văn Trung. Tôi không do dự chi cả, và nói ngay với anh Thư: đồng ý.

Lê Văn Trung, nhà thơ cùng thế hệ chúng tôi, có những suy tư như chúng tôi, có cái nhìn về một tương lai đầy bi quan trong cuộc sống của thời chiến tranh năm xưa; dù anh nhỏ hơn chúng tôi lại không phải là quân nhân như tôi với anh Trần Hoài Thư. Nhưng, với lớp trẻ chúng tôi năm ấy dù ở đâu, cũng đều có chung một đáp số. Có làm việc gì chẳng nữa, rồi cũng vào quân trường và ra chiến trường.

Trong bài viết của nhà thơ Phạm Cao Hoàng về LVT, hai anh(PCH và LVT) lo cho chúng tôi là phải; vì chiến trường Bình Định như thế nào chắc ai cũng biết. Và, với LVT, lúc nào cũng trầm ngâm, ít nói. Cùng lắm là chỉ nói vài câu với giọng rất Quảng Nam (Đà Nẵng). Ngoài ra Trung rất chừng chặc và đứng đắn trong lối ăn mặc với cái nhìn của tôi về một người thầy trong tương lai. Lúc ấy, quen anh, khi anh còn là một giáo sinh Sư Phạm cùng khóa với Phạm Cao Hoàng. Quen nhau như thế nào, lúc nào, ở đâu thật khó nhớ cái mốc thời gian năm ấy. Nhưng lạ, cái tình bạn thân nhau chưa một lần “xích mích” và biết “tôn trọng” nhau, giữ mãi cho đến hôm nay, dù có “luân lạc” trong cuộc sống sau tháng tư năm 1975.

Năm 1969 tôi rời khỏi Bình Định. Phạm Cao Hoàng và Lê Văn Trung cũng ra trường mỗi người đi mỗi nơi. Tôi nhớ: Phạm Cao Hoàng về Bình Thuận. Lê Văn Trung về Quảng Ngãi. Trần Hoài Thư sau đó cũng rời khỏi Bình Định về Ban Mê Thuột và vào Nam. Căn nhà, có quá nhiều kỷ niệm ở cuối đường Nguyễn Thái Học, khu sáu năm nào, cũng chẳng biết ra sao. Nhà của chủ trả lại cho chủ. Chỉ còn những kỷ niệm khó quên của một thời gian khó quên của tuổi trẻ chúng tôi, còn giữ lại. Hôm nay viết về Lê Văn Trung trong số chủ đề về anh, tôi lại nhớ đến những

người bạn thân năm nào đã đến chơi hay ở lại vài hôm trong căn nhà ấy. Những người bạn này có Nguyễn Lê Uyên từ Tuy Hòa ra. Có nhà thơ Hoàng Ngọc Châu từ phố Gia Long (tiệm vàng Phú Xuân) vào. Có nhà thơ Lê Văn Ngăn từ phố Qui Nhơn đến. Có cả Mai Khế, một giáo sinh Sư Phạm cùng khóa với PCH và LVT. Mai Khế chẳng viết lách gì cả, nhưng lại rất “mê” lối sống lang bạt của chúng tôi. Nhất là khoái cuộc sống của anh Trần Hoài Thư, bất cần đời. Giờ chỉ còn lại những kỷ niệm. Giáo sinh Mai Khế ở đâu? Anh Trần Hoài Thư cố tình tìm kiếm, nhưng chẳng thấy. Còn có anh Nguyễn Huy Hoàng, nhà báo, từ Pleiku về trong căn nhà này. Cũng như nhà thơ Nguyễn Phương Loan cũng từ chiến trường Pleime đã về đây. Nay hai anh không còn nữa. Nhắc đến nhà báo Nguyễn Huy Hoàng, anh là người rất đôn hậu, thương mến anh em cầm bút. Anh Nguyễn Huy Hoàng có nhà sách Huy Hoàng nằm trên đường Độc Lập, Nha Trang. Người dân thành phố biển này chắc chắn ai cũng biết nhà sách này. Nơi “hội tụ” của những anh em một thời yêu “văn nghệ, văn gừng” của cái tuổi đôi mươi năm ấy. Căn nhà cuối đường Nguyễn Thái Học ấy là một kỷ niệm đi đi về về của những người bạn, mà hai câu thơ của ai đó đã dùng “cục than hầm” của ông Ba chủ nhà có cái quán nhỏ trước nhà bán tạp hóa viết trên vách:

*“ Tình không không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều”*

Với hai câu thơ này, xem ra nó phù hợp với cuộc sống của chúng tôi. Lính mà, nhất là lính bộ binh nữa làm gì có “cô nào” dám yêu, cho nên “lính bụi và lang bạt” nhất là với anh bạn Trần Hoài Thư, lang bạt, bất cần đời, dù trước khi nhập ngũ anh là một giáo sư dạy toán/công dân ở Tam Kỳ. Hai câu thơ đó của ai? Thôi thì ai cũng được. Có thể là của nhà thơ Hoàng Ngọc Châu? Có thể là của Phạm Cao Hoàng ? Có thể là của Lê Văn Ngăn?...cho dù là của ai, trong căn nhà này, anh em đều thuộc nằm lòng.

Hơn 40 năm sau, tôi mới biết hai câu thơ đó trong bài thơ : **Ngày Xa** của Lê Văn Trung.

Do anh Trần Hoài Thư sưu tầm được trên Bách Khoa cũ. Sau khi sưu tầm được bài thơ này, anh gọi cho tôi và bảo hai câu thơ này nằm trong bài Ngày Xa của LVT. Anh đã đi lại bài này trong tập “ Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, tập I”.Tôi nghe anh nói mà rất vui khi biết chủ nhân của hai câu thơ viết trên vách trong căn nhà có quá nhiều “bừa bãi” của chúng tôi ngày ấy. Bài thơ ấy như sau (đi nguyên văn)

Em nào hiểu giữa cơn say

Ta chiêm bao thấy một ngày rất xa

Tình không không cửa không nhà

Lòng như mây trắng bay qua biển chiều

Sẽ tan vào cõi tịch liêu

Một đời cát bụi cuốn triều bão lên

ta là bóng của hư không

Tình em là nẻo vô cùng khói sương

Em nào hiểu giữa tai ương

Ta như mây gió trên đường chim bay

Bù em một cốc sầu đầy

Uống cho ta thấy một ngày đã xa.

Nhưng trong tập thơ : Cát Bụi Phận Người (2006). Đây là tập thơ đầu tay của Lê Văn Trung xuất bản gửi ra cho chúng tôi. Anh chỉ đi có 4 câu đầu, còn 8 câu sau anh không đi lại? hay có sự “hiệu đính” lại. Và tựa của bài thơ cũng khác: Chiêm Bao.

Năm 1969, Quí Nhơn tôi không trở lại cho mãi đến hôm nay. Nhưng những chuyến xe lam chạy quanh thành phố mà nhà thơ Phạm Cao Hoàng viết lại làm tôi nhớ từng gương mặt của các bạn. Giờ hầu như, qua Thư Quán Bản Thảo anh em cũ đã họp mặt gần đầy đủ.

Dù từ năm ấy, các bạn của tôi đã thuyên chuyển đi các nơi khác (Trong bài viết của Phạm Cao Hoàng). Nhưng, vào năm 1972, tôi về Huế thăm nhà, lại gặp Lê Văn Trung. Anh không còn dạy học ở Quảng Ngãi nữa, anh đổi về Huế. Tôi đến thăm anh với chị Hiệp cùng đứa con gái đầu lòng còn nằm trong nôi. Một bữa nhậu nhỏ nhưng thật ấm cúng không còn ngày nào lang bạt ở Qui Nhơn, do chị Hiệp sửa soạn trên căn phòng của lầu 2 mà anh chị thuê, trên dãy lầu của nhà thờ Phú Cam. Buổi chiều, Huế lạnh. Trước dãy hành lang của dãy lầu hai, những hàng cây trướng cá vẫn đứng im trong cái lạnh của Huế, và tôi cũng chia tay anh để trở lại đơn vị từ ngày đó.

Mãi cho đến cuối năm 1982- sau khi ra khỏi trại cải tạo- tôi về Huế thăm nhà. Mượn chiếc xe đạp cà tang của đứa em, đạp lên hướng nhà thờ Phú Cam, tìm đến dãy lầu mà anh chị đã thuê năm 1972- hy vọng anh chị còn sống nơi đó- Dừng xe nơi gốc cây trướng cá già, nhìn lên dãy lầu mà tôi còn nhớ, ngơ ngác tìm kiếm. Một ông thợ hớt tóc đang hớt tóc, thấy dáng điệu ngơ ngác như muốn tìm kiếm ai, ông hỏi tôi:

- Ông tìm ai trên đó?

- Tôi tìm anh chị Lê Văn Trung.

Nghe tôi nói giọng nam, ông biết tôi ở xa đến. Ông ta kéo tôi ra gần gốc cây trướng cá, nói nhỏ:

- Ông không biết gì sao?

- Không.

- Ảnh đi tù rồi. Ông đi đi, đừng đứng nơi đây nữa.

- Còn vợ anh ấy đâu, cho tôi gặp?

- Đã dọn vào Long Khánh hết rồi.

Nói xong, ông ta đi ngay. Tôi đạp xe về nhà. Trên đường, lòng buồn quá đỗi. Hình như thời buổi ấy, ai nghe nói đi tù ...cũng sợ!

Sau đó, tôi có nghe anh đầu quân vào một công ty xây dựng về Phan Thiết xây dựng một công trình gì đó, rồi sau

đó, công ty lên Lâm Đồng, anh cũng đi theo. Tôi có nghe nhà thơ Từ Thế Mộng, khi còn sanh tiền, có nói với tôi LVT có lên nhà tìm tôi. Và đọc lại bài thơ anh làm khi còn ở Phan Thiết vào năm 1997. Năm ấy, tôi đã đến Mỹ rồi. Đọc lại những câu thơ cuối trong bài thơ anh làm ở Phan Thiết: *một phương trời/ một phương tôi/ một phương người/ quạnh hiu.*

Rồi tôi cũng nghe bạn bè nói lại, về Đồng Nai, sự mưu sinh của anh chị và các cháu thật vất vả, cực khổ. Như trong bài Chợ Nghèo mà anh chị phải làm quần quật để kiếm sống nơi vùng Kinh Tế Mới. Ngày ngày anh và chị phải:

*ngày qua ngày lại ngày qua
tôi cùng em đẩy xe qua chợ nghèo
chở đầy xe nổi gieo neo
mua long đong bán bọt bèo quẩn quanh*

hay:

*tôi nhìn hai vết xe lăn
ngậm ngùi như dấu bàn chân bên đường
của em*

*giọt lệ
giọt sương
nghìn năm còn đọng trong lòng nổi đau
chợ nghèo rách dệt xạm màu
thời gian
tiếng đế buồn nao bóng chiều.*

Cuộc đời của anh có quá nhiều nỗi khổ. Khổ từ trong trại cải tạo không nói làm gì. Khổ ngoài đời kiếm sống để nuôi vợ, nuôi con mới quan trọng. Lao tâm. Khổ trí. Nhìn anh qua những tấm hình mà bạn bè gởi qua cho tôi. Tôi ngỡ ngàng. Không phải một Lê Văn Trung ngày nào khi chúng tôi còn ở Qui Nhơn. Một Lê Văn Trung chừng chạc, thì hôm nay bệ rạc thế sao? Ngẫm mà buồn!

Rồi tôi có nghe người bạn thân nói lại, cũng vì lao lực, lao tâm quá nhiều nơi vùng “kinh tế mới” Đồng Nai. Anh ngã bệnh nặng. Tưởng rằng không thể gượng dậy nổi. Đọc : *Thời Gian Nhìn Lại* anh viết tặng chị Hiệp (vợ anh). Đọc những câu thơ như anh đã trút hết vào đó những gì 60 năm anh đã có cái hình hài này: *Sáu mươi năm những bọt bèo vô nghĩa/ câu thơ nào em viết xuống đời anh/ Xin đủ ấm một góc chiều mộ địa/ Anh nằm nghe lá úa rụng bên mình...*

Lê Văn Trung ơi, hôm nay TQBT 34 làm chủ đề về anh, để bạn bè cùng viết về anh với những kỷ niệm khó quên. Cũng như để ngưỡng mộ những bài thơ thật tuyệt vời của anh. Những bài thơ, có lẽ, sau năm 1975 anh đã khổ tâm, khổ trí trong cuộc mưu sinh hằng ngày để sáng tác nên những đứa con tinh thần như máu, như hơi thở của anh còn lại trong kiếp nhân sinh này. Những máu, nước mắt, và hơi thở của anh như đã truyền vào trong những bài thơ ấy để cho bạn bè và độc giả mến mộ anh cùng đọc những bài thơ thật tuyệt vời. Nhất là lục bát.

Từ năm 1972 cho đến hôm nay, tôi không gặp anh và chị. Nhưng trên TQBT lúc nào cũng có những bài của anh. Đọc thơ anh, tôi nghĩ đã có anh bên cạnh rồi. Nhất là tập thơ thứ hai của anh. Tập *Tịnh Khúc*, dù anh viết tay, chưa có đủ điều kiện để cho đứa con tinh thần của anh ra chào đời. Nhưng qua điện thư anh gửi cho chúng tôi. Khi nào “*Tịnh Khúc*” ra đời, tôi sẽ gửi ra tặng hai anh (Tôi và THT). Một câu nói đầy tình nghĩa của bạn bè năm xưa, vẫn còn nhớ đến nhau. Mà mỗi khi rảnh rỗi, ngồi một mình suy ngẫm. Biết khi nào tôi về để gặp các bạn đây? Sao người ta cứ đi về hoài, dễ quá! Còn tôi thì vẫn lặn hụp trong mù sương.

Phạm Cao Hoàng

QUI NHƠN, NGÀY THÁNG CŨ

Căn nhà chúng tôi thuê nằm ở cuối đường Nguyễn Thái Học, thuộc về khu 6, Qui Nhơn. Đây là nơi gặp gỡ thường xuyên của chúng tôi: Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Huy Hoàng, Hoàng Ngọc Châu, Lê Văn Trung, Phạm Cao Hoàng...

Nguyễn Phương Loan ở tận trên Pleime nên thỉnh thoảng mới ghé lại. Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân, Nguyễn Huy Hoàng ở ngoài mặt trận, thường cuối tuần mới về. Hoàng Ngọc Châu có nhà ở dưới phố. Lê Văn Trung ở với anh chị dưới khu 2. Còn tôi là người "trụ trì".

Nói là căn nhà nhưng thật ra chỉ là một căn phòng không lớn lắm, đủ chỗ ở cho một hoặc hai người; tuy nhiên khi cần thiết mười người cũng không sao. Cuối tuần, Lê Văn Trung và tôi lóng ngóng xem anh em ngoài mặt trận có ai về không. Hồi ấy chúng tôi ít khi uống bia, uống rượu. Gặp nhau thường kéo nhau ra quán cà phê, và nơi chúng tôi thường đến là cà phê Dung. Phương tiện đi lại bây giờ cũng không dễ dàng, cần đi đâu chúng tôi phải đón xe lam. Bây giờ nói đến xe lam chắc nhiều người không biết nó là xe gì, vì hầu như loại xe này đã không còn thấy từ lâu. Đây là một loại xe chở khách, chở được khoảng 10 hành khách, chạy loanh quanh trong thành phố hay trên những đoạn đường ngắn. Vòng quanh thành phố Qui Nhơn có một beltway, nếu ngồi suốt trên xe lam thì một lát sau sẽ về chỗ cũ.

Mỗi người một tính. Anh Nguyễn Huy Hoàng ân cần, chu đáo, Phạm Văn Nhân vui vẻ, cởi mở. Trần Hoài Thư lang bạt, bất cần đời. Hoàng Ngọc Châu từ tốn. Lê Văn Trung thâm trầm, ít nói. Cửa của căn nhà không có ổ khoá vì chúng tôi chẳng có gì để mất. Bên trong chỉ có vài ba ký gạo và một ít quần áo. Ai đến cứ tự nhiên vào, có gì ăn đấy, nghỉ ngơi và viết lách. Ai muốn viết kiểu gì cứ viết, muốn đăng báo nào cứ đăng. Người viết khoẻ nhất là Trần Hoài Thư. Anh viết rất dễ dàng, viết bất kỳ ở đâu, kể cả những nơi ồn ào nhiều tiếng động.

Với một đám văn nghệ văn gừng độc thân vui tính như vậy thì bữa no bữa đói là chuyện thường. Mô tả cảnh sống của chúng tôi, Trần Hoài Thư có làm mấy câu thơ vui:

*Anh no ngày nào em không biết
Anh đói ngày nào em không hay
Hôm nay đi về mưa bay bay*

Vậy mà chúng tôi tôn trọng, quý mến nhau vô cùng. Gặp lúc nào là vui lúc ấy và chưa bao giờ chúng tôi có điều gì xích mích với nhau. Năm 1968 chiến trận trở nên khốc liệt hơn. Trung và tôi rất lo cho các bạn ngoài mặt trận. Lo thì lo vậy, chứ chẳng biết làm sao. May mà tất cả vẫn còn trở về, trừ Nguyễn Phương Loan vĩnh viễn nằm lại nơi núi rừng Pleime.

Năm 1969 chúng tôi mỗi người một ngã. Tôi vào Phan Thiết, Lê Văn Trung ra Quảng Ngãi, Hoàng Ngọc Châu lên Bảo Lộc, Nguyễn Huy Hoàng, Phạm Văn Nhân, Trần Hoài Thư trôi giạt hết chiến trường này đến chiến trường nọ. Hồi đó đâu có điện thoại hay email như bây giờ nên có một thời gian chúng tôi thất lạc nhau. Rồi Sài Gòn thất thủ. Anh Nguyễn Huy Hoàng bệnh nặng và qua đời. Trần Hoài Thư, Phạm Văn Nhân sang Mỹ. Hoàng Ngọc Châu

vẫn khói sương sương khói ở Bảo Lộc. Lê Văn Trung ở tù rồi ra làm công nhân xây dựng., sau đó về Long Khánh sống đời ẩn dật. Năm 1999, trước khi đi Mỹ, tôi về Qui Nhơn thăm người chị ruột, nhân dịp đó tôi tìm đến căn nhà văn nghệ ấy. Người chủ nhà không còn nữa. Tất cả đều đã đổi thay sau 30 năm xa cách. “*Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo. Nền cũ lâu đài bóng tịch dương*”(*).

Đến bây giờ, trải qua những tháng năm lặn lội, những dâu bể thăng trầm, chúng tôi gặp lại nhau, sống chung trong một căn nhà rộng hơn, với nhiều bạn bè hơn. Đó là căn nhà Thư Quán Bản Thảo. Các bạn của tôi ơi. Xin chúc mừng một tình bạn bền vững mà chúng ta có được từ dạo ấy đến bây giờ.

Phạm Cao Hoàng
Virginia 22 October 2008

(*) Bà Huyện Thanh Quan

Nguyễn Lê Uyên

Lê Văn Trung... Ta Đau Lòng Nhận Ra Hẳn Là Ai!

Ngày trước, nhiều người kêu lên “*thơ Lê Văn Trung hiền, mượt mà*”. Tôi cũng đọc thơ anh, phần lớn trên Bách Khoa nhưng chưa khi nào tìm được *chất hiền, mượt mà*

trong đó, ngược lại, ẩn dấu đằng sau là những u uất bất tận, những u uất nhuốm mầm, những u uất tròn bóng, những cảm hoài về quá khứ xa xôi, và tâm cảm dần xé đến nát lòng. Thơ anh như kẻ cô đơn trong tận cùng nỗi đau, như con thú hoang trong cánh rừng già không bóng thú, muôn năm là kẻ lữ hành cô độc trong cõi nhân sinh, trong chốn tình yêu không lối thoát, luôn là những tìm kiếm trên những con đường đi hoài không đến, phía trước là là mây bụi mịt mờ xa, thấp thoáng phận người heo hắt!



Hơn nửa đời người, anh gom những bài thơ cũ mới trong suốt cuộc hành trình cô đơn để in thành tập. 62 bài thơ trong ***Cát bụi phận người*** (*) mỏng và gập ghềnh như cuộc đời anh có nhiều đoạn gãy khúc, xương xẩu từ căn hầm kín, từ những vòng xích, từ những tra vắn bổ xuống đời như con lóc xoáy, khiến ngôn ngữ thơ, mỗi khi đọc, vang lên những tiếng nấc thầm.

Anh cũng như nhiều người viết văn, làm thơ khác...luôn ngẩn ngơ tự hỏi “mình là ai”, kiểu lật tung não cốt con người của các triết gia. Họ luôn tra hỏi chính mình, cái cách tra hỏi của Mounier, Camus, của Sartre, cái cách mà hầu hết trí thức miền Nam thời bấy giờ luôn tự vấn, tra khảo bản thân trước những nhiễu nhương cuộc sống.

Nói theo cách nói của Alain Robbe Grillet thì chức năng của nghệ thuật là mang đến cho thế giới những tra vấn và trả lời. Đó cũng chính là chức năng của những người viết văn làm thơ. Và trong suốt cuộc hành trình dang dặc “tra khảo” đó, Lê Văn Trung đã nhận ra Hấn là ai?

Hấn là ai mà đau đầu một đời thơ

Dù em nhận tâm quên mất nẻo về

Hấn vẫn đứng nhìn dòng sông nước chảy

Giọt nước mắt rơi buồn em có thấy

Ta bỗng đau lòng nhận ra hấn là ai.

Chân dung hấn được vẽ ra liên tục: *Hấn ngồi giữa đất trời cười ứa lệ; hấn xác xơ cùng số phận, hấn muộn phiền trần trở mấy mươi năm; hấn héo khô xác xơ đời tăm; hấn quanh quẩn trong những vòng tìm kiếm; hấn băng qua sa mạc cuộc đời mình.v.v. và v.v.* Chân dung hấn hơi kỳ khôi, nhưng coi lại, trên đời này cũng lắm kẻ kỳ khôi đồng hành với hấn, bởi hấn luôn cứ đuổi theo những điều không thật, những cái thế gian cho là trập lất. Điều không thật để thế gian cho là trập lất kia chính là cái Đẹp mà chúng ta mãi kiếm tìm. Nó là hệ lụy văn chương, hết thế hệ văn chương này qua thế hệ khác, mà chưa ai tìm ra nó hay tự hài lòng khi mới chỉ tìm thấy một phần từ những cảm nghiệm nhân sinh?

Nhưng đó cũng chỉ là cách nói hơi quá, kiểu nói tròn chữ tròn câu; chứ hình như, và thật ra là hấn tự hành xác mình khi một bên kia là *Em* như một cuộc trốn tìm, để cuối cùng hấn luôn nhận phần thua thiệt, may mà anh chưa thốt lên những lời chua chát, cay đắng như Nguyễn Tất Nhiên: “*Nghe nói em vừa thi rớt Luật/ Môi thơm anh tàn héo nụ xa vời/ Mất công nương thầm kếp mộng chân trời/ Xin tội nghiệp lần đầu em thất vọng!/(Dù sự thật cũng đáng đời em lắm/ Rớt đi Duyên rớt để thương người!)/ Ta - thẳng ôm hận Tú Tài đôi/Không biết tìm ai mà kể lẻ?* (Duyên tình con gái Bắc).

Một bên, Em của Nguyễn Tất Nhiên có hình hài, có tên tuổi, địa chỉ, kiểu sa... Còn với Lê Văn Trung, Em là mẫu số chung của chàng thi sĩ nòi tình. Em khuất dạng biến lấp đầu đó. Em ở chân mây. Em ở cuối gềnh. Em sau lũy tre làng. Em xênh xang đường phố. Người tình thương nhớ trong mắt mắt không với chụp được của anh đưa đầy qua lời thơ như những lời cam chịu được phô bày. Phơi bày để vui đi nỗi buồn, u uất về mối tình lỡ, tình si?

Tôi tìm em đứt mòn hơi

Hai mươi năm dấu chân người mờ phai

Tìm em suốt cuộc tình dài

(...)còn gì sau cuộc phù vân

Lệ tình em ướt đầm phần mộ tôi

(Phương trời hiu quạnh)

Từ nhận biết Hấn đến mãi mê tìm Em, loay hoay trong vòng xoay không lối ra cuối cùng chính là thận phận làm người:

Hấn đứng giữa một vòng tròn tương tượng

Bước chân ra sợ hụt giữa vô cùng

Hấn chắm chút uơng trông mằm ảo vọng

Có điều gì hiện hữu giữa hư không

(Cát bụi phận người 1)

Những Em kia hoá ra chỉ là cái cớ cho cuộc kiếm tìm phận Tôi. Cái Tôi của anh nhọc nhằn giữa cuộc phù sinh là những tràng dài dấu hỏi. Hết hỏi chính mình đến hỏi đời, hỏi mãi những câu hỏi bẹp nát trí não:

Hai mươi năm mẹ chờ ai

Chiều nay mưa ướt vườn xưa mẹ già

(Mẹ chờ hai mươi năm)

Này ta hỏi tên lính già thất trận

Súng gươm đâu tôi tả cả hồn người?

(Say tình cùng em)

Đi hoài, đi mãi, chạy lung tung, để cuối cùng hấn bắt gặp chính hấn:

*Tôi gặp hấn trong khu nhà vĩnh biệt
Đôi mắt trừng nhìn tận máu xương khô
Hấn không thể tin vào ngày sau hết
Sẽ thoát đi cho khỏi kiếp con người*

(Cát bụi phận người 2)

Chấm hết hấn. Chấm hết Em. Chấm hết thân phận con người.

Và cũng chấm hết mấy dòng ngắn ngủi với thơ Lê Văn Trung.

(*) Lê Văn Trung - Cát bụi phận người, nxb Văn Nghệ, SG 12.2006.

PHAN XUÂN SINH

Độc: CÁT BỤI PHẬN NGƯỜI

Thi phẩm của Lê Văn Trung.

Tôi quen với Lê Văn Trung khi còn ngồi ghế nhà trường của bậc trung học, Trung học ở trường Trần Quý Cáp Hội An, còn tôi thì học ở Đà Nẵng. Chuyện văn nghệ học trò của thời đi học có những buồn vui rất ư là lãng mạn. Trung học một lớp với Vũ Đức Sao Biển, Vương Trùng Dương, Kiều Uyên, Hạ Đình Thao, Anh Huy, Ngô Thi v.v.. cái lớp học này sản sinh những người làm văn nghệ nổi tiếng sau này, trong cũng như ngoài nước hiện thời. Tôi học ở Đà Nẵng, nhưng thỉnh thoảng cũng vào Hội An chơi với họ và thân thiết nhau từ đó. Lâu quá tôi không còn nhớ năm nào (vào khoảng 1963 hay 1964 gì đó), nhóm học trò này bị ông Thiều tá Nguyễn Văn Giai (sau này là Chuẩn Tướng Tư Lệnh Sư Đoàn 3, ra Tòa án Quân Sự vì

tội Sư Đoàn 3 chạy làng tại Quảng Trị). Ông Giai khi đó là Tiểu Khu Phó Tiểu Khu Quảng Nam bắt hết mấy ông thi sĩ học trò này vì tội...làm thơ. Có lẽ lúc ấy ông được người ta tố cáo là nhóm này tụ họp làm thơ phản chiến. Chuyện bắt bớ này chấn động giới học sinh ở Hội An lúc ấy, trong những người bị bắt có Lê văn Trung. Sau khi điều tra thì thấy bọn này không có gì nguy hiểm, không có bằng chứng để buộc tội, toàn là mấy bài thơ dụ gái nên ông Giai thương tình cho về. Chắc chắn cũng bị vài bạt tai, vài cái roi mây vào đít để thị uy, và cũng nhắc chừng đừng viết bậy bạ.

Sau một thời gian, tôi được biết Lê văn Trung vào Sư Phạm Qui Nhơn, Vũ Đức Sao Biển vào Đại Học Sư Phạm Sài Gòn, Vương Trùng Dương vào Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt, còn lại bao nhiêu thì được lừa vào Trường Võ Khoa Thủ Đức. Trong thời gian đất nước Chính Chiến không gặp được nhau, mỗi người trôi mỗi ngả. Chỉ biết nhau qua những bài thơ đăng trên những tờ báo ở Sài Gòn, và biết được bạn mình vẫn còn ngụp lặn với thơ, với văn chương chữ nghĩa. Đọc được bài thơ của bạn trong người thấy sướng ghê lắm và cảm thấy vui. Sau này nghe bạn bè cho biết Lê văn Trung dạy học ở Huế và có vợ ngoài đó.

Sau ngày 30.4.75, tôi và Ngô Thi vì bị thương nặng trong chiến trận nên không phải đi cải tạo nhiều, Vũ Đức Sao Biển thì đi dạy học nên cũng tránh được cải tạo. Còn bao nhiêu bạn bè khác thì bị lừa vào lò cải tạo. Tôi và Thi làm chung với nhau mở mấy cơ sở làm ăn riêng ở Sài Gòn sống qua ngày. Thỉnh thoảng Vũ Đức Sao Biển ghé qua, hoặc Hạ Đình Thao từ Phương Lâm lên Sài Gòn ghé lại, anh em rủ nhau làm vài xị và báo cho cho nhau biết về bạn bè. Chính lúc này tôi mới biết Lê văn Trung đang bị cải tạo ngoài Huế.

Vào khoảng năm 1987, thì Lê văn Trung lên Sài Gòn tìm tui, tui mới được biết gia đình vợ con hiện giờ đang sống ở Long Khánh. Trung mỗi lần lên Sài Gòn thường ở lại nhà tui. Một lần đang nằm ngủ thức giấc tui nghe tiếng thút thít khóc, xoay qua tui nghe rõ tiếng Trung đang khóc, tui biết có lẽ bạn đang gặp một chuyện không may nên trong tiếng khóc có chứa sự ảm ức. Tui không quấy rầy để Trung khóc, làm như tui không hay biết chuyện này.. Nghiệm lại mọi trường hợp, mình cũng chỉ là những nạn nhân đáng thương. Trung xưa nay là người ít nói, sau khi ở tù về Trung lại càng ít nói hơn, khuôn mặt khắc khổ hơn.

Năm 1990 tui đi Mỹ, từ đó tui không biết gì về Trung. Mấy năm gần đây anh Trần Hoài Thu hỏi tui là ở ngoài Quảng Nam có quen với Lê văn Trung không? Tui bảo với anh, Trung là bạn của tui. Anh nói với tui là làm thế nào tìm cách liên lạc với Trung. Tui nhờ Uyên Hà vì lúc đó Uyên Hà thường xuyên từ trong nước email cho tui. Từ đó chúng tui liên lạc được với Lê văn Trung hơn 5 năm rồi.

"Cát Bụi Phận Người" đúng ra đã in cách đây 5 năm, từ khi gặp chúng tui thì Trung đã có ý định này. Thế nhưng trong nước không qua được khâu kiểm duyệt. Thật ra thì thơ của Lê Văn Trung không dính dấp gì đến chính trị, chỉ nói lên thân phận, tình yên, nỗi lòng v.v... không thù hận, không mĩa mai, thế mà cho đến khi trong nước mở toan cửa chào đón WTO thì "Cát Bụi Phận Người", mới được ngọn gió này hôn lên nó. Thôi thì chậm còn hơn không. Thế là LVT có một tác phẩm đầu tay ra đời...hơn 40 năm làm thơ của đời mình. Ước mong của bạn tui trở thành sự thật. Vì xa xôi cách trở tui không về dự ngày ra mắt tập thơ này tại Sài Gòn cũng như tại Đà Nẵng. Nhưng bạn bè

tôi email cho biết 2 buổi ra mắt sách thành công một cách vượt bậc. Trước khi ra mắt, Trung đã gửi cho tôi biết bao email để nói lời cảm ơn các bạn ở hải ngoại, đã giúp Trung bằng tinh thần lẫn vật chất để "Cát Bụi Phận Người" mới được ra đời. Và cũng đã bao nhiêu lần tôi email trả lời là bạn không cần cảm ơn ai cả, mà ngược lại anh em chúng tôi bên này cảm ơn bạn đã cho chúng tôi có cơ hội đọc được những thăm kín trong lòng bạn, những uất của bạn mà chỉ có thơ mới nói lên được.

Và đúng vậy. "Cát Bụi Phận Người" đọc lên thấy nó ray rức thấm đau. Đọc lên thấy nó buồn. Không phải là buồn mang mác như ngọn gió thổi qua nhẹ nhẹ, mà tâm trạng của người đọc mang cái buồn cùng cực, như ngọn bão xoáy vào người:

...ôi kim cổ qua muôn ngàn giống bão

ta bạc đầu toi tả áo thanh xuân.

(sẽ có lúc)

hoặc:

này em hãy uống cùng tôi

chén oan nghiệt rót tận trời tang thương

mười lăm năm chén đoạn trường...

(Từ Hải Mời Rượu Thúy Kiều)

Kiều một nhân vật gắn liền với tang thương, với oan nghiệt. Người làm thơ nào khi gặp hoàn cảnh "đoạn trường" đều ví mình như Kiều, hoặc thò thẻ tâm sự với Kiều. Mỗi người mỗi vẻ, mô tả cái gian truân khác nhau, cái chịu đựng khác nhau. Kiều chỉ có mười lăm năm thì được đoàn tụ, còn LVT cũng đoàn tụ, nhưng đoàn tụ trong bể bàng. Vì vậy trong thơ của LVT ta thấy mượn những hình ảnh của Kiều để tỏ lòng mình:

hình như tôi đã trăm lần

chết đi sống lại mà không gặp người

*bao giờ tàn cuộc rong chơi
gởi câu sinh tử trong lời tử sinh*
(Tù Hải Mời Rượu Thúy Kiều)

Chính những hoàn cảnh, những trắc trở mà LVT đã gặp, nó giống như tâm trạng của Kiều dở cười dở khóc. Vì vậy trong tập CBPN ta thấy bóng dáng Kiều phảng phất trong từng tình huống, từng sự việc mà LVT đã gặp ngoài đời. Thơ LVT có một cái hồn rất phong phú, trải dài trên những con chữ mà khi đọc ta có cảm tưởng như nó sống dậy, nó trăn trở nó làm cho ta phải nhúc nhối theo nó.

Trong một bài viết cho tôi, anh Luân Hoán có đề cập tới người Quảng Nam hay làm thơ tặng vợ hơi nhiều. Chính cái này đã nói lên cái bản chất của họ, chung tình và yêu thương vợ. Trong CBPN ta thấy LVT có làm nhiều bài cho vợ:

*em vì ta trọn một đời
lao đao lận đận đầy vui phận người
dẫu xót xa dẫu ngậm ngùi
trời cao bể rộng ghi lời tạ ơn*
(ơn người)

Và cảm động nhất là hai vợ chồng nghèo mỗi ngày kéo xe ra chợ:

*ngày qua ngày lại ngày qua
tôi cùng em đẩy xe ra chợ nghèo*

*chở đầy xe nổi gieo neo
mua long đông bán bọt bèo quanh*
(chợ nghèo)

Có một điều thú vị mà người đọc phát hiện, LVT làm thơ tặng vợ hơi nhiều hơn người khác (hơn tôi chẳng hạn, nhưng không qua được anh Luân Hoán đâu), một hai bài

đề tên vợ rồi sợ người ta cho rằng như vậy nhiều, LVT lại đề tắt H chẳng hạn ai nghĩ sao thì nghĩ. Chúng ta cũng thông cảm, sống trong hoàn cảnh nghèo, nhìn thấy vợ cực khổ thương lắm, nhưng không biết làm sao hơn. Thôi thì làm thơ tặng vợ một phần an ủi, một phần tạ tội vì mình bất lực để vợ phải khổ. Khi mới tới Mỹ, hai vợ chồng tôi đi trong mưa gió nửa đêm để bỏ báo, nhìn vợ cực quá mình rơi nước mắt, làm sao đọc thơ khi đó, chỉ kéo vợ lại gần để hôn. Chỉ có những người làm thơ mới hiểu những hoàn cảnh ngặt nghèo như vậy và những câu thơ cho vợ rất trân trọng.

*thơ như chén rượu đời cay nghiệt
uống mãi mà không cạn nỗi sầu
ta đi trăm nẻo đường xuôi ngược
trời đất chưa tàn cuộc bể dâu*
(tử tuyết)

Một thời đã qua, nó như một con hồng thủy cuốn trôi tất cả, không ai đứng ngoài. Sau đó chỉ còn để lại đổ vỡ, tan nát. LVT cũng ở trong hoàn cảnh nghiệt ngã này, từ một thầy giáo, ở tù, làm rẫy trên vùng kinh tế mới, ngụp lặn trong nghèo khổ, trong cùng cực, đã gần cuối cuộc đời vẫn không thoát được. Số phận như vậy mà LVT vẫn cố gắng chịu đựng, không hé một chút oán hận thì đúng là một thánh nhân trong đời thường. Trong thơ LVT không gần bạn một chút đua tranh, mà nó thanh thoát giống như người ung dung thông thả đi trên đường, không việc gì phải vội vàng, gấp rút. Không biết LVT có chịu ảnh hưởng của Trang Tử chăng? Mà trong lối sống, trong lối viết có dáng dấp thanh thoát như người đã đắc đạo:

*để mai này giữa hạnh phúc tại ương
chẳng nỗi khổ đau chẳng niềm hoang lạc
chẳng có chẳng không chẳng còn chẳng mất
ta tan hoan vô ảnh vô hình*
(tôi và em)

Có viết nhiều về LVT tôi cũng chỉ thấy một nỗi buồn day dứt. Tuy LVT cũng đã cố ý che lấp, đã cố tẩy xóa, thế nhưng có đôi lúc cũng bật lên vài tiếng nấc:

*xương thịt dầu tàn phai đời gỗ mục
giọt lệ ngàn năm hằng đọng giữa tim người
đá sỏi còn đau ứa tràn nước mắt
em là ai mà không thấy ngậm ngùi
(tôi và em)*

Đọc thơ hoàn toàn trong sự cảm nhận. Có thể cảm với người này, mà không thể cảm với người khác. Nó cũng còn tùy thuộc hoàn cảnh của người đọc, có hợp với ý mình không? Có trùng những hoàn cảnh của mình không? Và khi đọc ở trong trạng thái vui buồn v.v..., rất ít tập thơ không cần những điều kiện như vậy, lúc nào đọc ta cũng thấy hay. CBPN ở trong trường hợp hiếm hoi này. Tôi mong rằng người đọc sẽ cảm thông những gì mà LVT thành khẩn viết ra, đã đắm chìm trong ngôn ngữ.

Cám ơn bạn, cám ơn chị Hiệp. Người đã tạo cho bạn tôi những cảm xúc để những câu thơ của bạn mang những rung động tuyệt vời, đã tạo điều kiện cho bạn có thì giờ sống với văn chương chữ nghĩa mặc dù cuộc sống thực tế của bạn có những bức bách. Nhỏ nha nhỏ nhỏ để làm thơ được là một điều hy sinh to lớn của gia đình.

MANG VIÊN LONG

MỆNH MÔNG MỘT CÔI ĐI VỀ ...

**Độc tập thơ “Cát Bụi Phận Người” của Lê Văn Trung
NXB Văn nghệ - 2006)**

Trong cuộc đời của Tác giả hay trong “Cát Bụi Phận Người”; tình yêu, tình bạn, tình mẹ, tình quê... luôn hòa quyện, gắn bó vào nhau để hun đúc nên một mối thương cảm hiu hắt phận người giữa đất trời mệnh mông mà cô đơn, lạnh lẽo! Đây không phải là cảnh “*thương mây khóc gió*” bằng qươ, mà là tiếng kêu vọng về từ côi sâu khuất của đời sống đang từng ngày cảm nhận, từng tháng năm lang bạt gồng mình để kiếm tìm niềm an lạc cho mình, cho người...

Một “*chiều Blao*” ghé thăm bạn thơ (anh Nguyễn Đức Sơn và Hoàng Ngọc Châu) vào cuối thu 1976 (trang 49):

*“Điêu hiu chiều lạnh sương mù
Vắng hoe phố chợ âm u bóng rùng
Tiếng người về muộn qua nường
Bờ lau nhòe nhoẹt con đường loanh quanh.*

*Nhà ai vàng vọt ánh đèn
Có soi ám được chút tình xa xôi?”*

Thơ tình Lê Văn Trung là một sự chuyển hóa của mối tình đã được ấp ủ, đã được dấu kín tận đáy lòng, đã được “*gặm nhấm*” nhần nha trong cuộc đời đầy hệ lụy; nên hơi thơ thâm trầm, dịu dặt mà sâu lắng:

*“Thơ như chén rượu đời cay nghiệt
Uống mãi mà không cạn nỗi sầu
Ta đi trăm nẻo đường xuôi ngược*

Trời đất chưa tàn cuộc bể dâu.

*Trở lại vườn xưa tìm lối cũ
Thêm rêu mờ nhạt dấu chân người
Sau hè cây khế hoa tàn rũ
Rụng tím như còn thương nhớ ai ?*

*Em đã vì ta mà lặn lội
Thân cò lặn lội mấy mươi năm
Ta như tên lính già thua trận
Đành nợ em rồi một tuổi xuân!”*
(Tứ Tuyệt – tr.48)

Có tình yêu là có khổ đau. Nhưng với nhà thơ – trong mối hệ lụy đau khổ ấy, luôn ánh lên một tia lửa ấm một nguồn an ủi vỗ về tuy cũng rất mong manh sương khói như cuộc đời:

*“Khi buồn quá ngâm dăm câu thơ cổ
Đi lêu bêu khắp phố xá Saigon
Ta chợt nhớ thời em còn nhỏ xíu
Mà làm ta say khướt rượu tầm xuân”*
(Rượu Tầm

Xuân, tr.110)

Và qua mỗi bước thăng trầm, mỗi tháng năm lưu lạc – nhà thơ đã luôn sống cho niềm hoài cảm, cho sự nhớ tưởng xa xưa; mà nay chỉ còn là giấc mộng:

*“Con chim cu gáy bên hè
Ta nghe như tiếng gọi bè bạn xưa
Nhớ em tóc ướt chiều mưa
Con đường đi học anh vừa mười lăm
Nhớ hoa cau nở trắng rằm
Nhớ mâm cơm mẹ ngoài sân gió nồm
Nhớ mùi bồ kết nồng thơm
Cứ thoang thoang mãi trong hồn cỏ cây (...)”*
(Nghe Tiếng Chim Cu Gáy, Nhớ Những Ngày Đã Qua, tr.74)

Có thể nói dòng thơ Lê Văn Trung đều bắt nguồn từ sự hoài niệm, từ góc gác sâu khuất của kỷ niệm, của cuộc đời tuổi trẻ phơi phới đã qua, chảy tràn miên man về hiện tại, về miền đất căn khô của tuổi đời, của phận người qua bao bão giông khắc nghiệt. Vì vậy, Thơ của Lê Văn Trung là lời thì thầm tâm sự, lời bí tráng thống thiết tưởng như sự nhấn gửi sau cùng:

*“Ba trăm năm nữa quay về
Cố hương lân lý bạn bè còn ai
Ba trăm năm sẽ đầu thai
Suối xưa rừng cũ sương mai gió chiều.
Làm con chim đứng quạnh hiu
Bên mỏ thiên cổ tiếng kêu đoạ trường (...)*”

(Ba Trăm Năm Nữa, tr.108)

Hay là:

*“(...) Ôi trọn kiếp cứ mơ hồ ảo tưởng
Cuộc trần gian phù phiếm có ra gì
Khi ôm mãi biết bao là ước vọng
Bỗng một chiều gió cuốn khói sương đi (...)*”

(Sẽ Có Lúc – tr.109)

Ồ vào tuổi trên 60 – nhà thơ đã trải nghiệm qua bao thăng trầm, cái “*thấy biết*” của Lê Văn Trung giải bày ghi lại chính là lẽ thật (là chánh tư duy, chánh kiến) không phải là cái bí quan hời hợt xưa nay – nên thơ anh thấm đượm đạo vị, ngan ngát hương đời; luôn ẩn hiện niềm an lạc thâm kín của sự hy vọng, của ước mơ, cho kiếp này hay kiếp khác:

*“Sáu mươi năm giữa bọt bèo vô nghĩa
Câu thơ nào em viết xuống đời anh
Xin đủ ấm một góc chiều mộ địa
Anh nằm nghe lá úa rụng bên mình.*

Sáu mươi năm anh kiếm tìm kiệt sức.

*Vòng tay em nương bóng ngả bên thềm
Xin ngủ với giấc mơ buồn sương đục
Màu thiên thu trắng lạnh cả vô biên (...)*

(Thời Gian Nhìn Lại – tr.90)

Ý tưởng này được tác giả thổ lộ mạnh mẽ qua bài
“Trọn đời chưa viết nổi một câu thơ” (tr.68):

*“Đừng gọi nhầm ta là thi sĩ
Trọn đời chưa viết nổi một câu thơ
Cũng đừng bảo là cái thằng thất chí
Sống ngu ngơ giữa xuôi ngược xô bồ
(...) Ta vẫn viết côi nào ta sẽ đến
Dù đau lòng nói nhỏ với em thôi
Vì em hơi ta vô cùng hồ thẹn
Sống trăm năm uống phí một con người (...)*”.

Vì còn yêu quý cuộc đời nên còn làm thơ. Còn cảm thấy có trách nhiệm với đời sống nên còn làm thơ. Nhưng Lê Văn Trung đã “trọn đời chưa viết nổi một câu thơ” – nghĩa là niềm hối tiếc (hay ăn năn) của một kẻ sĩ với thời cuộc, với nỗi bất lực không có lối thoát. Điều này có thể giải thích tình quê trong thơ Lê Văn Trung chỉ là hình bóng thấp thoáng, không rõ nét, là bóng hình lảng đãng của sự nhớ tưởng – của kỷ niệm – nhưng tình cảm ấy thật da diết.

*“Lần nữa mãi mà không về thăm được
Đã lâu rồi, lâu quá phải không em?
Bao khó khăn bao mảnh đời xuôi ngược
Cứ hẹn dần hẹn mãi cũng đành quên
(...) Lần nữa mãi thôi cũng đành lỗi hẹn.
Ôi trăm năm nước cứ mãi xa nguồn
Đời như nhánh lục bình trôi ra biển
Giữa muôn trùng hun hút bóng quê hương”*

(Nước Đã Xa Nguồn – tr.116)

Toàn tập “Cát Bụi Phận Người” – gồm 62 bài thơ – là một

dòng chảy nhất quán của một nhân sinh quan đầy tính nhân bản, dù là trong nỗi khổ đau bi thiết, hay trong niềm vui hy vọng mong manh – Lê Văn Trung vẫn luôn yêu đời, tin người, đề vươn đến một cõi miền an lạc, hạnh phúc vĩnh hằng: “...*Ôi các em / hãy đứng vòng quanh anh / tung hoa lên trong giờ thánh lễ/ Anh sẽ tặng các em những vòng kim cương/ làm bằng thơ tình huyết (...)*” (Giờ Thánh Tẩy).

Với một ngôn từ giản dị mà chắc lọc; bóng bẩy mà không cầu kỳ - Lê Văn Trung ghi lại những xúc cảm trong đời bằng trái tim khối óc của kẻ sĩ ý thức sâu sắc về kiếp người, phận mình – đây là tiếng gọi nồng nàn bi thiết mà nhà thơ đã kinh qua gần suốt cuộc đời, để chia sẻ với tất cả chúng ta!

Quê nhà cuối tháng 12.2006

VIÊN LINH

Thi phẩm của Lê Văn Trung, ngay từ phần hình thức trang nhã đã gây sự chú ý của người đọc, tới nội dung thì ngay bài thứ nhất, một bài lục bát, đã cho thấy tác giả là người làm lục bát điêu luyện, và có nét riêng, không bị ngôn ngữ làm cho vương bận:

*tôi tìm em dứt mòn hơi,
hai mươi năm dấu chân người mờ phai,
tìm em suốt cuộc tình dài,
đường vô tận - bến chờ - ngoài ngõ không
còn gì sau cuộc phù vân*

lệ tình em ướt đầm phần mộ tôi

(phương trời hiu quạnh, trang 7)

Bài thơ được phá vỡ vần điệu bằng các chữ lẻ, trong khi lục bát là vần chẵn, và nếu không sành thì không làm được như Lê Văn Trung.

Bài Ta cho nhau cái sau cùng có những câu lạ:

*cụ Nguyễn Du khóc đoạn trường
ba trăm năm../ ta khóc buồn ngàn năm.*

Nhà thơ Lê Văn Trung đã đi xa so với những bài thơ thuở xưa trên Khởi Hành.

(trích từ Tạp chí Khởi Hành số 127 tháng 5 năm 2007, phần giới thiệu thi phẩm Cát bụi phận người)

TRẦN VĂN NAM

VỀ VỚI THIÊN NHIÊN CÙNG LÊ VĂN TRUNG

Mặc dù thơ Lê Văn Trung đã hiện diện khá lâu trên các báo văn chương như Bách Khoa và Văn trước 1975, nhưng thơ anh chỉ xuất hiện rải rác nên ít người biết đến. Chừng năm ngoài đây, nhà thơ Thành Tôn có đem theo vài cuốn thi phẩm mới của anh nhờ biếu tặng cho một số thân hữu hải ngoại. Tập thơ màu xanh lá cây, nhan đề “Thơ Lê Văn Trung”, khổ sách gọn nhẹ của loại thi phẩm,

thấy rất trang trọng. Tiếc rằng người viết bài này không có tập thơ ấy để biết nhiều hơn về thơ Lê Văn Trung, nên bài nơi đây chỉ căn cứ vào các bộ sách sưu tập di sản văn chương Miền Nam của nhà xuất bản Thư Ấn Quán ở New Jersey Hoa Kỳ, và vài bài thơ của anh trên Tạp chí Khởi Hành ở Westminster California. Trong đó, hai bài thơ tự do cùng một chủ đề “Trở Về Thiên Nhiên” (trong bộ sách “Thơ Tự Do Miền Nam” của nhà xuất bản kể trên) làm người yêu thơ mến cảm. Chủ đề trở về thiên nhiên không phải mới lạ, nhiều thi sĩ Đông Tây Kim Cổ đã từng lấy làm chủ đề, nhưng thơ Lê Văn Trung thoát ra từ bối cảnh sông núi trời biển miền Nam-Trung-Bộ của nước Việt Nam. Chủ đề như vắng gọi những người sinh trưởng ở đây nay đã sống nơi hải ngoại, hoặc vắng gọi cho chính người hiện cư ngụ trong vùng mà quanh năm chỉ ở dưới đồng bằng hay trong các thành phố chen chúc. Hiếm hoi, nó cũng vắng gọi cho người viết bài này thời thơ ấu khoảng bảy tám tuổi đã từng chạy tản cư ở dưới rìa dãy Trường Sơn Nam Trung Bộ thuộc tỉnh Khánh Hòa, phiêu linh từ đồng bằng sông Cửu Long (lúc Pháp mới trở lại Đông Dương, sau vài năm Nhật đầu hàng quân Đồng Minh, chắc vào khoảng năm 1947). Không tiện nói ở đây về sự phiêu linh thơ ấu này, xin hẹn khi có dịp sẽ đăng lại bài “Thơ Đẹp Là Một Vận Chuyển Toàn Bộ” của Trần Văn Nam in trong Tạp chí Văn số 142, ấn hành tại Sài Gòn năm 1969, số chủ đề “Đường Bay Của Nghệ Thuật”.

Nhưng trước hết, ta thử thẩm định một số câu thơ đạt của Lê Văn Trung trong các bài thơ ngoài chủ đề trở về với thiên nhiên. Hai câu lục bát thuộc bài thơ “Hội Ngộ Sau Cùng” (Tạp chí Khởi Hành số 142, tháng 8.2008) nhắc nhở cho tất cả chúng ta nỗi buồn nhân thế, ai rồi cũng đi đến điểm hẹn sau cùng. Nhà thơ Viên Linh có bài viết “Cuộc Phó Hội U Minh” cũng tiên cảm số phận chung của nhân loại, đặc biệt đối với các nhà văn gần cuối đời đều thành thi sĩ. Tại sao như vậy? Nếu không làm thi ý

nhà thơ Viên Linh muốn phân biệt : để thành nhà văn thì phải gánh trách nhiệm với đời, phải dấn thân, phải nhớ mọi điều phiền toái; còn để thành thi sĩ thì phải quên hết mà đi vào tịch lặng. Điều này rất tương ứng với ý tưởng chìm vào hồ thẳm nội tâm trong thơ Lê Văn Trung, nhưng vài chỗ khác thì thơ Lê Văn Trung như vẫn còn u uất về nỗi cô đơn, nghĩa là vẫn còn vướng víu những hệ lụy thế gian, chưa siêu thoát vào an nhiên tự tại:

*Tôi lặn xuống dốc im lìm
Như hòn đá nhỏ tôi chìm trong tôi*

.....
*Lạnh buồn một tiếng chim kêu
Tôi lặn xuống nỗi đau hiu đời mình.*

Ta có thể khẳng định Lê Văn Trung chưa dứt khoát rũ bỏ tất cả tình cảm vướng bận cuộc đời, và cũng như phần lớn chúng ta trong tâm thức vẫn cứ mơ ước kín đáo những chuyện dài lâu trăm năm, chưa thể nào quên hết như một Đại Thiên Sư thoát tục. Cùng tiên cảm giờ phò hội u minh, nhưng thơ của Mai Thảo làm ta cảm thức được về buồn bã qua hình ảnh một hành khách cô độc bước lên chuyến tàu cuối của đời mình để đi vào màn đêm vô tận. Lời thơ ấy thoát thai từ cuộc đời cô đơn có thật lúc về già của nhà văn. Thơ Lê Văn Trung cũng với ý tưởng một mình cô đơn đến giờ hẹn cuối đời, nhưng không lên từ một nhà ga mà ngồi đợi con thuyền tại bến trăm năm, áo lấm tấm hạt mưa. Thơ Mai Thảo có vẻ buồn tăm tối, thơ Lê Văn Trung có vẻ buồn thơ mộng. Bến trăm năm, chúng ta đều kỳ vọng đến thời gian ấy (hoặc hơn nữa!) thì mới ra ngồi đợi chuyến ra đi cuối cùng. Sự thật ta không rõ hoàn cảnh và tuổi đời của Lê Văn Trung, nhưng căn cứ vào nháy của Tạp chí Thư Quán Bản Thảo muốn làm một số đặc biệt về Lê Văn Trung, hẳn là Tạp chí biết rõ nhà thơ như thế nào. Chỉ căn cứ vào thơ trong bài “Người đi tìm cái

bóng của mình” (trong Thư Quán Bản Thảo số 32, tháng 10.2008) thì hình ảnh người ngồi trên bến sông mưa thật đẹp, không đến nỗi nào:

*Anh ngồi đếm giọt mưa buồn trên áo
Áo của người ngồi đợi bến trăm năm.*

Tuy nhiên, thơ Lê Văn Trung đôi khi có nét bình thản, không quá hệ lụy đến chỗ trầm luân. Siêu thoát dứt bỏ tất cả vướng bận thì Lê Văn Trung có lẽ chưa đạt tới. Mà đắm chìm vào cơ cầu, vào tình trường, vào tai ương, thì Lê Văn Trung như đã thoát ra khỏi, lòng nhẹ nhõm như mây trắng bay. Nghe bài hát bất hủ “Đêm Đông” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Thương, ta có lần thương cảm lời ca: “*Đêm đông, ta mơ giấc mơ gia đình yêu đương*”; hoặc nghe bài hát tuyệt vời “Tiếng Thời Gian” của nhạc sĩ Lâm Tuyền, ta xót xa nhưng nhận ra lời hát thật bi lụy những ngang trái vì giàu nghèo: “*Dừng chân dưới mưa dầm. Nhìn lâu nguy nga ước mơ thắm. Bao nhiêu xuân qua, lòng không tình yêu*”. Trong khi đó, Lê Văn Trung qua bài “Ngày Xa” đã đạt tới trình độ làm cho lòng mình rộng không, chẳng cần gì nữa:

*Tình không, không cửa không nhà
Lòng như mây trắng bay qua biển chiều.*

*Em nào hiểu giữa tai ương
Ta như mây gió trên đường chim bay.*

Bây giờ xin nói đến chủ đề được thấy rõ qua hai bài thơ tự do của Lê Văn Trung. Đây là chủ đề phổ quát của chung phần lớn nhân loại. Như vậy, chắc nhà thơ không mấy hài lòng khi có người bàn chủ đề này mà lại đóng khung vào cảnh quang miền Nam-Trung-Bộ của Việt Nam. Miền Nam Trung Bộ có thể kể từ tỉnh Quảng Ngãi cho đến Bình Thuận với đặc điểm gần giống nhau như

sau: dãy Trường Sơn trùng điệp xanh rì chạy dọc dài ở phía Tây, phía Đông trải dài mênh mang Thái Bình Dương, chính giữa là đồng bằng hẹp, ngoại trừ Bình Định và Phú Yên với diện tích nông nghiệp khá lớn. Xuyên suốt qua những đồng bằng là đường xe lửa Xuyên Việt như chạy trên một đường đê cao so với đồng ruộng. Đường xe lửa này có từ hơn một trăm năm qua do người Pháp xây dựng, và đang có dự án mở rộng đường sắt cho cùng một khổ với đường sắt quốc tế. Thắng cảnh và di tích cổ ở đây cũng không ít, so với Thừa Thiên và Quảng Nam thì không dồi dào bằng, nhưng là những di tích hiếm quý chưa được nói đến nhiều; ngoại trừ thành Đồ Bàn ở Bình Định, Tháp Bà Nha Trang, Tháp Chàm trên Đồi Trầu gần Phan Rang. Quảng Ngãi có cầu xe lửa sông Trà Khúc đồ sộ màu xanh lá cây đẹp hoang vu sát gần cửa sông ra biển, Phú Yên có cầu xe lửa Đà Rằng dài nhất Miền Trung và núi Đá Bia với bút tích vua Lê Thánh Tông, Bình Thuận với Lầu Ông Hoàng vang vọng thơ tình Hàn Mặc Tử và Sông Mao buồn thời chinh chiến trong thơ Nguyễn Bắc Sơn... Đặc biệt Khánh Hòa: ngoài thành phố du lịch bờ bãi tuyệt đẹp Nha Trang, hoặc cảng nước hải quân vừa rộng vừa sâu vừa kín gió tốt nhất thế giới Cam Ranh; còn có Vịnh Vân Phong cũng thật sâu và kín gió nằm ở phía Bắc Nha Trang độ ba mươi cây số. “*Hòn Lớn mang tôi, Hòn Hèo đội nón*”, đó là dấu hiệu thời tiết được người địa phương hình-tượng-hóa thật thơ mộng nói về mây vùn vù trên hai hòn đảo nhỏ trong vịnh Vân Phong, báo trước cho thuyền ghe biết sắp có bão. Từ Hòn Hèo, đi dần vào đất liền về hướng Tây, lần lượt là thôn Phong Thạnh nằm ngay trên địa phận có đường xe lửa Xuyên Việt, đi thêm về hướng Tây sát gần dãy Trường Sơn là làng sơn cước Vạn Khê. Sơn thôn này có thật nhiều dòng suối trong vắt, làm cho loại tre thấp ven bờ quanh năm xanh tốt, và những trưa chiều vang vọng từ các đỉnh núi tiếng chim “*bắt cô trôi cọt*”... Bối cảnh Miền Nam Trung Bộ ấy thấp

thoáng lộ ra trong thơ Lê Văn Trung, cũng chuyến tàu xe lửa chạy lướt qua dưới tháp trong khi nhà thơ đang về với thiên nhiên trên núi cao, cũng sương khói miền sơn cước, cũng những cánh chim và “những vì sao nở trắng” dọc dài đỉnh Trường Sơn vĩnh cửu:

.....
*Rồi có một ngày trên đỉnh núi cao
Chút đời ta cũng vô cùng sương khói
Tình em nào có nghĩa gì với cỏ cây
Bởi hồn ta ta đã phủ đầy mây trắng.*

.....
*Làm sao đưa ta đến những vì sao
Nở trắng một trời vĩnh cửu.*

.....
*Ngày ta về với hư vô
Bay theo những cánh chim hồng
Trong suốt đời tịch mặc.*
(Trích từ bài: Ngày về với thiên nhiên)

.....
*ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em nắm tay nhau khiêu vũ*

.....
*đôi tay giang ra trong giờ thuyết giáo
anh sẽ hát với các em
những bài ngợi ca thiên nhiên
ngợi ca các em
những thiên thần bé nhỏ*

.....
*ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em thổi tù và qua lưng tháp
khi chuyến tàu đầu ngày băng qua đồng cỏ
xin gọi đi những hệ lụy đời anh
và gọi đi những phiền muộn đời em
chúng ta sắp đến giờ thánh tẩy.*
(Trích từ bài: Giờ thánh tẩy)

Có những yếu tố, những từ ngữ trong thơ của Lê Văn Trung mang dáng dấp văn hóa Tây phương: thay vì những con kết xanh thường có trên dãy Trường Sơn thì lại là những cánh chim hồng; thay vì tiếng mõ trâu bò về chuồng thì lại là tiếng tù-và dưới thung lũng; thay vì cô độc trên chòi lá thì lại cùng khiêu vũ với các thiên thần bé nhỏ; thay vì chuyến tàu xe lửa băng qua đồng ruộng lúa nước thì lại băng qua đồng cỏ xanh. Những hình ảnh và từ ngữ ấy làm ta cùng cố thêm sự suy diễn: tác giả Lê Văn Trung không muốn chủ đề “Về Với Thiên Nhiên” hoàn toàn đóng khung vào cảnh quang Miền Nam Trung Bộ, dù ta thấy cảm hứng của tác giả đã thoát thai từ đó. Tác giả muốn có được tính chất phổ quát về không gian như tính chất phổ quát của chủ đề thường được đề cập đến này. Hành trình cảm thức cuộc trở về với thiên nhiên, qua thơ Lê Văn Trung, gần giống như đi từ rung động bài hát “Nương Chiều” (của nhạc sĩ Phạm Duy) trầm buồn miền sơn cước Việt Bắc, rồi lạc dần sang mỹ cảm bài hát “Tiếng Vọng Chiều Vàng” (của nhạc sĩ Văn Phụng) với nhịp điệu âm vang trên miền bình nguyên hoang vu Nam Mỹ.

TRẦN VĂN NAM

Walnut, California, tháng 11.2008

Thơ văn

Lê văn Trung /
Lê Nam Phương



phương trời hiu quạnh

tôi tìm em dứt mồn hơi
hai mươi năm dấu chân người mờ phai
tìm em suốt cuộc tình dài
đường vô tận
bến chờ

ngoài nẻo không

còn gì sau cuộc phù vân
lệ tình em ướt đầm phần mộ tôi

tôi tìm em
một phương trời
một phương trời
một phương người
quạnh hiu.

Phan Thiết 1997

ta cho nhau cái sau cùng

tặng Hiệp

ta đi trăm núi ngàn sông
để chia nhau cái khổn cùng đời nhau
để cho nhau cái cơ cầu
cho nhau cả những tình sâu nghĩa đầy

có em trong cuộc đời này
là ta có đủ vui đầy nông sâu
sá gì đâu cuộc bể dâu
ai không lận đận qua cầu tang thương

cụ Nguyễn Du khóc đoạn trường
ba trăm năm...
ta khóc buồn ngàn năm

hãy vì nhau dẫu mất còn
gợi cho nhau chút phai tàn hơi em
để sau bao thác bao ghềnh
bao nhiêu lừa lọc đảo điên phận người
ta dành một chút tình vui
tiếng đàn tan hợp ngâm ngùi Kiều xưa.

trên tàu Bắc Nam 15.02.2002

chợ nghèo

thơ viết cho H

ngày qua ngày lại ngày qua
tôi cùng em đẩy xe ra chợ nghèo

chở đầy xe nổi gieo neo
mua long đong bán bột bèo quần quanh
chợ chìm chợ nổi lênh đênh
bán ngày lưu lạc mua tình ly hương

tôi nhìn hai vết xe lăn
ngậm ngùi như dấu bàn chân bên đường
của em

giọt lệ
giọt sương
nghìn năm còn đọng trong lòng nổi đau
chợ nghèo rách dột xạm màu
thời gian
tiếng dế buồn nao bóng chiều

bán mua đời được bao nhiêu
chở đầy xe nổi gieo neo ta về.

Đồng Nai 9.2003

cùng em hoài phố

tặng N.T.H

để nhớ ngày về dự đám cưới

cháu Ấn ở Hội An

đưa em qua khỏi Chùa Cầu
chưa nhìn thấy hết một màu rêu phong
có người về tự ngàn năm
hỏi con đường nhỏ sợ nhầm lối xưa

đưa em xuống bến sông Hoài
làm sao qua được cỗi ngoài nhân gian
có ai gọi chiếc đò ngang
gợi câu thơ cổ buồn sang xứ người

đưa em dạo phố đời tôi
ai vô tình chạm vọng hồi chuông vang
có người ngồi cổng Chùa Ông
nhìn thăm thẳm cõi vô cùng Hội An

đưa em theo cuộc xoay vần
lá ngàn năm cũ đã vàng áo thu
có người hỏi phố xưa đâu
buồn tôi lạc giữa Chùa Cầu quạnh hiu

đưa em bên phố chợ chiều
bao dòng xuôi ngược tôi theo lối nào
có người mãi tận ngàn sau
không tìm thấy được nông sâu đời mình

đưa em vòng quẩn vòng quanh
viết câu thơ nỗi chút tình thiên thu
hời ơi trăm bề ngàn dâu
còn nguyên huyền bí
 nhiệm màu Đông phương.

VỀ LẠI BẮC CẦN THƠ

(Gởi Ng.)

Ba mươi năm trở lại bắc Cần Thơ
Sóng vẫn vỗ đôi bờ sông mộng quạnh
Chiếc phà vẫn lại qua muôn đời cam phận
Người đi, về chẳng hò hẹn cùng ai

Ba mươi năm như một tiếng thờ dài
Réo áo nảo qua lòng người khách lạ
Chiều cuối đồng ngồi chờ bên kẻ đá

Vành trăng xưa từng mảng vỡ theo dòng

Chạnh nhớ người qua bến bắc hoàng hôn
Lòng thiếu nữ toả hương thâm dạ thảo
Ba mươi năm nửa đời tôi gió bão
Nhớ, quên người gió xoã tóc chiều buông

Nhớ, quên người thăm thẳm một dòng sông
Gió thổi về đâu? Xuôi ngược cõi vô cùng
Em chẳng hiểu mây đời tôi vô định
Em có thấy sông đời tôi trăm nhánh

Mà chiều nay đậu lại bắc Cần Thơ
Ba mươi năm không hẹn, không chờ
Lòng tôi vẫn như lòng tôi rất cũ
Tình tôi vẫn như màu trắng viễn xứ

Đêm Ninh Kiều sáng một khoảng tình tôi

Sáng tác mới nhất của Lê văn Trung

LTS: *Tịnh khúc là một trường thi được tác giả sáng tác vào tháng Giêng, tháng Hai - năm 2008 tại Đà Nẵng, Hội An, Cù Lao Chàm trong dịp ông từ Đồng Nai về thăm lại quê nhà. Bài thơ dài này gồm ba phần. Chúng tôi xin trích một vài đoạn để quý bạn có thể thưởng thức những bài thơ mới nhất của ông.*

T I N H K H Ú C

Phần thứ ba (trích đoạn)

2*

Buồn chết từ đêm qua

Trăng một màu non khuyết
Em tàn phai nhật nguyệt
Đôi vú chiều sương pha
Ta niệm tình vô thi
Em khẩn tình vô chung
Em cuối bãi vô cùng
Ta đầu ghềnh vong diệt
Một mai đời sẽ hết
Ta chẳng được tìm nhau
Thịt xương còn run rẩy
Mắt không nhìn không thấy
Tai chẳng vọng chẳng nghe
Máu thơm nồng có chảy
Qua hết cội trần đau
Ồi giọt máu ban đầu
Rơi đỏ tình oan nghiệt
Ta trót dại tìm nhau
Ghi siết con huỷ diệt

Buồn chết từ đêm qua
Trăng một màu non khuyết
Em có phải em là
Trong cuộc tình nguyên tội ?

3*

Đêm một màu trắng bạc
Cù lao Chàm mưa sương
Đêm toả vào đôi mắt
Lời hát đượm trầm hương

4*

Buổi sáng anh ra vườn
Buồn nôn lên nỗi buồn đêm qua
Nhấp một tí cặn café từ đêm qua
Nghĩ về giấc mơ đêm qua

Buồn nôn
Anh buồn nôn nỗi buồn đêm qua

5*

Hỡi cô gái có đôi mắt mang nỗi buồn của tôi
Đừng nhìn vào giấc chiêm bao
Tôi đang tự sát
Máu đỏ lắm em biết không
Chảy qua đời tôi
Như dòng nước mắt
Đỏ một màu oan nghiệt trong thơ
Hỡi cô gái có đôi mắt mang nỗi buồn của tôi
Đừng đọc
Em ơi
Những dòng thơ mang nỗi buồn
Trong chiêm bao
Tự sát

LTS: Ngoài làm thơ, Lê văn Trung còn viết văn (dưới bút hiệu Lê Nam Phương). Truyện này được viết vào năm 1979, về một bi kịch thời hậu chiến. Đó là hoàn cảnh của những người có thân nhân bị mất tích. Trong chiến tranh họ mang gánh nặng của người chinh phụ, nhưng trong hòa bình họ mang theo nỗi đau đớn khác. Họ có mặt bên trong bốn bức vách nhà, nhưng thật sự họ đã sống **bên ngoài khung cửa sổ...**

LÊ NAM PHƯƠNG

BÊN NGOÀI KHUNG CỬA SỔ

Diệu tì tay vào khung cửa sổ, mắt u ẩn nhìn hút về phía xa. Cánh rừng mùa này đang trở nên xanh dù sương mù có làm cho màu xanh nhạt nhòa hơn. Nàng nghe rõ tiếng gió réo áo nã qua các ghềnh đá và lung lay những cảnh thông, tạo cho từng mảng sương mù biến đổi không ngừng, lúc thì trông như những bóng ma trắng chập chờn từng đàn từng lũ đi về một hướng, rồi đột nhiên quay ngoắc lại tan vào nhau thành một khối lẫn qua sườn đồi. Có một con đường mòn vắt qua cánh rừng nhưng giờ này nom không rõ. Chỉ nhận ra con đường qua bóng dáng nhấp nhô của một vài người vội vã đi về phía rừng xa.

Gần hai năm nay, Diệu có thói quen đứng tựa khung cửa sổ nhìn mông vào khu rừng, mắt dõi theo những lay động của cảnh lá, của sương và của những cánh chim lạc loài. Nàng đứng đó, lặng chìm vào nỗi nhớ tiếc xót xa và bóng dáng của Hạ lăng đãng mơ hồ. Tuổi thanh xuân trôi qua cay đắng cùng với những thèm khát tê buốt chảy rưng rưng trong từng tế bào. Nàng cắn chặt môi và nước mắt trào ra cấu buốt vào thịt da những khát khao cháy bỏng.

Diệu biết mình rất đẹp, và nhìn bề ngoài nàng trẻ hơn độ tuổi hai mươi. Thân hình cân đối, cặp đùi chắc, mông nở, eo thắt lại một đường cong gợi cảm làm nhô lên hai bầu vú căng đầy. Hạ đã từng luôn bàn tay thô bạo của mình sờ man bầu vú nàng. Những lúc đó Diệu thấy phần khích lạ thường và cơn thèm khát bùng vỡ như nổ tung cơ thể nàng. Nàng kéo Hạ nằm xuống, rên rỉ như một con mèo và nàng cắn ngập vào vai anh cố nén dòng nước mắt hoan lạc trào ra. Nhưng mỗi lần như vậy, Hạ đều nâng đầu nàng lên, hôn đắm đuối vào đôi mắt ướt ươn ướt của nàng, anh vỗ về Diệu :

- Chúng ta sẽ nén lại em ạ. Ngày hòa bình, ngày hòa bình anh bình an trở về. Bình an trở về, em biết không ? Ta sẽ chìm nhau trong cái địa ngục tình yêu, cái địa ngục mà nơi đó xác thịt ta sẽ cháy bùng ra. Anh sẽ bù đắp cho em. Em sẽ bù đắp cho anh. Ngày hòa bình anh sẽ về em ạ.

Hòa bình ! Chiến tranh đã chấm dứt thật rồi sao ? Hơn ba năm rồi đó. Người ta không còn bắn giết nhau nữa thì người ta bảo đó là hòa bình. Người ta không còn gây ra chết chóc máu đổ thịt rơi nữa thì người ta bảo đó là hòa bình. Mà nếu đã hòa bình rồi sao anh không về hỏi Hạ ? Người ta bảo anh mất tích ? Một con người tự dưng biến khỏi mặt đất này ? Thật vô lý ! Hay người ngoài hành tinh đã mang anh đi rồi ? Một người như Hạ, thuộc từng mảnh đất, từng khu rừng, từng con suối trên đất nước này mà bỗng dưng mất tích, không biết đường quay về ? Hòa bình rồi sao anh không về hỏi Hạ ? Có thể nào có một thứ hòa bình chưa phải là hòa bình ? Hòa bình rồi sao ta vẫn còn xa cách nhau muôn trùng ? Hòa bình rồi sao người với người không đến với nhau thân ái ? Hòa bình rồi sao em thơ vẫn còn lang thang từ hố rác này đến hố rác khác để tìm cái ăn ? Hòa bình rồi sao đêm ngủ không yên ? Tiếng chó sủa, tiếng gió đập cũng giật mình. Qua đêm thấy ngày mới biết mình chưa bị đưa đi. Rừng sâu nước độc, trùng vắng đèo cao. Lừa cả người già, trẻ con, phụ

nữ. Hòa bình rồi sao anh vẫn chưa về hồi Hạ ? Ôi hòa bình rồi sao vẫn bỏ quê hương. Chết biển. Chết rừng. Hòa bình rồi sao em không được anh ôm siết diu em vào con mê cuồng thêm khát. Hòa bình rồi sao em vẫn còn ngồi ngóng đợi anh về, vẫn là người chinh phụ bao nhiêu năm tỳ tã vào khung cửa sổ mà chờ, mà mong, mà hi vọng, mà tuyệt vọng, mà đón đau ! Rồi tự thêm khát thân xác mình như anh thêm khát thân xác em. Rồi nhớ quay quắt cuồng điên những bận anh dù về, áo quần bẩn thỉu, nồng nặc mùi mồ hôi và mùi thuốc lá, ôm ghì lấy em như một con thú hoang dã, đôi bàn tay thô bạo của anh luôn lách khắp thịt da em, hai bầu vú em căng cứng trong một con co giật tê điếng. Em trườn lên người anh quằn quại trong mê cuồng, phản kích với nỗi đón đau bùng vỡ niềm khoái lạc. Em đã giật đứt tung áo quần. Em trần truồng trình bạch trong tay anh. Em chết đuối trong tay anh. Nhưng tại sao? Tại sao anh dừng lại, hôn vào đôi mắt đang ứa đôi dòng lệ náo nức đợi chờ nguồn hoan lạc. Anh kéo em dậy, mặc lại áo quần hôn lên hai bầu vú đang còn căng cứng của em :

- Chúng ta sẽ đợi chờ nghe em ? Hòa bình anh sẽ trở về. Hãy giữ lại phút giây hạnh phúc nhất đời ta chào đón ngày hòa bình. Anh sẽ trở về. Rồi ta sẽ có con. Em ạ.

Nhưng rồi anh không về. Anh không về trong cái ngày người ta nói về hòa bình. Có phải anh là người chinh phụ “ cổ lai chinh chiến kỉ nhân hồi “ / Có phải em là người chinh phụ chờ chồng hóa đá ? Anh thì biến biệt. Em thì qua bao năm rồi, vẫn chưa hóa đá. Em còn nguyên đây trong nỗi đón đau thân phận, nhưng cơ thể em không tàn mục đi. Càng nhớ về anh nó càng căng đầy rạo rực trong những cơn mơ tràn ngập ái ân.

Diệu như thiếp đi trong dòng chảy của ý nghĩ, dòng chảy có khi trong veo có khi ngẫu đục, có khi dữ dội điên

cuồng có khi âm thầm lạnh giá. Diệu không nghe rõ tiếng gõ cửa, khi Diệu uể oải quay ra thì cái bóng già nua lom khom của một người đàn ông cũng vừa toan bước đi.

- Bác ơi, bác tìm ai ?

Diệu lên tiếng nho nhỏ và bước đến mở cửa. Người đàn ông trạc chừng sáu mươi, tóc bạc trắng, râu ria bờm xờm, miệng móm, nhìn chung gương mặt phờ phạc và xa xôi. Ông chống một cái gậy tre. Ông đang nhìn vào khu rừng, nói, không quay về phía Diệu :

- Tôi chẳng tìm ai. Tôi đang khát và cần ngồi nghỉ nhờ chốc lát.

Diệu mời ông vào trong nhà, ông từ chối :

- Tôi ngồi tạm ngoài hiên. Cô cho xin cốc nước.

Nàng đem nước ra:

- Bác từ đâu đến vậy ?

- Không từ đâu cả. Tôi lang thang đã suốt mấy năm nay rồi, không nhớ mình đã khởi đi từ đâu và đã qua những đâu. Không nhớ hết.

- Vậy nhà bác ?

- Không nhà.

- Vợ con bác ?

- Không vợ con.

- Bác định đi đâu ?

- Không định gì.

- Bác nói cháu chẳng hiểu gì cả.

- Vâng.

- Cháu lấy cái gì bác ăn nghe?

- Bà ấy chết trên đèo năm 75 cùng với con gái. Tôi tỉnh dậy thấy mình nằm dưới vực.

Người đàn ông có lẽ đã tỉnh táo lại, ông nói tiếp:

- Tôi đi tìm họ. Không thấy xác đâu. Từ đó tôi lang thang từ nơi này qua nơi khác. Tôi đi tìm họ.

Diệu vào sau nhà lấy ít cơm và thức ăn mang lên:

- Cháu mời bác ăn tạm...

Ông không để ý nói tiếp :

- Tôi đi tìm. Bao năm nay tôi đi tìm
Diệu tò mò lễ độ hỏi :
- Bác đi tìm ?
- Vâng, tất cả. Kể cả thằng con trai. Nó đi lính rồi không về. Hòa bình rồi cũng không về. Người ta nói nó mất tích. Lạ thật. Mất tích là sao ?
- Nhưng không có tấm tích gì của ai sao bác ?
- Không.
- Vậy mà bác vẫn đi tìm ?
Diệu lại hỏi một câu có vẻ ngờ ngẩn, chính nằng, chính nằng, không phải chính nằng cũng đang trông đợi vô vọng đó sao ? Lại một người nữa mất tích. Một là sống trở về hai là chết. Sao lại mất tích ? Mất tích. Thử ngôn ngữ đánh lừa làm cho ta vừa thấp thỏm hi vọng vừa đón đau tuyệt vọng.
- Tôi ăn nghe cô ?
Ông nhìn Diệu e dè hỏi.
- Mời bác. Nhưng mà bác không gặp anh ấy đã lâu chưa?
- Trước cái ngày thiên hạ cho là hòa bình mấy tháng. Tôi vẫn tin nó còn sống cô à. Mà nếu nó đã chết rồi thì cũng chỉ chết theo cái nghĩa đen của nó. Nó phải còn cái phần tâm linh của nó chứ. Nhưng tôi cũng không gặp nó ngay trong những giấc mơ của mình. Chẳng lẽ linh hồn nó cũng mất tích rồi sao ?
- Anh ấy đã có vợ chưa ?
- Chưa.
- Chắc cũng có người yêu rồi ?
- Chắc.
Người đàn ông đi tìm, ông nghĩ, ít ra là cái hồn của con mình. Diệu nghe lạnh lạnh sau sống lưng.
- Vừa ăn người đàn ông vừa kể :
- Tôi bảo nó lấy vợ, nó nói khi nào hòa bình. Rồi người ta nói với tôi đã hòa bình. Thế mà nó không về lấy vợ.

Diệu nhớ tới Hạ. Có phải anh cũng đã nói với em như vậy ? Hòa bình anh trở về. Và nàng nghe cơ thể thổn thức bởi một cảm giác cũ sống lại. Nhớ đôi bàn tay thô bạo của Hạ. Và nàng cúi nhìn xuống ngực mình, đôi bầu vú nàng không mặc áo nịt đang run run lên tê tái.

- Bây giờ bác vẫn còn đi tìm ?

- Vẫn.

- Bác có tin sẽ gặp anh ấy không ?

- Có.

Rồi ông cả quyết:

- Một là xác hai là hồn.

- Bác có nghĩ rủi ro anh ấy đã mất rồi, linh hồn anh ấy có về với bác không ?

- Cô tin có linh hồn không ?

- Cháu cũng không biết.

- Cái hồn của con người mới là cái lớn lao hơn. Thân xác chỉ là tro bụi.

- Nhưng cháu, cháu muốn có cái phần tro bụi đó hơn..

- Đúng. Cũng cần, nhưng cô nghĩ thế nào ? Nếu nó còn sống, chắc chắn nó phải trở về. Hòa bình rồi mà. Nhược bằng nó đã chết, cái hồn của nó cũng phải trở về chứ? Chẳng lẽ một người mất tích là một người không còn cả hồn lẫn xác ?

- Bác có thường cầu nguyện để xin còn được gặp anh ấy không ?

- Không. Không ai giúp ta được. Chúa cũng vậy. Phật cũng vậy.

- Vậy bác tin vào gì ?

- Không tin vào gì cả.. Tôi chỉ có trái tim. Trái tim tôi thôi thúc. Khi nào máu trong tim tôi ngừng chảy tôi sẽ ngưng cuộc kiếm tìm

- Bác không tin vào Chúa, vào Phật, vậy bác cho rằng không có thiên đường địa ngục sao ?

- Thiên đường địa ngục ư ? Đó chỉ là ý niệm. Nhưng cho

dù có thiên đường thì con người cũng không đặt chân tới được. Vì nó chỉ là ý niệm nên khoảng cách giữa thiên đường và địa ngục không xa. Hay chính xác hơn, nó không có ranh giới. Nhưng như tôi đã nói, con người chưa hề đặt chân tới thiên đường được, bởi chính nó, cái con người ấy, chính nó đã là địa ngục rồi.

- Vậy sao bác tin có linh hồn ?

- Tôi đã nói thế ? Thí dụ tôi nói tôi không tin vào Chúa, vào Phật là hiểu theo cái nghĩa quý ngài không giải thoát gì cho ta được. Tôi không tin tôi cầu xin sẽ được ân chuẩn. Có Chúa không ? Có. Có Phật không ? Có. Nhưng cầu xin quý Ngài giải thoát cho chúng ta khỏi những phiền não thì không, các Ngài không giải thoát cho ta được. Cho nên tôi lang thang kiếm tìm, chưa một lần cầu xin ân sủng. Tôi đi tìm theo sự thôi thúc của con tim phiền muộn, sự cô đơn lạc loài của kiếp người. Tôi vẫn đi tìm. Linh hồn ở đó.. Là trạng thái tâm lý vượt ra khỏi thực tại. Ta chỉ gặp linh hồn trong những giấc mơ của mình. Nhưng trong những giấc mơ phiền muộn của tôi, nó vẫn không quay về, họ không quay về..

Diệu trầm ngâm và như nói với chính mình:

- Không biết sau cuộc chiến này còn có bao nhiêu người lang thang tìm kiếm trong vô vọng nhưng không bao giờ từ bỏ.

- Bao nhiêu ? Ừ, không biết bao nhiêu.

- Bác đã gặp ai đi tìm như bác thế này chưa ?

- Chưa. Cũng không biết.

Người đàn ông bụng lỵ nước uống cạn, đứng lên:

- Tôi, cảm ơn cô. Tôi đi đây.

- Bây giờ bác định đi đâu ?

- Chưa biết.

- Buổi tối bác thường trọ ở đâu?

- Một người như tôi có rất nhiều chỗ để qua đêm. Góc cây bên đường, gầm cầu, hiên chùa, chuồng gia súc bỏ hoang

nào đó... Thôi chào cô.

- Nếu bác có đi ngang qua đây xin mời bác vào nghỉ.
- Chưa hẳn. Tôi chưa bao giờ có ý định quay lại lối mình đã đi qua.
- Bác đi bình an.

Người đàn ông bước ra đường, đi chậm rãi. Không rõ ông đi về phía trước hay quay lại lối cũ, chắc ông cũng không nhớ, mà Diệu thì cũng không biết ông đã từ hướng nào đi tới. Nàng mong cho ông gặp lại người con. Niềm mong ước đó nàng cũng mong cho chính mình, chút hi vọng leo lắt trong niềm tuyệt vọng bi thương. Nàng quay lại khung cửa sổ, lại tì tay vào đó, nhìn xa xôi về phía khu rừng. Hình như bóng người đàn ông thấp thoáng cuối con đường mòn dẫn vào khu rừng. Ông ta đi vào rừng ư ? Diệu lo lắng. Vào rừng một mình không áo ấm, không nước uống, không thức ăn. Nàng biết, băng qua hết cánh rừng này là một bản làng độ vài chục nóc nhà lụp xụp của những người từ thành phố bị đưa về đây. Qua hết cái làng nhỏ đó lại một cánh rừng nữa kéo tận chân dãy Trường Sơn. Nàng vẫn thường thấy những người ở khu làng kia, thỉnh thoảng, qua lại trên những lối mòn này, họ đến một cái chợ nho nhỏ để trao đổi những thứ họ kiếm được và lấy lại những thứ cần thiết, thường là mắm muối dầu đèn... Họ sinh hoạt gần như những người anh em miền Thượng Du, trông họ cũng lầm lì và im lặng. Diệu chưa hề thấy bóng dáng một đứa nhỏ nào. Trong làng không có trẻ con chăng ? Hay người ta không dám sinh đẻ ? Nhưng làm sao người ta tránh được cái chuyện ấy. Đúng là Diệu chưa hề thấy một đứa trẻ nào. Nếu có thì ít ra chúng cũng đi học và buộc phải ngang qua đây để đến một cái trường duy nhất ở cuối khu này. Một ngôi trường lợp lá cọ đột nát xiêu vẹo như sẵn sàng đổ xuống nếu có một cơn gió hơi mạnh thổi qua. Hay chúng phải ở nhà chăn trâu, cuốc

đất, lượm củi hái rau...Chúng phải phụ giúp cha mẹ. Chúng không được đi học. Diệu chợt nhớ tới Lão Du Sĩ, năm 75 lão lừa hết vợ con vào rừng sâu, cách ly hẳn xã hội, bắt đầu cuộc sống hoang dã sơ khai. Mấy đứa con lão hoàn toàn không màng tới có một thế giới loài người đang tồn tại bên ngoài bức tường cây cối dày đặc của rừng xanh.

Diệu bỗng thấy xốn xang trong lòng. Nếu Hạ không mất tích. Nếu Hạ giữ đúng lời hứa với nàng,nay Diệu đã có con, đã sống hạnh phúc bên Hạ, cho dù phải sống cơ cực đi nữa. Diệu sẽ dạy con học, dạy chúng lòng yêu thương, dạy chúng biết trân trọng cỏ cây hoa lá... Nhưng giờ thì... Hạ đã bay qua một dãy núi nào đó, một khu rừng nào đó và anh đã không trở về.

Anh sẽ về.
Em lo cho anh quá.
Chắc chắn hòa bình.
Em thấy xa vời quá.
Không thể chém giết nhau mãi được.
Em không hiểu.
Máu đã đổ nhiều rồi.
Tâm hồn con người cũng ung vữa rồi.
Phải hi vọng em ạ.
Vâng, đừng tuyệt vọng. cay đắng quá. Ôm em đi anh.
Em thèm anh quá.
Hòa bình anh trở về.
Yêu em đi anh.

Anh sẽ về. Chờ đợi anh.
Rồi anh không về, Hạ, anh không về.

Nàng nhìn xuống ngực mình, hai bầu vú căng lên dưới lớp vải mỏng. Nàng nhắm mắt lại, nhớ từng sợi tóc, ánh mắt của Hạ, nhớ bàn tay thô bạo của anh bò trườn khắp cơ thể nàng. Bất giác nàng mở cúc áo để lộ bầu ngực đang rung lên, trắng như sữa và hai núm vú đỏ hồng, nàng thềm ngậm vào đó mà mút như Hạ đã từng, giống một thằng bé tham ăn, mút hai bầu vú nàng khiến nàng ngây ngất trong cơn tê dại đón đau quặn quại niềm khoái cảm đến ứa nước mắt. Nàng đưa tay nâng hai bầu vú của mình lên, chìm sâu trong nỗi tiếc nhớ thăm thẳm.

Đã hơn hai tháng trôi qua kể từ ngày người đàn ông lạ ghé vào. Ông ra đi, không để lại dấu vết. Nàng chỉ nhớ mang máng người ông gây guộc, tóc bạc, râu dài và đôi mắt sâu hun hút bao giờ cũng như nhìn vào cõi hư không nào. Một con người cô độc trên thế gian đầy bất trắc này đang đi tìm một bóng hình hư ảo với niềm hi vọng bi đát. Diệu nhớ tới ông và thấy tội nghiệp cho ông quá. Mỗi thương cảm này làm nàng thổn thức và khổ sở vô cùng.

Anh đã từng yêu ai chưa?
Chưa.
Anh đã ngủ với cô gái nào chưa?

Rồi.
Ai ?
Gái điếm.
Ghê.
Không ghê đâu. Giải quyết bình thường.
Anh không muốn yêu em à ?
Muốn.
Vậy hãy yêu em đi.
Hòa bình anh trở về.
Em không chờ được.
Hãy chờ..

Diệu nhớ tới người đàn ông.

- Tôi bảo nó lấy vợ, nó nói chờ hòa bình.

Hòa bình rồi phải không ? Anh không về. Người thanh niên kia cũng không về.. Một người cha già nua lang thang đi tìm trong vô vọng. Một phụ nữ ngồi chờ bao nhiêu năm đắng đặc. Cả hai đều không dám tin mình đã mất hay còn người thân yêu của mình. Khi nào có sự bắt đầu tìm kiếm trong vô vọng, có sự chờ đợi trong vô vọng là lúc bắt đầu nghe người ta nói đến hòa bình, phải không ? Cả đất nước này, cả loài người này đang như thế và sẽ còn như thế.

Diệu nhớ tới người đàn ông, một người mang nỗi khắc khoải giống như nàng. Nhưng ông thì dần thân đi tìm, nàng thì ngồi âu sầu buồn bã đợi chờ vô vọng trong nỗi cô đơn triền miên và trong nỗi thao thức của cơ thể, một nỗi khát khao bị thương làm nàng thấy cả nguồn sinh lực mình như cơn sóng vỗ trào vào một bờ bãi hoang liêu.

“ Hay là mình đi tìm ông già”. Nàng tự nhủ với mình và hình như có một nguồn thôi thúc nào đó trong lòng bảo nàng “ Hãy lên đường “. Thà làm một cuộc hành hương vô vọng còn hơn ngồi chờ mỗi một trăm năm. Hai người sẽ chung một con đường cho dù con đường phía trước mù

mật. Thôi, hãy cất bước là ra đi. Cả đất nước này, cả loài người này hình như cũng đang lên đường, tìm kiếm cái đã mất, tìm kiếm điều chưa có, tìm kiếm cái đã bị tước đoạt, cả hai người - người đàn ông và nàng - đều có thể, không có một điểm rõ ràng để tới, nhưng cả hai đều ra đi với khát vọng vô bờ : có thể, người đàn ông chỉ mong, dù trong giấc mơ phiên muộn của mình, cái bóng cái hồn của người thân yêu. Nhưng với nàng, nàng muốn tìm cho bằng được cái khối vật chất mang hình hài một con người và chỉ có con người đó mới bù đắp nỗi khao khát bị nhấn chìm trong nỗi cô đơn bị thương mà nàng đã chịu đựng.

Thế là Diệu quyết định lên đường. Nàng chuẩn bị một vài thứ lặt vặt và áo quần, rạng sáng hôm sau, đúng một trăm ngày kể từ ngày người đàn ông lạ ghé qua, túi xách trên vai nàng lầm lũi đi trong sương mù trên con đường mòn dẫn về phía khu rừng.

Trời đã chuyển sang những ngày của mùa đông. Gió se se và bầu trời nhiều mây, sương mù nặng nề bám là là mặt đất, trời đất nhuộm một màu trắng nhờ nhờ chậm chạp trôi khiến người đi như bênh bồng trong ảo giác chậm chòn. Con đường vắng đến độ không có một sinh vật nào, ngay những tiếng kêu rên rĩ của những con dế nấp dưới các lùm cỏ cũng chìm khuất trong cái yên lặng nào nề của đất trời. Diệu đi trong miền yên lặng đó, nàng chỉ còn mơ hồ nghe con tim mình nhịp u buồn theo từng bước đi nhẹ như bước trên mây. Nàng phải đi như thế ít nhất nửa ngày mới đến bìa rừng. Nghỉ ngơi dăm phút rồi phải vội vã băng qua khu rừng trên một lối mòn quanh co chìm khuất dưới tàn lá cây rừng, nếu không chú ý có thể lạc vào những lối mòn chằng chịt mà những người đi lượm củi

tạo ra dọc ngang.

Hình như Diệu đã từng nằm mơ thấy mình thường lang thang trên những con đường như thế này. Nàng đi mãi đi mãi, những bước chân vô định với một tâm lòng nặng trĩu niềm nhớ nhung cùng nỗi khát khao thiêu đốt xác thịt. Rồi ngọn lửa bùng lên trong một cơn phấn khích mê cuồng nàng bấu chặt hai tay vào hai bầu vú căng tràn. Nàng tỉnh dậy và rơi vào nỗi cô đơn triền miên.

Bây giờ nàng cũng đang đi trên cái lối mòn đó. Một con người bằng xương bằng thịt đang đi giữa đất trời hiện hữu đó, cũng chỉ là sự nối tiếp của một giấc mơ không dứt ? Giấc mơ của loài người đang đi tìm một thiên đường đã mất, một hạnh phúc bị tước đoạt. Giấc mơ của con người đang quần quanh trong trời buộc, đang nô lệ vào những gông cùm của học thuyết.

Và bây giờ nàng cũng đang đi trên lối mòn đó như một xác định sau cùng cái phận người nghiệt ngã đang chơi vui trong hố thăm của cuộc kiếm tìm. Nàng đi tìm Hạ hay đi tìm chính số phận mình, đi tìm tia lửa cuồng nhiệt của xác hồn nàng mà Hạ đã nhiều lần thổi bùng lên.

Ánh nắng ban trưa xuyên qua màn cây bị gió lay nhẹ làm những giọt nắng chập chờn như những cánh bướm trong một câu chuyện thần thoại. Diệu ngồi xuống tựa vào một gốc cây, nhìn bốn bề yên lặng, một con sóc nâu rụt rè ve vẩy cái đuôi, đôi mắt như hai hạt cườm từ bên cành cây khác nhìn nàng như tự lượng có điều gì nguy hiểm xảy ra cho nó không, rồi vụt một cái nó biến vào bụi rậm. Hình như có tiếng người vang nho nhỏ bên con đường mòn rẽ ngang chỗ nàng đang ngồi.. Diệu quay nhìn lại : hai người phụ nữ đang vừa đi vừa nói chuyện, họ đang tiến về phía nàng. Diệu đứng lên, định bước đến chỗ họ, nhưng họ đã gần kề, nàng lên tiếng:

- Chào hai chị..

Hai người phụ nữ, một đã đứng tuổi, một còn trẻ, bờ ngõ nhìn nàng từ đầu đến chân, rồi gương mặt họ bỗng trở nên

vui ra, thân ái.

- Cô đi đâu mà ngồi giữa rừng thế này. Người lớn tuổi hỏi.

- Lối này dẫn vào một ngôi làng phải không hai chị ?

- Vâng, chúng tôi ở đó.

- Ô, may quá, hai chị cho em theo về.

- Cô đến nhà ai ở đó ?

- Em không quen ai ở đó cả.

- Thế cô về đó làm gì ? Người phụ nữ trẻ im lặng nãy giờ mới lên tiếng.

- Dạ đi tìm.

- Tìm ai ?

Diệu ngạc nhiên, không biết trả lời ra sao nhưng người lớn tuổi đã nói :

- Có phải cô đi tìm một người đàn ông cách đây mấy tháng đã ghé ngang qua làng này, phải cha của cô không ?

- Dạ không.

Tần ngần giây lát rồi Diệu nói;

- Nhưng em cũng muốn đi tìm ông ấy. Bây giờ ông không còn ở trong làng sao ?

Nàng lo lắng hỏi.

- Ông ta chỉ ở lại một đêm rồi đi.

Diệu muốn biết thêm thông tin về người đàn ông nhưng người phụ nữ lớn tuổi đã giục:

- Thôi chúng ta về, không khéo không kịp trời tối.

- Các chị đi hái măng rừng hả ? Diệu hỏi và nhìn thấy họ sắp đội lên đầu một cái bao đựng măng.

- Vâng. Người trẻ tuổi trả lời. Chúng tôi ở đây sống nhờ vào núi rừng. Đời sống khổ lắm, nhưng biết làm sao, không quay về được.

Diệu biết rất rõ những điều này, nàng không muốn đi sâu vào hoàn cảnh của những con người đang cư ngụ trong cái làng này. Những con người đã bị tước đoạt tất cả và bị lừa vào đây bằng những áp lực che đậy đủ mọi danh hiệu tốt đẹp. Có một số người chịu đựng không nổi với

đói khổ, sốt rét, đã bỏ trốn về thành phố, nhưng nhà cửa không còn, họ sống chui nhủi bất hợp pháp, dưới những gầm cầu kênh rạch, làm tất cả mọi việc, kể cả ăn cắp để có cái ăn.

Ba người lầm lủi đi, phút gặp gỡ ban đầu đã qua, sự mệt mỏi và lo âu xâm chiếm lòng họ, nên chẳng còn ai nói với ai, họ im lặng đi trong cái lặng yên của đất trời. Diệu thầm nghĩ trong lòng không biết người đàn ông đã đi về đâu, rồi trên bước đường dong ruổi đó ông có gặp điều gì bất trắc không. Từ lâu, từ cái ngày tì tay vào khung cửa sổ ngóng về một phương trời xa lắc, mà ở đó bóng dáng Hạ chấp chờn hư ảo. Nàng sống trong nỗi cô đơn cùng cực, và nàng mãi nghĩ rằng sao trên đời này, cả hàng tỉ con người này, chỉ có mỗi mình nàng đơn độc. Bây giờ trước nỗi đau của người đàn ông đó, nàng chợt nghĩ rằng không phải chỉ một mình nàng, mà còn rất nhiều, rất nhiều những mảnh đời trôi giạt khắp thế gian này, bơ vơ, lạc loài, sau cuộc chiến thảm khốc và phi nhân, cuộc chiến đã đẩy dân tộc này, loài người này vào những cảnh ly tan bi thương. Và để rồi sau khi đã thỏa mãn trong một cuộc tương sát khốc liệt, những người nhân danh hòa bình tự do lại đẩy con người vào những lo sợ kinh hoàng hơn, những tan nát đổ vỡ hơn. Con người không còn chết vì bom đạn nữa, mà chết

vì đói khát, bệnh tật, chết vì lo sợ trong những khu tập trung. Con người đứng trước nguy cơ sụp đổ cả cái ngôi nhà đạo lý đã dày công xây dựng mấy ngàn năm để đi tôn vinh vật chất, lừa gạt, phản bội nhau...

Diệu thấy nặng trĩu trong lòng.

“Sao anh không về hỏi Hạ người ta nói hòa bình rồi.”

Con đường đã bắt đầu sẫm lại. Mặt trời khuất vào những dãy rừng xa. Gió xào xạc và lạnh lạnh. Dù mỗi mét, Diệu vẫn cố bám theo hai người phụ nữ đang hối hả bước đi.

- Còn bao xa nữa ? Nàng hỏi.
- Đi khoảng một tiếng nữa là tới. Cô mệt sao ? Người phụ nữ trẻ ân cần hỏi Diệu.
- Em cố được., chỉ hơi đau chân.
- Gắng tí nữa, tối nay cô nghỉ chỗ tôi. Người phụ nữ trẻ an ủi Diệu.
- Đi như thế này có sợ thú dữ không chị.
- Cô yên tâm, ngay những con thú hung dữ nhất cũng bỏ đi sâu vào núi cao rừng thẳm rồi. Chúng nó sợ loài người.

“ Chúng nó sợ loài người “ Diệu mỉm cười chua chát. Con người bây giờ đã xâm chiếm chốn cư ngụ của muôn thú, giành giật nơi ở cái ăn của chúng, thậm chí chúng còn bị sát hại không thương xót. Cây rừng còn đổ máu. Suối rừng còn khô lè. Bao giờ thì con người, cỏ cây, muôn thú sống thực hòa bình ? Diệu nhớ tới mấy câu thơ của một người nào đó;

“ Hỡi những thiên thần quỉ dữ hãy nằm yên

Cho em lại là em
Thuở đất trời nguyên thủy
Cho tôi cũng là tôi
Thuở hồng hoang bùng dậy
Để một giây một phút rất phù du
Mầu nhiệm mở tung cánh cửa ngục tù
Em đứng khóc dưới chân đồi hạnh

phúc

Ta viết nốt câu thơ ngàn năm trước...”

Ước vọng của nhà thơ là một ước vọng đầy nhân bản nhưng sao nghe trong giọng điệu không che dấu được nỗi bi thương của nguồn tuyệt vọng. Diệu lại thấy lòng mình trào dâng một nỗi thương cảm vô bờ. Nàng nhìn bóng hai người phụ nữ xiêu vẹo chập chờn phía trước, họ đội mậy

bao mǎng, đầu cúi xuống. Họ thấy gì trong từng bước chân của mình ? Họ thấy gì trong nỗi lòng đầy lo âu của họ ? Họ sẽ trở thành những con người của rừng núi mãi mãi, mãi mãi, đến cả đời con cháu họ sao ? Còn nàng ? Nàng đang đi về đâu đây ? Khi phía trước là mệnh mông mù mịt. Nhưng, nếu không ra đi, không dấn thân vào cuộc kiếm tìm vô vọng, không đợi chờ mòn mỏi thì nàng sống vì cái gì ? Sống cho ai đây ?

Chân trời hạnh phúc đó ở đâu để em về ngồi mà khóc, khóc trong nguồn hoan lạc bị thương. Để anh về viết tiếp bài thơ ngàn năm trước, những câu thơ từ thuở khai sinh đất trời.

Ba người phụ nữ vừa đến đầu làng thì trời cũng nhá nhem tối. Diêu đưa tầm mắt dò theo những căn nhà lụp xụp thưa thớt núp dưới những tàn cây. Vài ánh đèn leo lắt như những con đom đóm khuất khuất hiện hiện sau vách nửa

Buổi chiều nơi một vùng rừng núi dù được xây dựng thành một cái làng nho nhỏ sao Diêu thấy chẳng có hình ảnh nào của một làng quê truyền thống . Nó im lặng đến độ rừng mình khiến ta có cảm giác lạc vào một thế giới hoang vu nào. Nếu không có, thỉnh thoảng, vài tiếng chó sủa vu vơ lạc lõng trong không gian vắng lặng này, và nếu không có bóng ba người phụ nữ di động thì hầu như toàn bộ không gian này là một bức tranh chết. Một bức tranh mà tác giả của nó trong một cơn loạn trí đã tạt cả khối màu lẫn lộn cả đất cát, máu và nỗi tuyệt vọng lên khung vải. Trong toàn bộ cái khung cảnh chết lặng đó Diêu nhìn thấy một cụ già gầy xọp, tóc loe hoe bạc, quàng một tấm bao bố ngồi xụp bên đường, đôi mắt chìm trũng, tối tăm

và khổ hạnh. Người phụ nữ trẻ vội chạy đến bên bà cụ.

- Trời ! Sao mẹ ra ngồi đây ?

Quay sang Diệu chị tiếp:

- Mẹ tôi đây, bà yếu lắm..

Chị dìu bà cụ đứng lên, bà móm mém, hơi thở mệt nhọc, nói không thành tiếng rõ ràng;

- Ai ?

Chị không trả lời, Diệu cũng đến đỡ bà cụ một bên, người phụ nữ nói:

- Nhà gần đây, cô về với chúng tôi.

Sau khi chào người đàn bà lớn tuổi, Diệu cùng mẹ con người phụ nữ trẻ rẽ vào một lối mòn nhỏ. Căn lều thấp lè tè nằm sau khoảng sân hẹp. Một đứa bé chừng năm tuổi chạy vội ra.

- A! Mẹ về. Nó reo lên vui mừng, rồi nhìn Diệu nó vòng tay chào.

Diệu xoa đầu thằng bé.

- Cháu ngoan lắm.

Đó là một thằng bé có đôi mắt hơi tối, da ngăm đen, tóc cứng lờm chờm, nó chạy đến bên mẹ, hỏi nhỏ :

- Ai đó mẹ ?

Diệu chợt thấy lòng buồn rười rượi. Nàng nhìn lướt quanh. Người mẹ già đã ngồi bên thềm, mắt ngóng ra đường mòn, không nói gì, người phụ nữ lẳng xẵng nhóm lửa. Đồ đạc trong nhà chẳng có gì, một cái giường tre, trên đó tấm chiếu đã rách, vài cái gối và cái mùng cũ nhàu bần. Nàng nghĩ người phụ nữ này không lớn hơn nàng là mấy nhưng đời sống lam lũ thiếu thốn quá trông chị như già hơn nàng cả chục tuổi. Dù cố nén sự tò mò, nhưng cuối cùng Diệu vẫn hỏi :

- Ba cháu đâu mà không thấy chị. ?

Người phụ nữ vừa thổi lửa vừa trả lời:

- Anh mất mấy năm rồi, lúc cháu mới hai tuổi.

Diệu không thấy bàn thờ đâu

- Chị quê đâu ?

- Tôi cũng chẳng nhớ quên quán nơi nào. Hồi chiến tranh chạy tán loạn, cha mẹ anh chị em chết hết, tôi sống ở cô nhi viện.

Chị thở dài:

- Lớn lên lẩn lóc đường phố, gặp ba cháu cũng dân chạy loạn, vô gia cư, ảnh làm phu khuân vác, tôi buồn thủng bán bụng, che mấy tấm bạt dưới gầm cầu. Nhưng đừng một cái : hòa bình ! Họ bảo chúng tôi là thành phần nguy hiểm cho xã hội, lừa lên đây. Mấy năm đầu sốt rét, đói, ỉa chảy...chết nhiều, ba cháu cũng chết vì sốt rét, không có thuốc. Nhiều người trốn về, tụi tôi chịu, đành bám đây.

Ngưng kể chuyện, chị nhìn thằng bé đang lấy những mẩu măng từ trong bao ra đặt cẩn thận lên gạch cửa :

- Chỉ tội thằng bé ! Thôi thì xin đất trời phù hộ, mai sau này có thay đổi gì...

Chị bỏ lững câu nói.

“ Mai sau có thay đổi gì “. Diệu thấy cay đắng trong lòng. Nàng, nàng có mong “ mai sau thay đổi gì” trong sự chờ đợi khắc khoải vô vọng này không ? Diệu nghĩ, nếu có thể đánh đổi được số phận, nàng muốn mình là người phụ nữ này, muốn làm vợ, muốn làm mẹ. Cho dù anh ấy đã chết, vẫn còn thằng bé, hiện thân của anh, máu thịt của anh, nàng đâu phải chịu cô đơn dày vò thế này. Tuổi xuân rồi cũng tàn. Hạnh phúc ái ân đâu có chờ đợi nàng năm năm, mười năm nữa.

- Cháu, lại đây với cô, nàng gọi thằng bé, nó rụt rè đến bên Diệu, Diệu ôm nó vào lòng, nước mắt ứa ra quặn thắt. “ Trời ơi, nếu anh để lại cho em một đứa con ! Anh bảo chờ hòa bình,. Hay là vẫn chưa có hòa bình ? Vì anh chưa về phải không ? “ Diệu hôn vào trán thằng bé, lòng trào dâng một nỗi khát khao làm mẹ. Nàng quay về phía bà cụ đang ngồi bất động bên hiên nói với người phụ nữ :

- Chị đưa cụ vào nằm cho khỏe, hình như cụ có điều gì nặng trĩu trong lòng.

- Từ ngày ảnh mất, bà trở nên âm thầm như cái bóng, sức

khỏe sút giảm. Tôi nghĩ mẹ sẽ không sống được bao lâu nữa.

- Hay chị đưa cụ về cháu về thành phố.

- Không được đâu cô.

Về thành phố. Nàng chẳng đã rời thành phố để về một vùng quê heo lánh đó sao. Thành phố. Cái thành phố tràn ngập những kỷ niệm lại là một chứng nhân của bao đổ nát, ly tan. Hing bóng của phố phường ngày xưa đâu còn nữa. Bây giờ ở đó là bụi khói, là rác, là cống rãnh của lũ chuột, lũ mèo hoang, là chốn của một lớp người cơ hội từ một hang ổ nào đó nhảy tót lên ngồi vào chiếc ghế thượng lưu, đại gia trong những cao ốc, biệt thự sang trọng bên cạnh đám dân nghèo bán mồ hôi nước mắt cả ngày mua không đủ bữa cơm dưa mắm. Nàng đã rời xa thành phố, rời xa cái cạm bẫy mà những người phụ nữ như nàng, nếu không đứng vững được sẽ rơi ngay vào ổ mãi dâm, vào các quán bia ôm, bán thân xác của mình, ngủ cả với những thằng đàn ông bằng tuổi ông nội ông ngoại, với những thằng nhãi đáng tuổi em tuổi con. Chúng nó có tiền, đồng tiền của chúng không tốn một giọt mồ hôi.

Diệu nhớ đã gặp một người phụ nữ cũng trạc tuổi người phụ nữ trẻ này, bỏ quê lên thành phố kiếm việc làm, nhưng cuối cùng bị đẩy vào con đường làm gái mãi dâm và đã chết vì không chịu nổi một toán côn đồ thay phiên nhau cưỡng hiếp, để lại một đứa con dại và mẹ già ở quê nhà. Báo chí có nói đến nhưng chẳng đến đâu. Không tìm ra người thân của nạn nhân. Vụ việc chìm vào bóng tối, không ai còn quan tâm tới nữa.

- Cháu nó ở đây thiếu thốn rất nhiều, người phụ nữ trẻ nói, không được đi học. Trước ở đây cũng có một lớp học nho nhỏ, một cô dưới xuôi lên, được mấy tháng cũng bỏ về. Chúng tôi sống gần như bị quên lãng. May là chúng tôi vẫn tìm ra cái ăn.

Người phụ nữ dọn cơm ra trên một cái sàn bằng tre đặt giữa nhà. Diệu ngồi ăn với họ, mỗi miếng cơm và vào

miệng nàng nghe cả một nỗi cơ cực chảy vào lòng.

Diệu đã từng ở những vùng quê thời nàng còn làm giáo viên, nhưng có lẽ không có một vùng quê nào giống ở đây, nó im lặng đến dị thường. Nỗi lặng yên này hiện ra vẻ chịu đựng cam đành, cuộc sống trôi đi như trôi trong một dòng nước ngầm chẳng bao giờ thoát ra được. Thậm chí sự xuất hiện của người đàn ông lạ, và bây giờ là Diệu, cũng chẳng thể gợi lên chút xao động. Nếu Diệu không hỏi chắc người phụ nữ cũng không đá động gì việc người đàn ông lạ đến đây và vội vã đi sâu vào rừng.

- Ông ta đến đây lúc đã khuya lắm, vào một nhà gần đây xin nước và nằm ngủ ngoài hiên. Ông không nói gì nhiều nên chẳng ai biết ông từ đâu tới. Ông chỉ hỏi qua khỏi khu này là đâu. Đi khỏi khu làng này rồi băng qua một cái truông dài chạy mãi đến chân núi. Đi bộ phải mất hơn ngày đường cô ạ.

- Ông không nói ông vào núi làm gì hả chị ?

- Ông chỉ nói ông đi cho đến khi nào không thể đi được nữa. Thậm chí có thể băng qua núi. Nhưng cô là gì của ông ta ?

- Em không là gì cả.

Rồi Diệu kể chuyện ông ghé ngang nhà xin nước, trao đổi với Diệu đơn giản về thân phận và mục đích cuộc ra đi tìm kiếm vô vọng của ông.. Diệu cũng không thể nói rõ với người phụ nữ mình đi tới đây với mục đích gì.

- _ Gần dưới chân núi có một ngôi chùa cổ cô ạ. Hình như có một vị sư già và một chú tiểu. Dân làng này có người đã đến đó rồi. Họ đến để xin thuốc chữa bệnh. Nghe đâu vị sư biết chữa bệnh và bốc thuốc, phần nhiều là lá cây rừng, ông không lấy tiền, chỉ làm phúc.

Có lẽ người đàn ông đã đến được ngôi chùa, Diệu hi vọng ông còn ở đó, và Diệu hình như tin như thế. Bởi nếu không, ông đã quay trở lại rồi, cho dù có lần ông đã khẳng định không bao giờ quay lại lối cũ. Diệu cũng không tin

ông đủ can đảm và quyết tâm vượt núi trong khi không có một tí hành trang gì. Nếu ông liều lĩnh qua núi chỉ có chết, không đói lạnh, té ngã thì rấn rít, thú dữ cũng quật ngã ông.

Biết Diệu có ý định sớm vào núi, người phụ nữ trẻ tốt bụng đã dậy từ lúc gà gáy canh hai nấu rồi gói cho Diệu một gói cơm, một ít muối đậu rang và bình nước. Cả đêm Diệu cũng không ngủ được, nằng ôm thẳng bé nằm dưới nền nhà, lòng rung rức nhớ đến Hạ. Cơ thể nằng căng ra trong cảm giác vừa đón đau vừa tiếc nhớ.

Cuộc chiến bị thảm mấy mươi năm đã để lại trên quê hương này, trên mặt đất này bao nhiêu người phụ nữ như Diệu, như người phụ nữ trẻ kia? Tuổi thanh xuân bị tước đoạt, bị đánh cướp, để lại trong tâm hồn họ, trên cơ thể họ những vết thương không bao giờ lành sẹo. Để lại bao nhiêu người mất tích không biết đã chết hay sống vô hồn nơi thâm sơn cùng cốc nào, không còn trí nhớ để tìm về nơi chốn thân yêu. Để lại bao nhiêu con người què cụt tàn phế không nhà không cửa lê lét bên xe cửa chợ. Để lại bao nhiêu trẻ thơ không cha không mẹ mà thiên hướng “tính bản thiện” đã bị xoá mờ vì cái đói, vì bản năng sống còn, để cái xấu đồng loã cả một thế hệ trẻ thơ biến thành kẻ cắp. Mười mấy tuổi đầu đã biết giết người. Mười mấy tuổi đầu đã làm gái điếm. Để lại bao nhiêu trứng mất sâu huãm vì đã khô nước mắt của mẹ già, của cha già mấy mươi năm khóc than, héo mòn chờ đợi hoà bình, chờ đợi con về, rồi bây giờ vẫn còn chờ đợi, còn khổ đau, vì các con không về, vì các con chết trên rừng, dưới biển trong những cuộc trốn chạy vì bị khủng bố, bị săn đuổi. Để lại những mảnh đời lang thang kiếm tìm trong vô vọng, như Diệu, như người đàn ông hôm nào.

Trong cảnh tịch mịch của núi rừng, tiếng gà một lần

nữa lại vang lên như nhắc nhở Diệu bóng đêm rồi sẽ qua và ánh sáng của ngày sẽ đến. Và cho dù tiếng gà vẫn còn khàn đục trong sương vẫn cứ là tiếng báo hiệu lên đường. Diệu mở túi lấy ra mấy chục bạc, rất cảm động, nàng nói với người phụ nữ trẻ tốt bụng;

- Em chẳng có gì nhiều, gởi chị chút đỉnh mua thêm áo quần cho cháu, hi vọng có dịp quay lại em sẽ ghé.
- Không cô ạ. Tôi không nhận tiền của cô đâu. Tuy chưa biết cô là ai nhưng tôi thương tôi nên tôi miễn cô.
- Vậy thì chị phải nhận cho em. Đây là chút tình, không phải em trả ơn trả nghĩa gì đâu..

Diệu nhét tiền vào túi người phụ nữ. Hai người ôm nhau và hình như họ đang khóc, khóc cho nhau và cho chính thân phận của họ.

Diệu hôn thẳng bé lần nữa. Tay nải trên vai, nàng cúi đầu trước bà cụ còn nằm không biết đã thức hay đang ngủ, nàng bước ra ngõ, hướng về phía khu rừng, cúi đầu đi không dám quay lại.

Buổi sáng lạnh và ướt sương, lối mòn mập mờ màu trắng đục. Vài con chim ngái ngủ kêu lên mấy tiếng chim chirp lạc loài rồi cánh vật chìm vào sự im lặng. Diệu vòng tay lên ngực như tự trấn` an mình hãy can đảm bước đi, bàn tay nàng chạm phải hai bầu vú đang rung rung theo từng nhịp bước. Nàng lại nghĩ tới Hạ và lâng lâng tiếc nuối một nguồn ái ân đã mất.

Nàng đến và đi cũng thầm lặng và vội vã như người đàn ông kia. Ngoài gia đình hai người phụ nữ nàng đã gặp, cả làng hầu như chẳng ai hay biết đêm qua có một người khách lạ ghé qua và đã ra đi như “một người xa lạ”. Người xa lạ muốn giang tay ôm trong vòng tay của mình đám cư dân nghèo đang đánh cam sông bị quên lãng nơi vùng rừng núi heo hút này.

Diệu đã đi hình như cũng quá xa rồi, mặt trời lên cao và dần dần dịu lại về chiều, thế mà cánh rừng thì vẫn xa mù. Nàng chỉ dám dừng lại bên rừng ăn vội vắt cơm, mặc dầu

hai chân rã rời nàng vẫn cố vội lên đường. Hình như có điều gì thôi thúc trong lòng nên nàng cũng thấy quên đi phần nào sự mệt mỏi dưới cái nắng gay gay lạnh của miền rừng

hoang vắng này. Trên con đường mòn hun hút băng qua một truông dài toàn cỏ tranh và bông mua, không một bóng người. Giữa không trung vắng lạnh một con chim heo cát tiếng kêu ghê rợn.

Trong những giấc mơ của mình, hình như Diệu đã từng thấy cảnh này. Nàng thấy nàng băng qua một vùng đồi đá hoang vu, vừa khát vừa đói và mệt lã. Trên đầu nàng từng bầy quạ đen bay loạn xạ và kêu những tiếng kêu ma quái. Khi nàng ngất xỉu nằm xuống bên đường, chúng sà xuống đậu trên xác nàng thành một khối đen và nàng thấy bầu trời tối như mực. Bừng mắt tỉnh dậy nàng thấy hai bàn tay mình bấu chặt vào hai bầu vú gần rướm máu, rồi nàng khóc nức nở một mình. Bây giờ trên lối mòn gần giống như trong giấc mơ, nàng đang cố lê chân về phía khu rừng, nơi có ngôi chùa cổ, và nàng hi vọng gặp người đàn ông hôm nào ở đó.

Trời càng về chiều khí núi càng lạnh, trong hơi thoang thoảng của gió có mang theo chút hiu hắt của sương chiều, rồi mặt trời khuất hẳn sau núi như vội vã đi về một cõi nào để trả lại mặt đất cho màn đêm. Diệu vừa đi vừa nhìn bóng mình tối dần, tối dần, hoà vào không gian mờ mờ leo lắt những vì sao xa. Lần đầu tiên trong cuộc hành trình Diệu cảm thấy sợ sợ bóng tối, dù nàng đã vẫn thường ngồi tỉ tay vào khung cửa sổ lạnh yên trong bóng đêm nhìn hun hút vào cánh rừng xa.

Trời càng về khuya càng lạnh, Diệu không muốn dừng lại, vấp lại ngồi một mình giữa truông dài mông quạnh này càng thấy sợ hơn là cứ lầm lũi bước đi. Nàng cố tưởng tượng ra cuộc gặp gỡ giữa nàng, người đàn ông và vị sư già nơi chùa cổ. Nàng sẽ nói gì với họ và giải thích sao đây sự có mặt của nàng, một phụ nữ xa lạ giữa nơi tu hành

này. Nhưng lại cảm thấy yên tâm vì biết rằng mình sẽ đến, không phải là một nơi nguy hiểm nào, mà là một ngôi chùa, nàng sẽ nhìn thấy Đức Phật, và Ngài sẽ nhìn nàng với hai con mắt từ bi. Rồi nàng sẽ ra sao ? nàng tin, Đức Phật từ bi sẽ dẫn dắt nàng cho dù ước mơ của nàng đầy tính chất trần gian : nhớ về Hạ với niềm khát khao cháy bỏng ái ân.

Thế rồi không cưỡng lại được cơn buồn ngủ vì mệt, nàng ngồi bệt xuống, hoàn toàn vô thức, dưới gốc một cây cổ thụ già đã bị cụt đầu. Trăng hạ huyền phủ một lớp ánh sáng lạnh lẽo lên cảnh vật. Nàng thiếp đi và chìm sâu vào giấc ngủ.

Hình như có tiếng chuông mõ công phu văng vẳng, lúc vang vang lúc chìm lắng như từ cõi xa xăm nào vọng về.

Một con chó màu trắng điểm những đốm vàng từ trong chùa chạy ra như cảm nhận được có người lạ, nó sủa mấy tiếng và chạy đến bên người khách lạ đang ngủ mê man, nó gầm gừ nho nhỏ, cẩn thận bước đến gần, thấy không có gì nguy hiểm, nó đưa mũi ngửi ngửi người lạ, rồi thân mật liếm vào chân tay, ve vẩy đuôi như chào đón.

Diệu ngủ say sưa không hay biết gì. Vị sư già, sau buổi kinh công phu, Ngài thiên toạ một thời gian, ngày nào cũng vậy, xong Ngài đi một vòng quanh chùa, thấy con Cừu Nâu, tên chú chó, Ngài bước thẳng ra, nhìn thấy Diệu, Ngài hơi ngạc nhiên:

- A Di Đà Phật !

Sương lạnh đọng một lớp trắng trên áo quần, trên tóc của người phụ nữ. Vị sư già quay vào trong gọi, giọng nhỏ nhẹ;

- Con ơi, mang ra cho thầy cái chăn.

Một lát sau, một chú bé, áo quần nâu, tóc để chỏm, mang cái chăn ra. Theo lời thầy chú quàng tấm chăn lên người phụ nữ đang ngủ. Trước khi quay vào chùa, thầy dặn chú tiểu:

- Con ở đây một lát, khi nào cô ấy thức dậy thì dẫn vào

gặp thầy.

- Ta vào thôi con, Ngài nói với con chó.

Trời đã rạng sáng. Diệu ngủ ước chừng bốn tiếng đồng hồ. Nàng tỉnh dậy, đưa tay dụi mắt, Một cánh rừng xanh bốn bề lặng ngắt và se lạnh. Nàng hơi ngạc nhiên vì tấm chăn choàng lên người. Sau một giấc ngủ sâu, nàng thức dậy tỉnh táo và khoẻ khoắn hơn. Nàng đoán là mình đã đến gần chùa. Thật ra lối mòn dẫn tới cổng chùa là hết. Muốn vào sâu trong rừng phải đi một lối ở sau chùa. Nàng không để ý chú tiểu ngồi ngủ gật bên cạnh vì nàng mãi nhìn ngược về lối mòn mà nàng vừa mới qua. Diệu nghĩ có ai đó đã đem chăn đắp cho nàng.

Chú tiểu giật mình vì con Cừu Nâu đang vờn quanh chỗ chú ngồi. Thấy người khách lạ đã thức, chú chấp tay trước ngực:

- A Di Đà Phật. Cô đã dậy rồi, cháu thấy cô ngủ ngon lắm nên...

Diệu cũng giật mình quay lại:

- Chào cháu, đây là đâu ?

- Mô Phật.

- À, chào chú, chú ở trong chùa gần đây phải không ?

- Dạ. Thầy dặn cháu khi nào cô thức dậy thì mời cô vào.

- Bao xa nữa thì tới chùa chú ?

- Chùa đây rồi, từ đây vào vài trăm mét, chắc là thầy đang đợi cô.

Diệu nhìn theo hướng tay chú tiểu chỉ vào bên trong, chỉ thấy những cây cổ thụ cành lá sum suê xanh ngắt gió đang làm lay động. Nàng đứng lên vuốt lại mái tóc loà xoà, tay nải vẫn còn vướng trên vai, nàng hỏi chú tiểu:

- Chú tên gì vậy?

- Dạ thầy thường gọi cháu là Tiểu Khê.

- Chú Tiểu Khê này?

- Dạ.

Có khi nào chú thấy có một người đàn ông lạ vào đây như tôi hôm nay không ?

Tiểu Khê không trả lời câu hỏi của Diệu, chú giục:

- Cháu đưa cô vào giếng chùa rửa mặt đã, rồi vào gặp thầy.

Nói xong chú thoăn thoắt bước đi, con Cừu Nâu cũng ve vaấy đuôi chạy theo chú, không quên quay lại nhìn Diệu kêu ư ử mấy tiếng như cũng muốn mời mọc thân thiện.

Vị sư già ngồi chờ Diệu sau hậu liêu, nơi một căn phòng được ngăn ra làm phòng tiếp khách thập phương, phòng này ăn thông với gian nhà tầng, kế đó là phòng trai và gian bếp.. Theo chân chú tiểu, Diệu bước vào. Vị sư già đang ngồi nói chuyện, uống trà với một người đàn ông, người này xoay lưng về phía nàng, nàng chấp tay chào vị sư.

- Con chào thầy.

- A Di Đà Phật..

Người đàn ông quay lại, không dấu nổi ngạc nhiên:

- Trời ! Là cô sao ? Sao cô lại đến đây ?

- Hai người biết nhau à ? Vị sư già hỏi, Cô ngồi xuống đây.

Diệu nhìn người đàn ông đã một lần ghé chỗ nàng và đã ra đi như một kẻ hành hương vô định. Diệu ngồi nép phía sau người đàn ông, giọng nàng không dấu nổi vui:

- Dạ bác đây có ghé chỗ con một lần rồi đi, dễ chừng cũng mấy tháng rồi. Từ đó cháu cứ nghĩ tới bác, và cũng từ lâu cháu có ý định viếng chùa.

Nàng chưa thể nói rõ mục đích của chuyến đi này.

Vị sư già nhìn nàng rồi nhìn người đàn ông;

- Ông đây đã nói với tôi về việc đi tìm người con thất lạc trong chiến tranh. Thật ra đây không phải là trường hợp duy nhất tôi gặp. Ông đây định vào sâu trong rừng nhưng tôi can, vì từ đây vào chỉ núi rừng trùng điệp, không có bóng dáng con người. Một mình lạc lõng trong rừng núi đèo cao hổ thẳm, bao hiểm nguy. Mà tìm gì ? Tìm một con người trong cõi vô minh đó sao ?

Vị sư già trầm ngâm một lát như muốn nói gì thêm về con đường giải thoát, về nơi, mà con người phải tìm kiếm, phải đến. Những con người đang ngồi trước Ngài đây chưa thoát ra khỏi những mộng muội trần gian. Ngài, đôi khi còn thấy bản thân mình còn quẩn quanh. Nhưng ngài, ngài đã biết chọn cho mình CON ĐƯỜNG, và chỉ duy nhất CON ĐƯỜNG đó mới giải thoát được. Vị sư già hớp một ngụm trà nóng, phong thái ung dung như một đạo sĩ. Ngài không béo mập như phần đông các vị tu sĩ khác, dáng ngài ốm, cao và quắt thước, đôi mắt tinh anh và bao dung. Ngài nhìn về đâu thì hình như ở nơi đó trở nên bình yên, và kẻ đối diện với ngài thấy an tâm và từ đó loé ra niềm hi vọng không lý giải được vì đâu. Ngài đổi cách xưng hô, nhìn Diệu ôn tồn;- Con không nói ta cũng biết trong lòng con thế nào. Con đang còn một nỗi đau đớn trần gian, con đang bị những khát vọng cào xói tâm hồn. Ta cũng biết con nghĩ gì về những điều ta vừa nói

Quay về phía người đàn ông vị sư già tiếp:

- Như ông đây cũng vậy. Không tin vào sự giải thoát sau cùng, không biết cầu nguyện. Con đến đây, dù chẳng nói với ta, ta cũng biết con đang đi tìm gì. Con đi tìm chính con, phải không? Con cảm thấy mình mất chính mình, mình đã thuộc về một khối vật thể khác. Ta nói chắc con hiểu. Nhưng thôi...

Diệu lễ phép:

- Dạ, thưa thầy...

- Khoan, Để ta nói cho con yên lòng, như ta đã nói với người này, Ngài chỉ người đàn ông, chúng sanh vạn khổ

vô minh, Phật pháp mênh mông vô lượng. Ta luôn đón nhận các con với lòng từ bi. Các con có thể đi, dần sâu vào cuộc kiếm tìm mù mịt, nhưng ta vẫn mong các con dừng chân, đây mới là nơi con cần tìm đến.

Người đàn ông từ sớm đến giờ vẫn yên lặng lắng nghe, không biểu hiện một phản ứng nào trên gương mặt, bây giờ quay về phía sau, vừa nhìn Diệu vừa nhìn ra khoảng sân sau nơi có một người đang đi tới đi lui, miệng lầm bầm như đang đọc kinh Phật.:

- Cô à, mà cô tên gì nhỉ? Còn tôi, trước kia người ta vẫn thường gọi tôi là thầy giáo, thế thôi, không ai gọi chính xác tên tôi là gì. Thầy giáo cô ạ.

- Cháu là Diệu

- Cô hãy nhìn ra phía sau, ngoài sân kia.

Diệu nhìn ra. Người thanh niên vẫn đi tới đi lui ung dung tự tại như một bậc thiền giả đang hành thiền. Cái vòng sân vừa đủ rộng bấy giờ hình như đối với anh ta nó cũng vô bờ vô bến. Anh ta đi như một kẻ đi trong cõi vô cùng. Người anh cao, nhưng dáng đi hơi khom vẹo phía trước. Anh vận một bộ đồ màu nâu, đôi tay hơi ôm lại, đầu tóc khô cháy, khuôn mặt anh chìm khuất dưới bóng mát của mấy cây đại, Diệu nhìn không rõ. Anh bước đi thật bình thản, luôn nhìn xuống mặt sân như nhìn thấy một hình ảnh đã ám ảnh anh triền miên.

Vị sư già nhìn về phía người đang đi lại trên sân, ánh mắt của thầy toát lên vẻ nhân ái từ bi. Cả ba người đang quan sát bậc thiền giả bước đi ung dung lạ thường.

- Người ta đưa anh ta đến đây gần hai năm rồi, vị sư nói, một nhóm người đi tìm trầm hương, một tối họ đưa anh ấy đến đây. Họ kể : Toán của họ gồm bốn người, vào tận non cao dựng lều và chia nhau đi tìm những cây gió, loại cây cho một thứ trầm hương rất quý. Ngày đi, tối về lều. Một hôm họ phát hiện thức ăn trong lều bị mất. Lúc đầu họ nghĩ lũ khỉ tinh nghịch vào phá. Nhưng sau họ rình. Và đúng là có một con người chứ không phải lũ khỉ.. Đây,

con người đang đi đi lại lại ngoài kia.. Cả người anh ta đầy thương tích, có chỗ vẫn chưa lành, tóc tai cháy sém, khuôn mặt dị dạng trông thật kinh khủng. Chỉ, rất lạ, và nhiệm mầu, đôi mắt anh ấy vẫn nguyên vẹn. Trí nhớ không còn. Không nói được. Họ bắt được anh ấy, cho ăn uống, thay áo quần, tắm gội. Và họ đánh bỏ chuyện đi tìm trầm, mang anh ấy đến đây..

Vị sư già ngừng kể, nói với hai người:

- Chúng ta ra gặp anh ấy.

Ba người cùng bước ra sân. Người thanh niên vẫn bước đi theo từng chu kỳ, không để ý đến ai. Thạo nhìn Diệu hốt hoảng Diệu bỗng nhớ tới gương mặt của một nhân vật trong phim, một nhạc sĩ bị cháy bỏng vì acid trong xương in.Vị sư dừng lại trước người thanh niên, giang hai tay như muốn ôm. Anh dừng lại, nhìn vị sư, nhìn hai người khách, cái nhìn vô hồn..

- Đi-đi-đi.Sẽ-đến-sẽ đến-sẽ đến.

Người thanh niên chỉ ú ớ và đưa tay chỉ vào bàn chân, chỉ vào tràng hạt vị sư đang mang ở cổ. Anh xoè bàn tay và nhìn vào đó như tìm kiếm điều gì. Vị sư lại nói:

- Không đi, dừng lại, không đến đâu.

Người thanh niên đưa một ngón tay chỉ vào khoảng không. Vị sư tiếp:

- Đi đi đi đi.Sẽ đến sẽ đến sẽ đến sẽ đến.Không đi dừng lại không đến đâu.

Người thanh niên bỗng cười, giọng cười ghê rợn, vị sư cũng cười, giọng cười hiền như tiếng róc rách của suối.

Diệu không hiểu gì cả. Người đàn ông thì chứng kiến cảnh này nhiều lần. Ông ta nói:

- Họ là hai con người không phải con người bình thường..Họ đang bước lên trên con người..

- Cháu chẳng hiểu gì cả, Diệu nói.

- Tôi cũng không hiểu gì hơn. Người đàn ông nói.

Vị sư già quay về phía hai người khách:

- Hai vị đang đi tìm.. Tìm một con người hay tìm chính

bản thân mình. Nhưng không bao giờ gặp, phải không? Tôi chẳng tìm ai. Tôi thấy tôi trong người này..và người này đã thấy tôi trong anh ấy..Chiến tranh ư? Thì cứ gọi đó là chiến tranh. Anh đã bắn vào người nhưng anh cũng đã tự bắn vào anh. Viên đạn ghim vào tim người nhưng tim anh chảy máu.

Ông đến vỗ vai người đàn ông:

- Ông không tin vào những gì ngoài ông, thánh thần, Phật, Chúa, ông bảo ông chỉ tin vào ông. Nhưng ông thấy đó, ông đang tự đánh lừa ông. Chiến tranh cũng là trò đánh lừa. Con người tạo ra chiến tranh để đánh lừa nhau và tự đánh lừa mình.

Vị sư già lại đến bên người thanh niên, lúc này đã ngồi xuống một tảng đá dưới gốc cây đại, tay anh cầm một cánh hoa màu vàng phai, anh nhìn vào cánh hoa và cười một mình, cười không thành tiếng, lúc này nụ cười của anh trở nên hiền lành vô cùng dù khuôn mặt của anh dị dạng chẳng giống mặt người..

- Đây, người này đây, vị sư già nói, là một vật hi sinh bị đẩy vào trò chơi chiến tranh của con người, tôi tin chắc như thế. Và bây giờ, anh ở đây, như một đứa trẻ con, không còn cảm nhận điều gì chung quanh. Chiến tranh. Hoà bình? Làng mạc quê hương ? Cha mẹ anh em ? Bạn bè người yêu ? Tất cả đối với anh ta không hơn một mảng sương mù, một mảng sương mù bay qua sớm chiều tan biến...

Điều nhìn người thanh niên, một ý nghĩ chợt hiện ra trong đầu: “ Có phải là anh không ?” Và trong đầu người đàn ông : “ Trời ơi ! Có phải là con ta ? “. Nhưng rồi không ai, cả hai người, dám tin đó là người thân yêu của mình.. Không thể như thế được. Sau trò chơi tàn khốc của chiến tranh, quá bất công,, quá dã man, nếu họ phải nhận lại một phần ruột thịt của mình dưới lớp hình hài đó. Sau những mất mát bi thương, sau những kiếm tìm vô vọng, họ được đền trả như thế sao ?

Vị sư già như đọc được ý nghĩ thâm kín của hai người khách, ông vừa ngồi xuống bên người thanh niên lúc này đang chìm sâu vào giấc ngủ, đầu tựa vào gốc cây đại.

- Không có gì ràng buộc hai vị tin rằng đây là con người mà hai vị đi tìm trong bao năm nay. Không có một yếu tố nào chắc chắn khẳng định điều này. Đúng không ?

Hai người “ dạ dạ ”, nhưng không dám nói gì. Vị sư tiếp:

- Nhưng tôi tin rằng, hai người có thừa lòng thương yêu để thương yêu con người này. Phải không ?

Ngừng một lát nhà sư tiếp:

- Hai người cũng thừa biết rằng sau cuộc chiến tranh này sẽ tiếp diễn một cuộc chiến khác, có khác nhau về hình thái và mục đích nhưng giống nhau về hậu quả mà nó gây ra. Và những con người như con người này, đã có, hiện còn và sẽ còn, ở đâu đó trên mặt đất này, nơi một cánh rừng hoang, một đỉnh núi cao, một hang tửm. Chắc chắn là còn như thế.

Diệu thật thà;

- Thừa thầy, bây giờ hoà bình rồi, con có thấy chiến tranh nào khác đâu.

Vị sư già cười, nụ cười hiền như một vị Bồ Tát.

- Người ta có một khái niệm đơn giản về hoà bình và chiến tranh, con ạ. Con cũng vậy. Người ta không còn lăm lăm họng súng vào nhau, người ta không còn đêm đêm nã pháo về thành phố, người ta không còn đem máy bay rải bom trên đất nước này. Và người ta cho đó là hoà bình.. Khi nào còn có con người trên lục địa này, khi đó chiến tranh vẫn còn con ạ.

Người đàn ông im lặng rất lâu, giờ mới lên tiếng:

- Thừa thầy tôi không bao giờ tin rằng nhân loại sẽ có một ngày hoà bình.

Người thanh niên chợt tỉnh giấc, đứng dậy, không nhìn ai, vừa mỉm cười vừa bước đi. Anh lại tiếp tục đi vòng quanh

sân như đi trong cõi vô cùng. Vị sư già vừa nhìn anh vừa nói:

- Ôi, như vậy là không bao giờ có hoà bình. Hoà bình chỉ là ảo tưởng. Đức Phật đản sanh, Đức Zesu giáng thế, hơn hai ngàn năm rồi mà nhân loại đâu có hoà bình. Chẳng có ai theo các Ngài cả.

Diệu thưa:

- Con thì con không nghĩ như thế. Xa xôi quá. Con chỉ cần gặp anh ấy. Sống một cuộc đời bình dị, ở một nơi nào đó, thật yên tĩnh. Chúng con yêu thương nhau, không lo âu. Không sợ sệt. Với con như thế là đủ rồi, là hoà bình rồi.

- Vâng, vị sư già nói, đúng như thế nếu tám tỷ con người trên hành tinh này đều mong ước như con.

Người đàn ông cười ha hả:

- Than ôi, buồn là trong tám tỷ con người đó may mắn lắm chỉ có vài ba người mong ước đơn giản như cô thôi. Số còn lại vẫn sẽ cầm súng bắn vào nhau dưới đủ mọi lý do, kể cả tự nguyện và bị bắt buộc.

Sư già chấp hai tay trước ngực, miệng lầm bầm đọc kinh, ngài bước đi chậm rãi hướng về phía chánh điện. Người thanh niên cũng dừng lại, đến ngồi dưới gốc cây đại.

Diệu nhìn người đàn ông, nhìn người thanh niên, rồi nhìn xuống ngực mình, nàng thấy xao xuyến và cay đắng. “Sao anh không về? ôi hoà bình”. Nàng nói như nói với chính mình.

Người đàn ông nhìn người đang ngồi xếp bằng dưới gốc cây đại bất động như một pho tượng. Anh mở to đôi mắt trong sáng lạ thường nhìn suốt vào khoảng trời xanh trên đầu. Người đàn ông bước đến bên, khẽ đặt một tay lên vai anh. Ông ngồi xuống, ông nhìn anh như chợt vừa bắt gặp, như chợt thấy ra, như chợt tỉnh thức, ông tựa người vào anh và nhắm nghiền mắt lại.

Trong lòng Diệu bỗng nghe nồn nao một âm vang mời gọi, nàng thấy trào dâng đến nức nở tiếng thôi thúc của yêu thương, của ân phước cao vời. Nàng bước đi những bước nhẹ như trong chiêm bao, nàng ngồi quì gối bên người thanh niên, nắm tay anh như cầm nắm nguồn hạnh phúc cứu rỗi, nhưng trên hai mắt nàng, đôi dòng lệ lóng lánh ánh mặt trời chảy xuống mằn mặn trên môi đang cố mím chặt để khỏi bật ra tiếng khóc.

- A Di Đà Phật.

Vị sư già quay nhìn họ, ánh nhìn toả xuống diệu dàng như còn sợ cái pho tượng gồm ba con người đó tan chảy ra và bay đi như những đám mây ngũ sắc đủ hình thù vẫn thường hiện ra và tan đi trong không gian bao la.

LÊ NAM PHƯƠNG
(Quê nhà, 1979)

THƠ VĂN GIÁNG SINH

LTS: Trong những sáng tác mà tòa soạn lưu trữ hay nhận được, có những bài mang không khí Giáng Sinh. Bài thơ **Giờ Thánh Tẩy** của Lê Văn Trung do chúng tôi sưu tầm từ tạp chí Văn (cũ), truyện "**Đêm Vô cùng**" của THT, và truyện mới nhất của Trần Bang Thạch: **Vòng Nguyệt Quế**.

Chúng tôi chọn đăng với lời chúc quý bạn và gia đình vui hưởng một mùa Giáng Sinh an bình hạnh phúc

LÊ VĂN TRUNG

Giờ Thánh Tẩy

ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em thổi tù và qua lũng thấp
có các em lừa mây trắng làm hoa
anh sẽ đứng trên móm đá này
tay các em là rừng
tóc các em là cỏ
hãy nghe anh hát – tên ca sĩ cuồng điên
hát nghèo ngao như một người du mục

hãy thấp giùm anh những vì sao
khi gió đã băng qua triền núi biếc
khi thiên nhiên đã phủ kín hồn anh
ôi các em
hãy đứng vòng quanh anh
tung hoa lên trong giờ thánh lễ
anh sẽ tặng các em những vòng kim cương
làm bằng thơ tình huyết

ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em thổi tù và buồn bã
khi chuyển tàu đầu ngày băng qua đồng cỏ
xin gởi đi những hệ lụy đời anh

và gởi đi những phiền muộn của các em
hãy rửa sạch những hạt bụi trên bàn chân cẩm thạch
những âu lo trên đôi mắt sao ngời
để chúng ta đọc thánh tẩy
đợi giờ phục sinh

ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em nắm tay nhau khiêu vũ
các em khiêu vũ trên hồn anh
anh hát nghêu ngao những bài du mục
các em hãy tung hoa trong giờ thánh lễ
các em tung hoa lên hồn anh
ôi các em
tâm hồn anh là một chùm hoa trắng

hãy khiêu vũ nữa đi
hãy hát lên nữa đi
và hãy thổi tù và lên nữa đi
các em thấy không
anh đứng trên mỏm đá này
đôi tay ra trong giờ thuyết giáo
anh sẽ hát với các em
những bài ngợi ca thiên nhiên
ngợi ca các em
những thiên thần bé nhỏ
có trái tim bằng mây
và tâm hồn bằng gió
lòng các em là bầu trời nguyệt bạch
tay các em là suối ngọc tuyền

ngày mai anh về hát trên rừng xanh
có các em thổi tù và qua lũng thấp
khi chuyển tàu đầu ngày băng qua đồng cỏ
xin gởi đi những hệ lụy đời anh
và gởi đi những phiền muộn đời em
chúng ta sắp đến giờ thánh tẩy.

(Tập chí Văn trước 1975)

Trần Bang Thạch

VÒNG NGUYỆT QUẾ

Không thể như thế được. Anh Armin nói thầm với mình nhiều lần như vậy. Không thể có chuyện này. Nhưng cuối cùng Armin phải nhận đó là sự thật. Chữ nghĩa lờ mờ, nhưng Armin có thể đọc và hiểu được. Trước mắt anh là bản tin nhỏ nằm khiêm nhường dưới góc mặt của trang báo Tin Địa Phương : Đó là tin về cái chết của bà Jean DeLong. Đúng hai tuần lễ sau khi đưa bà Jean lên xe cứu thương, hôm nay Armin mới biết được tin tức của bà. Một tin rất buồn đối với anh. Tên của bà Jean nằm giữa 12 tên khác. Đó là danh sách của những người mới chết, tử thi đã được giao nghiệm nhưng vẫn còn để trong nhà xác của quận hạt Harris vì không có thân nhân nhận xác. Bài báo cũng có nói là chuyện này xảy ra rất thường. Tháng nào cũng có vài trường hợp như vậy. Những tử thi vô thừa nhận. Sau một thời gian thông báo, tử thi nào vẫn không có người nhận thì văn phòng chung sự quận hạt sẽ lo việc chôn cất, dĩ nhiên là tại một nghĩa trang công cộng nghèo nàn và thiếu hẳn những nghi thức an táng trọng thể trước khi hạ huyệt. Sẽ không có một thân nhân nào khóc thương hay nói lời giả biệt cuối cùng với người chết. Sẽ không có một cành hoa hay một nắm đất từ bàn tay thân nhân thả rơi xuống nắp quan tài. Nghĩ đến điều này Armin thấy đau lòng thêm. Con mèo, con chó khi chết còn có người chủ mình khóc lóc tiễn đưa và trang trọng chôn cất nơi nghĩa trang đặc biệt dành cho những con vật thương yêu. Có con chó chết đi còn để lại món tiền kén sù do cái “ *will* ” của người chủ triệu phú đã chết. Có con mèo chết đi khiến người chủ khóc lóc suốt tuần, mất ăn, biếng ngủ. Trên thế gian này có biết bao những người ra đi một cách cô đơn

và âm thầm như vậy. Armin không phải là thân nhân bà Jean, cũng không có khả năng tài chánh để làm người hảo tâm tình nguyện đứng ra lo việc chi tiêu mai táng người đàn bà mà nhiều năm nay Armin đã coi như người thân nhứt của mình. Armin nghèo quá, lại một thân một mình nơi xứ lạ này.

Armin không quên được giờ phút cuối cùng anh thấy bà Jean. Hôm đó, hai tuần lễ trước, bà Jean quì ngã sau cánh cửa bà vừa mở để Armin bước vào nhà. Armin buông vội túi giấy đựng thực phẩm và mấy món gia dụng trên tay để kịp thời đỡ bà Jean không va đầu xuống nền nhà. Ngồi dựa vào anh, bà Jean ngoẹo đầu sang một bên, hơi thở nặng nề, đứt quãng. Bà cố nói, tiếng được tiếng không, Armin không hiểu gì nên càng lúng túng, nhưng anh cũng biết điều cần thiết phải làm ngay. Armin bồng bà Jean để nằm trên sofa rồi bấm số 911. Những phút ngồi nhìn bà Jean thờ thoi thóp, Armin thấy thời gian sao mà chậm chạp vô cùng. Một vài lần bà Jean cố gượng hé môi nhưng không phát ra được một tiếng nói nào. Armin chỉ biết cầu nguyện. Từ lâu lắm rồi những lời kinh này Armin không có dịp dùng tới, tưởng đã quên nhưng hôm nay tự nó tuông ra theo từng hơi thở nặng nhọc của bà Jean.

Khi nhân viên xe cứu thương đến làm vài động tác cấp cứu, bà Jean trông tỉnh hơn một chút, bà cầm tay Armin thì thảo hai tiếng “cám ơn”. Armin cũng muốn nói tiếng “cám ơn” với bà nhưng mọi chuyện bây giờ khẩn cấp quá. Armin phải đứng dang xa để nhân viên cấp cứu làm phận sự. Người ta phải đưa bà Jean vào nhà thương. Armin nắm vội mấy ngón tay xương xẩu của bà Jean trước khi bà được đưa lên xe. Armin khóa cửa nhà rồi trao chìa khóa cho nhân viên cứu cấp. Armin biết từ đây sẽ không có ai vào ra căn nhà nhỏ này ngoại trừ bà Jean khi bà mạnh khỏe trở về. Từ đó Armin mỗi ngày trông ngóng bà Jean trở về. Điện thoại nhà bà không có người trả lời. Cửa nhà

vẫn khóa, bên trong không một ánh đèn. Vốn tiếng Anh tiếng Mỹ nghèo nàn, lại mang thân phận người lưu dân thiếu giấy tờ hợp pháp, Armin không biết đi tới bệnh viện nào để thăm viếng bà Jean. Cũng không có ai là thân nhân của bà Jean để hỏi. Ngày ngày trôi qua. Armin ước sao mình có chiếc xe để lái tới những bệnh viện trong vùng. Trong lòng Armin như có lửa đốt. Bản tin ngắn gọn hôm nay đã làm thành ngọn lửa đốt cháy niềm mong đợi của Armin.

Như vậy là vĩnh viễn người đàn bà già nua, nghèo khó, cô đơn ấy sẽ không trở lại căn nhà này nữa rồi. Armin cũng không còn mỗi tuần một lần mang đến cho bà Jean túi thực phẩm đủ để bà dùng suốt tuần lễ. Công việc này Armin đã làm từ gần hai năm nay. Lúc đó Armin vừa chân ướt chân ráo đến thành phố nhỏ Waller này từ một thôn nghèo thuộc tỉnh Lerado nằm bên kia biên giới Mỹ và Mễ Tây Cơ. Armin may mắn được nhận chân bán hàng tại một tiệm bách hóa nằm ngoài rìa thành phố với đồng lương thật thấp, chỉ vừa đủ trả phòng trọ và hai bữa ăn. Nhà bà Jean cũng ở gần tiệm, cách chừng hai dặm đường. Mỗi tuần một lần bà Jean đi bộ đến tiệm mua thức ăn và vài món cần dùng cho nhà cửa. Khi biết được sức khỏe bà Jean không tốt và bà đi đứng rất khó khăn với cái tuổi trên bảy mươi, Armin tình nguyện làm người mang thực phẩm cho bà hàng tuần. Vốn là đứa bé thiếu mẹ từ lúc mới chào đời, mười tám năm nay Armin lúc nào cũng thấy mình bất hạnh, không có mẹ để được thương yêu. Chỉ cần vài lần tới lui với bà Jean, dù hai người rất khó khăn khi nói chuyện với nhau vì vấn đề ngôn ngữ, nhưng tình người hình như lúc nào cũng đi trước nên bà Jean và Armin càng ngày càng thấy gần gũi. Armin như tìm được điều mình đã mất là tình mẫu tử. Armin cũng có cảm tưởng bà Jean đối với mình như người mẹ. Armin không biết mặt mẹ mình, nhưng trong những giấc mơ, Armin mơ thấy mẹ với

guang mặt nhẵn nheo đầy tàn nhang của bà Jean. Nhiều lúc nhìn tượng Đức Mẹ treo trong căn phòng nhỏ của mình, Armin bỗng nghĩ tới bà Jean khi thấy nét mặt bà Jean sao mà hiền từ, thánh thiện như gương mặt của Đức Mẹ. Giáng Sinh năm ngoái là lần đầu tiên Armin biết thế nào là bữa Tiệc Nửa Đêm. Bữa ăn rất đơn sơ với mấy miếng thịt gà chiên và chai rượu chất đỏ nhưng thật đậm đà tình nghĩa. Hai người nghèo khó chung một niềm vui Giáng Sinh trong căn nhà nhỏ. Đêm đó trong ánh nến lung linh huyền ảo của Đêm Thánh Vô Cùng, lần đầu tiên Armin đã khóc trên cánh tay của người đàn bà mà Armin thấy trước mặt là dáng hình Đức Mẹ Maria nhân ái. Armin quì xuống dưới chân bà, ngược nhìn bà Jean như đứa con lần đầu tiên nhìn mặt mẹ mình sau nhiều năm đi xa vừa trở về. Bà Jean đây. Người mẹ ruột thịt của mình đây. Và đây cũng là Đức Mẹ vô cùng thương yêu và vô cùng gần gũi của mình đêm nay. Ba người đàn bà đã hòa nhập vào nhau để đêm nay Armin có được một người Mẹ tuyệt vời. Đêm đó, giữa tiếng chuông mừng Chúa ra đời phát ra giòn giã từ nhà thờ trên triền giốc, không nói một lời, bà Jean đã tháo sợi dây chuyền trên cổ, bà thân ái đeo vào cổ Armin. Đó cũng là quà Giáng Sinh đầu tiên của đứa con côi cút trong suốt mười tám năm có mặt trên đời. Sợi dây chuyền bằng bạc đơn sơ với tượng thánh giá nhỏ bằng ngón tay út. Có lẽ đó là món đồ quý giá nhất của bà Jean. Bà Jean nghèo lắm, nhiều lần bà Jean nhờ chủ tiệm cho bà mua thiếu. Chủ tiệm cũng là người tốt bụng. Ông nói ông biết bà Jean từ vài năm nay. Đó là người đàn bà hoàn toàn cô đơn, sống một thân một mình trong căn nhà biệt lập với các nhà hàng xóm. Nói là nhà chớ thật sự nơi bà cư ngụ là cái nhà kho nhỏ nằm phía sau một nền nhà còn dấu vết của một cơn hỏa hoạn nhiều năm trước; cây cỏ xung quanh mọc tự do. Con lộ lổt sỏi dẫn vào nhà, cách xa đường xe cộ lưu thông, thiếu bước chân đi lại nên cỏ mọc lan ra tới gần giữa đường. Khi có những cơn mưa lớn, con

lộ ngập đầy nước. Căn nhà của bà cũng ngập nước. Thịnh thoảng vào những ngày nghỉ việc, Armin chỉ đủ sức dọn dẹp cỏ rác quanh nhà cho phong quang một chút. Hai năm qua có dịp tới lui với bà, Armin chưa một lần nghe bà Jean nói tới một thân nhân nào; dễ chừng bà Jean đã sống cô đơn như thế này từ nhiều năm rồi. Ngẫm lại thân phận mình, Armin cũng thấy mình có khác gì đâu, cũng là một kẻ dư thừa trên cái trần gian rộng lớn này.

Thêm một người khuất bóng. Như vậy những năm tháng cô đơn trên thế gian của bà Jean đã hết. Nhưng sự cô đơn cố bám theo cái tử thi tàn lạnh của bà thì đau đớn quá, bi thảm quá. Một tử thi vô thừa nhận nằm mười mấy ngày trong nhà xác để từ mấy hôm nay người ta phải rêu rao trên báo tìm thân nhân. Hàng trăm, hàng ngàn bàng dân thiên hạ biết rằng trên thế gian này có những người vô cùng bất hạnh, bất hạnh theo đuổi cả sau cái chết. Đánh mất một món đồ người ta còn tìm kiếm. Còn bà Jean, cho tới chết vẫn biết tìm thân nhân tìm đến để lo bề an táng. Hay thân nhân có biết nhưng vẫn cứ làm ngơ như nhiều năm tháng nay? Chồng con bà đâu? Cháu chắt bà đâu? Rồi đây người đàn bà xấu số của mấy mươi năm trên đời sẽ từ giả cõi đời trong lặng lẽ, âm thầm, không một tang lễ tươm tất. Thân xác bà sẽ vùi chôn trong một nghĩa trang công cộng, không người viếng thăm. Đến với bà có thể là những cánh chim chợt dừng bay, vô tình đáp xuống vuông mộ đã phẳng lì, từ lâu không hương khói. An ủi bà chắc chỉ có đóa hoa dại nở ở bia rừng, gởi tới bà một chút hương phai. Và biết đâu có những con sâu, con kiến đến với bà để tạ ơn người đàn bà tốt bụng đã có lần tha chết cho chúng.

Không được. Không thể nào như vậy được. Armin thầm nói với mình. Người đàn bà đã có lần là hiện thân của Đức Mẹ trước mặt Armin trong đêm Giáng Sinh năm ngoái

không thể ra đi cô đơn như vậy được. Món quà Giáng Sinh của bà Jean, Armin đang đeo trên cổ, phải chăng đêm ấy bà Jean muốn nói với Armin rằng “con là người thân nhất của ta bây giờ”? Trong trí nhớ của Armin là một bà Jean ít nói, sống khép kín với lối xóm chung quanh, nhưng không buồn bã. Mỗi lần gặp bà Jean là Armin thấy nụ cười trên gương mặt già nua nhăn nheo của bà, mười lần như một. Armin nghĩ bà Jean vừa lòng với số phận và hoàn cảnh của mình, không một tiếng oán than, không trách mình cũng không trách người. Nhiều khi Armin có cảm tưởng bà Jean chỉ thích nói chuyện với mình, như là mỗi khi hai người dọn dẹp cỏ rác, cây cối quanh nhà. Giữa thiên nhiên trông bà Jean thật vui vẻ, trẻ trung và thật năng động. Bà vừa vun bón mấy chậu hoa, vừa hát khê một bài hát có âm điệu vui mà Armin đã nghe nhiều lần. Gặp con sâu, con dế hay cả con rắn nhỏ bà Jean chỉ xua chúng đi chỗ khác. Con kiến bà cũng không nỡ giết. Có khi bà nói về dãy mây lang thang trên nền trời, mây bay vô định, không cửa không nhà, vô thân tứ cố, thay dạng đổi hình, nhưng mây có cuộc sống vô tư, có ai nói là mây có tâm sự buồn đâu. Con sóc, con chim trên cây sau nhà cứ chạy nhảy, ca hát, nào có nghĩ tới nhà cao cửa rộng, mồ yên mả đẹp gì đâu. Phải rồi. Lúc sống bà Jean sống an bản, lạc đạo trong căn nhà nhỏ bằng cái hộp, thiếu những tới lui, thăm hỏi của thân nhân ruột thịt...thì khi chết chắc bà cũng không nghĩ gì tới những lễ nghi, lắm khi hời hợt, theo lẽ theo thói. Có nghĩa gì mấy lời thương tiếc của những người thân đã quên mặt bà từ lâu. Ý nghĩ này đưa đến cho Armin một quyết định dứt khoát. Armin phải làm một cái gì trước khi quá trễ. Thêm một Giáng Sinh sắp tới rồi. Giáng Sinh năm ngoái, Armin không có một món quà nào cho bà Jean thân thương của mình. Năm nay phải có. Armin tuy nghèo nàn, không một đồng xu dính túi nhưng phải có một món quà Giáng Sinh cho bà Jean, người Mẹ của mình. Bà Jean cũng nghèo nàn, nhưng bà đã cho

Armin cây thánh giá, vật gần gũi của bà. Trong giây phút nhiệm mầu của một đêm Thánh, Bà Jean nghèo tiền, nghèo bạc nhưng giàu tình thương, qua món quà là vật thiết thân của mình, đã cho Armin niềm tin và tình mẫu tử, cái mà kẻ được sanh ra để làm người như Armin còn thiếu.

Nghĩ là làm. Armin đem chuyện an táng bà Jean bàn với ông chủ của mình. Ông chủ cũng đồng ý với Armin là có lẽ linh hồn bà Jean cũng không mong có thân nhân đọc tin báo rồi tìm đến nhận xác bà rồi đem chôn cất nơi đàng hoàng tử tế. Giá mà có ai thương tình mà tình nguyện làm việc đó thì chắc bà Jean cũng không hài lòng. Quen biết bà Jean từ lâu, hiểu biết phần nào tánh ý của bà, ông chủ tiệm biết bà Jean sống thế nào thì thác thế ấy. Sống đơn giản, chết đơn giản. Sống không phiền lụy ai. Chết cũng đừng rước thêm phiền lụy. Đôi tay, đôi chân buông xuôi thì buông xuôi hết những lụy phiền, những ân những oán, những nợ những nần.

-Nhưng tui muốn được đưa tiễn bà Jean.

-Đưa tiễn thì được, nhưng lãnh xác bà về chôn cất thì chắc mình không làm nổi. Tốn kém lắm.

-Nhờ ông chủ liên lạc với nhà xác để cho tui biết ngày giờ họ đưa bà ra nghĩa trang.

-Việc ấy thì không khó.

Ông chủ thăm khen thằng nhỏ coi vậy mà có tình có nghĩa.

Chiều nay thời tiết trở nên lạnh hơn những ngày trước. Giáng Sinh đến rồi. Gió tháng Chạp lạnh như dao cắt. Trời rắc những hạt mưa nhỏ, vừa đủ ướt áo. Armin mặc phong phanh chiếc áo gió nên run lập cập. Armin đã xin nghỉ một ngày, đi bộ tới nghĩa trang từ trưa. Nghĩa trang nằm cạnh cánh rừng, trong vuông đất trũng có thật nhiều cây cao xung quanh, xa phố xá và nhà cửa. Đường đi trơn trượt,

nhiều đất hơn đá. Mộ là những phần đất nhỏ, đa số không có lấy một núm mồ. Mộ bia là những trụ xi măng nhỏ, thấp, nhiều cái nghiêng ngã. Không một cây hoa kiểng. Có nơi cỏ mọc cao che hết phần mộ. Nóc giáo đường nhọn hoắt nhô lên khỏi ngọn cây cao. Lúc đêm đã xuống hoàn toàn đoàn đưa xác của quận hạt mới đến. Người ta để bốn cái quan tài chung trong một chiếc xe mui đen. Không có xe mô-tô canh sát hộ tống. Bốn cái lỗ huyết đã được đào sẵn từ hồi nào, nằm gần nhau. Như vậy là những tử thi khác theo thông báo đã có người nhận. Khi bốn quan tài đưa xuống từ chiếc xe thì thủ tục an táng làm thật nhanh, cũng có vị mục sư đọc kinh tập thể rất ngắn cho bốn quan tài. Ai cũng muốn làm xong cho mau để về chuẩn bị Lễ Nửa Đêm. Chỉ có mấy nhân viên nhà xác và Armin. Không có một thân nhân nào của bốn người quá cố. Khi các quan tài hạ xuống huyết, Armin đọc thầm mấy lời kinh rồi thả một nắm đất trên mỗi nắp áo quan, thay thân nhân tiễn đưa người chết. Riêng phần huyết của bà Jean thì Armin cúi xuống thả từng cánh bông huệ màu trắng. Armin cúi đầu thật lâu, miệng thì thầm mấy lời vĩnh biệt trước khi đặt xuống nắp áo quan vòng nguyệt quế với dây lụa trắng viết chữ đen : « *Thành kính tặng Mẹ món quà Giáng Sinh năm nay. Armin, con của Mẹ* ».

Đêm xuống thật mau với những hạt mưa mỗi lúc một nhanh và gió mỗi lúc thêm lạnh. Gió rít từ những ngọn cây cao. Có tiếng cú rút đầu đỏ chen lẫn với tiếng chim đêm từ cánh rừng. Đoàn người và xe của quận hạt đã về từ lâu. Armin vẫn còn muốn ở lại đây chờ hồi chuông thông thả buông 12 tiếng từ nóc giáo đường đèn đuốc sáng choang trên lưng chừng đồi, để trông thấy một thiên thần bay lên vùng trời mênh mông cao rộng với vòng nguyệt quế còn ấm tay mình.

Trần Hoài Thu

Đêm vô cùng

Bốn chàng thanh niên: áo ấm kéo cao tận cổ, co ro run rẩy bước theo con dốc xuống bờ hồ. Trời của đêm Giáng sinh đầy sao và trong suốt như đáy cốc thủy tinh màu sẫm tối. Gió nghe lộng trên đồi, rồi lướt xuống lưng, rì rào trên những đợt thông cao. Gió thật lạnh. Cả bọn co rúm trước những cơn gió tê buốt. Tuy nhiên họ vẫn chạy theo con dốc, những bước chân ngỡ nghịch làm sao. Tiếng cười nói vang lên làm cõi đêm bỗng dưng bừng vỡ trong giấy lát, rồi trở lại cùng sự im lặng cổ hữu.

Trong khi đó, thành phố như mở rộng cánh cửa từ lâu bị khép kín. Ngày trước dễ chừng vào lúc màn đêm vừa buông xuống là các con đường đã trở nên vắng im và các nhà hai bên đường đã khép chặt cửa, chỉ còn lại là vài ánh đèn mờ nhạt từ trong một vài quán cà phê hay vài bóng người thích lang thang trước những cơn gió cắt da cắt thịt. Nhưng đêm nay lại khác. Rõ ràng, hầu như mọi người đều tuôn đổ ra đường, với quần áo mới, nụ cười tươi, gương mặt rạng ngời dưới những ánh đèn rực rỡ được thắp lên để chào mừng đêm Giáng sinh.

Thành phố chẳng khác một ngày hội. Máng cỏ, đèn hoa, những cây Noel rực rỡ màu sắc, và đồ chơi. Những cửa hàng đông nghẹt người. Quán cà phê đã thay bằng nhạc thường lệ để chơi bằng nhạc giáng sinh. *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời...* Tiếng hát đã hòa cùng niềm vui của một thành phố được xem là quý phái đài các. Chính niềm vui mừng rộng lớn ấy đã khiến bốn chàng thanh niên kia phải tức tốc mang áo ấm già từ khu nội trú. Tuổi trẻ đã

làm họ quên cả rét lạnh, quên cả nỗi xa nhà, để mà lang thang xuống phố. Càng lúc họ càng hòa nhập vào đám đông, đang cùng nhau đổ xuống con đường dẫn về ngôi nhà thờ chính của thành phố.

Một giọng nói cất lên:

- Đứa nào còn thuốc lá không ?

Một đứa nói có rồi trao bao thuốc cho bạn. Một que diêm được thắp lên. Hai thằng áp mặt vào ánh lửa xanh. Một thằng bỗng nhiên cất tiếng hát:

- Đưa em xuống phố đêm nay...

Giọng khác nhái theo:

- Em đòi cà rá hai ly...

Lời pha trò đã làm cả bọn cười rộn rã. Bỗng nhiên trong bóng đêm trời lên tiếng nói của một người con gái nào:

- Coi kia, mấy ông con trai, có điều gì vui mà cười quá thế.

Tiếp theo là những tiếng cười khúc khích. Phía thanh niên, một chàng đáp lại:

- Bọn tui cười thì mặc bọn tui. Can chi mà mấy o lại thắc mắc ?

Giọng Huế pha khôi hài của hắn lại làm cả bọn con gái một phen cười rũ rượi:

- Nhưng tiếng cười của mấy ông có vẻ chi là lạ...

Một thằng đáp lễ, nhưng một thằng khác đã chặn ngang kịp thời:

- Đừng sa vào bẫy. Mà có biết "có vẻ chi là lạ" là gì không?

- Không.

- Là giống đười ươi. Các nàng muốn ví bọn mình là giống đười ươi đấy...

Cả bọn vào con đường đầy ánh điện nhiều nển. Bọn con gái bốn đứa. Một thằng la lên. Ngược lại, theo các nàng mau lên. Một đứa khác giục. Rồi ba thằng vội vã đuổi theo tiếng cười khúc khích. Chỉ có một chàng thì bước theo

chậm rãi, chẳng buồn hòa nhập vào nỗi phấn khích chung của cả bọn. Hình như đó là bản tính của chàng. Nếu người ta nhìn kỹ, người ta sẽ nhận ra sự cô cút của chàng. Lưng chàng khẽ khom xuống, mái tóc bay tự do trước những cơn gió mạnh thổi đến từ bên kia bờ hồ.

Lúc bọn con trai vượt qua, rồi chậm lại để trò chuyện với bọn con gái, thì một cô bé đã tách rời và đi chậm lại. Thế là không hẹn mà gặp người sinh viên đã tiến sát cạnh cô gái, dễ chừng họ đi song song với nhau. Tuy vậy, họ đã không thốt lên một lời nào. Trong khi đó sương đã phủ dày đặc, ánh đèn đường chỉ là một vệt mỏng, cho đến những vì sao cũng trở nên nhòa nhạt và trên đồi, bóng những hàng thông đã mờ khuất trong sương mù.

Sương mỗi lúc một phủ dày, khiến hai kẻ đi sau không còn nhận ra cả bọn trai gái đi đằng trước nữa.

Và để phá tan bầu không khí im lặng lê thê ấy, chàng trai hỏi trước:

- Sao cô bé không chịu gia nhập cuộc vui của bạn?

- Còn anh?

Chàng nhún vai:

- Tại tôi không thích.

- Em cũng vậy.

Chợt người con gái hỏi:

- Gần đến giờ Chúa ra đời chưa anh nhỉ ?

- Tôi không có đồng hồ, cô bé ạ. Nhưng có lẽ gần đến rồi. Người ta càng lúc càng đổ về nhà thờ...

- Vâng. Em thấy.

Đêm càng lúc càng dày. Và bầu trời càng lúc càng thấp. Tiếng gió hú lồng lộng suốt con đường. Vô tình hai người đi sát vào nhau. Họ không còn để ý đến đám đông, đến đám bạn. Riêng người con gái, nàng đã quên nàng là giọng hát chính của buổi lễ nửa đêm. Hình như có một mối giao cảm kỳ diệu nào đã kết hợp hai tâm hồn người nam nữ để họ cùng nhau bước đi bên nhau, cho dù bước

chân người nữ vẫn còn luống cuống ngượng ngùng và miệng lưỡi của người nam như câm cứng. Họ đã cảm nhận thế nào là ái tình. Họ cảm ơn một Đêm huyền nhiệm. Chúa đã ra đời để ban phát tình yêu thương cho nhân loại. Chúa muốn quả đất này sinh sôi nảy nở và từng đôi, từng đôi tìm đến với nhau, không hẹn hò, không báo trước.

Có phải vậy không ? Chắc giờ này, vị linh mục đang phải khốn khổ vì ban hợp ca lại thiếu một giọng ca chánh. Chỉ có đôi thông, chỉ có ánh trăng lại lảng, chỉ có thời gian như dừng lại ngàn năm mới thấy được hai người. ánh trăng trong sương mù loang loáng một màu tái xanh hơn, và từ phía dưới đôi chuông vẫn tiếp tục ngân lên, cùng với tiếng gọi tìm ơi ới của lũ bạn. Đêm đã khiến họ tìm được tình yêu đích thực. Họ giấu người sau một lùm bụi. Rồi tiếng gọi trở nên loãng dần. Trong khi đó, những hàng thông tiếp tục reo lên một điệu nhạc của trời đất vô lượng. Rồi một động lực nào đó, khiến đôi mắt nàng nhìn lên bầu trời và bật lên lời hát: *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời, Chúa sinh ra đời, nằm trong máng cỏ nơi hang lừa...* Chàng nghe nàng hát mà mắt nhắm lại, lòng bật rung rung. Tiếng hát vút cao, như chạm vào lớp mây mù, như cuồn quít trên những ngọn thông già, như hòa nhập vào một vầng trăng huyền hoặc hư ảo, như ngày xưa thiên thần tụ hội trong bầu trời Bết Lê Hem để cùng nhau nhả lời ngợi dâng... Nàng hát, và chưa bao giờ nàng lại hát xuất thần đến như vậy. Bởi vì, nàng hiểu rằng, đêm nay, nàng đã bắt gặp được niềm ân sủng của Thượng Đế không phải từ trong giáo đường tôn nghiêm mà tràn đầy trong cõi vũ trụ vô cùng...

TẢN MẠN VĂN CHƯƠNG CỔ THI

laiquangnam

Hạ Tri Chương (賀知章) là người Quảng ?

Trong hành trình về thăm quê nhà, Ông họ Hạ còn để lại cho đồng hương ba bài thơ dưới đây. Ông là ai ? Đó là một thi sĩ già có tên thân mật là Chương, tên đầy đủ của Ông là Hạ Tri Chương. Ông nói giọng Quảng khá nặng dù trong tiếng nói có đôi chút lơ lớ khó nghe. Ông rời xa quê nhà chừng như rất lâu, không ai biết vì lý do gì, nay cuối đời tìm về thăm quê nhà.

Hồi 1, Về đến quê xưa ...

Nội dung là bối cảnh ngõ ngang của người ly khách ngày đầu tìm về thăm quê Quảng của mình, nỗi buồn của người xa xứ đã lâu, tự kể ở câu 1, và cuối cùng là tâm trạng của ông thay đổi theo từng phút giây đối mặt với quê hương, ta hãy nghe người dẫn truyện (hay chính ông) từng thuật.

Hồi hương ngẫu thư kỳ 1

Nguyên tác

回 ▪ 偶書其一

少小離家老大迴,

▪ 音無改鬢毛衰。

兒童相見不相識,

笑問客從何處來。

Phiên âm

Hồi hương ngẫu thư kỳ nhất

Thiếu tiểu ly gia, lão đại hồi
Hương âm vô cải, mấn mao thôi
Nhi đồng tương kiến, bất tương thức
Tiểu vấn : “ khách tòng hà xứ lai”.

Dịch thơ :

Hồi hương ngẫu thư kỳ nhất

Tạm dịch : “Ngẫu hứng khi tìm về làng xưa”

1. Đi khá trẻ, về khá già !
2. Giọng quê nào đổi, bạc đà hơn râu.
3. Trẻ con bu lại hà rầm
4. Rằng: “ Ông mô đến, hay làm chỗ nì” ?
5. Hi.?
6. Hi! hi!.... Hi! Hi! Hi!

Laiquangnam dịch

Theo người Đông phương cái hạnh phúc đôi khi tưởng chừng như rất đơn giản mà lại rất khó gặp nếu như ta không có cơ duyên,

*Nắng hạn gặp mưa rào
Đất khách gặp người quen
Phòng hoa đêm họp cần
Bảng vàng được đề danh*

Và đây cũng là niềm hạnh phúc khác cũng theo quan niệm Phương Đông.

1. Tha hương gặp đồng hương,
2. Thành đạt về cố hương.
3. Tuổi già không sống cô độc.

Ông già Chương đang thực hiện cái hạnh phúc "Thành đạt về cố hương, & tuổi già không sống cô độc" trong bài thơ trên. Người ta nói về già ra con nít, ngộ được cái hồn nhiên của con trẻ mới là hạnh phúc, cái làm cho người già mau xuống sắc chính là sự dằn vặt về tinh thần.

Ý thơ từng câu :

Đi khá trẻ, về khá già !

Câu 1.- Nếu đời người là khoảng cách A___B – 100 năm, lời của người ly khách kể với ta, khá trẻ cận dưới A', khá già cận trên B', quãng cách A'___B' cho ta nghĩ đến một thời gian xa quê lâu. Người dịch không dùng chữ quá già, bởi quá già thì sinh lẫn cảm, chậm chạp mất vui, Ông già gần họ Hạ tên Chương sống rất thọ, đến 85 tuổi tây, hay 86 tuổi ta mới từ già cuộc chơi..

Giọng quê nào đôi, bạc đà hơn râu,

Câu 2.- Sau khi thăm định, người kể chuyện quả quyết : “ông già Chương rất xịn. Ông đã giữ tốt tiếng nói của mình, một giọng Quảng khá nặng, không làm lẫn được. Đất Quảng có câu “ *Chười cha không bằng pha tiếng* “. Ông ngon !. Chính vì vậy mà người dẫn truyện phản chắc nịch, "nào", Giọng quê nào đôi ! (nghĩa là y chang 100%, xịn lắm!).

Trẻ con bu lại hà rầm

Câu 3.- Người kể chuyện (có thể là chính ông) cũng là dân Quảng, “trẻ con bu lại hà rầm”, " hà rầm "(*đông đúc, nhiều dễ tìm thấy*), bu (*vây quanh, áp sát*). Ly khách đi

đâu cũng gặp đồng hương.

Rằng: “ Ông mô đến, hay làm chỗ nì” ?

Câu 4.-Đám con nít chưa biết giữ ý tứ, gọi ly khách là Ông, thay vì gọi bằng “Cụ” như người làng ngoài, đám trẻ cùng quê, lại dân nhà quê, “Ăn cục nói hòn”, “mô đến”, “chỗ nì”

Hi?

Hi! hi!.... Hi! Hi! Hi!

5-6.- “đi hỏi già,về nhà hỏi trẻ”, Hi ?. Có lẽ ly khách hơi nặng tai, đã 84 rồi còn gì!. Giọng ly khách đã khó nghe ?.Không biết giữa ông cháu họ đã đối đáp, đã “***nói cái chi chi***” mà thấy họ cười rữ rươi. Có lẽ lũ trẻ tranh nhau nói, làm tài lanh tài khôn.Ngộ ! Sao tụi trẻ quê mình thật dễ thương,thật hồn nhiên dễ gần quá vậy..

-Hi ! Hi! Hi!. Tiếng cười “hi ! hi !” của họ vang lên sắc trong không gian nồng mùi cỏ dại của làng mạc xứ Quảng, hòa lẫn trong tiếng xào xạc của lũy tre xanh. Họ cùng ngồi bệt xuống thảm cỏ.

P II

Xin kể tiếp cuộc hành trình

Sau khi gặp đám trẻ nói trên, vài hôm sau ông đi tìm gặp ngay bè bạn lớp trước.Lớp bạn học, lớp bạn thời còn đồ nước bắt đẽ, xúc cá ngoài ao hay bẻ trộm mía, nhổ trộm khoai lang trên đường đi học.Tâm tình thăm mồi.

Hồi hương ngẫu thư kỳ 2

Nguyên tác

回 ▪ 偶書其二

離別家 ▪ ▪ 月多,
近來人事少消磨。
惟有門前鏡湖水,
春風不改舊時波。

Phiên âm

1. *Ly biệt gia hương tuế nguyệt đa,*
2. *Cận lai nhân sự bán tiêu ma.*
3. *Duy hữu môn tiền kính hồ thủy,*
4. *Xuân phong bất cải cựu thì ba.*

HaTriChương

Dịch thơ

1. *Ly hương tính đã nhiều năm*
2. *Bạn bè chừ điếm còn dăm ba người.*
3. *Cửa ngoài Hồ Kính mười mười,*
4. *Gió xuân y thuở, sóng chừ y xưa !.*

LaiQuangNam dịch

Thì ra,".lần ngón tay ai còn ai mắt" sóng vẫn lặn lặn
tấn trên mặt Kính hồ trước nhà (hồ Kính là hồ nhân tạo
được đào để tích nước cho việc trồng trọt).Cảnh vẫn "y
sì như xưa, từ ngọn gió đến con sóng lặn tấn.". "Tụi bay
đâu !Tau nì! ". Âm thầm,có một giọt lệ lặn dài trên gò
má .

Tôi cố sống để xem các Bạn Hiền có cảm được nước mắt
khi về thăm lại quê nhà. Tôi e bạn sẽ ¹trật "dự" [¹trật "dự"
là trật duột hay trật vuột chỉ động tác không chắc chắn,
gấp không chắc bị rơi trở lại] khi lặng lẽ gấp cọng rau
húng Trà Quế, tay thì cầm mãi miếng bánh trắng nướng
vừa mới bẻ mà mắt cứ để đâu đâu, trước mặt bạn một tô

mì Quảng vàng rươm, lạnh ngắt, nhạt mờ sau làn nước mắt.

Phần III

Xin tiếp tục đi theo tận khúc cuối của cuộc hành trình

Ông già Chương sau khi về quê nhà, lớp bạn cũ đã mất mát khá nhiều. Ông cũng có nhu cầu tâm tình, kết bạn chơi. Ông khéo quá, hồn nhiên quá.

Nguyên tác

題袁氏別業

主人不相識，
偶坐為林泉。
莫謾愁沽酒，
囊中自有錢。

Phiên âm

Đề Viên thị biệt nghiệp

Chủ nhân bất tương thức
Ngẫu tọa vị lâm tuyền
Mạc mạn sầu cô tửu
¹Nang trung tự hữu tiền

Dịch thơ

*** Đề Viên thị biệt nghiệp**

Đề Viên thị biệt nghiệp, xin tạm dịch :

Dịch ý, Đề (thơ) riêng tặng nhà họ Viên :
Hạ tri Chương

*Tình ta với ²chủ chưa thâm,
Ngẫu nhiên cùng ngắm suối lâm râm tình.*

*Buồn chi !_ uống rượu một mình,
Sẵn tiền trong túi cho mình góp vui !.*

laiquangnam dịch

¹Nang trung tự hữu tiền, sẵn tiền trong túi //lấy ý nhà thơ trong thời Lục triều đã viết trong bài thơ có nói rằng, “một bụng đầy văn chương không bằng một túi sẵn tiền.”..

²Chú, đừng quên ông già Chương đã hơn 80 (tho 85 tuổi tây), ông già cổ lai hi,
Ai ông cũng có thể gọi bằng chú, từ rất thân mật,” chú em “; mà chẳng sợ mịch lòng.
Đó cũng là cách tiếp cận thân mật với lớp trẻ.

o0o

Phân chú của laiquangnam : ¹Hạ Tri Chương là người Quảng Đông không phải Quảng nam đâu mà sao giống quá.

Bài *Hồi hương ngẫu thư* kỳ I được đem vào chương trình giới thiệu cổ văn Trung Quốc lớp 7 bây giờ (là lớp đệ lục ngày xưa), cùng với bài *Tĩnh dạ tư* (tứ ?) của Lý Bạch. Chương trình phổ thông học 15 bài thơ Đường tại hai cấp lớp 7 và 10 trong khi *Việt văn đọc bản lớp 11* của học sinh miền Nam trước 75 của cụ Trần trọng San chỉ giới thiệu có một bài *Hoàng hạc lâu* của Thôi Hiệu. Thế mới biết văn chương lớp trẻ bây giờ thâm hơn dân ban C miền Nam ngày xưa nhiều. Bản dịch Việt văn *Hồi hương ngẫu thư* kỳ I dành cho học sinh lớp 7 là bản dịch dưới đây do Phạm sĩ Vĩ dịch.

Bản dịch số 01 *Ngẫu nhiên viết nhân lúc buổi về làng
(bản dịch cho Học sinh phổ thông học hiện nay)*

1. Khi đi trẻ, lúc về già
2. Giọng quê vẫn thể tóc đà khác bao
3. Trẻ con nhìn lạ không chào,
4. Hỏi rằng : khách ở chỗ nào lại chơi.

(Phạm sĩ Vĩ dịch, “Thơ Đường” của viện Văn học Hà nội do Nam Trần chủ biên)

Bản dịch số 02

Bài thơ khi về làng

1. Hồi hương, nhớ thuở trẻ ra đi
2. Tóc rụng nghe còn đĩnh tiếng quê
3. Gặp mặt trẻ con cười chẳng biết
4. Hỏi ta mới ở xứ nào về .

(Bùi Khánh Đan dịch, “Đường thi trích dịch”, nhà xuất bản Văn Học, 2006)

Bùi Khánh Đan là người dịch thơ Đường một cách chuyên nghiệp và nổi tiếng ở miền Nam trước 75, trong khi cụ Trần Trọng San thì dịch nhằm phục vụ công tác dạy chữ Hán tại ĐHVK,ĐHSP SG.

Bản dịch số 03 Về quê tự dung viết kỳ 1

Trần Trọng Kim,

1. Bé đi, già mới về nhà,
2. Tiếng quê vẫn thể, tóc đà rụng thưa.
3. Trẻ con trong thấy hững hờ,
4. Cười ồ, hỏi khách lại từ phương nao.

Cụ Trần Trọng Kim,dịch thơ đường rất sớm và hầu như cụ dịch gần trọn vẹn bản Đường thi tam bách thủ.

Tiểu sử tác giả

Hạ Tri Chương 賀知章 (659-744), tự Quý Chân người Quảng Đông, có sách lại chép ông người Chiết giang. Ông đỗ tiến sĩ năm 698. Kiến văn rất rộng, làm quan đến chức Thái Tử Tân Khách Bì Thư Giám. Khi từ quan về nhà, ông sống đời đạo sĩ, lấy tự hiệu là Tử Sinh Cuồng Khách..

Ngoài tài thơ văn, tiểu thuyết, còn có tài viết chữ thảo, chữ lệ rất đẹp. Tính phóng khoáng, thích uống rượu. Ông là bạn vong niên với Lý Bạch, lớn hơn Lý Bạch 40 tuổi, Ông chết 86 tuổi. Nhóm thi ca của ông gồm bốn người, gọi là nhóm “ NGÔ TRUNG TỨ SĨ “, gồm ¹Hạ Tri Chương, Trương Húc, Trương Nhược Hư, Bao Dung “

Từ nguồn “Lê nguyên Lưu, Đường thi tuyển dịch, nhà sách trẻ, 1997” cho biết thêm trong nhóm ông có Trương Nhược Hư với bài “Xuân giang hoa nguyệt dạ”, là một trong hai bài thơ Đường, bài kia là bài Trường hận ca của Bạch Cư Dị, rất được người NHẬT yêu thích. Khách thơ có thể đọc bản dịch của lai quang nam về bài Xuân giang hoa nguyệt dạ”, trên <http://www.caliweekly.com>, mục thơ ĐƯỜNG.

Tưởng niệm bạn bè

Một nhà thơ nằm xuống tại Pleime

SÓNG

TẬP-AM VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI

TÊN LƯU: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI
 LỜI MỞ ĐẦU: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI
 VỀ THƠ: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI
 VỀ THƠ: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI
 VỀ THƠ: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI
 VỀ THƠ: NHÀ VĂN-HỌC NGHỆ-THUYẾT LÊ-HOÀI

THƠ

TRANG CHÁU • PHƯƠNG LÂN • TÂN NHAI • VŨ •
 CỤT TÀI • NGUYỄN KHOA • NGUYỄN KHOA • NGUYỄN KHOA
 TÊN • PHAN VŨ THẬP • SONG HÒA • TÊN PHU SA
 LỜI MỞ ĐẦU • NGUYỄN KHOA • NGUYỄN KHOA

KHOA MỸ THUẬT • NGUYỄN KHOA • NGUYỄN KHOA

1 T ả ả ả ả ả ả 1965

LTS: Trên đây là hình chụp bìa tạp chí Sóng... số 1 tháng 10 năm 1965 có tòa soạn đặt tại Tuy Hòa. Nhìn vào tên những người cộng tác, đa số là những người viết quen thuộc của miền Nam. Trong số đó, có 3 người chết ít năm sau. Hai người tử trận là nhà văn Y Uyên và nhà thơ Nguyễn Phương Loan. Một người bị bạo bệnh khi thụ huấn trong quân trường Thủ Đức là nhà thơ Nguyễn Nho Nhượng. Còn lại thì sau 1975, kẻ đứng bên này, người đứng bên kia, kẻ trong nước, người ngoài nước, tan tác, chia lìa...

Để nhớ lại người bạn cũ Nguyễn Phương Loan - chúng tôi đi bài thơ của NPL trích trong tạp chí Sóng và bài viết của Kinh Dương Vương về anh.

Thư viết nhiều đêm
Nguyễn Phương Loan

Giờ anh như con nước lạ về hạ lưu qua những miền
 bùn chua cặn sạn, qua những miền đất gầy róm rạ

cỏ khô bỏ quên những êm đềm của thời còn ở vùng suối nhỏ hiền lành bên cạnh ngọn đồi những phiến đá vô tư trầm lặng và loài rêu xanh bé bỏng, mất hết mọi thứ cả đến cái cảm giác êm đềm ấy nữa, cái nũng nịu với mẹ già xa cách vội vàng, thời gian ngắn hơn giấc mơ không thể nói kịp một lời thí dụ như yêu em, em biết chắc là thế bởi vì còn nhiều điều phải nói trước quê hương chẳng hạn, có thể đó cũng một lý do, hơn nữa em xa xăm như hiện tượng mà viễn tượng gặp ở ngôi nhà ví dụ X rất khó khăn, ở hạ lưu lời cô ướm trong sương muối mặn ngai không tới em, tới khuôn mặt hiền hòa, nói gì được khi bằng sáng bằng chiều ngắn cách, tuổi thơ trở lại niềm vô vọng an toàn, ngồi vào căn nhà anh hồi tiếc thời dĩ vãng nô đùa với những bông hoa trẻ nhỏ - không còn gì để an ủi cho thân phận cô đơn này, lại thêm nỗi nhọc nhằn đè nặng kỷ niệm đen như ly cà phê ảo tưởng quần đặc khô cằn trong sự khô cằn buồn bã, trí óc bắt đầu gào thét quờ quạng vào chuỗi ngày dài - ở đó cuộc sống đang tới thêm nhiều ngày chung khoảng tối tăm, thêm em cùng bạn bè hiểu cho niềm ước muốn nhỏ nhoi của anh, anh còn tin như vậy thôi, ngoài ra thực tế đã đóng khung nên giảm bớt chi tiết để ngục trang phủ phàng bất hạnh, anh hết ngoan ngoãn như lúc còn em, còn thời thịnh trị tình ca dân ca mộc mạc lục bát Nguyễn Du, chính những ngôn ngữ dịu dàng ấy do anh đánh mất, anh không oán trách khi ý thức rằng chẳng có gì phải nói vì tình thương đã trở thành đôi cánh thiên thần khó níu kéo về tương lai đau khổ một loài chim không nơi tạm trú lúc ở đời này và khi mùa đông vào tiếp nỗi băng ướm át khắc khoải, bóng dáng xanh cao của khung trời bao la đã mất. Tuổi trẻ nằm xuống ốm đau miên man.

KINH DƯƠNG VƯƠNG

bài thơ cho bạn tôi

tưởng niệm Nguyễn Phương Loan

Dáng anh cao lớn và oai nghiêm, thoát trông trẻ con hoảng sợ. Nhưng rồi chúng đến vây quanh anh thân ái, khi chúng nhìn thấy đôi mắt hiền, buồn như mắt của một nghệ sĩ và giọng nói nhẹ dịu lòng. "Các cháu lại đây với chú. Nào, lại đây với chú"

Anh hãy còn độc thân. Anh yêu một người con gái, nhưng nàng không yêu anh, đã từ lâu, và anh còn yêu nàng mãi...

Anh vẫn viết thư thường xuyên cho nàng, những bức thư là những bài thơ tình tuyệt vời không bao giờ có hồi âm.

Bạn tôi, anh là lính trận, nhưng cũng là một thi sĩ. Tôi nghĩ rằng anh chỉ là một thi sĩ. Anh viết những bài thơ trong bụi rậm, trên quyển sổ tay nhỏ, giấy bao thuốc lá hay những mảnh giấy vụn. Những bài lục bát không bao giờ xuất hiện trên mặt báo. Nhưng cây lá, những cỏ mọn hoa hèn và côn trùng - những chú dế nhỏ, cào cào, sâu bọ - biết qua giọng ngâm gợi cảm của anh. Và vài người bạn thiết nhận được những bài thơ của anh từ những vùng hành quân xa xôi.

Anh liên miên đi từ chiến trường này đến chiến trường khác.

Đầu Thu: Anh đang ở mặt trận Tây nguyên, Kontum. Nơi đó có gia đình vợ con tôi. Anh thường ra thăm lũ trẻ, đem theo những viên kẹo và những chiếc bánh ngọt - anh đã mua với số tiền nhín ra từ đồng lương ít ỏi của anh.

Khi tôi về phép thăm nhà thì anh đã theo đơn vị đến một chiến trường khác vùng duyên hải. Tôi không được gặp anh.

Anh gửi người bạn mang về cho tôi tập thơ “Kẻ tiên tri” của Kalil Gibran, anh đã cẩn thận, sửa những lỗi in sai. Anh viết cho tôi trong một bức thư ngắn với nét chữ run rẩy, rằng anh đang bị sốt rét rừng. Anh gửi lời thăm tôi và gia đình an mạnh, mong giữa mùa thu sẽ gặp lại. Tôi viết thư trả lời anh. Cầu chúc anh luôn gặp những điều may mắn và cũng mong sẽ còn gặp lại nhau.

Nhưng anh đã nhận được thư của tôi chưa?

Giữa mùa thu:

Tôi được tin anh đã trở lại chiến trường Pleime, nơi đó anh bị thương. Một mảnh thép đã len vào thân thể anh, nằm trong phổi khiến máu anh chảy ra nhiều cùng với những chiếc bong bóng màu hồng. Việc tản thương chậm chạp và anh đã bất tỉnh. Anh vào nằm bệnh viện và qua một cuộc giải phẫu.

Người bạn anh nhờ mang sách về cho tôi kể chuyện:

Buổi sáng, anh tỉnh dậy sau cơn mê man suốt đêm. Anh đã ngồi lên được và anh hút thuốc - thú vui duy nhất của anh đó mà. Buổi trưa anh cảm thấy mệt nhiều. Anh đã nói với người bạn nhờ nhắn lại cho gia đình tôi biết, nếu anh mệnh hệ nào. Đứng nửa đêm hôm đó...

... Bạn tôi, người bạn thi sĩ mà tâm hồn cao thượng và hiền hòa như lá cây đã vĩnh viễn từ biệt cuộc đời.

Có linh hồn không? Và linh hồn anh đã bay về đâu? Hẳn là linh hồn anh đã nhập vào những nụ xanh của một mùa xuân vĩnh cửu. Hay đến cư ngụ nơi một vì sao, trong ánh trăng vô thủy vô chung, hay đang bay lượn trên những tầng thanh khí? Ở đó, anh không còn là thi sĩ nữa, anh chính là thơ. Một bài thơ vô thanh vô sắc mà con người chỉ có thể nhận ra bằng linh cảm, với xúc động bàng hoàng. Một bài thơ đắm lệt âm u.

Từ nay, trên thế gian, không nơi đâu tôi có thể tìm thấy bạn tôi, với nụ cười hiền hòa và đôi mắt như mắt một con nghé tơ nữa. Cuộc đời chúng tôi đã bị chia cách bởi một vực thẳm huyền bí mang tên Tử biệt. Chúng tôi có bị chia

cách thật không? - Không - Tôi muốn tin như thế cho đến ngày tôi bước vào thế giới của anh và cuộc đời chúng tôi được nối kết lại - anh vẫn còn tiếp tục sống trong đời sống của tôi.

Tôi lần dở những trang sách anh tặng tôi vào đầu mùa thu. Thỉnh thoảng tôi bắt gặp vài nét chữ của anh. Hẳn những dấu tay anh mà tôi không trông thấy còn in lại trên những trang sách? Những trang sách giữ lại một cách vô tình hơi hướm của anh? Tôi đọc lại bức thư cuối cùng. Những nét chữ run rẩy vì cơn sốt rét rừng giờ đây run rẩy trong tâm hồn tôi.

Sáng nay, một buổi sáng xanh có nắng trong nhuộm rực rỡ khu rừng nơi dừng quân, tôi nhớ đến bạn tôi. Tôi muốn nghĩ rằng ở một nơi nào đó anh vẫn còn đang sống. Trong ánh nắng vàng trong vắt của bình minh kia anh đang cười và trên những chiếc lá xanh kia anh đang viết những câu thơ lục bát bằng ngòi viết tâm hồn anh và mực nắng ban mai. Anh đang nhớ đến người con gái anh yêu, gia đình anh, bè bạn và đời sống.

Nhưng không, mặc cho sự phỉnh phờ của cơn mơ mộng, trong tận cùng tâm trí tôi có một nơi bóng tối không chịu rời xa - dù chỉ một chút bóng tối nhỏ nhoi - từ đó một tín hiệu âm u liên tục đánh đi và tâm hồn tôi luôn tiếp nhận, rằng: "Bạn anh đã chết! Bạn anh đã chết! Đã... chết!"



PHẦN THƠ VĂN SÁNG TÁC

Nguyễn Lệ Uyên * Du Tử Lê * Hải Phương *
Tường Phong * Trần Bá Lang * Trần văn
Nam * Nguyễn Nam An * Viêm Tịnh * Trần
Yên Hòa * Đoàn Chính Nam

Nguyễn Lệ Uyên

Con dao và lát bánh mì

“Mà mẹ mày... làm ăn như củ kít”. Cây thước thợ gỗ xộc lên gờ tường mới xây. Lốp gạch phía trên ngã bổ xuống, vang thành tiếng động lộc cộc khô khốc. Cây thước quay ngang qua phía đầu Tỏ. Tiếng “cốc” nhỏ, rất nhỏ như tiếng con chim gõ kiến gõ vào cành cây khô. Tỏ đưa chiếc bay lên và kịp hạ xuống. Chiếc bay hạ xuống để nghe tiếp câu chửi: “Đ. má... đầu mày chứa toàn bùn thúi và phân trâu”. Tỏ cúi xuống mảng tường vênh, đề chiếc bay lên phàn gạch nhóp nháp vữa. Cây thước thợ di chuyển qua phía bờ tường bên kia, nơi toán thợ đang gác tấm lanto.

Tỏ nhìn cây thước thợ di chuyển, nhìn dáng đi lạch bạch của con vịt bầu, đầu chực ngã chúi về phía trước. Chỉ cần một tích tắc thì cái bay vung lên, nhưng Tỏ đã ghìm lại, nén cơn giận xuống bàn chân phải, đá tung lốp gạch vừa xây, ném chiếc bay lên không, bước thẳng.

Gió lùa qua hai tai, nắng tháng Sáu ập xuống như lửa từ bề rền phụt ra. Cả công trường xao bay, phạm phục trong hơi nóng. Những gờ gạch xây chao lên hập xuống như gió nâng kéo chiếc lá trên cành trôi trong lớp không khí loãng. Đồng nước phía trước sáng trắng đến loá mắt. Tỏ men theo con mương cụt thất thểu quay về xóm.

Bộ phẳng ngựa kê ở đầu chái phủ lớp bụi mỏng. Tỏ không phải, nằm ỉnh xuống, đầu gối lên hai tay, mắt ngó đăm đăm vào giàn rui kèo cong vênh, liên tưởng đến thân phận của thằng người vêu vẹo, lồi lõm.

“Công trường bữa nay nghi sao?”. “Không”. “Đau

bệnh gì à?”. “Không”. “Sao vậy?”. “Không làm nữa”. “Mẹ cắt, không làm thì lấy gì nhét vào miệng?”. “Ăn trộm...”.

Sáu Xường ném chiếc cuốc lẫn lóc xuống nền đất, tru lên: “Thằng mất dạy. Ăn nói với cha mẹ cứ như ném cát vào mặt. Không đi làm thì lấy gì ăn?”. “Nói rồi. Không làm thợ xây nữa. Mai đi Sài Gòn tìm việc khác. Mỗi tháng gửi về năm trăm được chưa?”. “Đúng là đồ ăn trộm, quân bất nhon!”. “Sao cha không ra công trường chửi vào mặt tụi ăn trộm đó. Mà không phải ăn trộm đâu. Cướp. Chúng có tiền đi cướp của thằng mất rệp đó”.

Sáu Xường không nhìn con, lạch bạch ra giếng kéo nước rửa đôi chân mốc cời, trong khi Tô vẫn nằm gồi đầu trên hai bàn tay bắt chéo vào nhau, lơ mơ nghĩ về thân phận công oằn của mình và ngủ thiếp trong cơn nóng hầm hập từ mái tôn dội xuống.

Cơn nóng kéo Tô chìm lút trong cơn mộng mị hãi hùng. Anh thấy mình cầm chiếc xà beng đào sâu phần bờ ruộng nhà, hất tung những dây bê tông dề bên trên, đẩy ra xa thật xa khu công trường đang thi công, giành giật từng phân vuông đất, moi từng hốc nhỏ nổi lại, cong người đẩy tới. Những lọn cỏ nát nhão trộn lẫn chút cát, vữa, gạch vụn như cái xác con gà bị bánh xe cán nhẹp trên mặt đường, lầy nhầy, sền sệt... Những dề đất kết lại rồi vỡ ra, trôi theo sức đẩy cật lực của thằng con trai tuổi hai mươi. Người mẹ từ hướng núi bay về, tóc rũ rượi, mặt đầy máu niu thằng con lại, giọng gào khản đặc: Mẹ van con! Xưa chúng giết mẹ dưới dốc đá. Giờ mẹ không muốn con chết theo mẹ. Tô vụt ra khỏi đôi tay người mẹ chỉ còn những đốt xương trắng hếu rung lên. Tô lao tới. Mảnh ruộng vuông vức khi xưa theo cơn giận dữ cuồng dại bị xô nghiêng, lệch thành nhiều hình thù kỳ dị khác nhau: khi thì như lưỡi mác, lúc bè ra mỏng dẹt như bánh tráng, lúc như ống thổi lửa... rồi rơi tòm xuống đáy sông. Bà mẹ ngã sấp xuống nền cát cháy đầm đìa máu me, hai tay chấp chới

trong khoảng không liếp màu máu bầm. Tỏ hoảng hốt la lên. Mồ hôi chảy bề trên mặt vẩn ngứa. Anh mở mắt chỉ kịp thấy mái rui kèo cong vòng như chiếc võng gai sắp câu mình lên cao.

Mặt trời nhỏ lại bằng chiếc đĩa, dính chặt lên đỉnh núi phía tây rồi lặn từ từ xuống. Khối đỏ nhoè nhoẹt mắt hút.

-Tui qua nhà bảy Lụa - Tỏ kéo dài giọng, bước ra khỏi bờ sân gạch.

-Đằng hoàng với con nhà người ta – Tiếng ông Xường đầu đó trong gian nhà tối vọng ra, nhỏ như tiếng thờ dài – Năm tới tao qua nhà hai Trương bàn chuyện cưới hỏi. Lo làm ăn, dành dụm tiền là vừa.

-Xi... - Lời phản kháng hết đầu máy hơi nước phun ra, cố gắng rướn tới, kéo hàng dây toa nặng nhọc, ịch lạch về phía trước.

Tỏ bước thẳng. Bước đi nặng nề không dám ngoái nhìn căn nhà cũ kỹ ọp ẹp. Bao nhiêu dự tính bị chôn sâu dưới những tầng bê tông đè lên. Chỉ cần hai mùa lúa, Tỏ sẽ mua gạch xây lại căn nhà. Một mùa nữa sẽ dẫn bảy Lụa về hôm sớm cho cha. Vậy mà giờ này bước ra khỏi ngõ, chênh choạng như kẻ trốn chạy.

Trời tối hù. Qua mấy trường tre dài hun hút, Tỏ xuôi ra phía gò Măng Cù. Những bụi trâm bầu nổi dài chạy dọc hai bên đường kéo bóng tối đậm hơn. Những hình thù kỳ dị nhấp nhô phía trước, theo từng bước đi cao thấp trên các mô đất lồi lõm trên mặt đường. Căn nhà bảy Lụa chìm sâu bên trong vườn dừa, hắt ra chút ánh sáng yếu ớt. Tỏ dự dè một lúc rồi bước thẳng ra đường đất đỏ, phía sau là căn nhà chìm khuất sau vườn dừa, hàng trâm bầu, trường tre và căn nhà xiêu vẹo...Tỏ hiểu rằng, nếu không đi nhanh, chỉ một thoáng chao lòng anh sẽ chạy vào, sẽ chu môi giả tiếng chim cú và Lụa sẽ bước ra, ngã vào đôi tay chắc khoẻ. Lụa sẽ hoá thành sợi dây thừng cột

chặt Tỏ lại. Và lại sẽ nắm chiếc bay lên, sẽ gồng mình đẩy từng xe cát gập ghềnh cả đời người...

Mặt lộ thênh thang gió, thênh thang những ruộng mạ thiệp đen bóng tối, nhấp nhô sau công trường. Chiếc túi vải trên lưng đung đưa theo nhịp bước chân chạm vào vùng thịt da, cơ hồ như có bàn tay Lụa đang xoa lên những chỗ đau ê ẩm sau một ngày đội nắng trên giàn xây.

Bàn tay Lụa xoa mãi trên lưng tới ngã tư quốc lộ, Tỏ chuyển túi vải xuống tay trái, ghé mộng lên cột số. Trời tối đen. Xóm làng phía sau lưng là một khối đen đậm đặc. Những hàng tre, mái tranh, ruộng đồng, rừng trâm bầu và khu công nghiệp dính chặt vào nhau, không thể nhìn thấy rõ ràng đâu là mái đình, đâu là cầu ao nơi hai đứa thỉnh thoảng hẹn hò lúc đêm tối trời.

Phải đợi khá lâu mới thấy ánh đèn nhấp nháy từ xa. Chiếc xe khách trở tới. Tỏ bật dậy chuyển túi vải qua tay phải giong lên.

-Đi đâu? - Người phụ xe hỏi nhanh như viên bi bắn ra khỏi tay.

-Sài Gòn - Tỏ đáp.

-Trăm rưởi.

-Trăm hai.

-Chạy - Người phụ xe hô lên như người chỉ huy hô lính xung phong.

Tỏ đuổi theo vừa la “trăm rưởi, trăm rưởi...rưởi...”. Tỏ chạy hụt hơi, vừa nhắm tính trong đầu: tới bến vẫn còn chín chục, đủ để sống hai ngày ở đất Sài Gòn trước khi tìm ra công việc gì đó. Xe dừng. Tỏ lao lên như con chim cất. Lúc ngồi yên trong lòng xe, nước mắt tự dưng trào ra, lăn xuống bên khoé môi mẫn mẫn. Anh cảm thấy tim mình bị bóp thắt. Anh tưởng tượng người cha già khom sẽ hoảng hốt khi thức dậy không thấy mình ngủ trên bộ ván ngựa, con Lụa sẽ khóc nức nở khi biết nó chỉ còn lại một mình trong vườn dừa âm u. Mẹ anh chết cách đây bốn

năm đồng nghĩa với việc chấm dứt sự học, bầu trên bờ ruộng giúp cha việc đồng áng. Bốn năm trôi qua đủ để Lua chen ngang vào đời thằng con trai bước qua tuổi dậy thì. Và Tỏ như chiếc áo toí mốc dính trên cột. Giờ thì chiếc áo toí bay đi, từ từ bay đi chỉ còn trơ khắc chiếc mốc tre ám bụi. Tỏ miên man tưởng tượng anh sẽ ngã quỵ trên đường, rồi lại gạt bỏ ý nghĩ đen tối để mơ ngày trở về làng trên chiếc xe bóng lộn, máy nổ rì rì... Lua ra đón ở đầu con mương nước cất xéo nửa làng và dân trong ấp sẽ nhìn nó...

-Tới bến rồi. Xuống đi cha nộ...ội - tiếng nội kéo dài ra như tiếng keng hợp tác xã thuở trước, mệt mỏi và dứt khoát.

Tỏ đeo túi vải lên vai, ngáp tiếng dài trước khi bước xuống. Bến nhộn nhịp. Những người chạy xe ôm ùa tới vây quanh hỏi Tỏ đi đâu. Anh lắc đầu bước chệch choạng giữa đất Sài Gòn ồn ào, chen chúc và khói bụi. Bản thân anh cũng không biết đi đâu, đến đâu. Không ai là người quen ở xứ này. Hồi còn ở làng nghe nói có cô Thao con gái út thầy Sáu vì chuyện tình duyên nên bỏ nhà vào đây trên mười năm, và trước đó có mấy người vì dính líu đến chế độ bỏ trốn đâu đó trên Tây Ninh. Đất Sài Gòn rộng, người đông như kiến bò biết tìm đâu? Bước chân cứ xuôi theo con đường rộng, chật cứng người, xe; tay trái giữ chiếc túi vải, tay phải thọc sâu trong túi quần, ấn những tờ giấy bạc cong queo nằm xếp sát đáy.

Tới ngã tư kịp lúc đèn đỏ, Tỏ trôi theo dòng người đi bộ qua bên kia đường và dừng lại trước chiếc xe đẩy bán bánh mì. Tỏ mua một ổ. Lúc lôi những tờ giấy bạc ra, nghe người bán bánh hô gọn tron: “mười ngàn” khiến nó giật thót người. Anh hiểu rằng, đến giờ phút này trong túi chỉ còn tám chục. Tám chục để chống chọi với việc tìm kiếm việc làm mù mịt trước mắt trong những ngày sắp tới khiến miếng bánh trôi qua cổ họng vừa mặn vừa chua, khiến anh nhớ tới những miếng cơm cháy bên hông nồi,

đĩa rau luộc và xoong cá kho, nhớ tới hình ảnh người cha ngồi nhai trệu trạo, luôn nấc cụt trong mỗi bữa cơm và những tiếng rên nho nhỏ đêm khuya trở trời. Tò đang là chỗ dựa duy nhất trong cuộc đời còn lại của ông, một ông già trên sáu mươi, goá vợ, con cái muộn mẫn... Chót bánh mì cuối cùng trôi qua cổ làm nhói lên nỗi đau tê. Đúng mình là thằng mất dạy, bất nhon, bất hiếu và kíp hiếu ra rằng, mỗi tháng không có năm trăm gửi về, cũng đồng nghĩa với chuyện đẩy cha mình men tới vực đói khát, đau bệnh. Cả thể xác và tinh thần ông đã suy sụp kể từ ngày toà tuyên án ba năm tù giam vì tội bắt tay với kẻ gian làm mất năm tấn lúa hợp tác xã. Kẻ gian ấy toà không thể “định dạng” còn ông thì cứng họng không mở miệng khai nổi. Ông đã nhiều lần nói: Thà mang tiếng và chịu nhục trong ba năm hơn là phải khai ra để tự mình bôi bẩn “lý tưởng” mà ông và cả thế hệ thanh niên nông dân đã đổi bằng máu, nước mắt, bằng sự sống và cái chết trong đường tơ kẽ tóc! Tò không thể hiểu cái lý tưởng trừu tượng kia là cái giống gì, vùng vằng: Tui không hiểu nổi, sao cha luôn chia vai rước tai hoạ cho kẻ khác. Giờ lão ta ngồi chót vót ở huyện này, vậy mà có bao giờ lão ghé thăm cha, hỏi han lấy một tiếng? Mày còn nhỏ chưa hiểu lẽ đời. Có những việc biết thế nhưng không thể hé răng. Ba năm đâu là gì, đau bệnh ai chẳng có lúc? Tò ít chữ, nhưng chẳng lẽ tình đồng chí lại đánh đồng với chuyện đạo đức, trái phải? Đó là lần duy nhất Tò còn cào ruột gan. Còn lần này lại dờn dợn bởi nó đang tách khỏi sự chớ che, thúc nhắc của cha mình.

-Ê, ông bạn, định đi đâu?

Tò ngược lên. Đó là một người đàn ông trung niên, nước da đồng hun, đội chiếc mũ rộng vành, miệng ngậm tẩu thuốc, phì phèo.

-Dạ, tới nhà bà con - Tò trả lời.

-Giờn sao cha nội. Ngó bộ dạng ông bạn biết ngay là ở tỉnh mới lên – ông ta gỡ tẩu thuốc ra khỏi miệng, môi

nhếch lên, lướt cặp mắt bên trong chiếc kính đen, từ đầu xuôi xuống chân rồi ngược trở lên như thể đánh giá một trái bí, bị sấn chứ không phải là thằng người đang đứng trước mặt ông ta – bà con đêch gì! Ông bạn đi tìm việc làm thì đây giúp cho. Công việc nhẹ nhàng. Giữ xe cho nhà hàng, tháng triệu rưỡi. Tháng đầu ông bạn đóng cho tôi ba trăm. Các tháng sau, mỗi tháng hai trăm cho tới khi nào ông bạn không thích làm nữa. Ok?

Tô nhìn chăm chăm vào mặt người đàn ông, ước lượng mức độ chân thật: đôi môi thâm đen, hàng lông mày rậm, cặp mắt ẩn sau lớp kính màu tránh nắng. Tất cả chưa nói lên điều gì. Nhưng đầu sao, tỏ ngời, ngời trông xe là công việc nhàn hạ. Nghề ngỗng chẳng có lấy chút bộn, lại có công việc khi vừa mới chân ướt chân ráo đã là điều may mắn, không thể đòi hỏi hơn. Và hơn hết là có chút tiền gửi về cho cha hàng tháng trước khi đình đậu một công việc gì đó. Tô gật đầu. Người đàn ông gỡ bã thuốc rớt xuống đường trước khi ngồi dạng chân nỏ máy. Tô leo lên, cứng ngắt như chiếc bao tải phía sau tấm lưng to bè.

o0o

Quán nằm trong ngõ cụt, sát bờ sông, chung quanh là các loại cây tấp nham từ rừng đưa về làm cảnh, cành lá um tùm. Phía sau, cứ mỗi hai ba gốc cây là những căn chòi lợp lá dừa nước. Những tấm rèm màu xanh da trời vẫy quanh, tiếp với màu lá cây và sông nước trước mặt. Đó là những gì Tô nhìn thấy từ bên ngoài, chưa một lần đặt chân vào bên trong. Tô không được phép đặt chân vào!

Công việc của Tô là đưa thê và đánh số xe cho khách, sắp xếp lại ngay ngắn thành những dãy dài, dắt xe ra cổng trả lại khách, cúi đầu nói câu “cảm ơn”. Các bữa ăn không giờ giấc, do người phụ bếp mang ra trên chiếc khay nhôm. Thức ăn ê hề, nhưng chắc chắn không phải nhà bếp nấu cho Tô mà là thức ăn thừa của khách. Điều này không làm anh cảm thấy khó chịu, đôi lúc còn thấy

như niềm hạnh phúc đang cúi xuống cống mình lên vai: Tỏ mập hơn, cao to hơn, da dẻ trở nên hồng hào mịn mượt hơn, khi đứng trước chiếc gương soi lớn, ngay sát cổng ra vào. Anh thấy mình khác hẳn trong bộ comple màu trắng viền nẹp đỏ và chiếc mũ lưỡi trai trên đầu...Những lúc vắng khách, Tỏ ngồi trên chiếc ghế nhựa ngó mong ra dòng sông. Dòng nước đục lênh như không hề chảy. Hàng dừa nước bờ bên kia ken dày, che khuất những căn nhà lụp xụp, mái rũ xuống cam phận, không dám ngược nhìn bờ bên này. Buổi chiều, nước thủy triều lên, những tàu lá dừa chúc ngọn trong dòng nước đọng đưa nhè nhẹ, khiến Tỏ có những cảm giác mơ hồ về sự nhớ nhung, thoát hiện thoát biến, không rõ nét: khuôn mặt Lụa lơ mờ bên dưới màu nước đục, và cha anh cong người gầy khúc ở đầu chót lá. Cả hai cứ rung lên nhè nhẹ, không với cánh tay ám đất về phía Tỏ.

Một chút khắc khoải nhớ nhung bỗng gãy gấp theo tiếng máy xe đồ xích ngay trước ghế dựa, chỗ anh ngồi. Tỏ bật dậy như quán tính chiếc lo xo bất ngờ được thả bung. Anh mở cửa xe vừa cúi gập người chào. Những người phụ nữ ăn mặc diêm dúa bước ra, ngược mặt nhìn lên trời cao và bước thẳng vào bên trong. Tỏ đóng cửa xe, dịch người qua bên làm hiệu cho xe đậu chỗ đất trống cạnh bờ sông. Chiếc xe quay nửa vòng như làm xiếc, ghéech mũi giữa hai thân dừa thẳng đuột, thờ xọc một cái thả một vùng khói trắng phía sau.

Tỏ quay đi kịp lúc nghe giọng nói sau lưng: “Anh bữa nay có vẻ thiếu lịch sự đấy nhé!”. “Xin lỗi”, Tỏ nói và quay lại. Đó là người phụ nữ mặc chiếc robe hoa cà. “Sao, chỉ có vậy thôi à?”. Tỏ luống cuống hết như mình là đứa trẻ mắc lỗi. “Anh không phải đồ mặt lên như thế, anh bạn trẻ và đẹp trai ạ”. Sau đó Tỏ có cảm giác như một bên vai của người phụ nữ chạm vào người mình. “Ngồi nói chuyện một chút, được chứ hả?”, bà ta lại cất giọng. “Không dám, mời bà ngồi”, Tỏ nói với giọng của người

đang lên cơn sốt vừa kéo ghế rút chiếc khăn trong túi quần lau ghế (dù trước đó anh đã mài đũng quần lên đó rồi). Người phụ nữ đưa tay vịn thành ghế. Tỏ đứng dựa một bên công, chỉ cách một với tay. Đến lúc này anh mới hoàn hồn để kịp quan sát: khuôn mặt thon dài, lưỡng quyền hơi nhô cao ửng đỏ. Hàng lông mày rậm được tỉa tốt cẩn thận... Bà ta không đẹp, nhưng đầy sức sống.

-Công việc ở đây có dễ chịu không?

-Dạ...

-Tôi có một đề nghị: nhiều lần qua chỗ này, tôi thấy anh là người cẩn trọng, chu đáo. Tôi muốn chuyển anh về văn phòng.

-Thưa, đã hứa với anh Năm.

-Ồi dào, ngoài mấy cái nhà hàng, tôi còn văn phòng môi giới giao dịch địa ốc. Tôi muốn đưa anh về chỗ đó để thay người khác đã xin nghỉ việc. Sáng mai xe đến đón anh về làm công việc khác. Tôi đã quyết định rồi – Nói và bà ta nhướn miệng cười giống như bắc đèn dầu hơi được vụn cao ngọn, và bước tới, không hề ngoảnh lại.

Công việc mới của Tỏ vẫn là công việc như lúc ở nhà hàng, chỉ khác một điều là không có mũ lưỡi trai, bộ comple màu trắng nẹp đỏ hai bên ống, thay vào là bộ âu phục với chiếc cà-vạt luôn đổi màu mỗi ngày như một quý ông. Suốt ngày anh ngồi bên trong cửa kính đón khách. Hết việc lại cúi mũi vào tờ báo hay ngó mong ra đường nhìn về bóng lộn và diêm dúa của Sài Gòn lướt qua như đèn kéo quân. Cho tận lúc này, hơn hai tháng rồi, Tỏ không hiểu mình là cái giống gì giữa khung cửa kính luôn đông nghịt người ra vào. Mà toàn những kẻ sang trọng. Có lúc Tỏ cảm thấy mình như đồng giẻ rách quần quanh hai cọc tre bất chéo làm hình nhân cắm sâu giữa cánh đồng hiu quạnh. Chân gác cổng không thể vênh mặt lên để tự hào nhìn thiên hạ, nhưng lúc này, mỗi tháng Tỏ gửi về gần triệu đồng chứ không phải năm trăm như đã lơ tuôn ra

trong con giận dữ vô cớ trước kia. Mà cũng không rõ cha mình có nhận được hay không? Vì mọi chuyện đều do bà chủ ghi vào mảnh giấy, kêu thư ký mang đi. Có những lúc nhìn thấy vẻ lúng túng, thắc thom của Tô, bà chủ cười khẩy: “Bộ anh nghĩ tôi lừa anh sao?”. Câu nói như gáo nước sôi dội từ đỉnh đầu nóng rát xuống tận hạ bộ khiến khuôn mặt căng đỏ của anh càng đỏ gấc. Bà vịn cả hai tay nấn vai anh: “Anh làm sao thế? Thôi được, chiều nay tôi đãi anh...”

Quán nằm sát bờ sông Đồng Nai, bao quanh là vườn bưởi oằn trái. Hai người ngồi ở góc khuất. Ánh sáng vừa đủ để nhìn dòng nước trôi lặng lẽ, đủ để Tô quan sát kỹ hơn về bà chủ có cái gì đó vừa nhân hậu vừa dữ dằn ở đôi mắt mà anh không thể diễn đạt bằng lời. Anh nhìn đăm đăm như một đứa trẻ cố moi trí nhớ về một câu nào đó trong bài học thuộc lòng đã bay mất. “Anh quan sát tôi hơi kỹ đấy, như mấy tay phỏm nháy chụp hình người mẫu vậy”. Bà chủ đột ngột lên tiếng. “Dạ, xin lỗi bà chủ”. “Anh đẹp mẹ cái bà chủ của anh đi. Tôi hơn tuổi anh. Gọi chị được rồi, mà nếu như tôi lấy chồng sớm thì có thể con tôi cũng gần xấp xỉ với anh. Nhưng rất tiếc...”. Ba chữ cuối rót dài xuống dòng sông mênh mông những lọn sóng lăn tăn. “Tên tôi là Dung, Tưởng Dung chứ tên cha mẹ đặt là Lua...”. Bà lại tiếp tục kể vừa với tay cầm chai Courvoisier rót vào chiếc cốc thủy tinh, uống cạn sạch, không hề nhận ra cái giật thót người của Tô. “Tôi cũng dân miền Trung như anh, cũng được học hành tử tế cho đến khi cha tôi bị bắt, bị truy tố về tội buôn lậu, trốn thuế. Những người liên quan phải tay cái rột. Vậy là tôi phải hoá thành nàng Kiều để chuộc cha ra khỏi vòng lao lý...” Lua lại rót cốc đầy, lại uống, nói tiếp: “Mẹ đời, anh biết sao không, một đứa con gái mới hai mươi phải nằm ngửa chịu đến bốn thằng đàn ông cỡ cha chú mình cỡi lên. Mùi bia rượu, mùi thuốc lá tanh lợm khiến đầu óc tôi tỉnh rụi,

không khóc, không đau đớn, mở trừng mắt nhìn bọn chúng và tưởng tượng đến cán chày giã vào chiếc cối nhỏ kêu lộc cộc. Cái tiếng đánh gọn, khô khốc đến là buồn cười. Buồn cười và buồn nôn... Vậy đấy. Tôi đã trả nợ công lý bằng cách đấy. Cha tôi trắng án! Buồn cười chưa?”. Lụa lại rút dây hai cốc, nâng lên: “Nào, mời anh. Uống để chia sẻ niềm hạnh phúc đắng cay với tôi chứ! Chỉ có anh là người đầu tiên và cuối cùng tôi kể chuyện đời mình”. Tô chạm cốc, nốc cạn, lòng cay xè. Lụa lôi chiếc khăn giấy trong ví ra nhưng cầm riết trong lòng tay, khuôn mặt đánh khô. Lại rút, lại uống. Những đĩa thức ăn đầy nguyên, không ai buồn động đũa. Mặt sông duênh lên những lọn sóng nhỏ, hấp háy dưới quang sáng từ quán hắt ra, những lọn sóng chơi vơi, đuối hực nhấp nhô như cái xác trương sinh, trôi sông. Lụa ném chiếc khăn giấy lên bàn: “Cuộc đời quá là đơn giản. Mọi chuyện đơn giản đến trần trụi, chẳng có gì là ghê gớm. Vậy mà tại sao mấy lão triết gia hết đi tìm chân lý này đến chủ nghĩa nọ làm gì cho nhọc xác? Anh nghe tôi nói rồi đó. Bốn thằng cha nhân danh công lý trên tấm thân trần truồng của tôi đến nổi nữ thần Dike và Aphrodite (1) xoắn tay lại, cười nức nở, hứa hẹn sẽ bay xuống trần gian đính chuyện thần thoại của mình. Lạ chưa?”.

Tô thấy, dưới ánh sáng nhập nhoạng, hình như có giọt nước mắt nhỏ, rất nhỏ ngập ngừng nơi khoé mắt Lụa, rồi bất ngờ thụt vô như kẻ chạy trốn. Trong khoảnh khắc ấy, Lụa không còn hình dạng của bà chủ sang trọng, hoá thành người đàn bà đau khổ nhất trong những người đàn bà đã lướt qua cuộc đời khốn khổ của một thằng con trai nông thôn. Tô có cảm giác chị đang rất gần gũi với anh, không phải ở cái tên trùng với tên người con gái anh yêu thương, mà ở chỗ chị đã chọn anh như một kẻ tin cậy để giải bày những ưu uất đời mình. Tô tưởng tượng cảnh nhục nhằn của chị bên dưới những khối thịt nhóp nhép khiến đầu óc anh ngật ngù váng vất. Lần đầu tiên anh

uống nhiều rượu, nghe chuyện như đang nhìn bầu trời sụp dần từng mảng. Anh lừ đừ nhìn Lụa. Lụa cũng lừ đừ nhìn anh. Hai người nhìn nhau hồi lâu. Bỗng Lụa cười phá lên, tiếng cười như mũi kim nhọn xoáy vào vùng da non khiến Tô có cảm giác như như ly chén trên bàn cũng nhảy tung lên, rung động. “ Từ đó tôi khám phá ra rằng, chính chỗ đó, chính chỗ vùng cấm đó mà các nhà đạo đức giáo hoạt luôn giả bộ che mắt, luôn là thứ vũ khí lợi hại làm cho các lãnh chúa, vương hầu khanh tướng... phải quỳ mọp. Tôi đã sử dụng nó để tạo nên cơ ngơi nhớp nhúa này, để nhìn chúng ghen tuông lòng lộn vít đầu nhau xuống bùn đen. Lũ người bản thù và dĩ bọm kia cứ thì thọt moi hết kết quỹ này đến dự án nợ để cống nạp cho tôi trước khi chúng có thể (được phép) lần bàn tay dơ bẩn từ ngực xuống háng rồi lộn ngược trở lên. Chúng là những quan chức mẫn cán và kiên định ở xứ này đây. Chúng bỏ lại đằng sau bầy vợ con nhếch nhác để quỳ mọp dưới chân tôi, úp mặt lên háng tôi như những tín đồ xác tín về đức tin đang rầm rì cầu nguyện một cách trân tráo. Eo ơi, toàn lũ dĩ bọm, đầu nhỏ mỏ to... Tôi có tất cả và không có gì hết. Thật tởm lợm!”. Lụa ngẩng người ra thành ghế dựa, nói như kẻ tội đồ thánh thiện bước nhẹ tênh trong cõi mộng du: “Cuối tháng tôi sẽ đưa anh về cái làng quê nơi cha mẹ tôi sinh ra tôi và công lý đã vui đập đời tôi. Nghe nói giờ nó không thành làng quê, cũng không phải bộ mặt thị thành; ở đó có bầy người ngơ ngác bị lừa ra khỏi mảnh đất của mình... Thời chiến tranh hai bên đã quần thảo nhau nát nhão như nồi cám heo, nay thì sự nhếch nhác đó cũng không kém gì”. Tô buộc miệng: “Chị định làm gì?”. Lụa ngửa người cười lớn: “Đến giờ mới nghe anh mở miệng! Làm gì à? Những căn nhà lá xiêu vẹo tôi “đốt” hết, xây lại cho họ bằng gạch, coi như tôi trả nợ xóm làng, vậy thôi, không có gì ghê gớm. Tôi không có ý định chuộc lại lỗi lầm, bởi đơn giản tôi không mắc lỗi nào cả, kể cả vấn đề tiết trinh và đạo đức. Cái của phù du kia là do những thăng ngụp mang

đến cho tôi sau những đêm truy hoan không chút cảm giác, mùi mẽ gì. Tôi chỉ như chiếc gỏi nổi bông cho chúng cỡi lên, vậy thôi. Trình tiết đáng lẽ để dành hiến dâng cho người mình yêu nhất thì đã bị những kẻ nhân danh công lý cưỡng đoạt rồi, còn lại sau đó nó như một hang cua: hết người này thò tay vào bắt, lại đến lượt người khác. Anh có hình dung ra hình tượng người nhà quê bắt cua đồng không? Lựa dừng lại, khuôn mặt đanh khô rồi bất ngờ dãn ra. Chị thở sượt: tôi không sử dụng cho riêng mình, tôi chia sớt cái phù du ấy cho nhiều người. Ban đầu là hồi thối, như nhuộm nhưng khi trôi qua chiếc “máy giặt” trong làm ần nó trở thành thơm tho. Nhiều tay vênh mặt về chuyện này, còn tôi thì cúi gằm đau đớn để trả nợ xóm làng xơ xác của tôi. Vậy đó, có gì phải bận tâm, phải không?”.

Không khí nặng nề đến khó thở. Tô muốn nói một điều gì đó với chị ta, nhưng không đủ sức, không đủ chữ nghĩa và sự hiểu biết để giải bày. Anh cục cựa trên ghế như có những con kiến nhỏ bò vào đũng quần, lói nhói. Chai rượu đã cạn. Lựa kêu bồi bàn mang chai khác. Tô ngăn lại, kêu nhỏ nhỏ trong cổ họng như người nghẹt mũi: “Thôi, đủ rồi chị”. “Anh sợ à”. “Không”. “Vậy thì sao lại ngăn cản niềm vui của tôi?”. “Không phải chuyện vui, nghe buồn muốn khóc”. “Anh bạn đẹp trai của tôi, anh uỷ mị thái quá đấy”. Im lặng hồi lâu. “Anh đã biết mùi đàn bà chưa hả?”. “Trời, chị!” Tô kêu lên run rẩy. “Việc gì anh phải kêu phải run lên như thế kia? Tối nay tôi sẽ cho anh biết mùi đàn bà là thế nào. Tôi thấy nhiều thằng nhóc cứ trố mắt nhìn xoáy vào những vùng cong trũng sau lần vãi các cô gái như muốn lột trần ra. Còn anh thì nhìn tôi một cách ơ hờ? Tôi đã kể cho anh nghe về cuộc đời tôi. Tôi là một con điểm, một con điểm trong sạch, tôi không phải là một trinh nữ hiến tế cho các đẳng thần nữa rồi. Vậy thì việc gì anh phải hoảng hốt?”. “Không, chị vừa là chị, là bà chủ đã vói tay cứu em. Cái đó người ta gọi là...”. “Ý anh

nói là loạn luân chứ gì? Nhảm nhí”. “Tôi van chị”. Tô chấp hai tay lại trước ngực. “Anh nhảm nhí mà tôi cũng nhảm nhí nữa. Có lẽ mình nên dừng để đầu óc tỉnh táo, đề cảnh sát không phát hiện một người say lái xe trên đường, phải không?”.

Lụa lái xe thật chậm, không mở miệng nói câu nào suốt dọc đường về. Tô liếc ngang thấy môi chị mím lại, mắt đắm đắm nhìn về phía trước như thể chị đang nhìn vào vòng ngấm của tấm bia chuẩn bị bóp cò. Về căng thẳng ấy chuyển sang Tô khiến anh tỉnh hẳn. Trong hai người, Lụa và anh ai sẽ là lát bánh mì nằm gọn trong chiếc đĩa trên bàn ăn? Lúc ngồi ở quán chị ta nói vật hiển tế? Vật hiển tế là gì nhỉ, anh không thể nghĩ ra, không hiểu được; mơ hồ rằng đó là sự mất lòng giữa vinh quang và cay đắng, niềm vui và nỗi thống khổ trộn lẫn vào nhau?

Anh cảm thấy lòng mình thật trống trải. Trống trải đến vô cùng vô tận.

(1) Dike, Aphrodite: nữ thần công lý, nữ thần sắc đẹp và tình dục

(Trà Vinh, tháng 7.2008)

Du Tử Lê

KHÔNG LÂU ĐÂU: TÔI SẼ BIỆT, LY. TÔI,

ồ! tuyệt tác / thiên nhiên / pho sách lớn:
sông dạy tôi tóc mẹ vẫn chưa vui.
núi ký ức bốn mùa mưa. nắng. thúc
ngày nâng niu từng góc nhỏ em, ngồi.
đêm bảo dưỡng nụ hôn tôi đã gửi - -
(chim đem đi: làm lễ tạ ơn người!?)

ồ! tuyệt tác / thiên nhiên / pho sách lớn:
lá dạy tôi nghiêm, cẩn nhé: thân. tâm.
mây bắt trắc như cuộc đời xấp, ngựa.
chiều âm mưu trăm trận bão truy tầm.
gió điên tiết lua hàng cây rách, nát
người bao dung che ngọn-nến-tôi-xanh!?

ồ! tuyệt tác / thiên nhiên / pho sách lớn:
không lâu đâu! tôi sẽ biệt, ly. tôi.
người sẽ lớn và, chim trời sẽ nói:
- biển khôn cùng! mọi thứ sẽ quên. nguôi.
rừng trở lại từng đêm. khuya sẽ hỏi:
- hạt mầm sâu: liệu sẵn chút hương. môi.

vâng. tuyệt tác / thiên nhiên / người / bé dại.
em dạy tôi thương, nhớ (ngỡ chưa từng - -)
đất chưa lập và, thiên đàng chưa dựng.
chỉ có em: tặng phẩm của tôi. riêng.
dẫu khánh tận: một mai nhân loại chết:
- từng đơn bào (thương, nhớ) vẫn thiêng liêng.

chào tuyệt tác / thiên nhiên / đừng lý giải:
“- mắt hay còn chưa hẳn khác nhau đâu.”

*EM KỲ QUAN THỨ TÁM /
MÂY PHỒNG SINH LỜI NGUYỄN /
và, nlvy.*

tóc che rừng mùa đông
lá tận tình phát tán
những nụ hôn lao lung
trôi. nổi. vùng kết án.

treo ngược thời tiết xanh
người xũng. im. cáo buộc
tường trắng. đàn. giao tranh
những ngọn đèn tự sát.

mưa giăng kinh điêu linh
đêm gieo mầm cứu khổ
cửa khép từng thớ. cảm - -
gió hàm hồ chụp mũ.

vực sâu tìm tiếng hát.
kệ sách vươn tay ôm.
nhân quần / hoa / độc được.
núi khuôn mình tai ương.

sóng lãng loạn thổi lui.
tôi quàng vai định mệnh- -
cùng linh hồn rong chơi.
biển nói, cười thân thiện.

em: kỳ quan thứ tám.
bình-minh-chim. thiếu đôi.
lá xây đài kỷ niệm - -

giữa vườn khuya. biếc. môi.

em rót vào đời tôi.
thiên thần dang tay đỡ.
hạt đêm tìm tôi rơi.
trang mạng chờ thiết kế.

chúng ta ngoài khí quyển - -
tình yêu khuất nhân gian.
người hiệp thông tối / sáng.
mây phóng sinh lời nguyện.

suối cuu mang đời sống.
ngực em là, vú mẹ.
giữa ruộng, đồng hư không:
núi tự thiêu thân, thể.

từng con chữ bước ra:
- từ cõi tôi-bí-mật!!

(June 08.)

Tường Phong

Tình thi xứ Huế

*Anh vẫn là người yêu xứ Huế
kính thành soi dấu bóng Hương Giang
Gái Huế có vòng lưng rất nhỏ*

Vương vấn mây đèo Ai Vân
Gái Huế có vòng eo Sở nữ
pháp phối mùa trong lòng bàn tay
gái Huế có vòng eo con ong
cần cù hút mật hoa trời hiến
gái Huế có vòng eo con bướm
áo ngủ thân thương chừ diễm lệ
gái Huế có vòng eo không cần đo
cũng rõ ràng kích thước

Bức tường thành đủ cao
để cho anh vờn vai đứng dậy
cùng em bay vào
không gian vô tận
vũ trụ vô cùng
đa số hành tinh em chưa biết
đa số hành tinh anh chưa cùng
tất cả đều xoay vần
theo những đường đi bí mật

Con đường thân yêu của anh
có rào rạt biển sóng xô ghềnh đá
có như gương gợn gợn mắt hồ thu
anh đi qua sớm sớm chiều chiều
anh đi qua mùa hạ cháy lửa
anh đi qua mùa đông lạnh lùng
đi qua trong trắng thời thơ ấu
đi qua thủy chung kỳ trưởng thành
có mây bay khung trời lục nhật
có gió táp mưa sa
có bão bùng dữ dội
có dị thảo kỳ hoa
ôi con đường vào đất Thục của anh
Đi mãi đi hoài không thấy tới
con đường khát vọng

con đường sinh tồn
ôi theo nhau đi dọc con đường đỏ
Cho thấy mặt trái tử thần
Cho thấy mặt sau cái chết

Sông liền sông chừ trôi hoài
sóng bạc đầu dập mãi
núi tiếp núi chừ chẳng dài
nét mây hương phấn đại
Qua khỏi hòn Vọng Phu
bóng mình in mây trắng
đâu nhớ xác thân mỗi mòn
hóa thành tượng đá đầu non
hào kiệt mở trang tình sử cũ
đổi chữ thêm câu thành tuyệt tác
sông hồ lóng lánh
rừng vàng biển ngọc
động nào cũng là động Thiên Thai
người em thanh thoát núi Kim Phụng
sống trong rừng trúc tía u tình
núi nào cũng chấp chờn Ngũ Lĩnh
ôm mây trời chừ bỗng bẽnh thức ngủ
ở góc thành phía Tây
một khắc chừ trăm năm
tươi trẻ kiên kim qua
tuổi già quân trận tới
em còn chờ đợi không vu quy
anh cứ mơ màng chờ lẽ cưới
Huế đẹp Huế xinh như truyện cổ
Tình xuân đâu chỉ tuổi đôi mươi

H Ầ I P H Ư Ơ N G

CÓ KHI BỞI VÌ EM LÀ NẮNG MƯA
NGÀY ẤY

tặng Queen sinh nhật tháng mười

Bởi vì bầu trời này là của em
bàn tay vồng nhạc đưa cao nhót gió
tóc xỏa dài đại mây bay
loài ốc biển hợp tấu âm thanh mềm mại sóng vỗ
ta đứng đợi hoài trên hải cảng buổi chiều muộn
đợi mãi đợi mãi
đợi mãi con xúc cảm từ phía biển xa vời vợi.

Bởi vì bầu trời này là của em
ta nuốt trọn thành phố đầy vinh hiển (vừa mới chấm dứt
chiến tranh hôm qua)
ta thương tích trí mạng êm ái nụ mầm (thù hận)
bởi vì mùa xuân ở trong em
bước chân luống biển xôn xao ngực mở
đôi guốc gỗ đêm gõ nhịp lời (góc phố)
ấm vui ngày ấy.

Bởi vì bầu trời này là của em
có khi bình minh thức dậy treo linh hồn những sớm mai
lên các cửa sổ lớp học
phía sân chơi mái hiên trường nội trú môi em líu lo mặt
ngũ lá cỏ
thơm tho ẩn dụ thời con gái
ta sóng sánh khí hậu bốn mùa vỗ bờ em con sóng nhỏ.

Bởi vì bầu trời này là của em

ta nuốt trọn tất cả sách vở bàn ghế và chỗ em ngồi trong
thư viện đại học hàng me
mời em thông dong dạo chơi bên bờ sông
và hãy bước lên thuyền thi ca trước đã
không phải chỉ vì chân lý còn ở phía bên kia bờ
mà còn bởi vì giòng sông trôi êm mà đôi bờ chia xa rạo
rực
không phải bởi vì mây thiên thu trầm tích ở trong em
luống biển xô xao ngực mở
mà bởi vì dự báo thời tiết nắng mưa ngày ấy.

Bởi vì bầu trời này là của em
nắng mưa ngày ấy
có khi bởi vì bức tranh màu xanh siêu thực bố cục lỏng
treo trên tường vôi nền trắng
là tất cả bầu trời tuổi thơ cất tiếng hát chạm vào đáy sương
mù cổ tích
là khi ta trở về
con đường nổi nhớ từng trụ đèn han hoi.

Có khi bởi vì là em là tất cả
nắng mưa ngày ấy.

*tháng mười 2008
ở sanjose*

Trần Bá Lang

Tình ơi

Không có lá vàng
 làm sao rơi ngõ trúc
Không có em
 ta chẳng biết trăng khuya
Những đêm ngủ muộn
 thấy đời mình là những hạt mưa
Bên nhân gian
 ta một vòng lần quẩn
Bên em
 ta như giọt tình phai
Cũng đành cam
khi thềm mưa lại nắng
Cũng đành cam
khi thương nhớ trái mùa
cho dầu mai có thêm lần từ biệt
Ta gãi lái dò không khách
Ta lái đời ta trên sóng nước muôn trùng
Em lần kinh cầu nguyện
Tháp chuông ngân buổi sáng buổi chiều
Ta đóng đinh mình vào cây thánh giá.

TRẦN VĂN NAM

VẾT CHÂN CHIM

Vết chân chim trên bãi chiều cát ướt
Chỉ một lần cùng sóng biển có nhau
Những thoáng trong đời tất phải qua mau
Xin trả lại ngàn năm cho trái đất.

Walnut, California, 2008

MẶT TRỜI LẠN

Mặt trời nhúng xuống biển hòn than
Chiều rủ chim bay về có đàn
Chu kỳ hoàng hôn còn diễn mãi
Bùng lên, rồi chóc lát chia tan.

Walnut, California, tháng 10.2008

Viêm Tịnh

CHÂU THU HÀ
TRONG NHỮNG THÁNG NGÀY

Tháng mười hai, lời anh tràn về những hạt mưa. triền đồi
xuôi lạnh hẹn hò tình ái.
màu áo len pensée đắm nước. vòng tay người âm khúc
thánh ca. quện trong tri nhớ nhau những nụ hôn đắm hơi
sương buổi chiều dốc phố. giọt *cà phê từng* song sánh tuổi

yêu, ngọt lịm môi cười hạnh phúc.

Tháng mười hai, chuyến bay muộn từ phố núi này qua phố núi em. ánh mắt nhìn như đã thăm thẳm tiếng chuông nhà thờ vọng lại. em vẫn nghe *dạ khúc cho tình nhân* trong những đêm không qua mau. Ngôi nhà bên đường ra khu vườn lặng lẽ dấu chân người để lại, niềm riêng cho em.

Tháng mười hai, tên em là tiếng thầm gọi người yêu dấu. mơ hồ như hơi sương mờ *than thở*. anh ngồi suốt những giờ trong đu hiu cây cỏ. phút giây sẽ biệt cũng gọi về. lang thang với những sắc hoa sương giá, tà dương bên phía núi, mờ tầm nhìn với gọi niềm riêng. nỗi cô đơn của hai người.

Tháng mười hai, bức tranh *biển xa* lạc lõng trên bức tường gỗ xỉn màu. người đàn ông ôm tâm sự rờn rợn một *mối tình màu hoa đào*. Hoa và hồng nhan huyền hồ, thời gian vô tình vẫn thắm đậm sắc màu xuân nhị. Đôi kính già nua trên chiếc bàn buồn bã day dứt độc thoại trong căn phòng lặng lẽ, ẩn kín một niềm đau không tên.

Tháng mười hai xa xăm.

Nguyễn Nam An

khi thu chút nắng

anh lên hỏi biển hỏi rừng
biển xanh xanh thổi em vùng tóc mây
anh về hỏi phố hỏi cây
có vài sợi tóc hỏi tay ai cầm

hỏi rừng rừng gởi mưa xuân
chút thôi em lạnh kiếm vùng ấm anh
đi về anh hỏi gì quanh
khi thu chút nắng vàng hanh hạnh buồn

Oct 7, 2008

thất tình

[Đọc Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến]

thất tình đêm qua ta về lại
hình như cũng xin viết bài thơ
sáng nay ra quán lòng thêm nhớ
người quanh đông đầu tiếng gọi mơ
ta trở lại bờ phờ tìm kiếm
vài emails rồi xóa vài tên
nay không muốn nhớ xin đừng nhớ
tuy chung đường coi như không quen

trưa nằm đọc tập thơ thời chiến
miền Nam ơi những nỗi chung riêng
sao nghe lạnh thêm thời thất thổ
chữ nghĩa buồn theo nhau vô vô
ta ngất ngất tình quê lúc xuống
thấp dưới trời bom đạn chiến tranh
câu thơ của người trong cuộc mới
như hôm qua uất ức vỡ bùng
trong ta thành tiếng bom nguyên tử!

thất tình ta đắp chăn nằm ngủ
nghe điện thoại reo tưởng em tìm
em đâu tám hướng sao nằm nhớ
đã bảo rằng quên đó lại thêm
quay lại đọc tập thơ trong thời chiến
gần ngàn trang chiều rĩ rã thấm vô

anh tác chiến không hiền như em muốn
nhưng thất tình coi bộ nặng muốn nghiêng./.

Nguyễn Nam An
July 20, 2008

Trần Yên Hòa

Tháng mười

Tháng mười anh nhớ em trong cơn lạnh
Gió phơ phất ngoài hiên
Thôi qua lòng kính mắt rươi nổi buồn
Anh nhớ em quá đời

Hình bóng em dật dờ như thủy tinh
Lóng lánh màu hường hoa súng
Bao nhiêu năm ta không gặp nhau
Đất phương nam sinh em ra thiệt ngộ
Tình yêu như mớ rau

Hình bóng em lẫn khuất trong vòm cây đại thụ
Nơi anh ở có loài hoa nở hai màu
Màu vàng trước, tím sau
Anh tìm hoài bông hoa súng tháng mười xứ Tiền Giang
Em lặng lẽ đâu đó

Hình bóng em nhập nhòa trong khung cửa sổ
Mái tóc dài rong rêu
Anh sẽ kêu hoài hũy trong tháng mười

Có loài chim sâu hót thắm
Anh vẫn không tìm ra màu bông súng tháng mười
Của bến sông Mỹ Tho đục nước

Như vậy là em đã lẩn khuất
Trong tâm tưởng anh một lòng chung thủy
Giả như ngày xưa bến Tầm Dương anh không đợi
Thì đâu tháng mười ngóng cổ đợi em.

ĐOÀN CHÍNH NAM

CẠN LY TƯỚNG NIỆM

tặng Lê Trọng Nghĩa

Ai đôi mươi tuổi! Ai đôi tám?
Thanh vắng, xôn xao trưa giáo đường
Ấp ủ bao điều không dám nói
Tình thơ một thuở mãi lưu hương

*"Bé bỏng quì bên chân Đức Mẹ
Niềm riêng biểu lộ nét u hoài
Hiểu chăng lòng kẻ thâm chiêm ngắm
Đứng tựa hành lang nắng gió say*

*Áo trắng năm mươi năm vẫn nhớ
Gót hồng thon nhỏ tóc chùng vai
Ngại ngừng, rung động: buồn đôi mắt
Ngày tiếp ngày ôi lặng lẽ dài*

*Bất chợt người đi sâu ở lại
Ngẩn ngơ lòng muốn khóc nên lời
Vân vơ mưa nắng đời phiêu bạt
Áo trắng phương nào có nhớ tôi*

*Linh cảm niềm bi thương số phận
nơi em nên muốn sẻ chia đời
Tiếc, đau, u uất và ân hận
Áo trắng phương nào biết có vui*

*Đêm nao mộng thấy dòng sông sáng
Cuốn nhẹ hồn xa tận cuối trời
Giao cảm âm dương tình nếu có
Cho lần hiển hiện Ngân Hà ơi"*

Chia cạn cùng nhau ly tưởng niệm
Tình say vị rượu năm mươi năm
Tình êm chiếc gối lông mây trắng
Ẩn mũi kim dịu dịu vết đâm

20/10/2008

TRẦM MẶC HOA HUYỀN

Tiến đưa

*Em về,
thăm phố mùa trăng
Rời xa biệt biệt như lần
tiến đưa
Em về, sầu,
đọng đêm mưa
Giọt dài,
giọt vắng,
thấm vừa nỗi đau!*

*Tôi hăm hở...Tôi...
đón chào
Có con vạc, khóc,
gọi,
sầu sang canh
Em về,
thuở tóc còn xanh
Nhện hờ hững mối buông manh
- yêu thương!*

*Rồi em,
vội vã lên đường
Bỏ mưa phố cũ, ngập,
- vườn từ ly
Ga chiều, tiễn,
bước người đi
Ngậm ngùi tay vẫy!
Buồn chi lạ...
Buồn!*



Khuất Đầu

Những tháng năm cuồng nộ (truyện dài, tiếp theo kỳ trước)

Chương 7

Nói là nói vậy chứ cái cuộc chiến này không cho phép một ai đứng bên lề. Bom đạn vẫn liên tục trút xuống cái mảnh đất nghèo khổ này. Mà mỗi ngày mỗi tàn nhẫn khủng khiếp hơn. Không chỉ có bom văng mảnh mà còn có cả bom napan thường gọi là bom xăng đặc. Cái quả cầu lửa của nó bùng lên đẹp đẽ bao nhiêu thì cũng tàn hại bấy nhiêu. Nhà ông tổng Bá giống như một kho thóc nên đã nhận lãnh trái bom napan đầu tiên. Cả cơ ngơi mấy đời chỉ trong chớp mắt đã cháy vèo thành tro. Sức nóng khủng khiếp của nó làm cho mấy cây dừa cao vút ở tận góc vườn khô quắt quéo. Hai cái cối đập bằng đá xanh trông hãy còn nguyên nhưng lấy tay bóp thử thì nát vụn như phấn.

Năm ngày sau đến lượt nhà ông Chánh nhạc. Ai cũng tưởng nhà ngói thì cháy sao nổi nhưng khi lửa tàn, những viên ngói được nung một lần nữa không cứng như

sành mà vỡ ra thành những viên nhỏ như sỏi. Ngay cả cốc tách được đem chôn cũng chảy đông cục. Đám dân quân, đám phụ nữ theo lệnh ông Khử và cô Thanh thúc hối đem gàu mo chổi dúi chạy tới cũng chỉ đứng từ xa mà nhìn.

Từ đây lửa hoành hoành khắp nơi. Những nhà ở các làng đều bị đốt. Tuy chưa có ai bị cháy thui nhưng những đám cháy phùng phùng vẫn làm cho người ta kinh hoàng. Các cụ đồ Ngân và cụ cử Vân nói với nhau, lửa trên sông Xích Bích cũng chỉ khủng khiếp đến thế này là cùng.

Nhưng đó là lúc các cụ chưa thấy cái biển lửa ở làng An Định khi Pháp rải xăng đốt cả đồng lúa đang chín! Lửa ngút trời. Khói đen mù mịt. Cả làng cùng kêu thét như thấy con mình bị ai ném vào lửa. Rồi như điên như dại, tất cả cùng lao vào giành giựt nhau với lửa những bông lúa tội nghiệp đang run lên vì quá nóng. Ai có liềm dùng liềm, ai có dao dùng dao, những ai không có gì thì dùng tay không. Nhưng lửa như những con rồng hung dữ chỉ trong chớp mắt đã nuốt trọn cả cánh đồng. Chẳng có ông Khử cô Thanh nào chỉ hô “đả đảo”, và “kiên quyết” mà đuổi được lửa!

Cả đồng lúa đang trĩu hạt giờ chỉ còn lại tro. Mùi lúa cháy không khét như mùi nhà cháy mà lại thom đến nghẹn ngào! Mặt đầy bụi tro lem luốc, đầy mồ hôi và nước mắt, mỗi người nhìn lại trong tay mình chỉ có một vài bó lúa còn con, ngơ ngác tự hỏi không biết sống làm sao đây!

Lại đói!

Người ta kéo nhau đi mót mì mót khoai ở tận Phù Cát, Phù Mỹ. Những đoàn người lếch thếch hết như đám ăn mày chỉ khác là không bó chân những đồ dơ bẩn và không còn chó để chọc cho cắn rồi nằm vạ. Nhưng chẳng còn thứ gì để mót. Cả vỏ mì vỏ khoai trước đây là cho không, giờ thì cũng phải mua. Khoai sùng khoai thối cũng bán. Những người nghèo lại đi thất thểu với cái bụng đói. Người ta cũng chẳng thêm sợ tàu bay và chúng cũng

không thềm bắn vào họ nữa.

Chúng đi phá đập!

Nghe nói Mỹ viện trợ cho Pháp hàng ngàn quả bom có cánh. Khi rơi xuống sông chúng biết tìm đến cửa đập và đúng lúc đó chúng mới chịu nổ. Thế là cái đập lưng mai rùa đã từng làm trượt bao nhiêu bom nay ngờ nghếch hả hợng ra để nuốt cái chết vào bụng

Đập Đá nổ tung!

Rồi đập Đồng Cam ở Phú Yên cũng không còn!

Giá lúa một ngày tăng đến năm lần. Một gánh lúa bằng cả một gánh tiền tín phiếu.

Đang giữa mùa hè. Gió nam thổi suốt ngày đêm như những bầy ngựa hoang cất tiếng hí đuổi nhau trên cánh đồng. Sông cạn khô như có cả trăm con rồng cùng kéo tới hút nước.

Ông Khử hô chống hạn! Lại vắt đất ra nước thay trời làm mưa. Và ông cũng tập tễn làm hai câu thơ như thế này:

*Thằng trời đứng lại một bên
Để cho nông hội đứng lên làm trời!*

Hàng trăm cái giếng được đào giữa ruộng vừa mới cháy. Trước đây hàng ngàn cây cọc theo lệnh ông chĩa lên trời thì nay hàng trăm cây xà beng thọc sâu vào bụng đất. Những mạch nước hiểm hoi rì rì được những chiếc gàu mo cán dài múc lên vung vãi trên đồng. Đất bị nướng. Một vài gàu nước tạt lên chỉ nghe đánh xèo một tiếng, khói bốc lên khét lẹt. Đến cây xương rồng cũng không trông được chứ nói gì đến lúa.

Đang lúc mọi người phải chiến đấu tuyệt vọng với đói khát, hạn hán thì đột nhiên có tin xừ từ Việt gian ở gò Na.

Cái tin mới lạ lùng làm sao! Hả hê làm sao! Thế là tất cả chết chóc, thương tật, ốm đau, nhà cháy, đập vỡ, ngay cả những con chó bị giết, những ngày đêm ngứa ngáy vì bị chí rận... người ta đều trút lên đầu Việt gian.

Mọi người quên đói, quên ốm đau, quên những ngày sắp tới không biết sống bằng gì... để náo nức đợi chờ. Ai cũng muốn biết mồm ngang mũi dọc của thằng Việt gian nó ra làm sao. Chắc nó mặt xanh nanh vàng, vừa hung ác như thằng Năm Quảng mà cũng vừa quý quyết như thằng Lý Thông. Người ta kháo nhau về những việc làm hèn hạ của nó. Nào là chỉ điểm kho lúa, trường học, nhà thương... chính nó đốt nhà ông tổng Bá, nhà ông Chánh nhạc, chính nó ác độc báo cho Pháp biết đồng lúa chín... chỉ cần một mảnh gương nhỏ dắt đầu đó để mặt trời nhấp nháy là máy bay biết chắc nơi nào cần trút bom xuống. Nó còn rải truyền đơn rầm rì tung tin xấu, đặt những câu thơ phản động như :

Chủ phình tôi rồi chính phủ ơi!

Chủ khiêng lên hết chiến khu rồi

Thì đua sao cứ thua đi mãi?

Kháng chiến lâu dài khiến chán thôi!

Nói thế mà nghe được à? Ông Khứ nghiêng răng trèo treo như thể sắp cắn vào cổ nó nếu nó dám nói trước mặt ông.

Gò Na, đó là một bãi tha ma lâu đời còn rộng hơn cả đồng Cây Sanh nằm giữa hai thôn Yên Thới và Châu Liêm. Hãy còn sót lại những mả Hời đen lù lù bên cạnh những mồ mả của người đời sau nằm rải rác giữa các bụi xương rồng và gai bần chải. Những bụi duối cao to như những đụn rơm là hang ổ một thời của bọn giang hồ cướp giết Năm Quảng, Sáu Quảng. Con sông Cái thỉnh thoảng lại nổi lên một cái xác trương phình mà dân làng này thường lén đẩy sang làng kia để khỏi lòi thối với phủ huyện. Một con đường nhỏ mỏng manh như sợi chỉ nối hai làng lại với nhau, hoạ hoảnh mới có người đi trông bé nhỏ như những con rận trên một chiếc áo cũ.

Thực ra, ngày trước nó cũng không đến nỗi hoang vắng và đáng sợ đến như vậy, nhưng kể từ khi triều đình đem chém ba người học trò ở Châu Liêm và Yên Thới vì

tội phá trường thi Bình Định, thì gò Na chẳng còn ai dám qua lại nữa. Đó là một buổi chiều đẫm máu và nước mắt. Pháp trường là một bãi cỏ giữa gò. Một bụi tre hoang được chặt tận gốc chỉ chừa lại ba cây tre đực. Ngọn tre được kéo xuống sát đất giữ chặt bằng những cái chằng ba. Từ tội bị xỏ tóc buộc vào ngọn tre còn thân thì bị trói vào cột. Khi đao phủ vung cái lưỡi đao bén và lạnh vào mỗi người thì dù đã rời khỏi cổ nhưng đầu vẫn chưa rơi xuống đất. Lại lia thêm một nhát nữa vào sợi dây buộc ở chằng ba. Thế là ba cái đầu với sáu con mắt còn mở trừng trừng vì chưa hết bàng hoàng theo ngọn tre bay vút lên trời cao, rồi cứ thế đong đưa như những cái tổ chim giồng giộc. Lũ điều hâu và quạ quang quác bay đến tranh nhau róc rĩa cho đến khi chỉ còn là ba cái sọ trắng hếu mỗi khi có gió thổi là khua lóc cóc.

Từ đó chẳng ai dám đi qua cái bụi tre oan nghiệt ấy. Chỉ có dân hai làng đến ngày giỗ thì tới sì sụp khóc than và rằm tháng bảy sư cụ bên kia sông dẫn đệ tử qua tụng cho một vài bài kinh siêu độ. Nhưng thỉnh thoảng, trong những đêm trăng mờ, người ta lại nghe có tiếng rì rầm bình thơ.

Đầu tiên dân làng ai cũng mong tới ngày xử bắn. Nhưng khi biết được trong số họ có Phùng văn Hiến con cụ đồ Ngân thì ai cũng ngỡ ngác kinh hoàng. Không thể nào tin được một người tử tế như thầy Hiến lại đi làm cái việc hèn hạ là chỉ điểm cho giặc để chúng giết người đốt nhà. Cũng không thể tin được cụ đồ Ngân xúi con mình làm những việc phản động chỉ vì cái đình bị phá. Hay là chính thầy đã làm những câu thơ mỉa mai khiến ông Khứ tức ói máu?

Chẳng ai tin được những điều lạ lùng như thế. Bởi vì tuy thầy không còn dạy bọn trẻ con nữa nhưng đêm nào thầy chẳng khản tiếng rít hòng đọc i tờ, tờ i ti ở các lớp bình dân. Chính thầy được bình bầu là chiến sĩ thi đua diệt giặc đốt mấy năm liền kia mà. Chỉ mới đây nghe nói

thầy ho lao phải ra Hội An chữa trị. Không ngờ thầy đã tìm cách trốn qua vùng địch. Cái tội ấy bị bắt là phải rồi, chỉ buồn là từ đây thầy bị gọi bằng thẳng, thẳng Việt gian Phùng văn Hiên, ông Khứ đã nói như thế trong buổi học tập kẻ tội thầy.

Ngày xử bắn, tuy chẳng còn ai nào nức dợi chờ nhưng cả làng cùng lặng lẽ kéo nhau lên gò Na, đứng sau lưng cụ đồ Ngân. Cụ chờ đợi cái phút giây cuối cùng của con trai mình với cái sĩ khí của một nhà nho. Cũng tại cái bụi tre oan nghiệt ấy, cũng một buổi chiều như buổi chiều năm ấy, chỉ khác là không có những cây tre đực bị kéo xuống sát đất, nhưng có bốn cái hòm trống hoác đang mở miệng chờ sẵn.

Thầy Hiên cùng với ba người nữa được một toán bộ đội đặc biệt đưa vào pháp trường. Bọn họ được hỏi ước nguyện cuối cùng. Có người xin điều thuốc, có người xin ly rượu để có thêm can đảm, có người dặn vợ lấy chồng khác (ai mà dám lấy vợ Việt gian!) Thầy Hiên không xin gì chỉ lặng lẽ nhìn về phía cụ đồ. Có lẽ thầy thầm xin cha mình tha cho tội bất hiếu.

Sau khi các ước nguyện cuối cùng nhanh chóng được giải quyết, bọn họ bị trói vào cọc và bị bịt mắt. Tiêu đội hành quyết tiến vào vị trí. Người chỉ huy hô: Chuẩn bị! Súng được đưa lên vai, mũi súng hướng vào ngực tử tội. Rồi tiếp theo một tiếng đánh gọn như pháo lệnh: Bắn! Hàng chục tiếng đoàng vang lên. Cả bốn thân người rung lên dẫy dụa. Người chỉ huy lạnh lùng đến kê súng lục vào đầu mỗi người bóp cò. Đó là những phát súng ân huệ!

Thời thế là rồi đời thầy Hiên, người thầy giáo vỡ lòng của tôi và bao nhiêu học trò khác đang đi bộ đội hay làm dân quân du kích giữ làng. Cái chết của thầy mãi đến bây giờ vẫn còn là một nghi án. Có thực thầy làm Việt gian hay thầy trả giá cho sự bội tình? Nghe nói thầy đã đi dạm hỏi cô Thanh nhưng sau đó thầy nhất định không chịu cưới cô. Ở lại làng thì không thể không cưới. Chỉ còn một

lối thoát duy nhất là phải đi vào vùng địch dù biết rằng đến chín phần là đi tìm cái chết.

Cũng may là thầy không bị bêu đầu như những sĩ tử năm xưa. Cụ đồ Ngân được phép nhận xác con về chôn. Mộ thầy nằm tận chân núi Mò O. Cô Sáu và tôi đã hơn một lần lên đến thắp hương cho thầy. Cô tôi khóc y như hồi cô khóc cô Tâm. Một tháng sau, cụ đồ Ngân không chịu ăn uống gì trong suốt năm ngày để được chết theo con.

Chương 8

Những tên Việt gian dù đã bị bắn nhưng cái đói, cái khổ và cái chết vẫn không vì thế mà giảm bớt. Giặc Pháp chẳng những không suy yếu mà còn mạnh hơn. Chúng đã vượt qua đèo Eo Gió, đổ bộ lên Đê Gi và cả Qui Nhơn. Vì chúng có thêm nhiều đại bác, nhiều tàu bay. Và tất cả là do thắng Mỹ!

Thế là người ta tổ chức những buổi mít-ting vĩ đại liên xã, những cuộc biểu tình liên thôn. Cô Thanh và nhiều cán bộ khác thay nhau lên kể tội thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Tiếng hô đã đảo chừng như vang dội đến tận sông Ngân. Trong những đêm hùng hực lòng căm thù ấy người ta quyết định phải làm một cái gì thật vĩ đại, thật kiêu hùng để chứng tỏ cho cả thế giới biết lòng căm thù của cả một dân tộc. Hai câu khẩu hiệu khổng lồ: ĐÁ ĐẢO CAN THIỆP MỸ và TÍCH CỰC CHUẨN BỊ TỔNG PHẢN CÔNG! được dựng lên, một ở gò Na, một ở đồng Cây

Sanh.

Bao nhiêu tre còn sót lại từ thời làm cọc phòng không đều được chặt sạch. Hàng trăm người cùng chẻ chẻ, vót vót, đào lỗ dựng trụ, lao động suốt ngày đêm. Chẳng bao lâu những con chữ to cao đến mấy thước ngạo nghễ đứng lên chạy dài đến cả cây số.

Từ khi bị đuổi khỏi hội Phụ nữ, cô Sáu thành người lêu bêu không đoàn thể. Nhưng như thế lại được tự do. Chẳng phải họp hành phê bình kiểm điểm, chẳng phải đi làm những chuyện không công để được tiếng thi đua. Cô không còn đi mót nữa vì chẳng ai bỏ sót một hạt lúa nào ở ruộng. Cũng không ai kêu cô đánh tranh giữ rạ. Người ta thà chịu dốt còn hơn làm mồi cho lửa. Những nhà lá mái còn dỡ cả tranh cho bò ăn, chỉ để cái mái đất bên trong, trông xa cứ như những ụ gò mồi.

Chẳng có việc gì làm, nhưng chẳng lẽ ngồi không chịu chết đói. Cô tôi gom chút ít tiền tín phiếu dành dụm mở một ngôi hàng nước ở đầu cầu. Nói là hàng quán cho oai chứ thực ra chỉ một om nước chè vối, vài ba tán đường, năm bảy cây mía. Một đôi khi có thêm trái mít. Khi bán hết cô lại gom những hạt mít luộc chín xỏ năm hạt vào một que. Lũ trẻ con rất khoái những que hạt mít ấy. Chúng đứng nhìn say sưa. Có đứa bạo dạn chụp vào một xâu chạy mất.

Nhưng cái quán lèo tèo ế ẩm quá. Mía để lâu khô xộp, đường chảy nước, mít bán xong thì hột đã mọc mầm!

Rất may là từ ngày dựng hai câu khẩu hiệu khổng lồ, cái ngã ba Trung Lương bỗng trở nên tấp nập. Xe bò chở tre cọc cách, xe ngựa leng keng chở người, xe đạp của cán bộ tỉnh huyện qua cầu chuông reo kính coong. Người ta kéo đến trăm trở chỉ trở. Ai cũng thấy mình trở nên cao lớn như những con chữ vĩ đại đang ưỡn ngực trong gió. Người ta nói, mình vẫn hơn thằng Mỹ chớ bộ. Nó làm gì có cái câu khẩu hiệu to như mình! Nói đã, người ta lại uống, lại ăn. Mà mía rẻ nhất, một cây đến mấy người cùng

ăn. Cô tôi có ngày bán đến cả chục bó. Thế là cô cháu bàn nhau phải đi mua tận gốc ở các vùng trồng mía.

Hai cô cháu thức dậy lúc sao Cày vừa mới mọc. Trời đêm mát lạnh. Khi đi ngang qua gò Na, tôi nắm chặt tay cô còn cô như cũng đang run. Tôi sợ ma, cô sợ cướp. Cái bụi tre nơi các sĩ tử năm xưa bị bêu đầu và thầy giáo Hiên bị bắn như đang lặng lẽ theo cô cháu tôi. Chúng tôi đi nhanh nó theo nhanh và khi chúng tôi nhắm mắt mà chạy, nó cũng chạy theo. Bên tai tôi không ngớt vang lên tiếng khua lóc cóc của những cái sợ người. Cô tôi thì mặc dù đã cột chặt những cục bạc tin phiếu dấu kín trong người, nhưng vẫn sợ không biết bè đảng của Năm Quảng Sáu Quảng trốn núp ở đâu! Nếu từ trong những bụi cây quý quái ấy nhảy ra, thì chắc là cô cháu tôi phải giao hết cái cơ nghiệp bé nhỏ cho chúng.

Khi chúng tôi đến được chợ mía thì mặt trời đã lên khỏi ngọn tre. Chợ họp ngay trên bến sông, bán chỉ độc một mặt hàng là mía cây. Mía cột thành bó, mười hai cây là một chục. Cô Sáu tôi mua đến 50 bó, thuê một chiếc sông theo sông Cái về nhà.

Về bằng đường sông rất thích. Nước sông mát, mặt sông êm, chiếc sông nhẹ nhàng trôi. Người chủ chỉ thỉnh thoảng chống sào đẩy mạnh một cái là chiếc sông lao tới như một chiếc tàu bay giấy. Gần trưa, cô tôi đem cơm vắt ra ăn. Lần này cơm không độn, xắt từng lát ăn với muối rang, nhai thật kỹ nghe giòn ngọt. Cơm xong, tôi nghiêng đầu xuống sông uống nước, rồi nằm trên những bó mía ngửa mặt lên trời ngắm những đám mây đủ hình thù đang thong thả bay đi.

Sông vẫn trôi êm. Cô tôi ngồi tựa lưng vào mía như đang ngủ. Tôi nhìn những xóm làng hai bên sông. Những mái nhà thấp nhỏ chưa bị đốt lẩn trong hàng cây, những đứa bé chạy chơi trần truồng, những người đàn bà đang giặt... Tôi bỗng thấy đời sống trở nên êm dịu quá. Tôi đang được giòng sông nâng niu. Dù sao tôi cũng biết

on mẹ tôi đã không thả tôi trên một giòng sông lạnh lẽo đầy sóng gió.

Khi sông về tới chân cầu, cô tôi và người chủ sông vác mía đem lên bờ. Tôi đứng bên cầu coi mía. Ông Khứ thấy cô tôi mua một sông mía đầy nhứu mảy hỏi: Đầu cơ tích trữ hả? Cô tôi im lặng không trả lời.

Sau vài chuyến đầu, cô tôi gửi tiền cho bác chủ sông đi mua giùm. Cô tôi trở thành một bà chủ quán tuy không giàu có gì nhưng cũng tạm đủ nuôi hai cô cháu. Tôi không còn bị đói đến mờ mắt nữa.

Nhờ có đồng ra đồng vào, cô may cho tôi một chiếc áo cổ vuông là kiểu áo mới nhất lúc bấy giờ. Khi thấy tôi xúng xính trong chiếc áo còn cứng vì hồ, cô nói: Mày lớn lên trông cũng lịch sự trai đấy! Tôi chẳng hiểu lịch sự trai là gì, nhưng tôi thấy mặt mình đã trở lang ben và có mấy cái mụn dễ ghét. Mẹ tôi đẹp, tôi nghĩ thầm, sao cha tôi lại bỏ mẹ tôi để bà phải đem tôi thả xuống sông? Cha tôi là người như thế nào? Chẳng lẽ như ông Khứ? Trời ơi! Tôi không muốn nghĩ tới nữa!

Lúc này, dân tản cư ở Tuy Phước đến che lều ở đồng cây Sanh ngày càng đông. Công cuộc bán buôn của cô tôi nhờ thế càng trở nên phát đạt. Cô tôi bán thêm kim chỉ mắm muối, lại có cả rượu lậu nữa. Cứ tưởng cuộc đời của cô cháu tôi khá lên, không ngờ một hôm ông Khứ cho dân quân đến tịch thu hết cả mía đem về trụ sở Ủy ban vì tội đầu cơ! Mấy lít rượu bị đem đổ xuống sông cho cá uống! Cô tôi gần như trắng tay.

Mặc dù Pháp đổ bộ lên Qui Nhơn, nhưng người ta vẫn bảo là mình đang chiến thắng. Cả chục nghìn quân Pháp bị vây ở Diên Biên Phủ chỉ chờ ngày đầu hàng. Sắp tổng phản công rồi. Giờ chuyển sang cuộc chiến đấu mới. Đây là cuộc chiến mà ông Khứ và cô Thanh bảo là gay go và khốc liệt hơn, cuộc chiến một mất một còn giữa giai cấp

vô sản và giai cấp bóc lột.

Người ta chỉnh đốn lại hàng ngũ, rà soát lý lịch từng người một trong các đoàn thể ngay cả trong trường học. Người ta truy tận gốc từ đời ông đời cha, từ bên nội đến bên ngoại. Vì vậy trong lớp học xảy ra những cảnh tố lẫn nhau. Không còn chơi đùa phá phách như trước nữa mà bắt đầu xoi mói, bươi móc như những mụ hàng xóm nhỏ nhen. Những đứa con nhà phú nông địa chủ không dám đi học nữa. Chị Thảo cũng phải ở nhà vì cha chị là người Qui Nhơn lại làm nghề bán thuốc Bắc tức là thuộc thành phần tiểu tư sản. Mà tiểu tư sản và địa chủ là con đẻ của thực dân phong kiến. Tôi thì nghèo kiết xác nhưng không phải vô sản vì nào ai biết gốc gác của cha mẹ tôi là người thế nào. Tôi vẫn còn đi học vật vờ vì nếu cho rằng nguồn gốc của tôi là do chó đẻ ra như người ta vẫn thường gọi thì quả thật cũng chẳng biết xếp chó vào loại giai cấp nào!

Ở trong làng, ngày trước mặc dù có chiếu trên chiếu dưới, có kẻ địa chủ phú hào, có người cùng đinh mặt hạng, nhưng nếu không tranh nhau một miếng thịt ở đình thì chẳng việc gì phải sợ ai cả. Bây giờ, cái cách xếp hạng mới này lại chia ra nhiều tầng nấc một cách hết sức chi li.

Không có lấy một cục đất ném chó ia như thằng thủ ngữ Đực là cố nông. Có một rẻo vườn và một cái nhà nát là bản nông. Có thêm năm ba sào ruộng là trung nông. Mà trung nông lại chia ra bậc trên và bậc dưới, tức là cái anh tạm đủ ăn và cái anh chưa đủ ăn. Có chừng vài mẫu ruộng và đôi trâu là phú nông. Có ruộng mà phát canh thu tô tức là không làm mà vẫn dư ăn dư để là địa chủ. Nếu đã từng giữ một chức dịch nào đó như chánh tổng, lý trưởng là địa chủ ác ôn. Nhưng có công với cách mạng như ông Chánh nhạc là địa chủ tiến bộ. Tuy không niêm yết danh sách từng người một nhưng cứ theo cái khung ấy mà tự xếp mình vào. Nếu anh muốn hạ thành phần xuống một bậc thì lập tức người ta cũng lôi anh lên như một con vật

đã bị đóng dấu.

Những đêm học tập mãi tận sáng, cán bộ ra sức mỗ xẻ nhồi nhét chỉ để cho cả làng dòm ngó lẫn nhau cái thành phần. Ngày trước người ta tranh nhau từng chức nhỏ như câu, biện để khỏi bị gọi bằng thằng. Bây giờ người ta cố lột bỏ những gì mà xã hội cũ vì tiền hay vì nịnh nọt đã được ban cho. Nếu ai trợ khát như thằng thủ ngữ Đực thì được trình trọng gọi là đồng chí bần cố nông. Ngược lại ruộng sâu trâu nái chức tước một thời như cụ cử Vân, ông tổng Bá thì bị gọi là thằng quan, thằng địa chủ. Ngoài hai cái thành phần cực cao và cực thấp không dễ ai muốn chui vào hay thoát ra, thì cái đám đông nhất, là trung nông lại kèn cựa không lúc nào yên như một đàn dê quá đông trong một cái chuồng quá hẹp.

Người ta xia xói, nhà đó mà trung nông thôi à? Có ruộng có bò mà không dư ăn à? Phải đưa lên bậc trên chứ. Chỉ cần cái đàn bò ấy đẻ thêm vài lứa là có thua gì địa chủ. Các bà đi chợ thì dòm lom lom vào thúng rổ của nhau. Họ nói, cái con mẹ đó mà bần nông à? Chính mắt tôi trông thấy nó mua cả ký thịt. Ai cũng cố tìm cách hạ cái thành phần của mình xuống và đẩy thành phần của người khác lên. Tuy nhiên chẳng ai dám kinh cãi chửi bới, nhất là những người thành phần trên lúc nào cũng nhín nhin những người thành phần dưới. Đám địa chủ phú nông thì ngồi im hơi lặng tiếng để mặc cho người ta mỗ xẻ thành phần của mình ra như bị cưa xương róc thịt ở nhà thương.

Nếu Cách mạng là thay cũ đổi mới thì cái việc xác định thành phần là một cuộc cách mạng thật sự. Nó lay chuyển tận gốc rễ cả nền móng xã hội. Lúc này không ai vênh váo sung sướng hơn thằng thủ ngữ Đực vì nó là cổ nông đến mấy đời. Người ta nói nó đã trợ khát tận từ đời ông cố nội. Không ai nhớ lúc nào nó sinh ra, chỉ thấy nó lê lét từ nhà này sang nhà nọ, bạ cái gì cũng bỏ vào miệng nhai. Nó cứ tòng ngỗng mà đi khắp nơi cho đến khi bà phó lý thấy mắc cỡ giùm. Bà thương tình ném cho nó một cái

quần cũ của cậu Phú rồi bảo nó ra sông tắm rửa mà mặc vào. Nó được ông tổng Bá đem về chăn trâu nhưng chỉ được mấy hôm thì bị đuổi vì để trâu đi lạc mất. Từ đó nó chỉ còn một cách để sống là bẻ bí trộm gà. Cái việc ấy thì nó giỏi hơn chồn cáo. Ai mất của cũng nghi cho nó nhưng chưa ai bắt được nó bao giờ.

Những buổi học tập làm người ta sáng mắt ra. Rằng nó sống lâu bêu khổ cực cho dù có bẻ bí trộm gà cũng là do cái xã hội cũ đầy dẫy bọn tham quan ô lại cấu kết với địa chủ bóc lột tận xương tuỷ nó. Rằng cách mạng sẽ làm cho nó nên người bởi nó là thành phần cốt cán trong sạch nhất. Ngay cả ông Khử cũng phải học tập nó vì cái cơ ngơi bẻ thể của nhà ông trên ruộng dưới vườn, bò heo lúc nhúc đầy chuồng, dù có hạ cái thành phần xuống cho hợp với chức vụ của ông thì thấp nhất cũng là trung nông bậc trên. Còn cô Thanh và cả nhà cô tuy được hai chữ tiến bộ nhưng lại đi kèm với cái tiếng địa chủ nên cũng không hơn được nó.

Giữa lúc cái “thành phần” ụp xuống xóm làng một cách nặng nề ngột ngạt thì cũng có kẻ luồn lách hết sức tài tình giúp cho ông phó Ba đọc diễn những màn kịch mà không sợ đụng đến chính sách. Một buổi sáng ông lại ỏn ẻn nói bằng giọng mũi và ông uốn éo thể nào không biết mà người ta tưởng như có một con rắn đang trườn ra khỏi ổ hòng. Ông để một ngón tay lên má, nháy con mắt bên phải mấy cái ra cái điều mắc cỡ thẹn thùng. Rồi ông khuyu xuống một chân, chống tay trên gối lê bước như một con vịt què là ai cũng biết ông đang đóng giả con Liễu đeo. Nó cũng như thằng thủ ngữ Đục đúng là cố nông đến mấy đời. Nó sống lầy lắt với một cái met đựng kim chỉ và những viên mực tím bán cho học trò. Vậy mà nó đã có chồng như một người danh giá, được chính cô Thanh hội trưởng hội Phụ nữ đứng ra chủ hôn. Chồng nó là con trai ông phó tuần, người đã cho ông Tư Kinh mượn hai con trâu đực giả làm xe tăng. Chính vì có cả một bầy trâu và vì

chịu khó đi cày thuê cho nhiều người nên ông tậu được ruộng. Giờ ông đang nơm nớp lo sợ bị đẩy lên bậc cao hơn tức là phú nông. Ông nói gần như lạy cho thằng con ông chịu lấy con Liễu dạo để may ra được hạ cái thành phần xuống.

Nhưng bất ngờ đến nỗi khó tin là ngay cả ông hương kiểm nổi tiếng yêu chó hơn cả vợ con cũng đã tiến bộ kịp thời khi gả con gái út cho thằng thủ ngữ Đực. Thế là cái anh chàng trước đây ai cũng gọi bằng thằng một cách khinh miệt thì từ nay đang hoàng bước vào một ngôi nhà lá mái hai chái ba gian, được cô vợ lặn lội kỳ cọ cho bao nhiêu là cái ghét, được mặc quần áo bằng đùi và ba ngày sau bữa tân hôn được ông Khử tươi cười dên bắt tay chúc mừng.

Tuy nhiên, trước đó nó cũng phải một phen sợ thót tim vì bị cái đám dân quân ôn dịch phá đám. Số là để cho cuộc đời thực sự có ý nghĩa, ông Khử bảo bọn họ làm cho nó một cái nhà bên cạnh trụ sở. Nhà vách đất lợp tranh. Có lẽ vì làm nhanh cho kịp ngày cưới và vì làm ầu nên trong đêm tân hôn, một tấm vách đã ngã nhào suýt đè chết cả vợ lẫn chồng.

Thực ra như ông phó Ba nói, cả chục đứa tranh nhau dòm qua cái cửa sổ không có màn che đã làm cho bức vách bằng đất trộn rơm còn nhão bầy không chịu nổi sức nặng của cả lũ. Một tiếng rầm giữa đêm khuya khiến hai vợ chồng tưởng như trời sập. Cô vợ, cũng may là hầy còn mặc đủ quần áo, đã chạy như ma đuổi về phía nhà ông hương kiểm, theo sau là thằng thủ ngữ Đực vừa chạy vừa chửi lũ dân quân không tiếc lời. Ông phó Ba đã không quên diễn lại cái cảnh có một không hai ấy và dân xóm Miếu lại được một trận cười no bụng để quên đói.

Trong những buổi học tập chuẩn bị phóng tay phát động quần chúng, cô Thanh là người thể hiện mỗi cảm thù giai cấp mãnh liệt và sâu sắc nhất. Cô nói tới cảnh

lần bờ lần ruộng của địa chủ, cảnh tá điền bị bóc lột phải bán vợ đẻ con, cảnh cho vay nặng lãi cắt cổ, cảnh mừng một Tết có người tới dọn bàn thờ ông bà ông vải... Cô nói suốt từ đêm này qua đêm khác, từ chuyện của làng An Định, An Đông đến chuyện các làng trong huyện trong tỉnh, từ chuyện nước ta đến chuyện nước bạn Trung Hoa. Cô kể lại câu chuyện của Bạch Mao Nữ mà nước mắt lúc nào cũng ràn rụa. Đó là một cô gái bị chủ bóc lột hành hạ thậm tệ phải trốn vào trong hang. Lâu ngày không có ánh mặt trời nên lông tóc đều trắng. Những người đi săn đã tưởng cô là vượn bạch... suýt bắn chết đem về nấu cao!

Có người nhẹ nhàng vặn lại, nhà cô cũng là địa chủ, trong nhà chưa ai đụng tới cái cây cây cuốc mà vẫn ăn sung mặc sướng no đủ quanh năm, thì cô lồng lộn chống chế lên rằng, khi đi theo Cách mạng là gia đình cô đã từ bỏ giai cấp phản động rồi, đã đứng hẳn về phía nhân dân tiến bộ. Nếu bảo vẫn còn phát canh thu tô, vẫn còn nuôi trai bạn (người làm công) trong nhà thì đó không phải là bóc lột mà tự nguyện. Tuy họ làm giúp việc cho nhà cô nhưng chính họ là những người làm chủ. Không bị ai la mắng đánh đập, ruộng lúa làm ra họ được lấy trước phần mình rồi mới đến phần nhà cô. Vả lại nhà cô ai cũng làm Cách mạng nên phải có người giúp đỡ Cách mạng chứ.

Đúng là không ai cãi được và cũng không ai dám cãi. Cái mũ Việt gian phản động sẵn sàng chụp lên đầu bất cứ ai dám chống lại. Đó là chưa nói tới cái thông lọng “khả năng” ném vào cổ anh không biết lúc nào. Trong các vụ bình bầu về thuế nông nghiệp, nếu anh ở các thành phần bậc trên thì dù có bay lên trời hay chui xuống đất, cũng không cách gì thoát khỏi cái dây thông lọng ấy. Như nhà ông hương kiêm, thuế được tính theo ruộng và theo khẩu là 500 ký, nhưng khả năng tức là cái nguồn lương thực tiền bạc có thể đóng là 5 tấn. Ông tổng Bá thì khả năng gần như vô tận. Khi ông Khứ hỏi: 5 tấn được chưa? Không ai trả lời thì ông nói: Chưa hả? Vậy thì 10? Cũng

chưa hả? 15? Cũng chưa à? Thôi thì 20 cho chẵn! Có đồng ý không? Nhiều tiếng rời rạc. Ông bảo: To lên để ghi vào biên bản chứ! Thế là người ta cùng gào: Đồng ý! Có mất mát gì của mình đâu mà lo!

Cứ tung dây thông lọng ra như thế, rồi cuộc địa chủ phú nông phải nộp thuế cả trăm tấn trong khi cả làng thu hoạch chưa được vài chục. Từ đấy, một đội thiếu niên với thùng thiết mỡ tre và phèng la kéo tới các nhà phú nông địa chủ hò hét vang trời, kêu cả tên họ ra mà chửi là *ù lì, ngoan cố* ! Chỉ với một trò ấy thôi cũng đủ làm cho hương kiểm hương bộ, chánh tổng, lý trưởng phải chạy đôn chạy đáo từ họ hàng bên nội bên ngoại, từ bên nhà vợ nhà chồng cho đến người quen bắt kẻ thân sơ, sống chết gì cũng phải đóng cho đủ. Thiếu 1 ký cũng không xong. Mà đóng đủ rồi vẫn còn sợ tái bình bầu, tức là nâng khả năng lên thêm nữa. Nói tới “*khả năng*” nhiều người đến tận bây giờ vẫn còn sợ run.

Dĩ nhiên những ai là bần cố nông chẳng những đã khỏi đóng thuế mà còn góp phần đẩy khả năng của địa chủ lên tận trời. Họ chính là quyền uy của Cách mạng. Khi nói tới hai tiếng nhân dân tức là nói tới họ. Nhân dân căm thù tức là họ căm thù. Nhân dân hành động tức là họ hành động. Tùy theo từng chiến dịch phong trào mà người ta cho phép các thành phần trung nông được dự phần. Còn địa chủ và phú nông thì không.

Phóng tay phát động quần chúng tức là liên kết các thành phần nhân dân lại để cô lập, bao vây và tiêu diệt giai cấp bóc lột. Nhà ông tổng Bá đương nhiên là đích ngắm đầu tiên. Chẳng những đưa ông lên ngồi trên mức thuế cao chót vót mà còn tung ra tấm lưới *liên quan* để không một ai dám giao tiếp. Ai giúp nhà ông cày bừa, gặt hái, mua bán đồ đạc, ngay cả chào hỏi cũng bị kết tội là liên quan với địa chủ. Vì vậy chẳng ai dám tới gần đến nỗi cũng không dám đi ngang trước ngõ nhà ông.

Suốt nhiều đời ky cốp được hai mươi mẫu ruộng,

ông cho những người làm rẽ ăn chia gọi là tá điền. Ngày trước bọn họ mang ơn ông. Còn bây giờ ông là kẻ thù, chẳng ai dám làm tay sai nô lệ cho ông nữa. Ông xin hiến tất cả, nhưng ông Khứ bảo của nhân dân chứ của gì ông mà hiến. Ông xin được tịch thu thì ông Khứ lại bảo chưa có lệnh, khi nào cải cách ruộng đất không cần đợi xin cũng cứ tịch! Hai mươi mẫu ruộng mà không được thuê mướn thì biết đến bao giờ mới làm xong! Mà làm không xong thì lại mang tội bỏ ruộng hoang, tức là phá hoại kinh tế, không thua gì tội Việt gian phản động. Ông như ngồi trên lửa. Chưa bao giờ ông thấy sợ ruộng đất như lúc này. Thế là ông treo cổ lên xà nhà. Nhưng cái xà như cũng sợ “liên quan” nên gãy làm đôi ném ông rớt xuống đất. Vợ con ông chỉ sụp xuống lạy xin ông ráng sống chứ không dám khóc.

Cũng may bà vợ ông là một người vừa gan dạ vừa mưu trí. Bà kéo cả dòng họ và cả thuê mướn những người ở Phú Phong xuống cày cấy giúp. Lúc đầu họ làm ban đêm trốn núp thụt thò vì ông Khứ cho dân quân đuổi bắt. Nhưng sau bà nhờ những người An Vinh, An Thái võ nghệ đầy mình thì ông Khứ và đám dân quân lặn mất. Nhờ vậy, hai mươi mẫu ruộng cũng đã được cày cấy xong. Nhưng cũng chỉ cứu được cái tội bỏ ruộng hoang chứ không cứu được cái tội thiếu thuế!

Một buổi chiều, trước sân trường bình dân, nhiều anh chị dân quân ngồi đập mảnh chai trộn với đá ong, rải đầy trên hai cái vòng tròn to hơn mặt thúng. Một chạt tre đỡ một cái nắp vung để ngửa đựng đầy dầu với những cái tiêm bông chờ sẵn. Phía sau là bục cao cho chủ tịch đoàn.

Đêm nay là đêm đầu tiên *phóng tay phát động quần chúng* để hỏi tội thiếu thuế của vợ chồng ông tổng Bá. Không cần ông Tư alô chỗ miêng vào cái loa thiết mà gào, cũng không cần đánh kiêng. Ngay khi mặt trời vừa lặn là cả làng đã kéo tới đông đủ. Chỉ có trẻ con chạy giỡn lằng quăng còn người lớn thì ngồi yên lặng. Mùi thuốc lá nồng nặc. Những đóm lửa sáng lên liên tục.

Một lúc sau vợ chồng ông tổng Bá bị đưa tới quỳ trên hai cái tấm thảm mền chai đã được các anh dân quân làm sẵn. Lập tức tiếng rào rào nổi lên như sóng. Người ta tưởng đêm nay hai chồng ông sẽ bị giết.

Chủ tịch đoàn gồm một anh trai cày, một bà bếp và một anh thợ rèn đại diện cho giai cấp công nhân. Mọi người ồ lên chưa hết ngạc nhiên thì ông Khứ đã trịnh trọng giới thiệu:

- Kính mời đồng chí chủ tịch của chủ tịch đoàn lên chủ tọa!

Đầu tóc được húi ngắn gần như cạo trọc, áo bốn túi như các đồng chí Trung Quốc, thủ ngữ Đục xuất hiện trước dân làng như từ trên trời rơi xuống. Cả làng đang ngẩn ngơ thì ông Khứ hô to: Hoan hô chủ tịch đoàn và mọi người cùng hét lên “Hoan hô” như một bầy ngựa đã được kéo dây cương. Đợi cho tiếng hoan hô lắng xuống, ông Khứ tuyên bố tòa án nhân dân được lập ra để xử tội những kẻ chống lại nhân dân. “Thưa chủ tịch của chủ tịch đoàn, ông Khứ nói, đây là hai kẻ ù lì ngoan cố. Còn những 15 tấn lúa chưa chịu đóng. Xin tòa hãy ra một bản án nghiêm khắc để chứng tỏ sức mạnh của nhân dân.”

Đồng chí thủ ngữ Đục liền hắng giọng nói như quát:

- Thăng tổng Bá kia, sao mày chưa chịu đóng thuế?

- Dạ thưa thuế cao quá đóng không nổi!

- Hai mươi tấn mà cao ả? Của cái nhà mày có cả trăm tấn. Không lúa thì vàng. Số vàng bòn rút của nhân dân từ đời ông đời cha giờ mày chôn dấu ở đâu?

- Dạ thưa cúng hết trong tuần lễ vàng rồi!

- Mấy chiếc kiềng, mấy chiếc cong mà hết ả?

- Dạ thưa hết thiệt rồi!

Đột nhiên có tiếng hô: Đả đảo địa chủ ù lì ngoan cố! Cả làng đáp lại: Đả đảo! Tiếng hô mạnh như tiếng gầm của hàng trăm con sư tử. Dường như ai cũng cố gào thật

to, nhất là những người mà số phận của mình có thể sẽ bị quỳ trên đồng mề chai như thế.

Đồng chí thủ ngữ Đực liền ra lệnh:

- Về nhà nó tìm vàng!

Thế là cả làng rừng rừng kéo nhau đi.

Nhà ông tổng Bá trước kia to như cái đình sau khi bị Pháp đốt chỉ còn trơ lại mái đất. Ông lại dùng đất đắp thêm bên ngoài chỉ chừa một cái lỗ chun ra chun vào như cái hang. Ông Khứ liền hô: Tiến lên anh em như hồi phá đình. Chính ông đập vỡ cái lỗ cho rộng ra rồi cầm đuốc chui vào trước. Ông nghi ngờ trong các bức vách bằng đất có giấu vàng và mọi người không một chút ngại ngùng liền đập ra nát vụn. Rồi họ phá cả cái chõng tre vì nghi ngờ giấu vàng trong ruột. Tìm mãi không có gì, người ta bèn cạy nhũ vàng trên các bức hoành phi! Nhưng cũng chẳng phải là vàng thật. Đồng chí thủ ngữ Đực liền tuyên án:

- Không có vàng, vậy là tẩu tán hết rồi. Chính cái bọn xuống làm ruộng ở Phú Phong đã đem đi. Cái tội này là do con vợ của thằng tổng Bá. Toà quyết định, vợ chồng nó phải nộp gấp đôi tức là 40 tấn! Được chưa? Lại một tiếng gầm: Được rồi!

Đoàn người kéo đi bỏ lại bà tổng Bá gào lên trong nước mắt và máu chảy ra từ hai cái đầu gối bị quỳ:

- Trời ơi! Sao mà oan nghiệt thế này!

Chương 9

Cuộc chiến chống giai cấp bóc lột được tiến hành theo hai bước. Bước thứ nhất là đấu lý tức là hỏi tội địa chủ. Bước thứ hai là đấu lực tức là bắt chúng đền tội.

Năm ngày sau cái đêm tìm vàng không có, người ta đem hai cái giỏ bội mạ, xung quanh lót đầy gai bàn chải, đến xúc hai vợ chồng ông tổng Bá khiêng đi như khiêng heo. Vẫn hai tấm thảm mè chai hầy còn những giọt máu khô đang chờ đợi họ. Lại thêm có hai cái hồ tròn và trên cây xoài có hai cái thông lọng.

Mấy cán bộ chẳng biết ở cấp nào đều mặc áo đại cán bốn túi. Hoá ra họ là những người đã giác ngộ đồng chí thủ ngữ Đục. Họ chỉ thiếu cái mũ cát kết là giống hết các đồng chí Trung Quốc anh em. Thủ ngữ Đục vẫn được ngồi bành choẹ trên ghế chủ tịch đoàn. Cả chục cây đuốc được các anh dân quân đứng cầm oai vệ. Lửa cháy phập phù. Vợ chồng ông tổng Bá như hai tội nhân ở cửa thứ mười của thập điện Diêm vương. Trong không khí nghiêm trang sắc mùi chết chóc ấy, bỗng dưng tên tôi được kêu lên:

- Lê văn Đục, Lê văn Đục đâu lên sân khấu có việc cần!

Lần đầu tiên tôi được gọi đích danh chứ không phải thằng Chó Đẻ như mọi khi. Tôi run bắn người, chẳng hiểu mình có tội gì. Tôi định chạy trốn thì có người nắm áo lôi lên. Tôi được đưa tới ngồi bên cạnh cô Thanh và mấy cán bộ mặc áo đại cán. Mọi người há hốc miệng ra nhìn tôi, nhất là lũ trẻ con chẳng hiểu nổi vì sao một thằng phải bú sữa chó như tôi lại được ngồi bên cạnh những người mà mỗi lời nói của họ là một mệnh lệnh. Cả tôi cũng vậy, suýt đáí ra quần vì sợ và kinh ngạc.

Đêm đầu lý bắt đầu.

Sau khi ông Khử khúm núm xin ý kiến và được các cán bộ gật đầu, ông liền đồng dặc nói:

- Rõ ràng là vợ chồng thằng tổng Bá này quá ù lì ngoan cố. Năm ngày qua không nộp được một cân lúa. Tội của chúng mày là phải chết

Ông ngược nhìn cái thông lọng, mọi người hồi hộp nhìn theo tưởng chừng như có hai cái xác đang treo

lùng lẳng trên đó. Đợi cho nổi khiếp sợ ngấm sâu vào mọi người, ông Khử lại nói tiếp:

- Tội chết đã rõ rồi phải không, thưa nhân dân?

- R.....ồ...

Một tiếng gầm đáp lại. Ông Khử hả hê nói tiếp :

- Nhưng chúng mày chưa được phép chết. Chúng mày phải trả lời những tội ác của chúng mày trước nhân dân. Xin Toà hãy cho phép những ai đã từng bị nó hành hạ, áp bức bóc lột lên hỏi tội và được quyền trả thù.

Đồng chí thủ ngữ Đực nói như học thuộc lòng:

- Tòa đồng ý!

Lập tức có người bước tới trước mặt vợ chồng tổng Bá đang gục đầu chờ đợi. Đó là bà Năm hàng xáo (buôn gạo). Bà nói:

- Nó ác lắm. Khi bán lúa nó biểu tôi leo lên lằm xúc lúa. Lằm cao quá phải leo thang. Khi tôi leo lên được thì ở dưới nó cắt thang. Nó ép tôi phải mua với giá thật cao, nếu không nó kêu chánh tuần tới bắt vì cái tội ăn trộm lúa.

Nói xong bà phun một bãi nước trầu vào giữa mặt tổng Bá. Nước trầu đỏ như máu chảy ngoằn ngoèo.

Người thứ hai là bà Dĩa. Từ trên ghế chủ tịch đoàn bước xuống. Bà vừa nghiêng răng vừa dí tay vào trán bà tổng Bà :

- Con mẹ này ghen đão đẽ. Nó nghi chồng nó lấy tui. Lúc tui đang nấu cơm nó lấy dĩa bếp nóng dí vào háng.

- Thi bây giờ dè nó ra mà dí lại đi! Một kẻ nào đó nói xỏ xiên làm cho mọi người cùng cười ồ. Không khí bớt căng thẳng. Có tiếng của đồng chí thủ ngữ Đực:

- Tội của vợ chồng nó nhiều lắm. Chỉ có mấy chuyện vãn này thôi sao?

Trong khi mọi người nhìn nhau chẳng biết phải kể tội lão tổng Bá như thế nào để chứng tỏ là đã thăm nhuần chính sách, thì cô Thanh đứng lên. Miệng cô nói:

còn chớ, tay cô bất ngờ nắm lấy tay tôi dắt tới trước mặt ông tổng Bá. Cô nói:

- Hãy mở mắt to ra mà nhìn cho kỹ. Mà có biết thằng này là thằng nào không?

- Chó đẻ! Chó đẻ!

Lũ trẻ con được dịp hò reo thích thú. Nhưng cô quát:

- Nó là con của mày. Tội ác của mày sờ sờ ra đây. Mày chối tội à? Chị Chén đâu, mời chị ra đây.

Từ trong đám đông một người được đẩy ra. Đó là một người đàn bà chừng 40 tuổi. Bà ta thấp nhỏ và đường như nổi sợ hãi trước đám đông làm cho bà ta loắt choắt như một đứa bé.

- Chị biết Lê văn Được chớ?

- Dạ biết.

- Chính chị đẻ nó ra?

- Dạ!

- Tại sao chị thả nó xuống sông?

- Dạ sợ làng bắt tội!

- Ai là cha nó?

- Dạ...

- Trước nhân dân chị cứ nói đi, chẳng việc gì phải sợ.

- Dạ thưa ông tổng Bá!

- Sao chị lại có con với nó?

- Dạ ...

- Sao ?

- Dạ bị hiếp!

Vậy đó! Ai mà ngờ được ông tổng Bá là cha tôi và cái bà Chén em bà Dĩa kia lại là mẹ tôi! Cả làng như hoá câm trước cái sự thực quá bất ngờ. Người ta hết nhìn tôi đến nhìn ông tổng Bá rồi nhìn bà Chén. Nhiều người lắc đầu nghiêng tai nói thầm với nhau. Trước sự im lặng đầy ngột vực ông Khứ lại gào lên:

- Đả đảo địa chủ! Và cả làng như nhảy dựng lên

cùng hô Đả đảo! Đả đảo!

Như thế ngoài cái tội trốn thuế ông tổng Bá còn thêm cái tội hãm hiếp. Ông tổng Bá thế có trời đất chứng giám, ông không làm cái chuyện bậy bạ ấy. Nhưng cũng như cái khả năng về thuế nông nghiệp, người ta bảo ông có tội là phải có tội. Có điều cái tội của ông không phải là tội dâm ô ác đức như người ta thường nói mà là xúc phạm đến giai cấp đáng kính của bản cổ nông. Bởi vì hai chị em bà Dĩa chỉ có một cái nhà nhỏ như lỗ mũi và cả đời chỉ thay nhau làm bếp cho nhà ông.

Ngay khi biết được cái mầm sống của giai cấp bị bóc lột suýt bị chết đói nếu không có một con chó cái hy sinh lũ con để cứu sống, các vị cán bộ mặc áo đại cán đang ngồi lơ mơ vật lòng mũi bông vậy lấy tôi rồi nâng lên khỏi đầu, hét lên như bắt được vàng:

- Hoan hô giai cấp vô sản!
- Hoan hô em bé dũng cảm!
- Đả đảo địa chủ gian ác!

Nhưng cô Sáu tôi bất ngờ từ trong đám đông lao ra như con

chó cái của nhà ông hương bộ. Cô nói như ra lệnh

:

- Thả nó ra ! Chính nó là con tôi!

Cùng lúc cô tát như té nước vào mặt bà Chén. Cô gào lên:

- Mày là đồ rắn rít ! Đồ cứng đầu!

Chưa bao giờ tôi thấy cô hung dữ như lúc ấy. Ngay cả khi ông Khứ cho dân quân đến tịch thu mía, cô cũng không quyết liệt đến như vậy.

Cái màn đầu tố ông tổng Bá coi như bị bể đĩa. Cái mũ “hiếp dâm” mà người ta định chụp lên đầu ông đã bị cô Sáu tôi lật ra ném xuống đất. Người ta liền dựng lên một màn khác. Lần này là cụ cử Vân. Cụ là người thực sự danh giá vì cụ đã đậu cử nhân, đã từng làm quan. Nhưng người ta bảo cái danh giá đó chính là tội ác. Tội của cụ là

lầm tay sai cho giặc và cho cả phong kiến.

Lần này là đầu lục. Đó là một đêm tháng mười một. Trời lạnh như cắt. Mưa lay bay nên càng lạnh thêm. Người ta không bỏ cụ vào bội mà nhét đầy gai như vợ chồng ông tổng Bá mà để một người nắm chòm râu bạc dài tới ngực của cụ lôi đi như lôi một con trâu đã xỏ mũi. Đường đất trơn trượt, mấy lần cụ té ngã, nhưng không ai dám nâng dậy. Chẳng những thế ông Khứ còn kéo ngược cụ lên như nhổ một bụi mì.

Ra tới sông, người ta nhét cụ vào giỏ, từ trên cầu thả xuống nước. Đợi nước ngập tới cổ người ta kéo lên. Rồi lại thả xuống. Lại kéo lên. Cứ thế có đến chục lần. Trong ánh đuốc lập loè và trong gió bắc hun hút, cụ run lên bần bật giống như mấy con chó trong trận đại sát cầu.

Rồi người ta lôi cụ ra khỏi giỏ. Cái quần sưng nước đứt dây tuột xuống. Cụ xấu hổ đưa tay định kéo lên nhưng một gã dân quân liền xỏ cây gậy vào giữa nên cụ đành gục đầu mà đứng trần truồng trong tiếng cười ầm ĩ của bọn trẻ con. Thực khác xa với cảnh đăng khoa ngày nào. Sau khi nhận áo mũ của vua ban, cụ được hai hàng cờ lọng rước về làng trong tiếng trống nhạc tung bừng. Giờ cụ bị điệu về không có lấy một miếng vải để che những chỗ đáng che, run rẩy bước đi giữa hai hàng gậy gộc của đám dân quân và giữa tiếng thét gào đả đảo.

Về đến nhà, cụ bị bắt quỳ giữa sân. Người ta hỏi trong bao nhiêu năm làm quan vợ vết của cái dế ở đâu. Cụ không nói được và người ta cũng chẳng thèm nghe cụ nói, liền xông vào nhà. Người ta lục tung gói mền, đập vỡ các chậu cây cảnh, xé nát những cuốn sách mà cụ quý còn hơn vàng. Người ta lục lọi gần như suốt đêm thỉnh thoảng lại đến nắm chòm râu của cụ giật ngược lên hỏi dế đâu? Khi đã chán chê định bỏ về, thấy cụ nằm còng queo trên đất, ông Khứ liền đá một cái vào cái mông teo tóp, cụ vẫn nằm im. Ông ta lại nắm râu lôi dậy nhưng cụ vẫn quặt quẹo như bún. Lúc ấy người ta mới biết là cụ đã chết tự bao giờ!

Thế đấy, hết những đêm đầu lý là những đêm đầu lực. Sẽ không còn chửi rủa hời hợt hời hợt mà là đấm, là đá, là thoi, là đập, là nện vào lưng vào đầu những gốc tre chẻ làm tư như cọc phòng không. Mỗi làng không chỉ một đũa mà hết đũa này đến đũa khác. Hết địa chủ thì đôn phú nông lên. Hết phú nông thì đôn trung nông bậc trên. Triệt hạ tất như xén hàng rào. Khi đó xã hội sẽ công bằng vì chỉ còn một giai cấp duy nhất là quần chúng lao động. Y như một sân đá bóng, chỉ trồng một thứ cỏ duy nhất và luôn luôn được cắt xén cẩn thận. Người ta tính ra trong làng có đến vài chục người. Thế là đạt và vượt chỉ tiêu!

Nhưng bỗng có lệnh: Dừng !

Chẳng phải vì thương địa chủ mà vì tập kết.

Đúng như ông Khứ và cô Thánh nói, ta đã hoàn toàn chiến thắng. Chiến dịch Điện Biên Phủ xa xôi ở tận miền Bắc đã kết thúc trong thắng lợi. Thắng Pháp và Mỹ đã phải ngồi vào bàn hội nghị Giơnevơ và đã phải chia cho ta một nửa nước. Có điều cái phần được chia nằm ở phía bên kia sông Bến Hải nên bộ đội và cán bộ phải tập kết ra Bắc. Dĩ nhiên là tạm thời thôi vì hai năm sau có bầu cử và ta nhất định sẽ bầu cho cụ Hồ, tức là nhất định thắng!

Thế là người ta xoay ra dỗ dành. Nào là tuy hai năm nhưng chỉ có 14 tháng. Cán bộ đi rồi cán bộ sẽ về. Vì vậy phải kiên định lập trường. Không được mềm yếu ngả theo giặc. Không nộp thuế. Không đi lính. Không hợp chợ. Không đi học. Khác hẳn với những đêm học tập phóng tay phát động quần chúng để đấu tố, cả ông Khứ và cô Thánh đều ăn nói nhỏ nhẹ dịu dàng. Các vị lại ân cần trả lời những câu hỏi xóc hòng mà trước đây đâu có cho vàng cũng không dám. Chẳng hạn: Ai được đi? Ai phải ở lại? Tại sao được đi và tại sao phải ở lại? Hoặc là: thắng Tây có súng ngắn súng dài, có xe tăng đại bác còn nhân dân chỉ tro khật có mỗi hàm răng... thì làm sao đấu tranh ? Đấu

tranh như thế thì biết tránh đâu!

Cả làng ai cũng cười vì ông phó Ba chêm vào một tiếng nói lái. Nhưng sau đó ai cũng hoang mang lo sợ. Suốt chín năm đã đảo, đánh trộm đánh lén. Giờ phải chường mặt ra với thằng Pháp thì biết sống làm sao đây? Ai cũng mệt mỏi bơ phờ. Các anh dân quân ném gậy vào bếp làm củi đun. Cái loa thiếc ông Tư alô chẳng hơi sức đâu mà chỏ miệng vào. Ông phó Ba nói, tình trạng này giống như một đứa con gái lỡ đại, bụng đã phình ra rồi mà cái thằng xỏ lá quắt ngựa chạy mất.

Nhà ông Chánh nhạc tức cụ bầu Kiên là một nhà Cách mạng nên được đi cả nhà ngay cả thằng cu Thắng mới sinh. Mấy con dê không thể đem theo được thì giết thịt cho cả xóm coi như đãi một bữa cuối cùng. Ông Khử được đem theo đứa con 10 tuổi, nhưng bà vợ phải ở lại vì cái bụng mang thai lặc lè. Bà vợ ông sợ xanh mặt mỗi khi nghĩ tới cảnh Tây nó thọc dao vào bụng lồi đứa nhỏ ra ngoài.

Nhưng tội nghiệp và buồn cười nhất là các vị đã được mời lên ngồi trên ghế chủ tịch đoàn. Ông phó Ba nói rõ ràng là ngồi chưa nóng cái đít chớ có lâu la gì mà giờ đây cũng phải són đái trong quần. Đồng chí thủ ngữ Đục đón dác chạy đôn chạy đáo, quần quít như chó lạc mất chủ. Gặp ông Khử hỏi:

- Sao tôi không được đi?
- Trên bảo ở lại
- Trên là ai?
- Là cấp trên chứ là ai
- Đ ... mẹ mấy thằng cấp trên!

Gặp cô Thanh cũng hỏi:

- Sao đồng chí được đi mà tôi không được đi?
- Đồng chí phải ở lại.
- Để Tây nó cắt cổ à!
- Có nhân dân sợ gì!
- Đ ... mẹ, tao đái vào cái nhân dân đó!

Còn hai chị em bà Dĩa thì thần thờ ngồi ôm nhau mà khóc. Hai bà không sợ thằng Pháp mà sợ vợ chồng ông tổng Bá. Ước gì chui được xuống đất!

Không còn ông Khứ. Không còn cô Thanh. Không học tập. Không biểu tình. Không hoan hô đả đảo... quang cảnh trong làng buồn như cái bến sông lúc cô tôi sống một mình.

Sau những năm tháng làm quần quật, nào đào hầm vót chông, nào bắt sâu diệt chuột, nào dân công tải đạn, nào chống cái này diệt cái kia... Giờ người ta lại không biết việc gì làm cho hết ngày. Đàn ông sáng ra đồng rào một vòng rồi xách cuốc về nhà vun mấy cái gốc mì sau đó lên võng nằm thờ ra. Đàn bà sau bữa cơm khoai nhiều hơn gạo lại ngồi bắt chích cho nhau. Thỉnh thoảng đưa con chích đực lên miệng cắn nghe cái “cốc”. Đứa nhỏ lê la sau lưng kéo cái vú teo nhách dài thông của mẹ ra, cố kiếm vài giọt sữa.

Ai cũng lông ngóng lơ khờ, tóc xơ xơ, mặt tai tái, mắt vàng vàng. Cả làng như một đàn bò ngẩn ấy năm bị đét vào đít, chạy và chạy mịt mù nhưng vẫn không tìm ta đồng cỏ. Tối đến không nhà nào đỏ đèn ngay cả những nhà tạm gọi là giàu. Người ta thu mình trong bóng tối như những con vật bé nhỏ thu mình trong hang. Giặc Pháp chưa tới nhưng cái bóng hung ác của nó được ông Khứ và cô Thanh tô đậm suốt chín năm làm cho mọi người ai cũng khiếp sợ. Giống như những đứa trẻ bị dụ vào rừng rồi bỏ mặc, một tiếng động nhỏ trong đêm tối cũng làm cho chúng khóc thét lên.

Những cành tre kéo kẹt cọ vào nhau nghe như tiếng xích sắt của xe tăng. Gió hất cái vạt áo trên bụng, ai đó trong đêm giật mình rú lên, cứ tưởng là bàn tay lông lá của giặc chạm vào. Không biết khi một tử tội chia cái cổ ra chờ cái lưỡi dao có giống như những đêm ở làng lúc này

không?

Đợi chờ! Đợi chờ! Đâu có phải chỉ mấy trăm dân ở An Định mà còn cả triệu người của bốn tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú đều sống trong thấp thỏm hãi hùng. Trong khi đó, ông Khứ và cô Thanh cùng những đứa con ưu tú của Cách mạng đang đứng trên boong tàu Ba Lan thở phào nhẹ nhõm.

NHỮNG TRANG BÁO CŨ

LTS: Thư Quán Bản Thảo kỳ này xin được giới thiệu bài thơ tự do của Tô Thùy Yên được chúng tôi sưu tầm từ tạp chí Thế Hệ số 2, vào năm 1957, có tòa soạn đặt ở Kiên Giang, Rạch Giá, (không phải Sáng Tạo đâu nhé) và một bài nhận định về văn học nghệ thuật của Ngô Tấn Thiện trích từ tạp chí Khai Phá (Châu Đốc) Tập 1, năm 1970

Tô Thùy Yên Ô Tô Buýt Sài Gòn – Gò Vấp

Chắc những chiếc buýt chạy hoài chạy hoài trên chừng ấy
con đường thềm du lịch
Mỗi người một cuộc đời nhưng chắc tiểu sử những cuộc
đời không tiểu sử giống nhau
Saigon Tânđịnh Đakao Bàchiểu Bìnhhòa Xómgà Gòváp
Gòváp Xómgà Bìnhhòa Bàchiểu Đakao Tânđịnh Saigon
Hiện tại và có thể cả tương lai đáp chuyến buýt chạy hoài
trên con đường quá khứ
Hành khách vẫn lạ mặt đi đi về về với nhau mỗi ngày bốn
lần phải bốn lần
Bầu tất cả những gì có thể bầu như thanh sắt như thành
cửa
Xin một khoảng xe
(Đôi khi không khỏi nghĩ mình là kẻ đắm tàu

Và con tàu là cuộc đời đắm vì chở nặng)
Còn thương hại kẻ lên không kịp đứng tần ngần ở bờ hè
thả mắt đuổi theo xe
Nếu là lúc trời chạng vạng
Đèn nhoi lên
Gương con sông tàng hình cố hút vào mình chút ánh sáng
thoi thóp của thành phố
Thành phố mà chuyển buýt cuối phun về một quãng xa
Những khuôn mặt âm thầm mỗi buổi cơm quanh ngọn đèn
dầu đã dục
Như hết đời cuộc đời một cánh rừng hoang với cặp chân
người thám hiểm
Chiếc buýt chạy hỏi làm gì chiếc buýt chạy về đâu.

6-1957

Trích từ tạp chí Thế hệ số 2 (Kiên Giang)

Ngô Tấn Thiên

Nói về một vài biến chuyển nghệ thuật trong tình thế hiện tại (Trích tạp chí Khai Phá (Châu Đốc) tập 1, 1970)

SỰ RỜI TAY CỦA NHỮNG NGƯỜI XEM TIỀN PHONG

Khắp mọi ngã đường của nứa dầy đất cong cong từ đại lộ đến những ngõ tắt hẹp nhỏ nhất, sự xuất hiện của những người trẻ làm thơ, chơi nhạc kịch động hoặc tình cảm, những cây cọ tung tăng sáng tác được xem như những biểu lộ ồ ạt nhất so với sự hiềm hoi và giá trị của văn nghệ thuật trong thời tiền chiến. Sự có mặt thật đông đủ của văn nghệ hôm nay phải chăng là sự thịnh vượng của bộ môn này? Điều đó không thể khẳng định vội vàng được. Chúng ta chưa thể gộp nhận những biến chuyển ồn ào này thành một ghi dấu tốt cho dòng lịch sử nghệ thuật. Nhưng dù sao chúng cũng biểu hiện cho khúc quanh quan trọng với nền văn hóa Việt Nam trong giai đoạn này. Giai đoạn quá nhiều đau xót, xô bồ. Tiếng nói và phát biểu của văn nghệ hiện tại không khác những phản kháng với chính thù phận và mọi liên quan. Mọi liên quan không thể nhận định là mảnh đất. Hoặc đó có thể điềm chỉ đích danh của thủ phạm, của nạn nhân. Mọi liên quan cũng như những bi thương ngày ngày diễn ra trong mắt suốt bao nhiêu thời gian rồi. Văn nghệ nhào lặn ra đó, đi thẳng đi sâu vào đó và làm nhân chứng tình nguyện can đảm.

Sự hiện diện của lớp trẻ đi quá ào ạt, rào rào như những làn sóng vỗ bờ. Hình như có những mãnh lực huyền nhiệm tha thiết làm say mê như một tà thuyết hy sinh, tuổi trẻ ý thức đến tiếng nói phản kháng, đến những gì phải làm. Sự sôi động nào nhiệt đã khiến cân cân nghiêng hẳn về mặt trời họ. Người ta chú ý nhiều về hướng họ có mặt, đặt giá

trị riêng cho thể đứng của họ. Cán bên này nặng trĩu, cán bên còn lại bay bổng trên cao. Lớp người văn nghệ được nhìn nhận đi tiên phong đứng dưới đất lơ đãng nhìn lên cánh cán nhẹ bồng trong bờ phờ, mỗi một. Sự buông rơi của họ có lẽ, vì sau năm tháng hoạt động cộng với sự rời rã của quê hương cộng với những lý do khác khiến những mầm chán nản này quanh trong tâm hồn. Điều nhận định chung, tất cả những khuôn mặt lớn này hầu như im lặng hoàn toàn. Sự nghĩ sáng tác của họ ngoài những chán ngán trong đường lối do chính mình vạch sẵn, có lẽ còn nằm trong giấc mộng ác liệt của thực tại. Bao nhiêu sự rã rời được thể hiện trong một cái buông tay đầu hàng hoặc lánh mặt từ bỏ tất cả hào quang do công trình tạo dựng suốt bao thời gian thành đạt.

Tuy nhiên, cũng có vài gắng gượng chống chọi với những nhào nắn phủ phàng của bị quan và mỗi một. Từ Lý Hoàng Phong, Nguyễn Sa, Mai Thảo và những gì vàng son của thời kỳ huy hoàng của Văn Nghệ, Hiện Đại, Sáng tạo khiến người ta tin tưởng rất nhiều cho sự biến chuyển của văn học nghệ thuật xứ này trong nhiệm thời đổi mới. Tất cả những gì của thời đại Tự Lực Văn Đoàn, của thơ văn tiên chiến đã được nhìn bằng khía cạnh khác, cặp mắt khác. Hiệ diện của lớp người làm mới này đã đánh lui những giá trị của những bắt đầu từ đầu chân của họ trở về trước. Những giá trị của lớp văn nghệ ảnh hưởng văn nghệ Tây Phương như Tự Lực, Nam Phong, Đông Dương và đại diện văn nghệ miền Nam thời đó là là Hồ Biểu Chánh, Phú Đức... đã trở vào viện bảo tàng với âm thanh ca tụng nhiệt thành từ từ xa âm hưởng. Nó bị đặt khuất sau một bình phong hào nhoáng và lạ mắt : văn nghệ mới.

Kế tiếp, trao phái này còn phong phú nhờ sự có mặt trang trọng của những Thanh Tâm Tuyền, Nguyễn Đình Toàn, Tô Thùy Yên, Dương Nghiễm Mậu... Nhưng cũng kể từ đó, những gì thật tin tưởng, thật phong độ đã đổi thế một mỗi. Tất cả gần như buông rời và lạc lỏng lẫn nhau. Từ những Nguyễn Mạnh Côn, Vũ Khắc

Khoan dùng viết nghỉ ngơi, đến Lý Hoàng Phong, Thanh Tâm Tuyền cũng ít sáng tác. Trong lúc Dương Nghiễm Mậu với những tác phẩm cũng đi vòng trong vấn đề tuổi trẻ và thời cuộc.

Bằng sự góp mặt trả nợ tâm, tạp chí Nghệ Thuật, Văn Đề... được tạo dựng chung góp bằng những hy sinh khá lớn của Thanh Tâm Tuyền. Vũ khắc Khoan. Rất tiếc tạp chí Nghệ Thuật cũng không sống quá một năm. Văn Đề được tạo dựng sau đó trong hoàn cảnh khó khăn của chiến tranh và kinh tế.

TUỔI TRẺ VÀ SỰ XUẤT HIỆN BAY TỎ

Chiến cuộc càng ngày càng nổi sóng. Mọi sự kể cả nhân lực và tài lực đều phải hy sinh chung góp để giải quyết phần nào cho phần đất còn sót được quân bằng. Trong lúc này, mọi việc đều khó khăn cho chính nhà cầm quyền cũng như cho chính mọi ngành nghề thuật. Báo chí với danh nghĩa cơ quan ngôn luận tự do vậy phải trình bày tất cả sự thực trong nhiệm vụ thông tin. Nhưng chính vì những sự thực đó, nhiều khi làm trở ngại cho nguồn máy điều hành của chính quyền. Chế độ kiểm duyệt ra đời gắt gao hơn trước. Hai bên cùng phản kháng nhau, nhưng sự lưỡng lý không thể nhận định rằng, anh sai tôi đúng. Sự biện tranh về vấn đề kiểm duyệt vẫn dẫn co. thì trong thời gian này sự thiệt thòi chắc hẳn nghiêng về số phận báo chí. Không có quy chế rõ ràng cây kéo kiểm duyệt nhấp mạnh nhấp nhẹ tùy theo sự khoan dung của nó. Vấn đề đục vẫn thấy nhan nhản trên khắp các trang báo, tạp chí. Nhất là những tờ tạp san không chuyên nghiệp do những người trẻ chủ trương. Hầu như những bày tỏ nào va chạm đến chiến tranh và thái độ của tuổi trẻ đều không được chấp nhận. Phải chăng đó là hình thức muốn ru ngủ ý thức thanh niên? Vài kỷ niệm về tình yêu nam nữ, vài ý nghĩ ca tụng đạo đức được mặc nhiên chấp thuận. Trang báo

nào đây đủ những điều trên doan chắc không nham nhở khó coi. Bẵng trái lại, theo kinh nghiệm qua những số báo của anh em ấn hành khắp nơi trong nước mà chúng tôi còn giữ lưu niệm, tạp san sẽ thật loang lổ. Tại sao vậy ? Chắc chắn sẽ khó trả lời nếu không vay mượn ở một tư tưởng. Tuổi trẻ nông nổi, ý nghĩ thiên càn. Có thể có điều đó lắm chứ. Nhưng nếu quơ đũa cả nắm thì thật tội nghiệp cho trình độ hiểu biết của thanh niên Việt Nam vô cùng.

Phải cho họ bày tỏ những ý tưởng của chính họ. Tuổi trẻ, nhất là trong giai đoạn này, phải thật can đảm từ chối cũng như phải thật chịu đựng và hy sinh cho lẽ phải. Phải chăng chính vấn đề ý thức sâu rộng đó, hàng loạt tiếng nói của những chủ trương người trẻ tuổi đã ồ ạt được dựng lên khắp giữa phần đất còn lại này. Tùy phương tiện và tài chính, tạp chí được phát hành bằng đủ thể thức, quay ronéo, hoặc in. Sự có mặt của chúng tôi như dấu thân không khác. Chúng tôi không thể sống trường cửu, sống vất vưởng, chết lên chết xuống, ngã rồi đứng dậy nhưng không vì thế mà biến thân một thái độ đầu hàng.

Ngoài tạp chí *Trình Diện Tuổi Đất* được phát hành tại Châu Đốc, miền biên cương cuối cùng của mảnh đất Việt Nam, chúng ta nhận thực những góp mặt đông đảo của những bằng hữu khắp nơi. Đà Nẵng, Quảng Nam xuất hiện *Giới Tuyến*, *Ngưỡng Cửa*, *Càng Khô*, Tuy Hòa có anh em *Sóng*, *Nhìn Mặt*, *Hiện Diện*. Quảng Ngãi có *Trước Mặt*. Huế là địa phận của anh em *Việt*. Phan Rang gồm *Ý Thức*. Phan Thiết có *Quê Hương*. Cần Thơ có mặt *Lên Đường*, *Khơi Dòng*. Tây Ninh mang tiếng nói tạp san *Trần Gian* Biên Hòa với *Mạch Thở*. Sài Gòn, Gia định với khuôn mặt *Hiện Diện Mới*, *Mây Chiều*, Vĩnh Long hiện diện những tâm hồn rạo động *Biểu Tượng*. Ba Xuyên vừa xuất hiện tạp chí *Người*. Ngoài ra, những tạp chí lưu động như *Sau Lưng Các Người*, *Thế Đứng*... Trong lúc, hai tạp

chỉ quay ronéo quan trọng đáng kể là *Hành Trình* và *Thái Độ* cũng xuất hiện một cách khá tin tưởng.

Thơ cũng ấn hành càng nhiều hơn, từ hình thức in như một ấn phẩm in thành tập hoặc bằng phương pháp thơ tay in trên một bìa thật láng độ chừng năm ba bài thơ đầy ý rồi ghép lại theo khuôn khổ vừa sở thích của tác giả. Phương cách quay ronéo cũng khá thông hành, vừa tiện lợi khỏi kiểm duyệt vừa đủ túi tiền.

Riêng nghệ thuật màu sắc, Hội Họa Sĩ Trẻ được thành hình với những hoạt động hăng say. Nhiều tổ chức triển lãm được phát động liên tục những vùng lân cận Sài Gòn Gia Định... Những thành quả thu đạt của họ được kể như thật khả quan và gây chú ý cho mọi giới trong và ngoài nước. Nhiều tác phẩm được trưng bày tại nhiều quốc gia bạn và gần đây nhất là họa phẩm của Vũ Hối.

Về nghệ thuật hình ảnh, phong trào phát động được hưởng ứng thật rộng rãi. Tuy ít tổ chức những cuộc trưng bày, nhưng nhờ mục xem ảnh bìa của Nguyễn Cao Đàm ở tuần báo Màn Ảnh nên cũng giữ vững phần nào tiếng nói của Nhiếp ảnh trẻ. Ở địa hạt này, cũng được vọng ngưỡn của quốc nội cũng như quốc ngoại. Gần nhất, Nguyễn Ngọc Hạnh sau khi đoạt giải danh dự với *Tiểu Thương*, ông đã dành riêng giải tượng vàng Hoàng Gia Thái Lan với tác phẩm *Kiến Thiết*, trong khi các quốc gia Nga Sô, Thái Lan đoạt giải theo đuổi (*). Rất tiếc, về phương diện trưng bày gần như hoàn toàn chịu ảnh hưởng chiến tranh, kiến nghệ thuật này bị thiệt thòi rất nhiều.

THƠ — ĐÊM THƠ VÀ QUẦN CHÚNG

Từ trước, vấn đề thưởng ngoạn văn nghệ thuật chỉ được thu hẹp trong một chiều hướng duy nhất, là

(*) Giải tượng bạc của Ý Đại Lợi, huy chương vàng của Úc và 4 huy chương đồng của Hương Cảng.

giới thiệu gián tiếp những sáng tác phẩm với giới thưởng ngoạn Báo chí, tạp san thường là những môi trường đáng chú ý nhất trong nhiệm vụ lưu hành những tác phẩm văn chương. Người ta nhìn ở đó những sai lầm, báo chí là phương tiện gần gũi nhất đối với quần chúng, và là phương tiện dễ gây cảm thông cao nhất đối với những liên quan, chung quanh. Phải công nhận với sự góp mặt liên tục và trường cửu của báo chí nên sự nương nhờ đất đứng để phổ biến tư tưởng, tình cảm của tác giả cũng khá thông dụng và hợp lý. Một tâm tình, một quan niệm thi ca, một tiếng nói văn chương vì thế sẽ đi đến người đọc bằng một chiều, một cảm thông duy nhất. Kể thường thức hiểu nghệ sĩ phải chăng chỉ bằng mọi hướng đi độc nhất. Tác phẩm gói ghém tất cả linh hồn nghệ sĩ bắt buộc phải lưu hành bằng đường thị giác của người đọc. Những thần kinh thị giác dẫn dắt tiếng nói của người nghệ sĩ về óc não, biến thành những cảm thông hoặc phản kháng. Phương tiện kế tiếp, người ta đón nhận linh hồn nghệ sĩ bằng thính giác. Đó cũng chỉ là một con đường lưu thông một chiều từ A đến B. Cơ sở thông tin bây giờ trở thành đường vô tuyến truyền thanh. Chúng ta thấy những lối trình diễn bằng âm điệu não nùng của nhạc khí của những tiếng nói nghèo ngao da diết. Ở đó, những ngôn ngữ tinh thần không còn ý nghĩa nếu trong nó còn chứa đầy những sự vay mượn để làm tăng thêm giá trị mà chính nó chưa có được (?). Hoặc những trang trí nó trở nên lỗi bịch, giá trị chân chính của tác phẩm thành ra lu mờ, mất hết ý nghĩa.

Những đường đi luôn luôn một chiều, chỉ có tới chứ không có lui. Tình cảm cũng vì thế không được sáng tỏ nếu không nói là mù mờ. Bởi không thể nhìn nhau trong rõ ràng chắc vì tìm được sự chính thống của văn nghệ. Ghi nhận này như những quan niệm của người làm thơ hiện nay. Ngôn ngữ tinh thần phải thẳng thắn đi tới người thưởng thức bằng tất cả mọi chiều hướng, bằng sự tiếp nhận trực tiếp bằng mắt đối mặt. Như vậy, giá trị giao tiếp giữa hai đối tượng sẽ có một mặt độ sâu xa hơn.

Chủ trương này đã được một số nhà thơ đồng ý và hình thành vào tháng mười năm 66. Người nghe, những kẻ hâm mộ nghệ thuật, hợp mặt đông quá dự tính của nhóm chủ trương. Suốt trụ sở CPS, sau trường Đại Học Văn Khoa đường Nguyễn Trung trực — Sài Gòn, người chen chân lúc nhúc. Điều đáng nói là chung quanh sân khấu (một cái bục gỗ thấp) không có lấy một chỗ ngồi nào khang trang tốt lành. Chỉ có nền gạch, bãi đất đỏ, mọi người vui vẻ tự tiện chọn tùy thích. Sau buổi đọc thơ với đề tài *Đêm Thơ Tình Yêu Chiến Tranh* những người chủ trương như Trần Dạ Từ, Trần Tuấn Kiệt, Viên Linh Nhã Ca, Đỗ quý Toàn, Tú Kếu... lại tổ chức thêm vài đêm thơ khác tại Sài Gòn hoặc Đalat. Nghe đâu, họ đều đoạt được nhiều kết quả đẹp trong những chuyến viễn du đó. Kế tiếp, những cuộc phát động phong trào này được nổi lên thật rầm rộ Phần đông do các tạp chí bằng hữu quen thuộc ở Miền Trung, Miền Nam thực hiện Điều đáng chú ý, sự hoạt động của anh em Miền Trung bao giờ cũng hăng say và ồ ạt hơn cả.

Thơ thực sự đi vào quần chúng với khuynh hướng tách rời quan niệm sau. Nghệ thuật không phải là một trò chơi, nghệ sĩ không là người giúp vui cho những khán giả nhàn rỗi (kiểu nói Viên Linh). Nhưng phải có sự hòa đồng, hợp nhất giữa những liên quan.

NHỮNG GIẢI VẤN HỌC NGHỆ THUẬT

Suốt nhiều năm, nước nhà trải qua nhiều biến chuyển đặc biệt. Những hiện tượng đó, đã gây ra nhiều sự trở ngại cho mọi ngành, từ lãnh vực quân sự, chánh trị, kinh tế đến văn hóa, nghệ thuật. Riêng về miền đất nghệ thuật, những đình trệ hoặc thay đổi đáng kể xảy ra thường xuyên. Như đã nêu từ trước, những sự xuất hiện đông đảo của lớp văn nghệ trẻ cũng như sự lãng công mệt mỏi của những khuôn mặt đi trước đã gây cho thế giới nghệ thuật một bộ mặt bất ngờ, khác lạ. Sau năm

năm im tiếng, một hoạt động cần thiết và khá hay của chính quyền đã được khai sinh trở lại với nhiều ý nghĩa tốt đẹp. Năm 1966, giải văn chương toàn quốc được khai mạc một cách thật long trọng, cùng khoảng thời gian thành lập một Bộ Văn Hóa mang trách nhiệm nghiên cứu, giúp đỡ nghệ thuật và nghệ sĩ trong giai đoạn khó khăn chưa ổn định. Hội đồng tuyển trạch thành hình từ lúc nào thật tình không ai rõ. Điều ghi nhận, người ta nhận thấy có sự phản đối dễ dãi của giới văn nghệ sĩ khi Thi sĩ Đông Hồ thay mặt Hội đồng tuyển trạch tuyên bố, giải thưởng văn chương toàn quốc được chính quyền đánh sổng trở lại nhưng hội đồng chấm giải lại do văn nghệ sĩ chọn lựa. Họ ỡm ờ tuyên bố không hay biết gì đến chuyện đó và phủ nhận lời tuyên bố của ông Đông Hồ ngay trong buổi lễ. Nhưng rồi mọi việc cũng thông qua, Hội đồng tuyển chọn giới thiệu những nhân vật chính của giải tuyển chọn năm 66. Những Ông Giản Chi Nguyễn Hiến Lê, Nguyễn Văn Hầu với bộ môn sưu khảo. Kịch có Dương Kiền, Phan Tùng Mai. Văn về tay Thanh Tâm Tuyền, Dương Nghiễm Mậu. Ba khuôn mặt thơ, một nam hai nữ, được dành phần quan trọng nhất về Bộ môn Thơ trong năm 66, là Tuệ Mai, Nhã Ca và Huy Lực.

Điều đáng ghi nhớ thứ nhì, buổi lễ được tổ chức long trọng nhưng hình như còn nhiều thiếu sót và bẽ bối. Những nghệ sĩ trúng giải không được dành trước một hàng ghế danh dự nào. Họ tùy tiện tìm vị trí đứng ngồi quanh buổi lễ và có vài vị gián tiếp phủ nhận danh dự dành riêng cho mình vì một hai lý do. Nguyễn Hiến Lê và Giản Chi cáo bệnh, nhân nhượng chính quyền nhận giải thưởng bằng cách nhờ hội đồng tuyển chọn trao giải thưởng cho cơ quan văn hóa nào mà hội đồng xét ra cần thiết. Thanh Tâm Tuyền cũng nhờ người thay mặt trong lúc Dương Nghiễm Mậu dường như cũng rất đứng đưng.

Vấn đề thứ ba, có lẽ làm mọi giới chú ý nhất là

bài diễn văn phát biểu cảm tưởng của bà Tuệ Mai Trần Gia. Những lời lẽ nẩy lửa công kích thẳng vào chính quyền và báo động về tình trạng bi thảm của nền văn hóa và văn nghệ sĩ hiện nay. Nhận định của nữ sĩ có lẽ không đến nỗi vô lý, nhưng vẫn có nhiều nguồn dư luận không tán đồng. Tuy vậy, phải công nhận thái độ can đảm dám nói lên sự thực (?) và chỉ trích thẳng vào chính quyền của một người cầm bút. Kể cả chính quyền, cũng tỏ thêm cho sự hoàn hảo bằng thái độ quân tử và mềm dẽo.

Sau giải văn chương toàn quốc ngày 8 tháng 11 năm 1966, chúng ta cũng nên nhắc nhở đến một giải thưởng văn chương thứ hai. Lễ trao tặng giải truyện dài của Trung tâm Văn bút Việt Nam, tổ chức vào ngày đầu tháng 12 năm 66 tại thính đường trường Quốc Gia Âm Nhạc. *Đêm dài một đời* của Lê Tất Điều được chọn trao tặng giải này. Buổi lễ khai mạc trong không khí trang nghiêm và đơn sơ, kéo dài không quá một tiếng rưỡi đồng hồ.

Bao vây chung quanh hai giải văn chương, nhiều nguồn tin đồn đãi gây thắc mắc và làm mất tin tưởng cho mọi người. Nếu những giải này được tổ chức thường niên, không gián đoạn như tình trạng những năm vừa qua liệu chúng mang được ý nghĩa tốt đẹp hơn ?

Trong thời gian hai năm kế tiếp, tình hình chính cuộc gia tăng trầm trọng nên không xuất hiện một giải văn chương nào nữa. Phải chăng nghệ thuật chỉ là thứ yếu sau những vấn đề hiện thực khác như J.P.Sartre thăm thiết báo động (La Nausée).

Năm 1969, một giải văn nghệ quan trọng được Tổng Thống Đệ Nhị Cộng Hòa khai sinh. Đó là giải Văn học nghệ thuật đáng chú ý nhất, bao gồm các bộ môn Âm nhạc, Điêu khắc, Hội họa, Nhiếp ảnh, Thơ, Văn, Biên khảo Phim, Kịch.

Các tác phẩm đoạt giải gồm :

VĂN : Mả hồng (Đỗ tiến Đức) — Y sĩ tiền tuyến (Trang Châu)— Trại đầm đùn (Trần văn Thái).

THƠ : Lời gửi cây bông vải (Trần Tuấn Kiệt) — Tình biển nghĩa sông (Hoàng Thoại Châu) — Trên quê hương ta đó (Trường Linh)— Nước mắt quê hương (Lê Minh Ngọc).

BIÊN KHẢO : Cười—nguyên chất và thực chất (BS Dương Tấn Tươi) — Văn học Chu Tần (Trần Trọng San) Những hàng châu ngọc (Huy Trâm).

KỊCH : Con lốc (Nguyễn Tinh Vệ) — Phút quyết định (Thanh Hiệp) — Hoa cỏ (Trương Thủy)

ÂM NHẠC : Nhạc cổ truyền Việt Nam : không có

Nhạc Tây Phương : Loại A— Giai điệu hợp tấu số 2
(Nguyễn Phú Phi)
Phóng khúc «Chân trời tự do» (Vũ Thành)
Nhạc thính phòng «Ngũ tấu Khúc» (Văn Giảng)

Loại B— Phụng sự (Lê văn Khoa)
Tiếng hờn Lam Sơn
(Huyền Linh)

ĐIỀU KHẮC : Niềm tin (Trần văn Nhân) — Vọng Phu (Nguyễn văn Khoát) — Hồi tưởng (Lê Minh Hiệp)

HỘI HOA : Sơn dầu « Người mù » (Lâm Thanh Thủy) —
Tranh lụa « Hoa thanh bình » (Lâm Văn Bình)—
Sơn dầu «Chúa cứu thế» (Trần Văn Nhơn).

NHIẾP ẢNH : Ảnh đen trắng : Hầy mưa trong lòng em
(Tri Trinh Huệ) — Thương cha thù giặc
(Nguyễn Thị Ngọc Hạnh)

Giải danh dự đen trắng : Ông già (Hữu Đức)
Trầm tư mặc tưởng (Trần
Đại Quang) — đồ gốm (Thông
Tin).

Ảnh màu : Hương lửa đầu xuân (Nguyễn Văn
Tin)— Nắng lọt giáo đường (Lưu
hồng phúc)— Pháo binh (Ngô Liên)

Giải danh dự màu : Cô đơn (Đỗ Đức Hiền)
Khúc Thánh ca (Linh mục Nguyễn
Thế Hòa)— Nghĩ (Đôn Hằng Oai).

PHIM : Xin nhận nơi này làm quê hương — Mưa rừng —
Từ SàiGon đến Điện Biên Phủ...

và Kiều Chinh đoạt giải nữ diễn viên xuất sắc.
Các giải Âm nhạc— Điêu Khắc— Hội họa và Kịch không
có tác phẩm nào đoạt giải nhất. Giải Văn chương này
cũng xảy ra những điểm bên lề đáng chú ý :

1/ Nghe đâu Trần Tuấn Kiệt đoạt cả 2 giải cả Văn
lần Thơ. Đầu tiên, hình như TTK nghe tin đoạt
giải Văn, nhưng sau đó kết quả phổ biến Ông lại
doạt giải Thơ. Không hiểu đúng như thế không ?

2/ Giờ chót, ban Tổ chức cho biết 2 bộ môn Văn và Kịch nên nhập vào một. Lý do: không đủ tiền trao giải Kịch riêng. Nhưng ban giám khảo đã định đoạt xong, Văn và Kịch ở hai bộ môn riêng biệt.

3/ Lễ phát giải được tổ chức tại dinh Độc Lập. Hình như Ban Tổ Chức làm việc không được chu đáo, nên hầu hết các văn bằng trúng giải đều trao lộn tay các tác giả đoạt giải. Không hiểu những gói hiện kim gói kín có trao lộn như thế không ?

VĂN NGHỆ PHẨM XUẤT BẢN HÀNG TUẦN

Nằm trong giai đoạn chiến tranh, mọi ngành hoạt động không ít thì nhiều bị đình trệ. Ảnh hưởng bị thấm nầy càng ngày càng gia tăng. Từ những hoạt động kinh tế đổi thay không thể định trước. Mặc dù chính quyền đưa ra rất nhiều biện pháp ổn định tình hình, nhưng cũng chỉ giữ thăng bằng một phần nào. Trong khi những xáo động về phương diện quân sự, chính trị cũng ảnh hưởng khá sâu rộng cho vấn đề xã hội và giáo dục. Mức sống hạ đến mức độ thấp hơn, giá trị nhân bản bị mất giá. Một quốc gia nào nằm trong khung trời nhiều loạn lại không có hậu quả tất nhiên nầy ? Và có phải chẳng hoàn cảnh thảm thương đó đã gây, không ít thì nhiều, cho người dân những tiếng nói chân thành phát xuất từ phần kháng hoặc nhận chịu. Ở đó, người ta không thể tự ru ngủ, không biết đến trường hợp điển hình của vai trò nghệ sĩ. (Nếu họ muốn đánh trống lảng với dư luận không thành văn). Tiếng nói của nghệ sĩ lúc này đích thực là những tài liệu lịch sử đáng giá. Sáng tác phẩm giúp cho sự hiện diện của mọi liên quan có giá trị pháp lý rõ ràng. Ngày mai, nếu có ai từ chối những biến cố xảy ra hôm nay, chắc chắn tiếng nói thành văn của họ sẽ là những nhân chứng có đầy đủ yếu tố luật

pháp nhất.

Vay mượn những bản tin của Tuần báo Nghệ thuật Truyền thanh, hoặc mục giới thiệu những ấn phẩm của vài tạp chí, giữa mọi sự sa sút của hoạt động quốc gia, hoạt động nghệ thuật lại gia tăng một cách đáng chú ý. Hàng tuần cả trăm sáng tác phẩm được phép ấn hành. Những hình thức ấn hành đó, dĩ nhiên đều nằm trong sắc thái trang trọng, in. Những văn nghệ phẩm này thường thường tác giả là những khuôn mặt quen thuộc. Tác phẩm họ, phần đông do những cơ sở xuất bản ấn hành. Ngoài ra, những trường hợp riêng tư, tác giả tự túc cho ra mắt quần chúng những sáng tác phẩm bằng cách bỏ tiền in lấy hoặc tự túc xếp chữ, lên khuôn, vổ bản, rồi tự phân phát khắp nơi. Sự kiện cực khổ và thua sút này, thường thấy ở địa phận những người làm văn nghệ hôm nay. Số tiền anh em dành cho đứa con tinh thần hầu như là những chắt mót bao nhiêu ngày tháng hoặc vay mượn. Thường thường, số hiện kim không bao nhiêu, nên sự ra mắt chỉ hạn định trong vài trăm đến một nghìn quyển. Thiếu thốn đủ thứ, nên dần dần chúng rơi vào quên lãng.

Những ấn hành khác, được nhìn nhận là sự kiện phổ thông nhất là hình thức quay ronéo. Trong phương diện này, người ta không thể phỏng đoán sự có mặt của chúng đông đảo đến mức độ nào. Những tác phẩm được khai sinh bằng phương thức này, khỏi cần bị chi phối bởi hình thức kiểm duyệt. Chúng có thể lưu hành bằng bàn tay bằng hữu khắp nơi. Phương cách đó, giúp chúng đến tay người yêu nghệ thuật một cách nhanh chóng và về phương diện tâm lý, hình như tạo cho chúng sự thuận lợi, tin tưởng hơn. Thứ hai, tùy túi tiền, tác giả có thể quay vài trăm cuốn. Tốn kém nhẹ hơn trường hợp in rất nhiều. Sự chiểu cổ đến phương pháp quay, nằm trong hai vấn đề kể trên, nên hình thức ronéo có một địa vị thật quan trọng trong việc xuất bản, góp mặt nghệ thuật

trong hình thể hiện tại.

TRÍ THỨC — NGHỆ THUẬT VÀ THỜI CUỘC

Giai đoạn hiện tại, trong mọi phương diện, vẫn có động trong một môi trường phức tạp và nhiều khuynh hướng ý thức hơn hết. Chiều hướng chính trị, văn hóa cũng như trong thời kháng chiến, có lẽ chạy theo con đường duy nhất của chiếc kim đồng hồ. Hướng đi của chúng nằm giữa vùng sáng rõ ràng, phân định khúc chiết hai bộ mặt đen trắng, của nô lệ và thực dân, của xâm lăng và kháng chiến. Bây giờ, hiện trạng lại được phơi bày bằng vấn đề ý thức hệ, cùng theo với những nguy cơ dần dần hiện mặt. Dù những chống chọi (hay những chống giữ) có ý nghĩa chân chính hoặc giả tạo, cũng gây nhiều bi hiểm càng lúc càng khó nhận định phân minh. Nhiệm vụ tất yếu vạch con đường đúng đắn lúc này, phải chăng vẫn được quy định vào sự quyết đoán sáng suốt của dân tộc nói chung và từng lớp trí thức nói riêng? Tất nhiên vận mạng quốc gia cũng do chính dân tộc đảm trách, mỗi người có một nghĩa vụ thiêng liêng và tùy theo khả năng họ hành động trong vị trí họ đứng. Từ hội Bảo vệ Nhân Phẩm Phụ Nữ đóng vai trò có tính cách xã hội và đạo đức. Đến hội mang danh nghĩa lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc thành lập với quy điều riêng tư của họ. Cũng như Hội Những Người Viết Trẻ vừa mới được hình thành bày tỏ hướng đi nghệ thuật và thời cuộc, Lễ đương nhiên sự hoạt động của từng Hội, từng Nhóm tùy theo phương tiện và ý hướng, sẽ phát động bằng mọi hình thức để tiến đến cứu cánh.

Những cơ sở xuất bản mọc lên ồ ạt. Những nhận định chính trị công khai được chấp nhận như tài liệu đề nghị. Những cuốn sách nặng về ngành khác (như kinh tế, luân lý, xã hội, nghệ thuật...) là những ý thức suu khảo, sáng tạo, cũng tạo dựng nhiều sắc thái quan trọng.

Dưới hình thức tạp chí, giới trí thức tạo nên những cuộc đàm thoại chung về mọi vấn đề thiết yếu. Địa hạt nghệ thuật được nói rộng dần theo nhu cầu quốc gia. Những khuynh hướng nghệ thuật hầu như nghiêng rất sâu vào những nội địa của những phần đất chính trị, kinh tế, xã hội... Tạp chí Văn Đền, Hành Trình, Thái Độ... là một phần trong số, có chủ trương bao quát này. Ngoài ra, cần phải kể đến hiện tượng phổ thông này trong nhiều tờ báo Sinh Viên (duyệt như hầu hết). Từ những tờ báo đã bị đóng cửa như Tinh Thương (Y Khoa), hay tự đình bản như Đối Thoại (Văn Khoa), đến tờ sống khắc khoải như Đất Sống (Dược Khoa) hay đều đặn như Hoài Bảo (Quốc Gia Hành Chánh)...

Vòng tay của họ là vòng rào nối tiếp phần nào sự bảo vệ vững chắc tiếng nói quê hương.

VĂN NGHỆ HƯỚNG VỀ NÔNG THÔN

Sau cuộc cách mạng 1-11-63, liên tiếp những cuộc chỉnh lý xảy ra, chúng ta nhận thấy đều nằm trong những nguyên do phản kháng. Tất cả đều chung quy ở sự thối nát và chậm tiến, vẫn còn đầy rẫy trong một đất nước mang quá nhiều bi thương. Mực sống bị hạ quá thấp, khiến phát minh sự chênh lệch rõ ràng, ngăn cách một cách bất bình đẳng giữa nông thôn và thị xã, Đó là sự thất lợi quan trọng của một quốc gia được gầy dựng bởi 80/100 dân số là nông dân. Muốn đẩy bước tiến của dân tộc, tạo dựng sự hùng mạnh, nhất là giữa lúc tranh chấp ý thức hệ, phải xoa dịu những khổ tâm và mặc cảm dân chúng, Trong đó nông thôn được chú ý trước tiên. Họ có sống trong hạnh phúc vật chất và bình yên tâm hồn thì chủ nghĩa quốc gia mới là chân lý. Thời Đệ thất Cộng Hòa, chính quyền cũng tư tưởng đến vấn đề thuyết lý này, nhưng khi thực thi lại mang tính cách mị

dân, gieo thêm nỗi lo âu cho dân địa phương. Sự thất bại này nên đem kinh nghiệm cho chính quyền hôm nay.

Trong sự chỉnh đốn phương cách cải thiện đời sống nông thôn, văn nghệ sĩ cũng đóng vai trò khá quan trọng bằng tiếng nói và việc làm của chính họ. Thi điểm được chọn đầu tiên để thử nghiệm là Ấp Tân lợi (Kiến Giang), phái đoàn do nhật báo Sống đề cử tham gia ở đây, chúng ta nhận diện được Nguyễn Hữu Đồng, Tú Kếu, Nguyễn Thụy Long, Trần Tuấn Kiệt, Trung Liệt Dung, Chu Vị Thủy... Hàng loạt bài vở nhận định, đề nghị thẳng với dư luận và công quyền đăng thường xuyên trong Sống Chủ Nhật. Song song, tiếp tay với họ, nhiều cuộc tổ chức văn nghệ thỉnh thoảng cũng gây thêm phần nào tài chánh cho quỹ tự túc. Phần đông, hay hầu hết những đêm văn nghệ đó đều gặt hái khá quan, từ đêm dạ vũ Maxim's đến Bùng Sống, rồi kế tiếp những tổ chức do Thoại kịch Kim Cương, đêm văn nghệ của giới nhạc trẻ. Việc làm của họ rất cao quý, nhưng liệu sự kiệt sức về vật chất có gây tổn thương hay đình trệ ý hướng họ không? Nhưng dù sao đi nữa, sự thành công hay thất bại của họ cũng khiến gợi được ý thức của nhiều đoàn thể khác nhau trong vấn đề tình nguyện đi hàn và nối đau xót tiền kiếp và chiến cuộc gây ra.

NHỮNG VỤ ÁN VĂN CHƯƠNG

Đầu năm 67, bên cạnh những biến cố sôi động của chiến tranh, người ta bất chợt bắt gặp một ngôi thuốc tranh chấp đang bắt đầu nổ tung trong địa hạt văn chương. Thêm một vụ án được mệnh danh là vụ án Văn hóa đang gây sự chú trọng không ít cho giới văn nghệ sĩ, chính quyền và dư luận. Những loạt bài phê khảo chống lại lối viết đời trụy đã được mở rộng. Mũi kích đầu tiên Vũ Hạnh với tư cách lực lượng bảo vệ văn hóa dân tộc chĩa thẳng vào Chu Tử và những tác phẩm đã xuất bản

từ 1962 đến nay. Bên cạnh tiếng nói phản kháng của Vũ Hạnh còn hiện diện Lữ Phương, Phương Thảo và cơ sở Tin Văn. Cuộc tranh chấp càng ào ạt, câu chuyện trả đũa vẫn là vấn đề cố nhiên và là quyền của Chu Tử và nhóm Sống. Nhưng dần theo đó, sự tranh chấp văn chương lại dần biến hóa sang địa hạt chính trị. Nó bao quát một sự kiện thật thương tâm khi tia sáng được thắp bùng trên ngọn đuốc. Nhật báo Sống tố giác lớp áo Cộng Sản nằm vùng lấp ló sau lưng Vũ Hạnh. Dư luận chia ra hai phe, gây nhiều làn sóng đối nghịch đập thẳng vào nhau và tạo dựng mỗi bên một hậu thuẫn hùng hậu. Người ta nhìn vào mỗi vị trí mỗi tình cảm khác nhau tùy theo nhận xét chủ quan. Cuối cùng, Vũ Hạnh đã tự thú bằng một bản tự khai trước nhà chức trách. Đoạn kết được hạ màn với thắng lợi nghiêng hẳn về Chu Tử và Sống trong lúc khán giả có thể còn mang rất nặng những nỗi é chề, cay đắng. (.)

Tiếp theo, chúng ta lại nhận được thêm một vụ án thứ nhì. Tuy âm hưởng không sâu rộng và cường độ không cao hơn vụ án trên nhưng cũng không thể phủ nhận một tầm mức quan trọng đã đóng đầy trên nó. Cách đây mấy năm, sau Thanh Nam bị cấm phổ biến ba tác phẩm, đã gây nhiều dư luận chống đối thật mãnh liệt. Người ta không thể dùng một ranh hạt lỗi thời để nhận định những ý thức mới. Cũng như quan niệm luân lý đạo đức phải hòa hợp với thời gian và không gian đang sống. Vì vậy, chúng ta nhận định được những hữu lý nếu chúng không thoát khỏi những luật lệ căn bản tiên thiên của dân tộc nhưng cũng không quá thủ cựu, không tiến hóa trong giá trị thực tại.

Ở đây, chúng tôi muốn trình bày về *Vòng tay học trò*. Trong tác phẩm, Nguyễn thị Hoàng ghi lại những tâm tình giữa một nữ giáo sư và một cậu học trò 19. Trường hợp đó rất dễ xảy ra, chúng ta có thể mục kích chung quanh mình những thảm trạng (?) như thế. Chúng tôi nhận

(.) Nay đã được tự do. Sau đó, Miên đức Thắng.

thấy có sự phản kháng của ông Long Điền (Nhật báo Thần Chung), Bà Bạch Liên (Hội bảo vệ Nhân phẩm Phụ nữ), Ông Lê Nguyên Trung (Tin Văn). Nhưng với việc làm của một nhà văn không thể dùng những thiên quan riêng tư như vậy để xét đoán, mà còn cần rất nhiều quan niệm hợp lý hợp thời. Nhất là vai trò nghệ sĩ (nếu họ hành động đúng thiên chức) ngoài những tạo lập sáng tạo, họ còn là những nhân chứng xã hội ghi lại những giao điểm họ có mặt. Vì vậy, theo dư luận, thái độ chung quanh *v ông tay học trò* có lẽ quá khe khắc và không đúng lắm..

Vụ án kể tiếp xảy ra cuối năm 1969 trong địa hạt âm nhạc. Nhạc sĩ Sinh viên Miền Bắc Thắng đã lãnh án 5 năm tù của Tòa án Mặt trận với những nhạc phẩm phản chiến hát từ đồng hoang do Tổng hội Sinh viên phát hành.

TAO ĐÀN THI NHÂN

TỜ BÁO THUẦN TÚY THI CA

Sau một thời gian dài giới thiệu và báo tin, tờ báo duy nhất thiên về Thơ được khai sinh (năm 1967) dưới hình thức thật khiêm nhường. Tao đàn thi nhân dung dưỡng trong 16 trang giấy bằng khuôn khổ của một tờ nhật báo gấp tư. Nó mang nặng một hoài vọng chuyên chở tiếng nói trung thực và tiết diện thuần lương điều hòa nếp sống tâm linh của thi nhân và dân tộc. Quan niệm được bày tỏ là tất cả cho Thơ và Thơ cho tất cả, bao trùm trong bầu trời tình thương rộng lớn vượt khỏi không gian và thời gian hiện hữu. Số ra mắt, Tuyên ngôn được dựng vào bằng Sứ mệnh linh thiêng của người thơ. Sự có mặt của thi nhân bao phủ giữa môi trường Thực tại và Siêu hình, mà họ đang khoát lớp áo Sứ giả mang thông điệp từ cõi Vô cùng tới thế gian hữu hạn... Trong lộ trình phác họa cho con thuyền chuyên chở tiếng nói thuần khiết của hàng ngũ thi nhân, những sinh hoạt thi

ca sẽ tiến tới việc tụ hình *Bộ Lịch Sử Thi Ca Việt Nam từ Cổ chí Kim* và *Bộ Tư Điền Thi Ca Đông Tây Kim Cổ* ghi lại tất cả những trào lưu học thuật..

Qua Tuyên ngôn, Quan diêm, Lập trường.. Tao đàn thi nhân đã gây nên sự Phấn khởi và tin tưởng nhiều cho văn học nghệ thuật nói chung và nghệ sĩ nói riêng. Hơn nữa, cần phải xây dựng kiên cố một Hứa địa đang phác họa, còn nằm lẩn khuất trong bóng tối và chắc chắn sẽ đầy rẫy chông gai. Tao đàn thi nhân là một dẫn thân khai phá trên con đường nhắm hướng về diêm sáng chân lý le lói giữa hư vô. Biết rằng những liên kết thực tại để tạo một thể đứng vững chắc hầu mở rộng những cửa ngõ dự phóng. Những mảnh vi ti thuần khiết của linh hồn có thể bắt chợt tìm thấy trong giây phút vượt ra ngoài cuộc sống, thoát khỏi thực tại. Nhưng chắc chắn phải dành cho chúng ta một quyền nghi ngờ căn bản khi hiểu chưa thể có giá trị siêu nhân nào khiến cho ta thực thể tự tại đứng trên cõi siêu hình và nắm trọn linh hồn. Sự đồ vỡ là điều kiện chắc chắn đã xảy đến cho Tao đàn thi nhân qua hai số phát hành. Sao rơi rớt như mưa, nhưng chúng tôi tin tưởng sẽ đầy những ngôi sao mới mọc trong vòm trời Tao đàn thi nhân tương lai (nếu có) ..

NGÔ TẤN THIỀN

trích từ Tạp chí Khai Phá (Châu Đốc) tập 1 -1970

GIỚI THIỆU SÁCH

LTS: Mục này do nhà văn Phạm văn Nhân phụ trách. Sách báo xin gửi về:

Phạm văn Nhân/ Thư Quán Bản Thảo
2004 Heather Street
Amarillo, TX 79107

Trong thời gian qua, TQBT có nhận những tập thơ và truyện của những tác giả gửi đến. Chúng tôi cảm ơn tác giả và ân cần giới thiệu:



Thơ Tình Miền Nam

Thư Ấn Quán xuất bản tại Hoa Kỳ tháng 10, 2008

Thơ Tình Miền Nam là sự sưu tầm của hai nhà thơ: Trần Hoài Thư và Nguyễn Thanh Châu. Đây là tập thơ thứ 5 của Thư Ấn Quán trong tủ sách: Di sản Văn học Miền nam. Sách dày 728 trang. Gồm 148 nhà thơ mà hai anh đã sưu tầm trên những trang báo cũ được phát hành trước 1975. Hình bìa do Thân trọng Minh. Design và layout do THT.

Được biết:

- Năm 2006, Thư Ấn Quán cho phát hành tập Thơ: Thơ Miền Nam Trong Thời Chiến, tập I. Đã tái bản năm 2007.(dày 856 trang)

- Năm 2007, Thơ Tình Miền Nam Trong Thời Chiến, tập II.(dầy 741 trang). Với hai (2) tập thơ này đã gởi về nước và được anh em cầm bút cũ đón nhận một cách nồng nhiệt.

-Năm 2008, Tủ sách Di sản Văn học Miền nam cho phát hành một lúc 3 tập thơ **Thơ Tự Do Miền Nam**, dày 660 trang. **Một Thời Lục Bát Miền Nam**, dày 604 trang. Và **Thơ Tình Miền Nam** .

Tất cả đều đóng bằng chỉ và bìa cứng.Với 5 tập thơ gồm những số trang đồ sộ như vậy là một việc làm đáng trân trọng. Một cái gì đó rất quý giá trong tủ sách mà THT đã chủ trương. Đây là một công việc không phải ngày một ngày hai mà có thể làm được với những công việc vừa suu tầm, chắc lọc, đối chiếu rất kỹ lưỡng để hoàn thành 5 tập thơ đồ sộ này.

Với **Thơ Tình Miền Nam**, độc giả sẽ đọc lại những bài thơ tình rất hay; mà chắc chắn vào thời điểm đó, trước 1975 (đất nước bị chia cắt bởi chiến tranh), Những người làm thơ không bị gò bó hay bắt buộc làm thơ theo “yêu cầu”- nghệ thuật vị nhân sinh- Hay phải làm thơ “hô hào”ra tiền tuyến, theo cái lối tình yêu “tâm lý chiến” anh tiền tuyến em hậu phương. Mà, rõ ràng, những người làm thơ miền nam thời ấy vì “thơ” mà làm.

Cho nên, mãi hôm nay, những bài thơ tình ấy được hai nhà thơ Trần Hoài Thư và Nguyễn Thanh Châu cùng với những người bạn yêu thơ của anh đã suu tầm, tạo nên một “tác phẩm đồ sộ” trong kho tàng văn học miền nam. Càng đọc càng thấy hay.

Trong tủ sách những người yêu thơ, nên có tập thơ này. Liên lạc:

Thư Ấn Quán:

P.O.Box 58

South Bound Brook, NJ08880

hay địa chỉ email:

tranhoaithu@verizon.net

để biết giá cả vì sách chỉ in theo yêu cầu.



Khi Tình Đang Ru Đời

Phan Xuân Sinh

Khi Tình Đang Ru Đời là tập thơ thứ tư của anh, sau ba tập Chén Rượu Mời Người (thơ in chung với Dư Mỹ) năm 1996. Dưới Trời Đồ Nát, thơ năm 2000. Bên Trên Dòng Nước Ngược, tập văn, năm 2004.

Khi Tình Đang Ru Đời do nhà xuất bản Văn Nghệ Tp.HCM phát hành năm 2008. Tập thơ dày 125 trang kể cả phụ lục. Gồm 65 bài thơ ngắn có dài có, và ba phụ bản. Hai phụ bản của hai họa sĩ Đinh Cường và Nguyễn Trọng Khôi. Một bản nhạc do Nguyễn Trọng Khôi phổ thơ của PXS. Bìa cứng.

Với PXS, những người yêu thơ không lạ gì anh. Đã có thơ trước 1975 trên các báo xuất bản ở Sài Gòn. Là một trong những nhà thơ xứ Quảng. Trong tập KTĐRD, Phan Xuân Sinh đã bộc bạch đời anh với bạn bè, với gia đình, với quê hương. *sáng nay thức dậy nhìn quanh quẩn/ đã thấy mình lạc nơi rất xa/ tiếng nói tiếng cười sao lạ hoắc/ bỗng dưng thêm hai tiếng “quê nhà”*. và trong bài thơ Thú Thật Với Lòng, nhà thơ PXS đã viết: *thương cho mình một đời khôn khó/ đi tên một chân mà lội khắp địa cầu/ từ đông sang tây đường dài thăm thẳm/ gậy trúc trên tay khập khiễng bước mau*.

Thơ anh man mác nỗi buồn. Nỗi buồn của một người xa xứ. Thơ anh đã chuyên chở theo những bất hạnh của cuộc đời chính anh và của những bao “nghịch cảnh” khác mà anh đã bắt gặp.

Được biết, PXS sinh năm 1948 tại Đà Nẵng. Hiện định cư tại Hoa kỳ. Quý độc giả TQBT cần có tập thơ Khi Tình Đang Ru Đời liên lạc với PXS ở địa chỉ:

pxsinh@yahoo.com



- Ông già và con chim hoàng ly – Tập truyện của Mang Viên Long, Nhà xuất bản Văn Hóa Saigon, 2008. Giá 20.000 đ.

Tập truyện gồm 10 truyện ngắn, dày 98 trang.

Mang Viên Long là nhà văn rất quen thuộc với văn học miền Nam trước 1975.. Văn ông bình dị, với những nhân vật cũng bình dị như ta đã gặp ở đâu đó.

Có một số truyện mang đầy tư tưởng Phật giáo, như Vọng mãi tiếng chim, Tiếng chim buổi sớm, Chuông chiều Thiên Đức...



. Trái tim còn lại – Tập truyện của Mang Viên Long, Nhà xuất bản Văn Nghệ, tp. HCM năm 2008.

Tập truyện dày 122 trang, 14 truyện ngắn, giá 30.000 đ.

Một điểm đặc biệt mà chúng tôi tìm ra qua tập truyện này là hầu hết truyện đều phảng phất màu sắc của đạo giáo. Ông đã dùng Phật giáo để gợi gắm tâm sự và nhân sinh quan. Có phải đây là con đường giải thoát mà ông đã tìm ra sau 1975 khi cuộc đời của ông gặp toàn những nghiệt ngã?.

*Riêng truyện đầu **Thầy tôi** kể lại hoàn cảnh người thầy sau cuộc đời độc rất cảm động.*

Bạn đọc nào cần liên lạc với tác giả, xin liên lạc với chúng tôi.

GIỮA CHÚNG TÔI VÀ BẠN ĐỌC

Nhắn tin chung:

Tạp chí TQBT không phải là tạp chí thương mại, chỉ biểu tặng đến những bạn có lòng yêu mến văn chương chữ nghĩa.

*Nếu quý bạn cảm thấy áy náy khi nhận báo, thì xin tùy tâm "lì xì". Chúng tôi chỉ cần đủ tiền trang trải cước phí.. Cứ bỏ vào phong bì tem thư (chúng tôi rất cần loại tem \$1 hay money order **buru điện** (để dễ dàng trong việc đổi thành tem thư) thay vì tặng check. Tại sao ? Xin thú thật, vì tòa soạn quá bẽ bộn, cộng vào tuổi già lú lẫn dễ đầu quên đó, đành ngậm miệng khiến bạn đọc phải phiền lòng kết tội chúng tôi "khinh thường" lòng yêu mến của độc giả. Xin được thông cảm và cảm ơn trước*

Ô. HQT (Dallas, TX). Chúng tôi đã chuyển thư khen ngợi của anh đến tác giả NG~. Anh NG~ nhờ tòa soạn chuyển đến anh thư cảm ơn như sau:

"Tôi cảm thấy chưa xứng với những gì Ông khen tặng. Tuy nhiên, với thiên chức người cầm bút, tôi sẽ làm, viết tất cả những gì mình chứng kiến trong cái xã hội toàn trị này. Kính chúc ông luôn mạnh khỏe. Ng~"

Ô, DTT (LA). Cảm ơn anh đã có những ý kiến về TQBT. Sự thật chúng tôi rất vui mừng đón nhận sự cộng tác của bạn đọc thân mến. Tuy nhiên trước hết phải hợp với chủ trương tờ báo, tránh ảnh hưởng đến cộng đồng cũng như những bè bạn chúng ta ở trong nước. Thứ hai phải đạt nghệ thuật. Xin thông cảm vì lợi ích chung.. Mong nhận được sáng tác của anh. Kính

*** Thư của Bà TL (PA)**

Buổi chiều khi đi làm về đến nhà thì đã gặp TQBT như chào đón mình, tôi nhào đến cầm bắt lấy và chỉ vài giờ sau tôi đã "ngốn" gần hết TQBT số 33 mới nhất. Tôi cảm thấy TQBT "so skinny" khiến tôi không đủ no, cứ thèm ăn thêm nữa. "Làm sao cho đỡ đói" từ đây cho đến 3 tháng nữa ? Nhưng rất may trong một đoạn cuối của Lời Tòa Soạn, ông có hứa hẹn sẽ cho "ăn" sớm hơn là phải chờ đến ba tháng với một chữ "nều"... Tôi

muốn bỏ chữ "nếu" này cho chắc ăn hơn...
Đây là do cái "tâm hồn ăn uống" của tôi...

- Chúng tôi đã bỏ chữ "nếu" như chị ao ước. Bằng chứng số này sớm hơn một tháng. Kính

*** Thư của anh VHT (CA):**

Cảm ơn anh một lần nữa. Nhờ anh, tôi nay tôi đã nói chuyện điện thoại được với TP sau mấy chục năm. Ông ta là thầy Việt văn của tôi hồi đệ nhị ở trường Võ Tánh Nhatrang. Ông rất ngạc nhiên và thích thú khi nghe anh đăng bài thơ "Khi trở lại Đà Nẵng" của ông vì chính ông cũng không có. Ông cứ hỏi "Làm sao mà THT có được bài thơ này ?" Tôi nói "anh THT còn có nhiều bài độc đáo và hiếm nữa kìa !" Và ông đã nhờ tôi photocopy bài thơ này gửi về cho ông. Công việc làm của anh đã đem lại niềm vui lớn cho ít nhất là một thi sĩ ! Quý thay!

- Cảm ơn lá thư đầy chân tình của anh. Công của nhà thơ Nguyễn Thanh Châu đây. Mặt khác, quý bạn nào nguyên là học trò của nhà thơ Tường Phong Nguyễn Đình Niên muốn liên lạc với thầy cũ, cần điện thoại địa chỉ, xin liên lạc với chúng tôi.

*** Thư của một bạn thơ trong nước:**

Tôi đang đọc TQBT số 33 – được biết nhiều về nhóm YT của các anh từ thời xa xưa cho đến bây giờ. Một đoạn phim đã được quay chậm lại với nhiều kỷ niệm vui buồn và đáng nhớ - nhưng tôi không ngờ TNS đã có một thời trốn trong nhóm Ý Thức... Chuyện đó nói lên một điều: những tâm hồn văn nghệ đích thực luôn rộng lượng biết bao...

CHÚC MỪNG

Được tin Anh chị Nguyễn Minh (SG) làm lễ thành hôn cho con trai là Nguyễn Chí Minh Tân đẹp duyên cùng cô Nguyễn thị Thanh Thủy con gái của ông bà Nguyễn Sĩ (Tuy Hoa). Đám cưới được tổ chức tại Saigon vào ngày 13-12-2008. Xin được chia vui cùng nhà văn Nguyễn Minh và gia đình hai họ. Cầu chúc hai cháu Minh Tân & Thanh Thủy được trăm năm hạnh phúc.

Bằng hữu của NM tại hải ngoại & Thư Quán Bản Thảo